



**SỞ XÂY DỰNG THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**VIỆN QUY HOẠCH XÂY DỰNG**

- Địa chỉ: 50 Phan Đình Phùng, Phường Ninh Kiều, Thành Phố Cần Thơ

- Điện thoại: 02923.829.453 - 02923.826.544

fax: 02923.811.353

**THUYẾT MINH ĐỒ ÁN  
ĐIỀU CHỈNH TỔNG THỂ QUY HOẠCH  
CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500  
ĐẠI HỌC CẦN THƠ,  
PHƯỜNG NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ  
(KHU II)**

**ĐỊA ĐIỂM  
PHƯỜNG NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Tháng 12 - 2025

**THUYẾT MINH ĐỒ ÁN**  
**ĐIỀU CHỈNH TỔNG THỂ QUY HOẠCH**  
**CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500**  
**ĐẠI HỌC CẦN THƠ, PHƯỜNG NINH KIỀU,**  
**THÀNH PHỐ CẦN THƠ (KHU II)**

**CƠ QUAN PHÊ DUYỆT**

**ĐẠI HỌC CẦN THƠ**



**Trần Trung Tính**

Kèm theo Quyết định số: 7433/QĐ-ĐHCT ngày 30 tháng 12 năm 2025

**CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP, CƠ QUAN TRÌNH DUYỆT:**

**PHÒNG PHÁT TRIỂN CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ DỰ ÁN – ĐẠI HỌC CẦN THƠ**

  
**Nguyễn Văn Trí**

Kèm theo Tờ trình số: 607/TTr-CSVCĐA ngày 25 tháng 12 năm 2025

**CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:**

**TỔ CÔNG TÁC THẨM ĐỊNH – ĐẠI HỌC CẦN THƠ**

**TỔ CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN THẨM ĐỊNH**  
**QUY HOẠCH – ĐẠI HỌC CẦN THƠ**

**THẨM ĐỊNH QUY HOẠCH**



**Hồ Ngọc Tri Tân**

Số: 11/BC-TCTTĐQH ngày 24 tháng 12 năm 2025

**ĐƠN VI LẬP QUY HOẠCH:**

**VIỆN QUY HOẠCH XÂY DỰNG**

**VIỆN TRƯỞNG**



**Nguyễn Thanh Tại**



## MỤC LỤC

|                                                                                                                                           |           |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1. LÝ DO, SỰ CẦN THIẾT, CĂN CỨ LẬP QUY HOẠCH CHI TIẾT:</b>                                                                             | <b>7</b>  |
| 1.1. Lý do, sự cần thiết:                                                                                                                 | 7         |
| 1.2. Căn cứ lập quy hoạch:                                                                                                                | 9         |
| 1.2.1. Căn cứ pháp lý chung:                                                                                                              | 9         |
| 1.2.2. Cơ sở bản đồ:                                                                                                                      | 11        |
| 1.2.3. Các nguồn số liệu khác:                                                                                                            | 11        |
| <b>2. XÁC ĐỊNH PHẠM VI RANH GIỚI, QUY MÔ DIỆN TÍCH QUY HOẠCH CHI TIẾT, TÍNH CHẤT, VAI TRÒ, CHỨC NĂNG:</b>                                 | <b>12</b> |
| 2.1. Phạm vi lập quy hoạch:                                                                                                               | 12        |
| 2.2. Quy mô diện tích lập quy hoạch:                                                                                                      | 12        |
| 2.3. Tính chất, chức năng, vai trò:                                                                                                       | 12        |
| 2.3.1. Tính chất:                                                                                                                         | 12        |
| 2.3.2. Chức năng, vai trò:                                                                                                                | 12        |
| <b>3. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, DÂN SỐ, SỬ DỤNG ĐẤT, KIẾN TRÚC CẢNH QUAN, HẠ TẦNG KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG:</b> | <b>13</b> |
| 3.1. Các phân tích, đánh giá hiện trạng về điều kiện tự nhiên:                                                                            | 13        |
| 3.1.1. Địa hình, địa mạo:                                                                                                                 | 13        |
| 3.1.2. Thủy văn:                                                                                                                          | 13        |
| 3.1.3. Địa chất:                                                                                                                          | 13        |
| 3.1.4. Khí hậu:                                                                                                                           | 13        |
| 3.2. Hiện trạng về cán bộ, giảng viên và sinh viên:                                                                                       | 14        |
| 3.3. Hiện trạng về sử dụng đất:                                                                                                           | 14        |
| 3.4. Hiện trạng về không gian kiến trúc cảnh quan:                                                                                        | 15        |
| 3.5. Hiện trạng về hệ thống hạ tầng kỹ thuật:                                                                                             | 19        |
| 3.6. Đánh giá quá trình thực hiện quy hoạch – tình hình phát triển – các bất cập, nguyên nhân:                                            | 20        |
| 3.6.1. Đánh giá quá trình thực hiện quy hoạch – tình hình phát triển:                                                                     | 20        |
| 3.6.2. Các bất cập, nguyên nhân:                                                                                                          | 20        |
| 3.7. Đánh giá tổng hợp – nhận diện vấn đề:                                                                                                | 21        |
| 3.7.1. Đánh giá SWOT:                                                                                                                     | 21        |
| <b>4. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐANG ĐƯỢC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN:</b>                                                 | <b>22</b> |
| 4.1. Dự án đầu tư xây dựng công trình Khối nhà học và thí nghiệm Trường Bách Khoa, Khu II – Trường Đại học Cần Thơ:                       | 23        |
| 4.2. Dự án Xây dựng Nhà học Trường Thực hành Sư phạm, Khu II – Trường Đại học Cần Thơ:                                                    | 23        |
| 4.3. Dự án Bảo trì và Cải tạo mặt ngoài Nhà Điều hành, Khu II – Trường Đại học Cần Thơ:                                                   | 23        |

|           |                                                                                                                                                               |           |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 4.4.      | Dự án Cải tạo cống, tường rào, nhà bảo vệ đường 3/2, Khu II – Trường Đại học Cần Thơ.                                                                         | 24        |
| 4.5.      | Dự án xây dựng Khối công trình ký túc xá (Khu A).                                                                                                             | 24        |
| <b>5.</b> | <b>XÁC ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CƠ BẢN CẦN GIẢI QUYẾT:</b>                                                                                                             | <b>24</b> |
| 5.1.      | Điều chỉnh tên đồ án:                                                                                                                                         | 24        |
| 5.2.      | Điều chỉnh chức năng sử dụng đất khu vực lập quy hoạch:                                                                                                       | 24        |
| 5.3.      | Điều chỉnh quy mô diện tích quy hoạch:                                                                                                                        | 26        |
| 5.4.      | Điều chỉnh quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:                                                                                                               | 26        |
| <b>6.</b> | <b>XÁC ĐỊNH QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU LẬP QUY HOẠCH:</b>                                                                                                            | <b>27</b> |
| 6.1.      | Quan điểm quy hoạch:                                                                                                                                          | 27        |
| 6.2.      | Mục tiêu quy hoạch:                                                                                                                                           | 27        |
| <b>7.</b> | <b>ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP VỚI CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN:</b>                                                                                             | <b>27</b> |
| <b>8.</b> | <b>ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP, ĐỊNH HƯỚNG CHÍNH TẠI QUY HOẠCH CHUNG VÀ PHƯƠNG ÁN, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TẠI QUY HOẠCH PHÂN KHU ĐẾN PHẠM VI LẬP QUY HOẠCH:</b>            | <b>28</b> |
| 8.1.      | Định hướng theo quy hoạch chung có tác động đến phạm vi lập quy hoạch:                                                                                        | 28        |
| 8.2.      | Định hướng theo quy hoạch phân khu có tác động đến phạm vi lập quy hoạch:                                                                                     | 29        |
| <b>9.</b> | <b>LỰA CHỌN CHỈ TIÊU ĐẤT ĐAI, HẠ TẦNG XÃ HỘI VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT ÁP DỤNG CHO TOÀN KHU VỰC LẬP QUY HOẠCH:</b>                                                  | <b>30</b> |
| 9.1.      | Chỉ tiêu đất đai:                                                                                                                                             | 30        |
| 9.2.      | Các chỉ tiêu theo Quy chuẩn, tiêu chuẩn, thông tư:                                                                                                            | 30        |
| 9.2.1.    | Theo QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng:                                                                                      | 30        |
| 9.2.2.    | Theo TCVN 3981:1985 Trường Đại học – Tiêu chuẩn thiết kế:                                                                                                     | 30        |
| 9.2.3.    | Theo Thông tư 03/2020/TT-BGDDT Quy định chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo: | 30        |
| 9.3.      | Các chỉ tiêu theo Quy hoạch chung thành phố Cần Thơ: (QĐ số 1515/QĐ-TTg ngày 28/8/2013)                                                                       | 31        |
| 9.4.      | Các chỉ tiêu theo Quy hoạch phân khu 1/5000 quận Ninh Kiều: (QĐ số 2813/QĐ-UBND ngày 8/12/2020)                                                               | 31        |
| 9.5.      | Các chỉ tiêu theo Quy chế quản lý kiến trúc: (QĐ số 16/2023/QĐ-UBND ngày 19/7/2023)                                                                           | 31        |
| 9.6.      | Các chỉ tiêu theo Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trường Đại học Cần Thơ đã được phê duyệt: (QĐ 1258/QĐ-UBND ngày 22/4/2009)                          | 31        |
| 9.7.      | Chỉ tiêu theo Nhiệm vụ quy hoạch đã phê duyệt: (QĐ số 5537/QĐ-ĐHCT ngày 22/10/2025)                                                                           | 31        |
| 9.7.1.    | Các chỉ tiêu sử dụng đất:                                                                                                                                     | 31        |
| 9.7.2.    | Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:                                                                                                                                | 32        |
| 9.8.      | Các chỉ tiêu kỹ thuật khu vực lập quy hoạch:                                                                                                                  | 33        |
| 9.8.1.    | Các chỉ tiêu sử dụng đất:                                                                                                                                     | 33        |
| 9.8.2.    | Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:                                                                                                                                | 33        |



|                                                                                                                                       |           |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>10. XÁC ĐỊNH QUY MÔ SINH VIÊN, ĐẤT ĐAI, CÁC NHU CẦU VỀ CƠ SỞ HẠ TẦNG KỸ THUẬT, HẠ TẦNG XÃ HỘI ĐỐI VỚI PHẠM VI QUY HOẠCH: .....</b> | <b>36</b> |
| 10.1. Dự báo quy mô sinh viên:.....                                                                                                   | 36        |
| 10.2. Quy mô đất đai: .....                                                                                                           | 36        |
| 10.3. Các nhu cầu về cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đối với phạm vi quy hoạch:.....                                           | 36        |
| 10.3.1. Các nhu cầu về cơ sở hạ tầng kỹ thuật:                                                                                        | 36        |
| 10.3.2. Các nhu cầu về cơ sở hạ tầng xã hội:                                                                                          | 37        |
| <b>11. XÁC ĐỊNH CHỨC NĂNG SỬ DỤNG ĐẤT, QUY MÔ DIỆN TÍCH, CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT ĐỐI VỚI TỪNG LÔ ĐẤT TRONG PHẠM VI QUY HOẠCH: .....</b>  | <b>37</b> |
| 11.1. Nguyên tắc quy hoạch: .....                                                                                                     | 37        |
| 11.2. Quy hoạch sử dụng đất: .....                                                                                                    | 37        |
| 11.2.1. Quy hoạch sử dụng đất đã phê duyệt: (Quyết định số 1258/QĐ-UBND ngày 22/04/2009)                                              | 37        |
| 11.2.2. Quy hoạch sử dụng đất sau điều chỉnh:                                                                                         | 38        |
| 11.2.3. Đất cây xanh:                                                                                                                 | 40        |
| 11.2.4. Đất cây xanh chuyên dụng:                                                                                                     | 40        |
| 11.2.5. Đất bãi đỗ xe:                                                                                                                | 40        |
| 11.2.6. Đất công trình hạ tầng kỹ thuật khác:                                                                                         | 41        |
| 11.2.7. Hồ, ao.                                                                                                                       | 41        |
| <b>12. XÁC ĐỊNH YÊU CẦU TỔ CHỨC KHÔNG GIAN, KIẾN TRÚC CẢNH QUAN:..</b>                                                                | <b>46</b> |
| 12.1. Bố cục không gian khu vực lập quy hoạch:.....                                                                                   | 46        |
| 12.2. Yêu cầu về hình thức kiến trúc công trình: .....                                                                                | 48        |
| <b>13. THIẾT KẾ ĐÔ THỊ:.....</b>                                                                                                      | <b>49</b> |
| 13.1. Các công trình điểm nhấn:.....                                                                                                  | 49        |
| 13.2. Nguyên tắc xác định hình thức kiến trúc:.....                                                                                   | 49        |
| 13.3. Tổ chức cây xanh công cộng, sân vườn, cây xanh đường phố và mặt nước trong phạm vi quy hoạch: .....                             | 50        |
| 13.4. Các giải pháp phát triển đô thị thông minh: .....                                                                               | 51        |
| <b>14. QUY HOẠCH HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT: .....</b>                                                                      | <b>51</b> |
| 14.1. Quy hoạch hệ thống giao thông:.....                                                                                             | 51        |
| 14.1.1. Cơ sở thiết kế:                                                                                                               | 51        |
| 14.1.2. Giải pháp đầu nối:                                                                                                            | 51        |
| 14.1.3. Giải pháp thiết kế:                                                                                                           | 52        |
| 14.1.4. Các yếu tố kỹ thuật:                                                                                                          | 53        |
| 14.1.5. Tổ chức thi công đường giao thông:                                                                                            | 54        |
| 14.2. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật đất: .....                                                                                          | 54        |
| 14.2.1. Cơ sở thiết kế:                                                                                                               | 54        |
| 14.2.2. Giải pháp thiết kế:                                                                                                           | 54        |
| 14.2.3. Nguyên tắc chọn cao độ cho khu đất xây dựng:                                                                                  | 55        |



|                                                                                                                        |           |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 14.3. Quy hoạch hệ thống cấp nước: .....                                                                               | 55        |
| 14.3.1. Cơ sở thiết kế: .....                                                                                          | 55        |
| 14.3.2. Hiện trạng cấp nước: .....                                                                                     | 55        |
| 14.3.3. Định hướng quy hoạch cấp nước: .....                                                                           | 56        |
| 14.4. Quy hoạch hệ thống thoát nước mặt .....                                                                          | 57        |
| 14.4.1. Cơ sở lập quy hoạch: .....                                                                                     | 57        |
| 14.4.2. Hiện trạng thoát nước mặt: .....                                                                               | 57        |
| 14.4.3. Định hướng quy hoạch thoát nước mặt: .....                                                                     | 57        |
| 14.5. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường: .....                                                  | 59        |
| 14.5.1. Cơ sở lập quy hoạch: .....                                                                                     | 59        |
| 14.5.2. Hiện trạng thoát nước thải: .....                                                                              | 59        |
| 14.5.3. Định hướng quy hoạch thoát nước thải: .....                                                                    | 60        |
| 14.6. Quy hoạch hệ thống cấp điện và chiếu sáng: .....                                                                 | 61        |
| 14.6.1. Cơ sở lập quy hoạch .....                                                                                      | 61        |
| 14.6.2. Hiện trạng: .....                                                                                              | 61        |
| 14.6.3. Định hướng quy hoạch cấp điện – chiếu sáng .....                                                               | 61        |
| 14.6.4. Giải pháp thiết kế hệ thống điện: .....                                                                        | 62        |
| 14.6.5. Giải pháp thiết kế hệ thống chiếu sáng: .....                                                                  | 63        |
| 14.7. Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc: .....                                                                     | 63        |
| 14.7.1. Cơ sở thiết kế .....                                                                                           | 63        |
| 14.7.2. Hiện trạng hệ thống thông tin liên lạc .....                                                                   | 63        |
| 14.7.3. Giải pháp thiết kế hệ thống thông tin liên lạc .....                                                           | 63        |
| 14.8. Quy hoạch hệ thống xử lý chất thải rắn .....                                                                     | 64        |
| 14.8.1. Cơ sở tính toán: .....                                                                                         | 64        |
| <b>15. CÁC KHU VỰC XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM: .....</b>                                                                 | <b>65</b> |
| 15.1. Nguyên tắc chung: .....                                                                                          | 65        |
| 15.2. Xác định các khu vực xây dựng phần ngầm của công trình xây dựng: .....                                           | 65        |
| <b>16. GIẢI PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG: .....</b>                                                                          | <b>66</b> |
| 16.1. Các giải pháp đã lồng vào Quy hoạch .....                                                                        | 66        |
| 16.2. Các giải pháp tổng thể nhằm giảm thiểu và khắc phục các tác động và diễn biến môi trường đã được nhận diện ..... | 66        |
| 16.3. Kế hoạch quản lý và giám sát môi trường .....                                                                    | 67        |
| <b>17. GIẢI PHÁP VỀ NGUỒN VỐN VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN: .....</b>                                                          | <b>68</b> |
| 17.1. Giải pháp về nguồn vốn: .....                                                                                    | 68        |
| 17.2. Tổ chức thực hiện: .....                                                                                         | 68        |
| <b>18. KẾT LUẬN – KIẾN NGHỊ: .....</b>                                                                                 | <b>68</b> |
| 18.1. Kết luận: .....                                                                                                  | 68        |
| 18.2. Kiến nghị: .....                                                                                                 | 68        |



# **1. LÝ DO, SỰ CẦN THIẾT, CĂN CỨ LẬP QUY HOẠCH CHI TIẾT:**

## **1.1. Lý do, sự cần thiết:**

Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trường Đại học Cần Thơ trọng điểm đến năm 2020 được phê duyệt theo Quyết định số 1258/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ với quy mô diện tích 80,95 ha và quy mô sinh viên đến năm 2020 là 30.000 sinh viên. Đến nay, quy hoạch cơ bản triển khai ra thực địa với tỷ lệ lấp đầy khoảng 70% với sự hình thành khu Trung tâm hành chính, các Khoa, các Viện, các khu Ký túc xá, các khu hỗ trợ sinh viên,... Đại học Cần Thơ là Trường đa ngành, đa lĩnh vực có nhiệm vụ đào tạo bậc cao đẳng, đại học và sau đại học, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong các lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản, kinh tế, công nghệ, luật và sư phạm, phục vụ sự phát triển kinh tế, văn hóa xã hội của khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long nói riêng và cả nước nói chung, phát triển quan hệ quốc tế rộng rãi nhằm nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực và đầu tư trang thiết bị hiện đại để giúp cho người học phát huy tính năng động, sáng tạo thích nghi với nền kinh tế thị trường.

Ngoài ra, Đại học Cần Thơ đã giao Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều thu hồi phần đất có diện tích là 95.329,23 m<sup>2</sup> theo Quyết định số 6283/QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều về việc thu hồi đất của Trường Đại học Cần Thơ (Khu 2), đường 3 tháng 2, khu vực 7, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, bị ảnh hưởng dự án nâng cấp đô thị vùng Đồng bằng sông Cửu Long – Tiểu dự án thành phố Cần Thơ (giai đoạn 2), hạng mục cải tạo Hồ Bún Xáng và các tuyến đường cấp các kênh, rạch trong lưu vực Hồ Bún Xáng, khu vực 7, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều và Quyết định 7154/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều về việc điều chỉnh Quyết định thu hồi đất của Trường Đại học Cần Thơ (Khu 2) bị ảnh hưởng dự án nâng cấp đô thị vùng Đồng bằng sông Cửu Long – Tiểu dự án thành phố Cần Thơ (giai đoạn 2), hạng mục cải tạo Hồ Bún Xáng và các tuyến đường cấp các kênh, rạch trong lưu vực Hồ Bún Xáng và các tuyến đường cấp các kênh, rạch trong lưu vực Hồ Bún Xáng, thuộc phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều.

Kế thừa hiện trạng hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật hiện hữu trước đây đã thực hiện theo quy hoạch, diện mạo của Đại học Cần Thơ đã thay đổi đáng kể, hạ tầng giao thông, cấp điện, cấp nước, thông tin liên lạc và các hạ tầng xã hội được tập trung đầu tư. Trong thời gian qua, bằng nguồn vốn hỗ trợ từ các nguồn khác nhau như: Vốn hỗ trợ từ nước ngoài, vốn ngân sách Trung ương, ngân sách của Trường nhiều công trình thiết yếu đã và đang được đầu tư xây dựng.

Tuy vậy, trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch còn một số hạn chế, bất cập; một số định hướng phát triển về không gian kiến trúc, tầng cao, kết cấu hạ tầng kỹ thuật chưa phù hợp với tình hình thực tế, về lâu dài cần nghiên cứu rà soát bố trí lại cho phù hợp hơn; một số khu vực quy hoạch chức năng sử dụng đất chưa phù hợp gây khó khăn trong vấn đề quản lý đất đai, xây dựng theo quy hoạch.



Quy hoạch mạng lưới cơ sở Giáo dục đại học cho giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, với mục tiêu tổng quát là củng cố, phát triển mạng lưới cơ sở Giáo dục đại học và Sư phạm đồng bộ, hiện đại và mạch lạc, thiết lập được một hệ thống Giáo dục đại học mở, công bằng, bình đẳng, chất lượng và hiệu quả với quy mô và cơ cấu hợp lý; đáp ứng nhu cầu học đại học của người dân, nhu cầu nguồn nhân lực trình độ cao, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển bền vững của cả nước và các địa phương. Việt Nam được xếp vào nhóm quốc gia có hệ thống Giáo dục đại học tiên tiến trong khu vực. Theo đó, Đại học Cần Thơ sẽ là cơ sở Giáo dục đại học trọng điểm quốc gia, được nâng cấp là Đại học vùng và phát triển thành Đại học Quốc gia khi đủ điều kiện.

Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 có nhận định “Nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển”; đồng thời đưa ra một trong những nhiệm vụ, giải pháp là “Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, dịch vụ Khoa học công nghệ, dịch vụ chăm sóc sức khỏe, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội thành phố và vùng Đồng bằng sông Cửu Long, khẳng định vị thế là trung tâm Giáo dục và Đào tạo, khoa học và công nghệ, y tế chuyên sâu của vùng”, trong đó có việc tập trung nâng cao chất lượng đào tạo của các trường đại học, viện nghiên cứu trên toàn thành phố.

Để thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW nói trên, Chính phủ cũng đã có Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2021 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW, ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Trong đó, ở những nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu có nêu rõ “Đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị thực hành, thực nghiệm tiên tiến cho các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn, trong đó tập trung nguồn lực đầu tư nâng cấp Trường Đại học Cần Thơ...”; Tại phụ lục III của Nghị quyết cũng đưa vào nhiệm vụ đầu tư “Nâng cấp Trường Đại học Cần Thơ thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu, ứng dụng khoa học của thành phố Cần Thơ và vùng Đồng bằng sông Cửu Long (các giai đoạn)” từ nguồn Ngân sách nhà nước, nguồn vốn ODA và các nguồn huy động khác. Có thể nói, Nghị quyết số 59-NQ/TW và Nghị quyết số 98/NQ-CP là nền tảng, cơ sở quan trọng để tranh thủ nguồn đầu tư từ Ngân sách nhà nước, ODA và các nguồn khác để xây dựng và phát triển Trường.

Để thực hiện ngày càng tốt hơn sứ mệnh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ mang tầm khu vực và góp phần phát triển xã hội thịnh vượng và bền vững của vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước, Đại học Cần Thơ đã ban hành Chiến lược phát triển Trường Đại học Cần Thơ giai đoạn 2020-2025, định hướng 2030 (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 45/NQ-ĐHCT, ngày 14/01/2022 của Hội đồng trường nhiệm kỳ 2020 - 2025). Chiến lược phát triển là một bước quan trọng trong thực hiện sứ mệnh và tầm nhìn của Nhà trường.



Theo quy định tại Điều 43 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15, thời hạn rà soát định kỳ quy hoạch đô thị và nông thôn là 05 năm kể từ ngày quy hoạch đô thị và nông thôn được phê duyệt.

Thực hiện quy định tại Điều 44 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 về nội dung báo cáo kết quả rà soát quy hoạch đô thị và nông thôn.

Đại học Cần Thơ đề xuất thực hiện việc lập quy hoạch đồ án Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (Khu II) nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển theo Chiến lược phát triển Đại học Cần Thơ giai đoạn 2021-2030, định hướng 2050.

## **1.2. Căn cứ lập quy hoạch:**

### **1.2.1. Căn cứ pháp lý chung:**

Căn cứ Luật quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Quốc hội;

Căn cứ Luật đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 98/ND-CP ngày 30 tháng 8 năm 2021 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Bộ chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính Phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.

Căn cứ Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Nghị định 269/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về phát triển đô thị thông minh.

Căn cứ Quyết định số 1515/QĐ-TTg ngày 28 tháng 8 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Cần Thơ đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng Đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050.



Căn cứ Quyết định 1519/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định 452/QĐ-TTg ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1531/QĐ-TTg ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Trường Đại học Cần Thơ thành Đại học Cần Thơ;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.

Căn cứ Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 9 tháng 12 năm 2025 của Bộ Xây dựng Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.

Căn cứ Thông tư 01/2021/BXD ngày 19 tháng 05 năm 2021 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2813/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/5000 quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Căn cứ Quyết định số 1258/QĐ-UBND ngày 22 tháng 04 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trường Đại học Cần Thơ trọng điểm đến năm 2020 tại phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Căn cứ Quyết định số 2803/QĐ-BGDĐT ngày 04 tháng 8 năm 2015 của Bộ giáo dục và đào tạo về việc phê duyệt phương án xử lý, sắp xếp lại nhà đất của Trường Đại học Cần Thơ

Căn cứ Quyết định số 6283/QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều về việc thu hồi đất của Trường Đại học Cần Thơ (khu 2), đường 3 tháng 2, khu vực 7, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, bị ảnh hưởng dự án nâng cấp đô thị vùng ĐBSCL – Tiểu dự án thành phố Cần Thơ (giai đoạn 2), hạng mục cải tạo Hồ Bún Xáng và các tuyến đường cấp các kênh, rạch trong lưu vực Hồ Bún Xáng, khu vực 7, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều.

Căn cứ Quyết định số 7154/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều về việc điều chỉnh Quyết định thu hồi đất của Trường Đại học Cần Thơ (khu 2) bị ảnh hưởng dự án nâng cấp đô thị vùng ĐBSCL – Tiểu dự án thành phố Cần Thơ (giai đoạn 2), hạng mục cải tạo Hồ Bún Xáng và các tuyến đường cấp các kênh, rạch trong lưu vực Hồ Bún Xáng, thuộc phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều.



Căn cứ Quyết định số 2632/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trường Đại học Cần Thơ tại phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Căn cứ Quyết định số 2988/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trường Đại học Cần Thơ tại phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Căn cứ Nghị Quyết số 129/NQ-HĐT ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ Kỳ họp thứ 14 của Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ nhiệm kỳ 2020 – 2025.

Căn cứ Nghị Quyết số 03/NQ-HĐT ngày 11 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ phê duyệt Kế hoạch hoạt động năm 2025 của Trường Đại học Cần Thơ.

Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-HĐT ngày 11 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ phê duyệt Phương án sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy bên trong Trường Đại học Cần Thơ;

Căn cứ Công văn số 1162/UBND-XDĐT ngày 14 tháng 03 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc điều chỉnh tổng thể Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trường Đại học Cần Thơ, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Căn cứ Nghị quyết số 41/NQ-HĐT ngày 09 tháng 04 năm 2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ đổi tên một số đơn vị thuộc Trường Đại học Cần Thơ.

Căn cứ Quyết định số 5537/QĐ-ĐHCT ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Trường Đại học Cần Thơ về việc phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch “Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ”

### **1.2.2. Cơ sở bản đồ:**

Bản đồ Quy hoạch chung thành phố Cần Thơ đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050.

Bản đồ quy hoạch sử dụng đất quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/5000 quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Bản đồ hiện trạng địa hình.

Ranh các dự án đang đầu tư xây dựng.

### **1.2.3. Các nguồn số liệu khác:**

Căn cứ phiếu đo đạc chỉnh lý thửa đất của văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Cần Thơ ngày 17 tháng 12 năm 2025.

Niên giám thống kê quận Ninh Kiều năm 2023.

Các dự án đầu tư xây dựng có liên quan đến khu quy hoạch.



Các văn bản khác có liên quan.

## **2. XÁC ĐỊNH PHẠM VI RANH GIỚI, QUY MÔ DIỆN TÍCH QUY HOẠCH CHI TIẾT, TÍNH CHẤT, VAI TRÒ, CHỨC NĂNG:**

### **2.1. Phạm vi lập quy hoạch:**

Khu đất lập điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (Khu II) có tứ cận tiếp giáp như sau:

- + Phía Đông Bắc: giáp khu dân cư hiện hữu.
- + Phía Đông Nam: giáp đường 3 tháng 2.
- + Phía Tây Nam: giáp kênh Búng Xáng.
- + Phía Tây Bắc: giáp kênh Búng Xáng.

### **2.2. Quy mô diện tích lập quy hoạch:**

- Quy mô diện tích khu vực lập quy hoạch: **716.984,7 m<sup>2</sup>**.

### **2.3. Tính chất, chức năng, vai trò:**

#### **2.3.1. Tính chất:**

Đại học Cần Thơ là cơ sở đào tạo đại học và sau đại học trọng điểm của Nhà nước ở Đồng bằng Sông Cửu Long. Đại học Cần Thơ là trường đa ngành, đa lĩnh vực có nhiệm vụ chính là đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, ứng dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật nhằm giải quyết các vấn đề về khoa học, công nghệ, kinh tế, văn hóa và xã hội của vùng.

#### **2.3.2. Chức năng, vai trò:**

- Đại học Cần Thơ là đại học cấp vùng Đồng bằng Sông Cửu Long, thuộc mạng lưới Trung tâm đào tạo xuất sắc và tài năng thời kỳ 4.0, là trung tâm đổi mới sáng tạo vùng đồng bằng sông Cửu Long, đạt top 450-500 Châu Á theo xếp hạng của QS.

- Quy mô đào tạo dự kiến thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 là 60.000 – 70.000 sinh viên.

- Phát triển, nâng cấp cơ sở vật chất đồng bộ và hiện đại.

- Phát triển quy mô đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, đặc biệt là các lĩnh vực có thế mạnh và lĩnh vực công nghệ mới nổi, công nghệ lõi.

- Hợp tác các bên trong nước và quốc tế không ngừng được tăng cường và hoạt động hiệu quả.

- Đến năm 2045, Đại học Cần Thơ sẽ trở thành cơ sở giáo dục đại học hàng đầu ở Việt Nam, top 5 cả nước, hạng 301 – 500 thế giới một số lĩnh vực.

- Về tầm nhìn chiến lược phát triển Đại học Cần Thơ là nơi hội tụ, giao thoa và sản sinh tri thức - văn hóa - khoa học - công nghệ, tác động và phát triển xã hội bền vững. Nơi thu hút đầu vào chất lượng, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có năng lực cạnh tranh và sức ảnh hưởng trên thị trường lao động của quốc gia và khu vực. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ mang tầm khu vực, hướng đến các sản phẩm khoa học tích hợp đặc trưng có giá trị cao, xúc tác

uơm tạo khởi nghiệp và sáng tạo. Trở thành mắt xích quan trọng trong chuỗi các hoạt động kinh tế - văn hóa - xã hội, đảm bảo yêu cầu phát triển thịnh vượng và bền vững của vùng và cả nước.

### **3. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, DÂN SỐ, SỬ DỤNG ĐẤT, KIẾN TRÚC CẢNH QUAN, HẠ TẦNG KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG:**

#### **3.1. Các phân tích, đánh giá hiện trạng về điều kiện tự nhiên:**

##### **3.1.1. Địa hình, địa mạo:**

Khu II Đại học Cần Thơ có địa hình tương đối bằng phẳng, phần lớn là đất đã tôn nền với những khu vực có địa hình cao là khu đất đã xây dựng hiện hữu cao độ từ +2,0m đến +2,4m (cao độ Quốc gia), cao độ bình quân ao mương là +0,6m đến +0,7m (cao độ Quốc gia). Cao độ trung bình toàn khu là: +2,2m (cao độ Quốc gia).

##### **3.1.2. Thủy văn:**

Khu vực mang đặc điểm chung của vùng châu thổ sông Mê Kông, chịu ảnh hưởng trực tiếp điều kiện thủy văn của rạch Dầu Sầu và sông Cần Thơ.

- Tần suất đỉnh lũ 1% tại trạm thủy văn là +1.92 (mốc cao độ Hòn Dấu).
- Mực nước ngầm mạch nông dưới 0,4 mét.
- Mạch nước ngầm ở độ sâu dưới 70 mét có thể sử dụng được.

##### **3.1.3. Địa chất:**

Theo đánh giá sơ bộ, đây là khu vực có nền địa chất yếu.

- Bề mặt địa chất bao gồm các lớp phù sa, mang đặc thù nền đất yếu.
- Khả năng chịu tải trọng trên mặt đất tự nhiên rất thấp từ 0,2-0,5Kg/cm<sup>2</sup>.

##### **3.1.4. Khí hậu:**

Khu vực mang đặc tính chung của khí hậu vùng đồng bằng sông Cửu Long là khô hậu nhiệt đới gió mùa cận xích đạo. Trong năm có hai mùa chính là mùa mưa và mùa khô.

- Khí hậu nơi đây mang tính chất nhiệt đới gió mùa, tương đối ôn hòa, có đặc điểm chung của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

- Mùa mưa từ tháng 05 đến tháng 11, ứng với gió Tây Nam. Mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4 (năm sau) ứng với gió Đông Nam.

- Tổng lượng mưa trung bình 1.829 mm/năm.
- Tốc độ gió bình quân 1,8m/s
- Nhiệt độ không khí trung bình năm là 26,7 độ C.
- Độ ẩm trung bình năm là 82%.



### 3.2. Hiện trạng về cán bộ, giảng viên và sinh viên:

Hiện nay số lượng sinh viên Khu II là 46.000 sinh viên x hệ số  $0.6^1 = 27.600$  sinh viên.

Cán bộ và giảng viên hiện trạng khoảng 1.500 người.

### 3.3. Hiện trạng về sử dụng đất:

Hiện trạng sử dụng đất trong khu vực chủ yếu là đất giáo dục toàn khu quy hoạch. Trong đó bao gồm các công trình: Nhà học và làm việc các Khoa, Nhà thi đấu, Khu ký túc xá, ...

Ngoài ra, trong khu vực này vẫn còn đan xen khối nhà nghiên cứu, khối nhà lưới cho việc trồng lúa, trồng rau thủy canh, trồng rau hữu cơ và trại giống thủy sản. Nhằm phục vụ cho chương trình nghiên cứu và đào tạo nguồn nhân lực, phát triển cơ sở vật chất.



*Bản đồ hiện trạng sử dụng đất, kiến trúc cảnh quan*

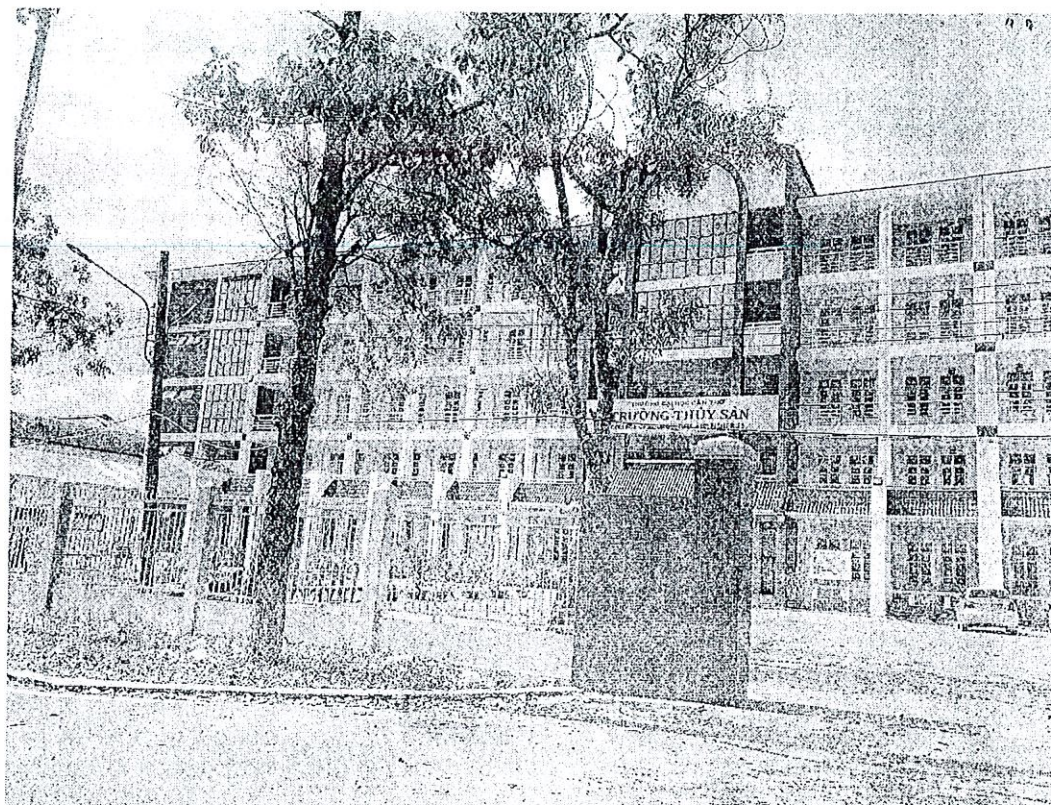
<sup>1</sup> Hệ số đồng thời được thống kê theo thời khóa biểu.



| BẢNG THỐNG KÊ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT |                                   |                             |               |
|--------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------|---------------|
| STT                                  | Loại đất                          | Diện tích (m <sup>2</sup> ) | Tỷ lệ (%)     |
| 1                                    | Đất trung tâm nghiên cứu, đào tạo | 392.942,2                   | 54,80         |
| 2                                    | Đất công trình ký túc xá          | 62.440,1                    | 8,71          |
| 3                                    | Đất thể dục thể thao              | 38.264,4                    | 5,34          |
| 4                                    | Đất cây xanh                      | 37.178,4                    | 5,19          |
| 5                                    | Đường giao thông                  | 129.510,9                   | 18,06         |
| 6                                    | Đất bãi đỗ xe                     | 26.109,7                    | 3,64          |
| 7                                    | Sông, kênh, rạch                  | 22.676,2                    | 3,16          |
| 8                                    | Hồ, ao đầm                        | 7.862,8                     | 1,10          |
| <b>Tổng cộng</b>                     |                                   | <b>716.984,7</b>            | <b>100,00</b> |

### 3.4. Hiện trạng về không gian kiến trúc cảnh quan:

Công trình: Nhà học và làm việc Khoa Thủy sản đầu tư hoàn thành đưa vào sử dụng năm 2010.



Công trình: Trường THPT Thực hành Sư phạm đầu tư hoàn thành đưa vào sử dụng năm 2011.

Công trình: Nhà thi đấu đa năng đầu tư hoàn thành đưa vào sử dụng năm 2012.

Công trình: Nhà học và Văn phòng Khoa Dự bị Dân tộc đầu tư hoàn thành đưa vào sử dụng năm 2013.





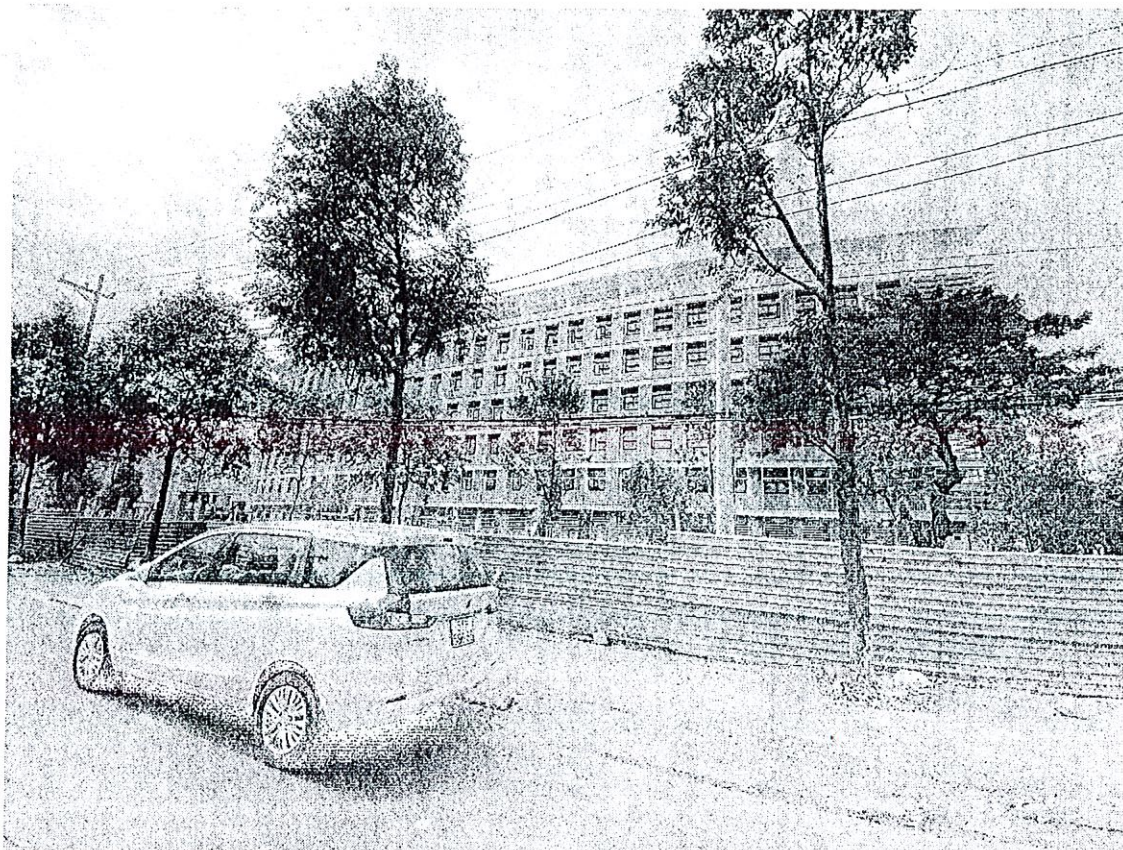
Công trình: Trung tâm điều hành và đào tạo sau đại học đầu tư hoàn thành đưa vào sử dụng năm 2015.



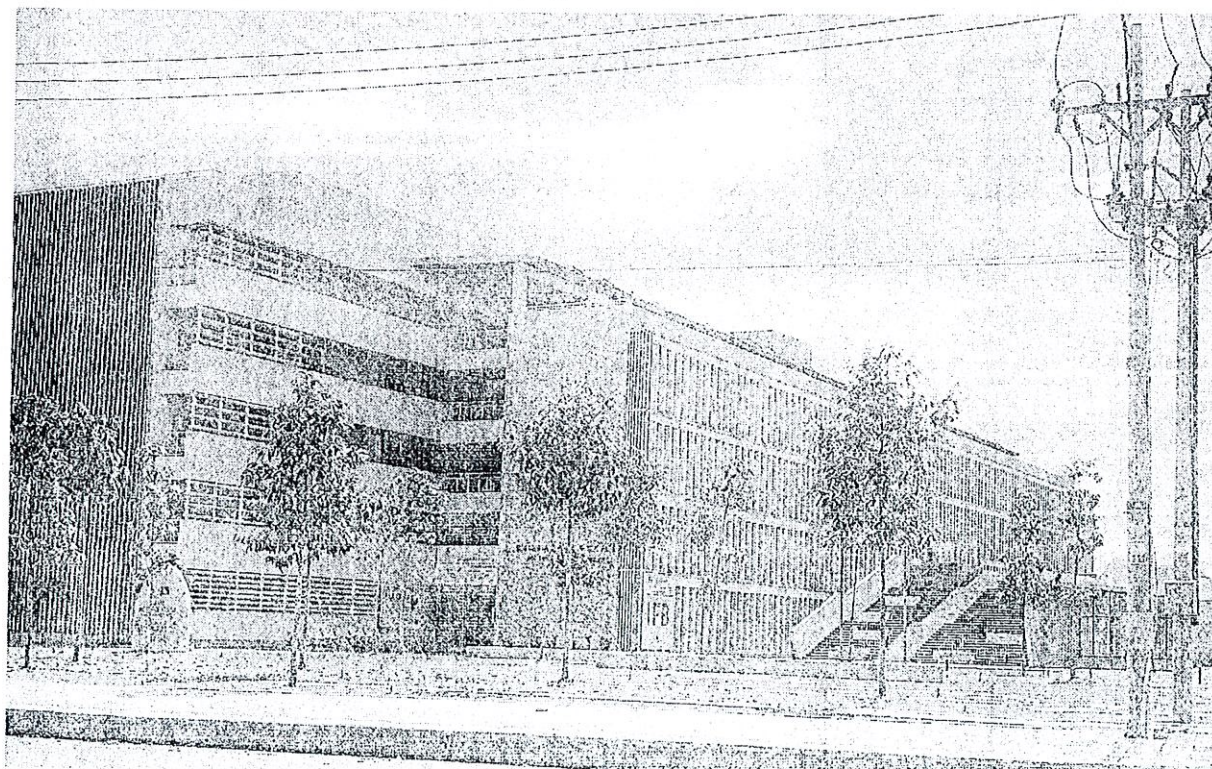


Công trình: Khu ký túc xá B (sinh viên Quốc tế + sinh viên sau đại học) đầu tư hoàn thành đưa vào sử dụng năm 2015.

Công trình: Khối nhà thí nghiệm công nghệ cao (ATL) đầu tư năm 2018 và hoàn thành đưa vào sử dụng năm 2023.



Công trình: Khu phức hợp phòng thí nghiệm nghiên cứu (RLC) đầu tư năm 2018 và hoàn thành đưa vào sử dụng năm 2023.

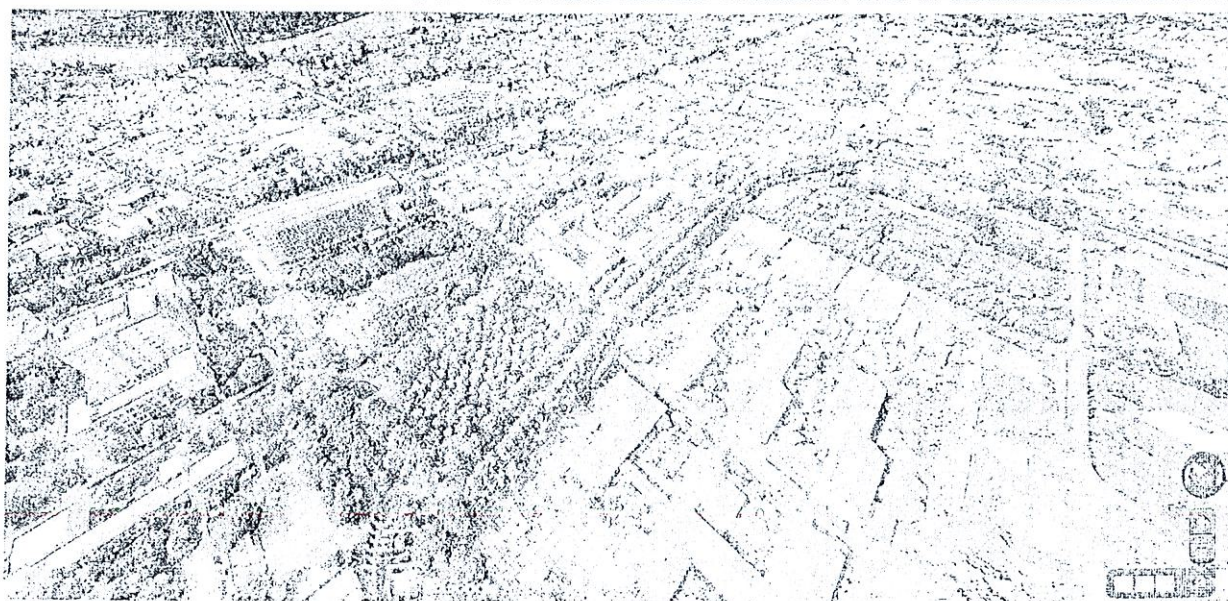
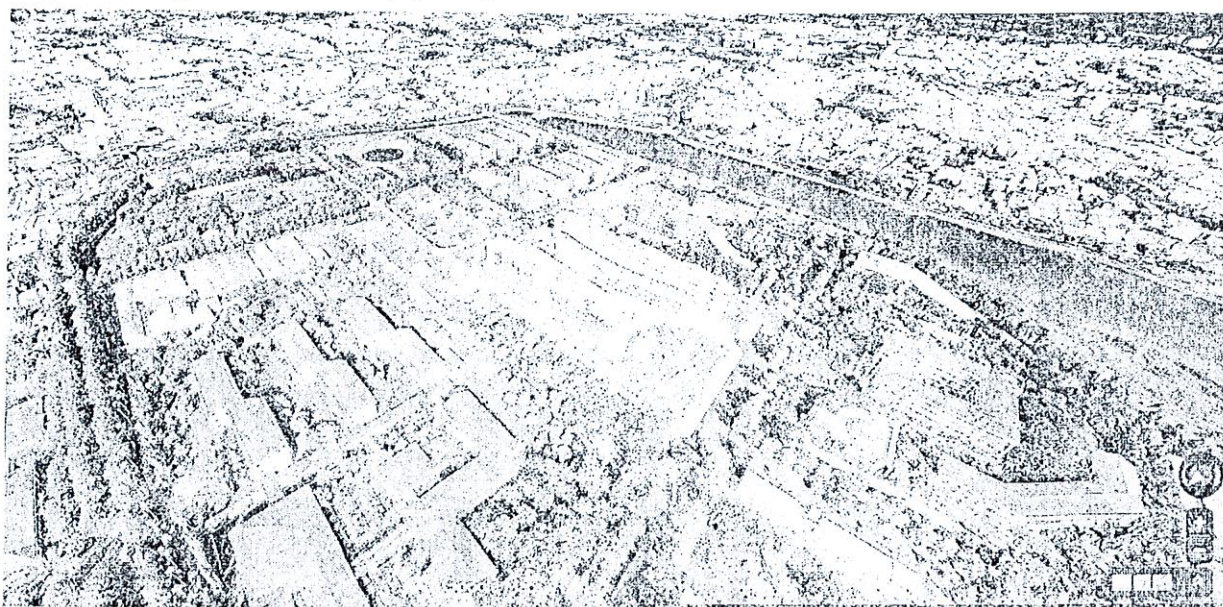




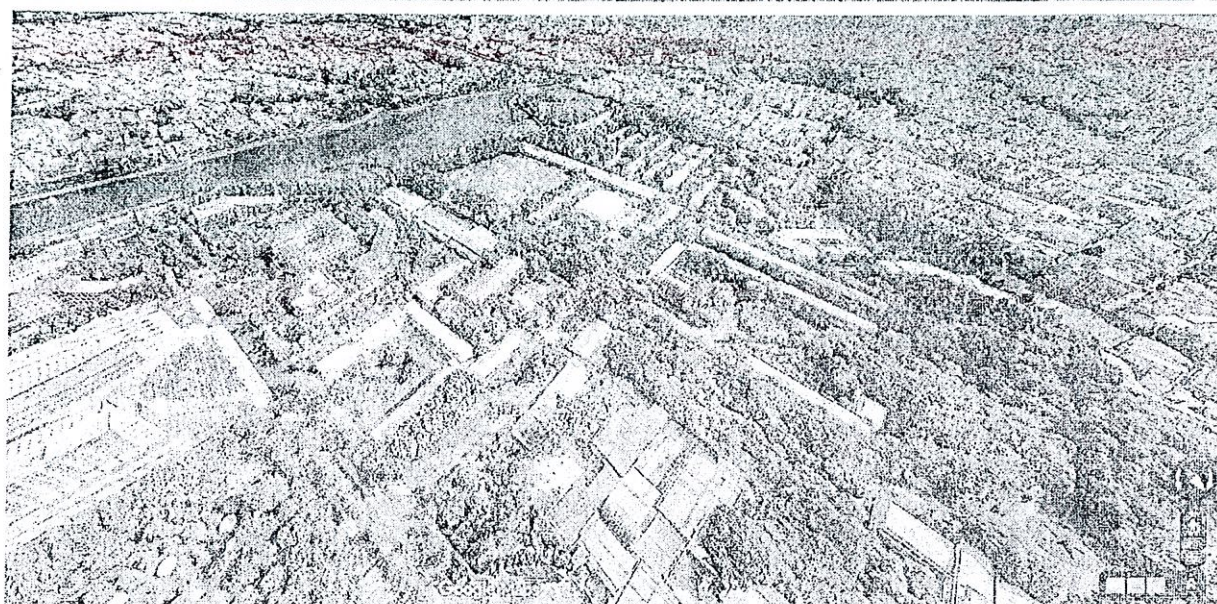
Công trình: Trại giống thủy sản đầu tư năm 2018 và hoàn thành đưa vào sử dụng năm 2023.

Công trình: Khôi nhà lưới đầu tư năm 2018 và hoàn thành đưa vào sử dụng năm 2023.

Và các công trình khác đang hiện hữu đã thực hiện theo quy hoạch được phê duyệt không điều chỉnh quy hoạch.







*Một số không ảnh khu vực lập quy hoạch*

### 3.5. Hiện trạng về hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

Cơ bản hệ thống hạ tầng kỹ thuật gần như hoàn thiện và đưa vào sử dụng theo quy hoạch được duyệt.

*Bảng thống kê hiện trạng hạ tầng kỹ thuật trong khu quy hoạch*

| TT | Công trình hạ tầng kỹ thuật     | Hiện trạng                                                                             |
|----|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Hệ thống giao thông             | Đã thi công hoàn thành đạt khoảng 70% theo quy hoạch được duyệt và đưa vào sử dụng.    |
| 2  | Thông tin liên lạc              | Hình thành phục vụ cho dân cư trong khu vực                                            |
| 3  | Cấp điện - Chiếu sáng công cộng | Đã thi công hoàn thành đạt khoảng 80% theo quy hoạch được duyệt và đã đưa vào sử dụng. |
| 4  | Cấp nước                        | Đã thi công hoàn thành khoảng 90% theo quy hoạch được duyệt và đã đưa vào sử dụng.     |
| 5  | Thoát nước mưa                  | Đã thi công hoàn thành khoảng 80% theo quy                                             |



| TT | Công trình                     | Hiện trạng                                                                             |
|----|--------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                | hoạch được duyệt và đã đưa vào sử dụng.                                                |
| 6  | Thu gom và xử lý chất thải rắn | Khu vực đã có thu gom chất thải rắn.                                                   |
| 7  | Thoát nước thải sinh hoạt      | Đã thi công hoàn thành đạt khoảng 70% theo quy hoạch được duyệt và đã đưa vào sử dụng. |
| 8  | Công trình xăng dầu và khí đốt | Không có trong ranh quy hoạch.                                                         |
| 9  | Cung cấp năng lượng            | Không có                                                                               |
| 10 | Nghĩa trang                    | Không có.                                                                              |

### 3.6. Đánh giá quá trình thực hiện quy hoạch – tình hình phát triển – các bất cập, nguyên nhân:

#### 3.6.1. Đánh giá quá trình thực hiện quy hoạch – tình hình phát triển:

- Đồ án được phê duyệt từ năm 2009, đến nay có nhiều phát sinh và khó khăn trong thực tế triển khai. Từ khi có Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 được phê duyệt đến nay, do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan, tình hình đầu tư xây dựng và quản lý trật tự xây dựng theo quy hoạch còn bộc lộ một số hạn chế, bộ mặt chưa được phát triển, nổi bật là quy hoạch chiều cao công trình theo thiết kế đô thị, hệ thống giao thông và hệ thống thoát nước và đồng bộ trong tổ chức không gian đô thị của khu vực Đại học Cần Thơ và một số khu vực khác chưa đạt yêu cầu đề ra. Vì vậy, để phù hợp xu thế phát triển trong giai đoạn mới, việc rà soát, nghiên cứu lập điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ là cần thiết để đáp ứng với tình hình thực tế và nhu cầu đầu tư xây dựng và quản lý của Trường trong thời gian tới.

Sau 14 năm triển khai thực hiện, việc đầu tư và xây dựng theo Quy hoạch Đại học Cần Thơ đã phủ đến 70% diện tích đất. Các dự án triển khai đã góp phần định hình khung cấu trúc cơ bản và đồng bộ về hệ thống hạ tầng.

#### 3.6.2. Các bất cập, nguyên nhân:

- Quy hoạch chi tiết đã phê duyệt đã lâu, mặc dù đã có các điều chỉnh cục bộ qua từng năm nhưng không làm thay đổi được mới.

- Các yếu tố mới về thực trạng phát triển, các kế hoạch, định hướng mới, các tác nhân môi trường chưa được cập nhật và dự báo. Từ đó dẫn đến việc thiếu các kế hoạch, dự án triển khai trên khu vực lập quy hoạch, thiếu các công cụ quản lý hiệu quả.

- Kế hoạch và định hướng phát triển Đại học Cần Thơ có nhiều thay đổi so với các định hướng đã phê duyệt năm 2009, đặc biệt theo Quyết định 287/QĐ-TTg ngày 28/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng Đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050, trong đó xác định Trường Đại học Cần Thơ là trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ hàng đầu vùng Đồng bằng sông Cửu Long, **đạt chuẩn quốc gia và khu vực Đông Nam Á**. Vì vậy, việc bố trí không gian sử dụng đất, hạ tầng kỹ



thuật và các khu chức năng (nghiên cứu, hợp tác doanh nghiệp, ký túc xá quốc tế, trung tâm học thuật,...v.v..) phải phù hợp với tầm nhìn đến năm 2050, bảo đảm yếu tố xanh – thông minh – bền vững.

- Chưa cập nhật và có các kịch bản, những chiến lược cụ thể ứng phó với biến đổi khí hậu, với các yếu tố biến động mới về ngắn hạn và dài hạn. Trong khi đó tình hình phát triển kinh tế xã hội hiện nay diễn biến cực kì phức tạp, ảnh hưởng rất lớn đến tình hình phát triển và tính khả thi của quy hoạch đã phê duyệt lộ ra rất nhiều bất cập cần phải điều chỉnh.

### **3.7. Đánh giá tổng hợp – nhận diện vấn đề:**

- Vị trí địa lí tiềm năng để tạo các động lực phát triển của trường. Kết nối thuận lợi về giao thông liên khu vực và giao thông vùng, tiếp giáp với trục đường chính 3 tháng 2 và đường Hồ Búng Xáng ra Quốc lộ 91B. Góp phần thúc đẩy việc triển khai Đại học Cần Thơ là trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ hàng đầu vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

- Quỹ đất dự trữ phát triển lớn, nằm tại trung tâm thành phố Cần Thơ là một lợi thế. Có thể nói, quỹ đất dồi dào chính là nguồn tài nguyên quan trọng cho việc mở rộng các khu chức năng, xây dựng các công trình, dự án để phục vụ cho việc nghiên cứu đào tạo đạt chuẩn quốc gia và khu vực Đông Nam Á.

- Tiềm năng tự nhiên và nhân văn: tài nguyên tự nhiên về nước, về đất, về khí hậu, cảnh quan tự nhiên sông nước, nguồn đào tạo, nghiên cứu trẻ để phục vụ phát triển kinh tế và khoa học công nghệ.

#### **3.7.1. Đánh giá SWOT:**

##### **a) Điểm mạnh (S)**

- Đại học Cần Thơ luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo và hỗ trợ kịp thời của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các cơ quan trung ương, địa phương, các tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế, các doanh nghiệp đã luôn ủng hộ, đồng hành, đóng góp cho sự phát triển của Trường.

Với thế mạnh là đại học công lập đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực và nằm ở trung tâm vùng đồng bằng sông Cửu Long, có mối quan hệ gắn bó mật thiết với các địa phương trong vùng đồng bằng sông Cửu Long, Trường tận dụng đội ngũ nguồn nhân lực, cơ sở vật chất – trang thiết bị dùng chung cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, kết nối và phục vụ cộng đồng cũng như tranh thủ sự ủng hộ của các tỉnh thành trong vùng cho các mặt hoạt động của Trường đáp ứng yêu cầu đa dạng của xã hội.

Năng lực của đội ngũ giáo viên, viên chức, người lao động không ngừng được nâng cao và được sử dụng tối ưu để cải tiến không ngừng chất lượng đào tạo, khoa học công nghệ và phục vụ cộng đồng.

Hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học đa ngành và đa lĩnh vực là điểm mạnh được tận dụng để tăng tính cạnh tranh trong tuyển sinh, trong hoạt động nghiên cứu tích hợp và chuyển giao khoa học ứng dụng, phục vụ cộng đồng đáp ứng yêu cầu đa dạng của xã hội.



Trường có thể mạnh về hợp tác trong nước và quốc tế với nhiều trường đại học, tổ chức quốc tế. Mạng lưới hợp tác được xây dựng với sự tham gia của các cá nhân và tổ chức cả trong và ngoài nước cho phép Trường tiếp cận, tiếp nhận và sáng tạo tri thức.

Cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học được đầu tư hiện đại, đủ đáp ứng yêu cầu phát triển của Trường.

b) Điểm yếu (W)

- Thiếu chiến lược phát triển chung mang tính định hướng và đồng bộ.
- Hạ tầng kỹ thuật hình thành đồng bộ tạo nền hệ thống khung cơ bản, tuy nhiên tốc độ đầu tư còn chậm, chưa tạo động lực lớn thúc đẩy phát triển để phù hợp với Đại học Cần Thơ là trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyên giao công nghệ hàng đầu vùng Đồng bằng sông Cửu Long.
- Cơ sở vật chất tại một số khu chức năng chưa đáp ứng được yêu cầu dạy và học.

c) Cơ hội (O)

- Cách mạng công nghệ lần thứ tư, đồng thời với nó là nhu cầu rất lớn và cấp bách về đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Đây là cơ hội rất tốt để Trường mở rộng ngành nghề, quy mô đào tạo, tận dụng được thế mạnh đa ngành, đa lĩnh vực vốn có của Trường.

Luật Giáo dục đại học sửa đổi, định hướng chiến lược và chính sách phát triển về Giáo dục và Đào tạo cũng như quy hoạch phát triển vùng và địa phương đồng bằng sông Cửu Long là cơ hội cho Trường.

- Hội nhập quốc tế cho phát triển bền vững cũng là cơ hội khác của Trường. Tận dụng cơ hội này, Trường sẽ phát huy mạng lưới hợp tác nghiên cứu, thế mạnh về lĩnh vực chuyên môn đặc thù để tìm kiếm dự án phát triển năng lực chuyên môn cũng như đầu tư và nâng cấp các phòng thí nghiệm theo hướng hiện đại.

d) Thách thức (T)

- Tác động của biến đổi khí hậu trong quá trình phát triển trường;
- Cần nguồn vốn lớn đầu tư vào phát triển hạ tầng.
- Cân bằng giữa phát triển bền vững, bảo đảm yếu tố xanh – thông minh – bền vững.
- Công tác quản lý xây dựng, quản lý môi trường đứng trước nhiều thách thức khi tốc độ đô thị hóa khá cao.

#### **4. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐANG ĐƯỢC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN:**

Căn cứ Quyết định số 4078/QĐ-BGDĐT ngày 23 tháng 12 năm 2024 của Bộ giáo dục và Đào tạo về việc tổng hợp bổ sung, điều chỉnh kế hoạch đầu tư giai đoạn 2021 – 2025 vốn từ nguồn thu hợp pháp dành để đầu tư của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo.



Căn cứ Quyết định số 4265/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ giáo dục và Đào tạo về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư năm 2025 vốn từ nguồn thu hợp pháp dành để đầu tư của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### **4.1. Dự án đầu tư xây dựng công trình Khối nhà học và thí nghiệm Trường Bách Khoa, Khu II – Trường Đại học Cần Thơ.**

Căn cứ Quyết định số 1701/QĐ-ĐHCT ngày 14 tháng 5 năm 2024 của Trường Đại học Cần Thơ về chủ trương đầu tư dự án Xây dựng Khối nhà học và thí nghiệm Trường Bách Khoa, Khu II – Trường Đại học Cần Thơ;

Căn cứ Quyết định số 1818/QĐ-ĐHCT ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Trường Đại học Cần Thơ về chủ trương đầu tư dự án Xây dựng Khối nhà học và thí nghiệm Trường Bách Khoa, Khu II – Trường Đại học Cần Thơ;

Tổng mức đầu tư: khoảng 120 tỷ đồng.

Thời gian khởi công – hoàn thành: 2025 – 2028.

=> Hiện nay dự án vẫn đang trong quá trình lập Báo cáo nghiên cứu khả thi.

#### **4.2. Dự án Xây dựng Nhà học Trường Thực hành Sư phạm, Khu II – Trường Đại học Cần Thơ.**

Căn cứ Quyết định số 1700/QĐ-ĐHCT ngày 14 tháng 5 năm 2024 của Trường Đại học Cần Thơ về dự án Xây dựng Nhà học Trường Thực hành Sư phạm, Khu II – Trường Đại học Cần Thơ;

Căn cứ Quyết định số 2150/QĐ-ĐHCT ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Trường Đại học Cần Thơ về dự án Xây dựng Nhà học Trường Thực hành Sư phạm, Khu II – Trường Đại học Cần Thơ;

Tổng mức đầu tư: khoảng 18 tỷ đồng.

Thời gian khởi công – hoàn thành: 2024 – 2025.

=> Hiện nay dự án vẫn đang trong quá trình triển khai.

#### **4.3. Dự án Bảo trì và Cải tạo mặt ngoài Nhà Điều hành, Khu II – Trường Đại học Cần Thơ.**

Căn cứ Quyết định số 1663/QĐ-ĐHCT ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Trường Đại học Cần Thơ về dự án Bảo trì và Cải tạo mặt ngoài Nhà Điều hành, Khu II – Trường Đại học Cần Thơ;

Căn cứ Quyết định số 1747/QĐ-ĐHCT ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Trường Đại học Cần Thơ về dự án Bảo trì và Cải tạo mặt ngoài Nhà Điều hành, Khu II – Trường Đại học Cần Thơ;

Tổng mức đầu tư: khoảng 7 tỷ đồng.

Thời gian khởi công – hoàn thành: 2024 – 2025.

=> Hiện nay dự án vẫn đang trong quá trình triển khai.



#### **4.4. Dự án Cải tạo công, tường rào, nhà bảo vệ đường 3/2, Khu II – Trường Đại học Cần Thơ.**

Căn cứ Quyết định số 1680/QĐ-ĐHCT ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Trường Đại học Cần Thơ về dự án Cải tạo công, tường rào, nhà bảo vệ đường 3/2, Khu II – Trường Đại học Cần Thơ;

Căn cứ Quyết định số 1695/QĐ-ĐHCT ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Trường Đại học Cần Thơ về dự án Cải tạo công, tường rào, nhà bảo vệ đường 3/2, Khu II – Trường Đại học Cần Thơ;

Tổng mức đầu tư: khoảng 3,5 tỷ đồng.

Thời gian khởi công – hoàn thành: 2024 – 2025.

=> Hiện nay dự án vẫn đang trong quá trình triển khai.

#### **4.5. Dự án xây dựng Khối công trình ký túc xá (Khu A).**

Dự kiến quy mô:

- Diện tích xây dựng: 3.600 m<sup>2</sup>.

- Mật độ xây dựng: 18%

=> Hiện nay dự án vẫn đang trong quá trình nghiên cứu phương án.

### **5. XÁC ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CƠ BẢN CẦN GIẢI QUYẾT:**

#### **5.1. Điều chỉnh tên đồ án:**

- Tên đồ án quy hoạch đã được thống nhất chủ trương năm 2025 (CV 1162/UBND-XDĐT): Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trường Đại học Cần Thơ, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- Nhằm đảm bảo đúng quy định về Luật tổ chức chính quyền địa phương và Nghị định 1668/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Cần Thơ năm 2025.

► Đề xuất điều chỉnh tên đồ án: Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (Khu II).

#### **5.2. Điều chỉnh chức năng sử dụng đất khu vực lập quy hoạch:**

Điều chỉnh chức năng sử dụng đất theo định hướng phát triển Đại học Cần Thơ

Tối ưu hóa không gian sử dụng đất; Tăng diện tích cho khu học tập và nghiên cứu ứng dụng; Phát triển hạ tầng xanh, không gian mở; Bổ sung các khu chức năng mới phục vụ đào tạo đa ngành và hội nhập quốc tế vì Đại học Cần Thơ phải phát triển xứng tầm đạt chuẩn Quốc gia và khu vực Đông Nam Á.

Trong tương lai công trình ngầm sẽ được bố trí sử dụng chức năng đất hiệu quả, nhằm kết nối với công trình ngầm, công trình trên mặt đất đảm bảo sự tương thích và đồng bộ với hệ thống hạ tầng kỹ thuật xung quanh.



| <b>Bảng tổng hợp điều chỉnh chức năng sử dụng đất khu vực lập quy hoạch</b>                                                                        |                                                                    |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|
| <b>Chức năng sử dụng đất phê duyệt</b><br>(QĐ 1258/QĐ-UBND ngày 22/4/2009,<br>QĐ 2632/QĐ-UBND ngày 10/10/2017,<br>QĐ 2988/QĐ-UBND ngày 11/12/2023) | <b>Chức năng sử dụng đất sau khi điều chỉnh</b>                    |
| 1. Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn và Trung tâm Đào tạo Quốc tế                                                                                   | 1. Trung tâm Đào tạo Quốc tế                                       |
| 2. Trung tâm học liệu – Trung tâm điều hành và Trung tâm đào tạo sau đại học                                                                       | 2. Thư viện Đại học Cần thơ, Nhà điều hành và đào tạo sau đại học  |
| 3. Khoa Luật, Trung tâm ngoại ngữ và phòng thí nghiệm công nghệ cao                                                                                | 3. Trung tâm ngoại ngữ và phòng thí nghiệm công nghệ cao           |
| 4. Hội trường trung tâm                                                                                                                            | 4. Hội trường trung tâm                                            |
| 5. Khoa Luật và Khoa Mác Lênin – Tư tưởng HCM                                                                                                      | 5. Khoa Khoa học chính trị, xã hội và nhân văn và Trường Kinh tế   |
| 6. Khoa Khoa học                                                                                                                                   | 6. Trường Khoa học tự nhiên                                        |
| 7. Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh                                                                                                             | 7. Trường Công nghệ thông tin và truyền thông và Nhà học tập trung |
| 8. Trung tâm Văn hóa và dịch vụ sinh viên                                                                                                          |                                                                    |
| 9. Khoa Công nghệ                                                                                                                                  | 8. Trường Bách Khoa và Trung tâm phục vụ sinh viên                 |
| 10. Khoa thủy sản                                                                                                                                  | 9. Trường thủy sản                                                 |
| 11. Khu phức hợp phòng thí nghiệm nghiên cứu                                                                                                       | 10. Khu phức hợp phòng thí nghiệm nghiên cứu                       |
| 12. Khoa Nông nghiệp và Sinh học ứng dụng                                                                                                          | 11. Trường Nông nghiệp                                             |
| 13. Khoa Sư phạm và Khoa Dự bị dân tộc                                                                                                             | 12. Trường Sư phạm                                                 |
| 14. Khu công nghệ cao (Vườn ươm công nghệ)                                                                                                         | 13. Trung tâm đổi mới sáng tạo và nhà học tập trung                |
| 15. Khoa Môi trường và Tài nguyên                                                                                                                  | 14. Khoa Môi trường và Tài nguyên                                  |



| Bảng tổng hợp điều chỉnh chức năng sử dụng đất khu vực lập quy hoạch                                                                        |                                                                            |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|
| Chức năng sử dụng đất phê duyệt<br>(QĐ 1258/QĐ-UBND ngày 22/4/2009,<br>QĐ 2632/QĐ-UBND ngày 10/10/2017,<br>QĐ 2988/QĐ-UBND ngày 11/12/2023) | Chức năng sử dụng đất sau khi<br>điều chỉnh                                |
| thiên nhiên                                                                                                                                 | thiên nhiên                                                                |
| 16. Viện nghiên cứu phát triển đồng bằng sông Cửu Long                                                                                      | 15. Viện nghiên cứu phát triển đồng bằng sông Cửu Long và biến đổi khí hậu |
| 17. Khu liên hợp thể dục thể thao                                                                                                           | 16. Khu liên hợp thể dục thể thao                                          |
| 18. Khu ký túc xá sinh viên                                                                                                                 | 17. Khu ký túc xá sinh viên (khu A)                                        |
| 19. Khu ký túc xá sinh viên quốc tế và sinh viên sau đại học                                                                                | 18. Khu ký túc xá sinh viên (khu B)                                        |
| 20. Khu chợ công nghệ                                                                                                                       | 19. Khu chợ công nghệ                                                      |
|                                                                                                                                             | 20. Khoa Luật                                                              |

### 5.3. Điều chỉnh quy mô diện tích quy hoạch:

- Căn cứ vào phiếu đo đạc chỉnh lý thửa đất của văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Cần Thơ với diện tích sau đo đạc chỉnh lý là: 716.984,7 m<sup>2</sup>, loại đất: DGD.

### 5.4. Điều chỉnh quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

#### • San nền:

Điều chỉnh cao độ thiết kế san nền phù hợp với cao độ san nền chung hiện tại của thành phố Cần Thơ.

#### • Giao thông:

- Quy hoạch điều chỉnh một số đường đi bộ thành đường giao thông, tăng bề rộng lộ giới đảm bảo giao thông kết nối giữa các trường, các khoa và các không gian khác của trường được thuận lợi đúng quy định.

- Nghiên cứu giải pháp kết nối giao thông, đảm bảo không gây ùn tắc giao thông đối ngoại và giao thông nội bộ trường.

#### • Cấp điện – chiếu sáng, cấp thoát nước:

Tính toán lại công suất hệ thống điện - chiếu sáng, cấp thoát nước cho phù hợp với quy mô các công trình xây dựng, người sử dụng đáp ứng nhu cầu Chiến lược phát triển Trường Đại học Cần Thơ giai đoạn 2021-2030, định hướng 2050.



## **6. XÁC ĐỊNH QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU LẬP QUY HOẠCH:**

### **6.1. Quan điểm quy hoạch:**

Đại học Cần Thơ là đại học vùng, mạnh về đào tạo, nghiên cứu, phục vụ Đồng bằng Sông Cửu Long, tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, tự chủ, sáng tạo, ứng dụng công nghệ cao, trí tuệ nhân tạo, và hợp tác quốc tế với tầm nhìn vươn tầm khu vực và giáo dục của thế giới về Đại học Cần Thơ.

### **6.2. Mục tiêu quy hoạch:**

- Kế thừa đồ án quy hoạch đã được duyệt.
- Cập nhật lại ranh giới và quy mô diện tích khu đất theo pháp lý về đất đai.
- Điều chỉnh, bổ sung các khu chức năng, kiến trúc cảnh quan và hạ tầng kỹ thuật phù hợp với chiến lược phát triển Đại học Cần Thơ giai đoạn 2021-2030, định hướng 2050.
- Làm cơ sở lập kế hoạch, dự án đầu tư phù hợp quy hoạch và quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc.
- Điều chỉnh quy hoạch để đầu tư nâng cấp Đại học Cần Thơ thành trường đại học vùng, đạt chuẩn quốc tế sẽ góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đời sống xã hội cho khu vực nói riêng và cả nước nói chung, góp phần phục vụ lợi ích quốc gia và lợi ích cộng đồng.
- Cập nhật cơ sở dữ liệu số địa lý (GIS) quy hoạch đô thị và nông thôn bao gồm các tập tin (file) được chuyển đổi thành dữ liệu địa lý từ cơ sở dữ liệu gốc để đồng bộ hóa cơ sở dữ liệu quốc gia.

## **7. ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP VỚI CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN:**

- Căn cứ Quyết định số 452/QĐ-TTg ngày 27 tháng 2 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sự phạm thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

+ Phát triển trung tâm giáo dục đại học vùng đô thị Cần Thơ với nòng cốt là Trường Đại học Cần Thơ; mở rộng không gian phát triển và liên kết các cơ sở giáo dục đại học, khu đô thị đại học, cộn đại học tại thành phố Cần Thơ và các đô thị lân cận.

+ Định hướng quy mô đào tạo và lĩnh vực trọng điểm của các đại học quốc gia, đại học vùng thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 thì Đại học Cần Thơ là 60.000 – 70.000 sinh viên với lĩnh vực trọng điểm là: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên, du lịch.

+ Định hướng quy mô đào tạo của các cơ sở giáo dục đại học chủ chốt đào tạo giáo viên thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 dự kiến: khoảng 7.200 – 8.000 giáo viên.

- Kế hoạch Đại học Cần Thơ vùng Đồng bằng sông Cửu Long sẽ thuộc mạng lưới Trung tâm đào tạo xuất sắc và tài năng thời kỳ 4.0, là trung tâm đổi



mới sáng tạo vùng đồng bằng sông Cửu Long, đạt top 450-500 Châu Á theo xếp hạng của QS.

- Phát triển, nâng cấp cơ sở vật chất đồng bộ và hiện đại.
- Phát triển quy mô đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, đặc biệt là các lĩnh vực có thế mạnh và lĩnh vực công nghệ mới nổi, công nghệ lõi.
- Hợp tác các bên trong nước và quốc tế không ngừng được tăng cường và hoạt động hiệu quả.
- Đến năm 2045, Đại học Cần Thơ sẽ trở thành cơ sở giáo dục đại học hàng đầu ở Việt Nam, top 5 cả nước, hạng 301 – 500 thế giới một số lĩnh vực.

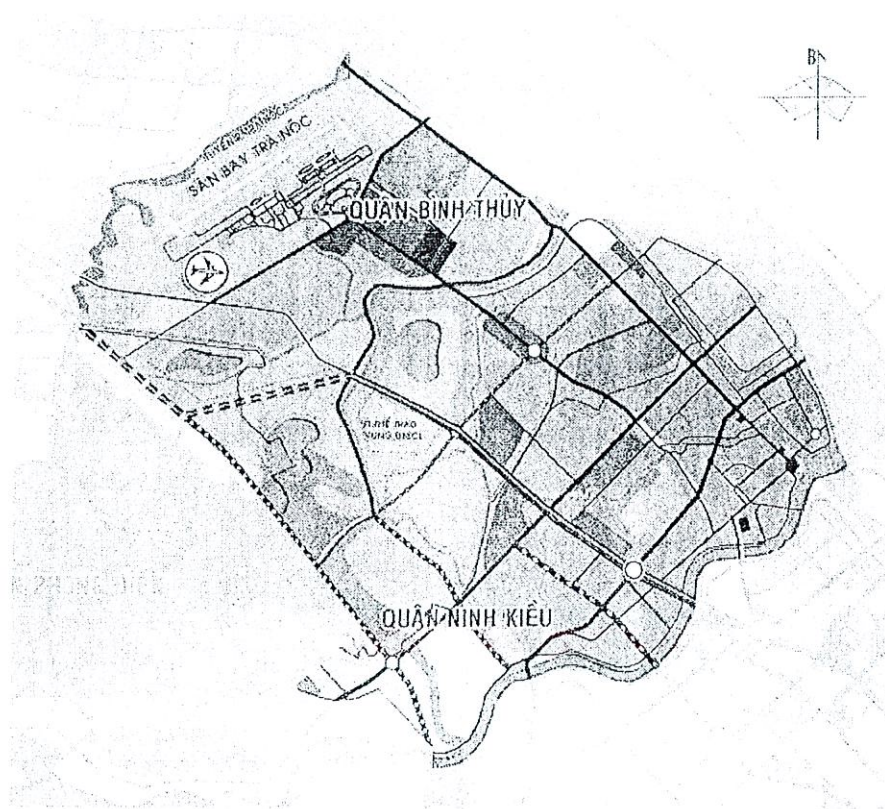
- Về tầm nhìn chiến lược phát triển Đại học Cần Thơ là nơi hội tụ, giao thoa và sản sinh tri thức - văn hóa - khoa học - công nghệ, tác động và phát triển xã hội bền vững. Nơi thu hút đầu vào chất lượng, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có năng lực cạnh tranh và sức ảnh hưởng trên thị trường lao động của quốc gia và khu vực. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ mang tầm khu vực, hướng đến các sản phẩm khoa học tích hợp đặc trưng có giá trị cao, xúc tác ươm tạo khởi nghiệp và sáng tạo. Trở thành mắt xích quan trọng trong chuỗi các hoạt động kinh tế - văn hóa - xã hội, đảm bảo yêu cầu phát triển thịnh vượng và bền vững của vùng và cả nước.

## **8. ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP, ĐỊNH HƯỚNG CHÍNH TẠI QUY HOẠCH CHUNG VÀ PHƯƠNG ÁN, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TẠI QUY HOẠCH PHÂN KHU ĐẾN PHẠM VI LẬP QUY HOẠCH:**

### **8.1. Định hướng theo quy hoạch chung có tác động đến phạm vi lập quy hoạch:**

Khu vực lập quy hoạch chi tiết thuộc định hướng không gian Khu đô thị truyền thống Ninh Kiều – Bình Thủy là nơi trung tâm giáo dục đào tạo cấp vùng và cấp quốc gia.

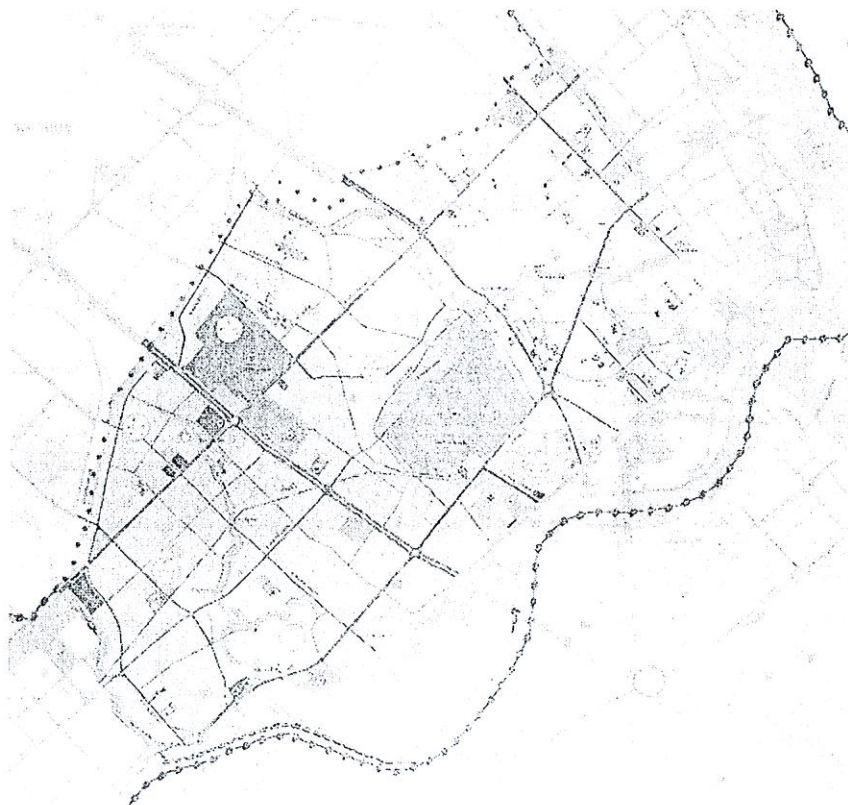




*Sơ đồ không gian KĐT truyền thống Ninh Kiều - Bình Thủy*

## 8.2. Định hướng theo quy hoạch phân khu có tác động đến phạm vi lập quy hoạch:

Khu vực lập quy hoạch chi tiết thuộc phân khu đô thị số 3 (Khu NK-03) với chức năng là Trung tâm giáo dục đào tạo, y tế cấp quận, thành phố và cấp Vùng.



*Giải pháp tổ chức phân khu đô thị số 3*



## 9. LỰA CHỌN CHỈ TIÊU ĐẤT ĐAI, HẠ TẦNG XÃ HỘI VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT ÁP DỤNG CHO TOÀN KHU VỰC LẬP QUY HOẠCH:

### 9.1. Chỉ tiêu đất đai:

Căn cứ Thông tư 01/2024/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 2 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chuẩn cơ sở giáo dục đại học.

- Theo Tiêu chí 3.1 (tại mục tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất): Từ năm 2030, diện tích đất (có hệ số theo vị trí khuôn viên) tính bình quân trên một người học chính quy quy đổi theo trình độ và lĩnh vực đào tạo không nhỏ hơn  $25\text{m}^2$ .

- Hệ số theo vị trí của khuôn viên: Kvt = 2,5 đối với các khuôn viên nằm trong địa giới các quận của các thành phố trực thuộc Trung ương.

- Diện tích đất trên người học: Tổng diện tích đất của cơ sở giáo dục đào tạo hoặc của một phân hiệu có nhân hệ số theo vị trí khuôn viên, chia cho số người học chính quy quy đổi theo trình độ và lĩnh vực đào tạo của cơ sở giáo dục và đào tạo (**Diện tích đất tối thiểu trên sinh viên là  $10\text{m}^2/\text{sinh viên}$** ).

+ Dự kiến quy mô sinh viên thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 là 60.000 – 70.000 sinh viên, diện tích đất tối thiểu:

• Với quy mô 60.000 sinh viên  $\times 10\text{m}^2/\text{sinh viên} = 600.000\text{m}^2$ .

• Với quy mô 70.000 sinh viên  $\times 10\text{m}^2/\text{sinh viên} = 700.000\text{m}^2$ .

=> Do đó, tổng diện tích khu vực lập quy hoạch là 716.984,7  $\text{m}^2$  là phù hợp.

### 9.2. Các chỉ tiêu theo Quy chuẩn, tiêu chuẩn, thông tư:

#### 9.2.1. Theo QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng:

- Mật độ xây dựng thuần tối đa của lô đất xây dựng các công trình dịch vụ - công cộng như giáo dục trong khu vực xây mới:  $\leq 40\%$  (tại mục 2.6.3).

- Tỷ lệ đất trồng cây xanh tối thiểu trong lô đất xây dựng công trình:  $\geq 30\%$  (tại mục 2.6.5, bảng 2.11).

#### 9.2.2. Theo TCVN 3981:1985 Trường Đại học – Tiêu chuẩn thiết kế:

- Nhà để xe đảm bảo đủ chỗ xe cho số lượng xe của 30% đến 60% tổng số học sinh, sinh viên và từ 60% đến 90% tổng số giảng viên, cán bộ, sinh viên. (tại khoản 13, điều 5)

#### 9.2.3. Theo Thông tư 03/2020/TT-BGDĐT Quy định chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo:

- Mật độ xây dựng của khu học tập khoảng 20 đến 25% (tại mục 2.10)

- Diện tích vườn hoa, cây xanh chiếm khoảng 40% diện tích toàn bộ khu trường (tại mục 2.15).



**9.3. Các chỉ tiêu theo Quy hoạch chung thành phố Cần Thơ: (QĐ số 1515/QĐ-TTg ngày 28/8/2013)**

- Mật độ xây dựng: 40 – 50%.
- Tầng cao tối đa: 18 tầng.

**9.4. Các chỉ tiêu theo Quy hoạch phân khu 1/5000 quận Ninh Kiều: (QĐ số 2813/QĐ-UBND ngày 8/12/2020)**

- Mật độ xây dựng toàn khu:  $\leq 60\%$ .
- Tầng cao tối đa trung bình: 10 tầng.

**9.5. Các chỉ tiêu theo Quy chế quản lý kiến trúc: (QĐ số 16/2023/QĐ-UBND ngày 19/7/2023)**

- Mật độ xây dựng: (tại điểm c, khoản 2, Điều 6):
  - + Mật độ xây dựng cao 80% tập trung tại trung tâm các khu đô thị, khu vực tiếp cận các trục giao thông chính đô thị như các khu dân cư hiện hữu, khu phát triển hỗn hợp, thương mại, các dịch vụ công cộng...
  - + Mật độ xây dựng trung bình 40 – 60% tại trung tâm hành chính, trung tâm chuyên ngành, khu công nghiệp, đất ở phát triển mới xung quanh trung tâm các khu đô thị.
- Tầng cao xây dựng và hệ số sử dụng đất. (tại điểm d, khoản 2, Điều 6):
  - + Tầng cao xây dựng 18 – 36 tầng, hệ số sử dụng đất tối đa 9 – 14,5 lần, bố trí tại trung tâm khu đô thị truyền thống Ninh Kiều – Bình Thủy tạo điểm nhấn cho toàn khu.

**9.6. Các chỉ tiêu theo Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trường Đại học Cần Thơ trọng điểm đến năm 2020 tại phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ đã được phê duyệt: (QĐ 1258/QĐ-UBND ngày 22/4/2009)**

- Cao độ thiết kế san nền:  $\geq 2,40\text{m}$  (theo cao độ Quốc gia – Hòn Dấu).
- Mật độ xây dựng các khu chức năng: 35% – 40%.
- Tầng cao xây dựng: 02 – 09 tầng.

**9.7. Chỉ tiêu theo Nhiệm vụ quy hoạch đã phê duyệt: (QĐ số 5537/QĐ-DHCT ngày 22/10/2025)**

**9.7.1. Các chỉ tiêu sử dụng đất:**

- + Các chỉ tiêu sử dụng đất tuân thủ theo đúng Quy chuẩn, tiêu chuẩn quy định của pháp luật.
- + Theo Thông tư 01/2021/BXD ngày 19 tháng 05 năm 2021 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng.
- + Theo Thông tư 01/2024/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chuẩn cơ sở giáo dục đào tạo.
- + Theo TCVN 3981:1985 Trường Đại học.



### 9.7.2. Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:

- Giao thông:
    - + Quy hoạch các tuyến đường nội bộ xung quanh công trình, đảm bảo kết nối đường 3 tháng 2.
    - + Đảm bảo các phương tiện lưu thông xuyên suốt, trật tự, an toàn, hiệu quả.
    - + Bố trí bãi đỗ xe dưới hầm của tòa nhà làm việc và sân đường xung quanh.
    - + Cao độ nền được không chế tương đương với cao độ của các tuyến đường giao thông, cao độ khống chế xây dựng (Hxd) từ +1,7m đến +2,65m (theo hệ cao độ Hòn Dấu) theo từng khu vực.  $H_{xd} \geq +2,40$  (cao độ hòn dẫu)
  - Hệ thống thoát nước mưa:
    - + Nước mưa là loại nước thải ít ô nhiễm, được thu vào hệ thống tuyến cống thoát qua các hố thu và được đầu nối thoát ra hệ thống thoát nước của các tuyến đường tiếp giáp.
  - Chỉ tiêu cấp nước:
    - + Cấp nước sinh hoạt : 180 lít/ người/ngày đêm.
    - + Trường học : 15 lít/học sinh/ngày đêm
    - + Nước dịch vụ thương mại, công cộng khác : 2 l/m<sup>2</sup> sàn
    - + Nước tưới cây : 3 l/m<sup>2</sup>/ngày đêm
    - + Nước rửa đường : 0,4 l/m<sup>2</sup>/ngày đêm
    - + Nước cứu hỏa : phù hợp QCVN 06:2022/BXD và Thông tư 09/2023/TT-BXD sửa đổi 1:2023 QCVN 06/2022/BXD
    - + Dự phòng rò rỉ : 15% × (lưu lượng chung);
  - Chỉ tiêu nước thải : lấy bằng  $\geq 80\%$  chỉ tiêu cấp nước.
  - Chỉ tiêu thu gom rác thải : 1,3kg/người/ngày.
  - Chỉ tiêu cấp điện:
    - + Điện năng : 2.100 kWh/người.năm
    - + Phụ tải : 700 W/người
    - + Trường đại học có điều hòa : 25W/m<sup>2</sup> sàn
    - + Trường đại học không có điều hòa : 15W/m<sup>2</sup> sàn
    - + Chiếu sáng công viên :  $\geq 0,5$  W/m<sup>2</sup>
    - + Chiếu sáng giao thông :  $\geq 1$  W/m<sup>2</sup>.
  - Chỉ tiêu hạ tầng viễn thông thụ động
- Phát triển hạ tầng số trên nguyên tắc “hiện đại, đồng bộ, an ninh, an toàn, hiệu quả, tránh lãng phí”, hạ tầng số được quy hoạch, triển khai song song, đồng bộ với hạ tầng giao thông, hạ tầng điện, hạ tầng chiếu sáng, hạ tầng công trình ngầm, các hạ tầng kỹ thuật khác.



## 9.8. Các chỉ tiêu kỹ thuật khu vực lập quy hoạch:

### 9.8.1. Các chỉ tiêu sử dụng đất:

- Mật độ xây dựng gộp toàn khu:  $\leq 40\%$ .
- Mật độ cây xanh gộp toàn khu:  $\geq 30\%$
- Hệ số sử dụng đất toàn khu tối đa:  $k \leq 4$
- Tầng cao:
  - + Tầng cao tối đa: 18 tầng
  - + Tầng cao trung bình: 10 tầng.

Bảng tổng hợp các chỉ tiêu sử dụng đất phù hợp với quy hoạch cấp trên

| Các chỉ tiêu sử dụng đất     | Quy hoạch phê duyệt (QĐ 1258/QĐ-UBND) | QCVN 01:2021/BXD | Quy hoạch chung thành phố Cần Thơ | Quy hoạch phân khu quận Ninh Kiều | Quy hoạch sau điều chỉnh                              |
|------------------------------|---------------------------------------|------------------|-----------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------------------------|
| Mật độ xây dựng gộp toàn khu | 35 – 40%                              | $\leq 40\%$      | 40 – 50%                          | 60%                               | $\leq 40\%$                                           |
| Mật độ cây xanh gộp toàn khu |                                       | $\geq 30\%$      |                                   |                                   | $\geq 30\%$                                           |
| Tầng cao                     | 2 – 9 tầng                            |                  | Tầng cao tối đa 18 tầng           | Tầng cao trung bình 10 tầng       | Tầng cao tối đa 18 tầng – tầng cao trung bình 10 tầng |

### 9.8.2. Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:

- Giao thông:
  - + Quy hoạch các tuyến đường nội bộ xung quanh công trình, đảm bảo kết nối đường 3 tháng 2.
  - + Đảm bảo các phương tiện lưu thông xuyên suốt, trật tự, an toàn, hiệu quả.
  - + Bố trí bãi đỗ xe nhiều tầng vị trí các khu vực đất bãi xe và bố trí dưới hầm của tòa nhà làm việc và sân đường xung quanh.



+ Cao độ nền được khống chế tương đương với cao độ của các tuyến đường giao thông, cao độ khống chế xây dựng (Hxd) từ +1,7m đến +2,65m (theo hệ cao độ Hòn Dấu) theo từng khu vực.  $H_{xd} \geq +2,40$  (cao độ hòn dẫu)

- Hệ thống thoát nước mưa:

+ Nước mưa là loại nước thải ít ô nhiễm, được thu vào hệ thống tuyến công thoát qua các hố thu và được đầu nối thoát ra hệ thống thoát nước của các tuyến đường tiếp giáp.

- Chỉ tiêu cấp nước:

+ Trường học : 15 lít/học sinh/ngày đêm

+ Nước dịch vụ thương mại, công cộng khác : 2 l/m<sup>2</sup> sàn

+ Nước tưới cây : 3 l/m<sup>2</sup>/ngày đêm

+ Nước rửa đường : 0,4 l/m<sup>2</sup>/ngày đêm

+ Nước cứu hỏa : phù hợp QCVN 06:2022/BXD và Thông tư 09/2023/TT-BXD sửa đổi 1:2023 QCVN 06/2022/BXD

+ Dự phòng rò rỉ : 15% × (lưu lượng chung);

- Chỉ tiêu nước thải : lấy bằng  $\geq 80\%$  chỉ tiêu cấp nước.

- Chỉ tiêu thu gom rác thải : 1,3kg/người/ngày.

- Chỉ tiêu cấp điện:

+ Điện năng : 2.100 kWh/người.năm

+ Phụ tải : 700 W/người

+ Trường đại học có điều hòa : 25W/m<sup>2</sup> sàn

+ Trường đại học không có điều hòa : 15W/m<sup>2</sup> sàn

+ Chiều sáng công viên :  $\geq 0,5$  W/m<sup>2</sup>

+ Chiều sáng giao thông :  $\geq 1$  W/m<sup>2</sup>.

- Chỉ tiêu hạ tầng viễn thông thụ động

Phát triển hạ tầng số trên nguyên tắc “hiện đại, đồng bộ, an ninh, an toàn, hiệu quả, tránh lãng phí”, hạ tầng số được quy hoạch, triển khai song song, đồng bộ với hạ tầng giao thông, hạ tầng điện, hạ tầng chiếu sáng, hạ tầng công trình ngầm, các hạ tầng kỹ thuật khác.

| Các chỉ tiêu | Nhiệm vụ quy hoạch                                                                                             | Quy hoạch sau điều chỉnh | QCVN 01:2021/BXD | Quy hoạch chung thành phố Cần Thơ                                                     | Quy hoạch phân khu Ninh Kiều                                            |
|--------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
| Cao độ nền   | Cao độ khống chế xây dựng từ +1,7 đến +2,65m (theo cao độ Hòn Dấu) theo từng khu vực.<br>$H_{xd} \geq +2,40$ . |                          | -                | Đối với các khu dân cư xây dựng tập trung, mạng lưới đường cao độ xây dựng $> 2,40$ m | Cao độ khống chế xây dựng từ +1,7 đến +2,65m (theo cao độ Hòn Dấu) theo |



| Các chỉ tiêu                 | Nhiệm vụ quy hoạch | Quy hoạch sau điều chỉnh                                                                                                                                                                                                                       | QCVN 01:2021/ BXD                                                                                                                 | Quy hoạch chung thành phố Cần Thơ | Quy hoạch phân khu Ninh Kiều              |
|------------------------------|--------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------------|
|                              |                    |                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                   |                                   | từng khu vực.                             |
| Mật độ xây dựng gộp          | -                  | - Mật độ xây dựng gộp toàn khu: $\leq 40\%$ .                                                                                                                                                                                                  | - Mật độ xây dựng thuần tối đa các công trình dịch vụ - công cộng như giáo dục trong khu vực xây mới: $\leq 40\%$ (tại mục 2.6.3) | - Mật độ xây dựng: 40 – 50%.      | - Mật độ xây dựng toàn khu: $\leq 60\%$ . |
| Tầng cao                     | -                  | - Tầng cao tối đa: 18 tầng<br>- Tầng cao trung bình: 10 tầng.                                                                                                                                                                                  | -                                                                                                                                 | - Tầng cao tối đa: 18 tầng.       | - Tầng cao tối đa trung bình: 10 tầng.    |
| Mật độ cây xanh gộp toàn khu | -                  | - Mật độ cây xanh gộp toàn khu: $\geq 30\%$ .<br>- Mật độ cây xanh trên từng lô đất tăng tối thiểu 40% gồm đất trung tâm nghiên cứu, đào tạo, đất ký túc xá và 10% đất thể dục thể thao để đảm bảo mật độ cây xanh gộp toàn khu tối thiểu 30%. | - Tỷ lệ đất trồng cây xanh tối thiểu trong lô đất xây dựng công trình: $\geq 30\%$ (tại mục 2.6.5, bảng 2.11).                    | -                                 | -                                         |



| Các chỉ tiêu                         | Nhiệm vụ quy hoạch                                   | Quy hoạch sau điều chỉnh | QCVN 01:2021/BXD             | Quy hoạch chung thành phố Cần Thơ | Quy hoạch phân khu Ninh Kiều |
|--------------------------------------|------------------------------------------------------|--------------------------|------------------------------|-----------------------------------|------------------------------|
| Chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt          | $\geq 15$ lít/ sinh viên/ngày/ đêm                   |                          | 15 lít/ sinh viên/ngày / đêm | -                                 | -                            |
| Chỉ tiêu nước thải                   | Lấy bằng $\geq 80\%$ chỉ tiêu cấp nước               |                          |                              | -                                 | -                            |
| Chỉ tiêu thu gom rác thải            | 1,3 kg/người/ngày                                    |                          |                              | -                                 | -                            |
| Chỉ tiêu cấp điện                    | 2.100 kWh/người.năm                                  |                          |                              | -                                 | -                            |
| Chỉ tiêu hạ tầng viễn thông thụ động | Đồng bộ, an ninh, an toàn, hiệu quả, tránh lãng phí. |                          |                              | -                                 | -                            |

## **10. XÁC ĐỊNH QUY MÔ SINH VIÊN, ĐẤT ĐAI, CÁC NHU CẦU VỀ CƠ SỞ HẠ TẦNG KỸ THUẬT, HẠ TẦNG XÃ HỘI ĐỐI VỚI PHẠM VI QUY HOẠCH:**

### **10.1. Dự báo quy mô sinh viên:**

Theo quyết định 452/QĐ-TTg ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở vật chất cơ giáo dục đại học sư phạm thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Trong đó định hướng Đại học Cần Thơ quy mô đào tạo dự kiến: 60.000 – 70.000 sinh viên.

Trong đó, quy mô sinh viên đề xuất quy hoạch Đại học Cần Thơ (khu II): 55.000 sinh viên và 1.800 giảng viên và người lao động.

### **10.2. Quy mô đất đai:**

- Quy mô diện tích khu vực lập quy hoạch: 716.984,7 m<sup>2</sup>.

### **10.3. Các nhu cầu về cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đối với phạm vi quy hoạch:**

#### **10.3.1. Các nhu cầu về cơ sở hạ tầng kỹ thuật:**

- Hạ tầng kỹ thuật đóng vai trò quyết định đối với hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và quản trị của trường. Với yêu cầu đổi mới giáo dục đại học theo hướng hiện đại, thông minh và hội nhập quốc tế, việc đầu tư và hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật là điều kiện tiên quyết để đảm bảo chất lượng và hiệu quả hoạt động của trường.



- Việc phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật cần đảm bảo tính đồng bộ, tính linh hoạt, tính bền vững, thân thiện môi trường và tiết kiệm năng lượng. Đầu tư hạ tầng kỹ thuật đầy đủ và hiện đại sẽ góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, thu hút sinh viên, giảng viên, các đối tác nghiên cứu, đồng thời nâng cao uy tín và vị thế của nhà trường trong nước cũng như quốc tế.

#### **10.3.2. Các nhu cầu về cơ sở hạ tầng xã hội:**

- Trong bối cảnh giáo dục đại học đang chuyển mình mạnh mẽ theo hướng hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, việc xây dựng và phát triển hệ thống hạ tầng xã hội cho trường trở thành yếu tố then chốt nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu và sinh hoạt của sinh viên, giảng viên.

- Hệ thống hạ tầng xã hội đóng vai trò quyết định đối với sự phát triển đồng bộ và bền vững của trường đại học. Việc đầu tư hợp lý, đầy đủ và hiện đại cho các hạng mục hạ tầng nêu trên sẽ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, thu hút người học, cải thiện môi trường nghiên cứu và tăng cường uy tín của nhà trường trong hệ thống giáo dục quốc gia và khu vực.

### **11. XÁC ĐỊNH CHỨC NĂNG SỬ DỤNG ĐẤT, QUY MÔ DIỆN TÍCH, CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT ĐỐI VỚI TỪNG LÔ ĐẤT TRONG PHẠM VI QUY HOẠCH:**

#### **11.1. Nguyên tắc quy hoạch:**

Đảm bảo Quy chuẩn quy phạm hiện hành của Nhà nước về thiết kế quy hoạch.

Đảm bảo hệ thống hạ tầng kỹ thuật hoàn chỉnh và kết nối đồng bộ với khu lân cận, tuân thủ định hướng các quy hoạch chuyên ngành có liên quan, hạn chế tối đa ảnh hưởng đến khu vực xung quanh.

Đảm bảo vệ sinh môi trường, tính bền vững, phù hợp cảnh quan khu vực và có khoảng cách ly an toàn tới khu dân cư.

Đảm bảo thuận tiện tối đa trong hoạt động giảng dạy, đào tạo của Đại học Cần Thơ.

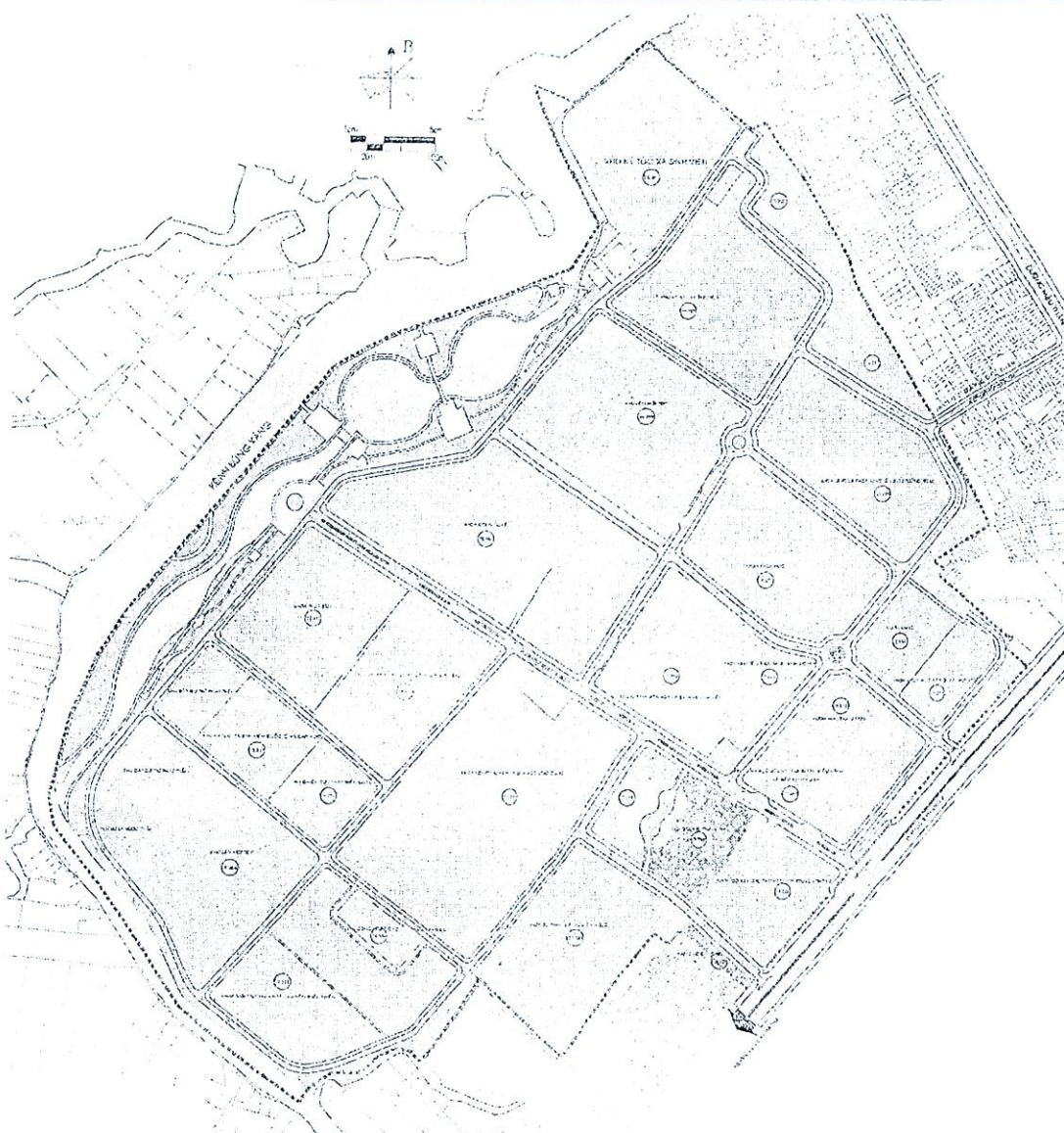
#### **11.2. Quy hoạch sử dụng đất:**

##### **11.2.1. Quy hoạch sử dụng đất đã phê duyệt: (Quyết định số 1258/QĐ-UBND ngày 22/04/2009)**

| STT | Loại đất                          | Diện tích (m <sup>2</sup> ) | Tỷ lệ (%) |
|-----|-----------------------------------|-----------------------------|-----------|
| 1   | Đất xây dựng các công trình       | 114.036                     | 14,09     |
| 2   | Đất dự trữ phát triển             | 13.589                      | 1,68      |
| 3   | Đất xây dựng trạm xử lý nước thải | 4.000                       | 0,49      |
| 4   | Đất bãi xe 2 bánh và 4 bánh       | 66.438                      | 8,21      |
| 5   | Công viên cây xanh + sân đường    | 442.669                     | 54,68     |
| 6   | Mặt nước                          | 38.051                      | 4,70      |



| STT | Loại đất       | Diện tích (m <sup>2</sup> ) | Tỷ lệ (%) |
|-----|----------------|-----------------------------|-----------|
| 7   | Đất giao thông | 130.747                     | 16,15     |
|     | Tổng cộng      | 809.530                     | 100,00    |



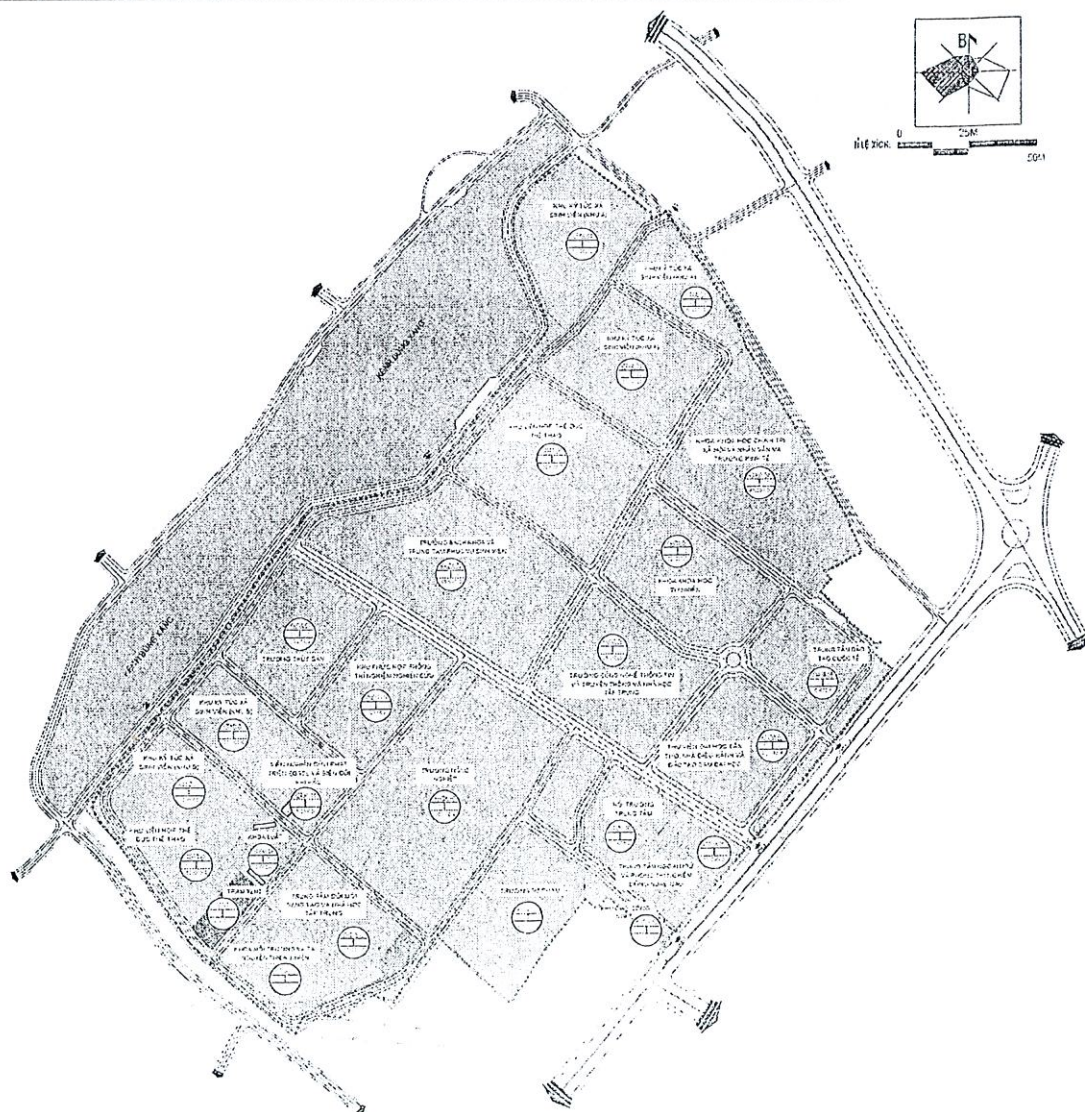
*Bản đồ sử dụng đất quy hoạch đã phê duyệt*

#### 11.2.2. Quy hoạch sử dụng đất sau điều chỉnh:

| BẢNG THỐNG KÊ SỬ DỤNG ĐẤT SAU KHI ĐIỀU CHỈNH |                                                         |                             |              |
|----------------------------------------------|---------------------------------------------------------|-----------------------------|--------------|
| STT                                          | Loại đất                                                | Diện tích (m <sup>2</sup> ) | Tỷ lệ (%)    |
| <b>1</b>                                     | <b>Đất trung tâm nghiên cứu, đào tạo</b>                | <b>369.772,5</b>            | <b>51,57</b> |
| 1.1                                          | Đất xây dựng công trình nghiên cứu, đào tạo             | 147.909,0                   | 20,63        |
| 1.2                                          | Đất cây xanh                                            | 147.909,0                   | 20,63        |
| 1.3                                          | Đất sân đường nội bộ các công trình nghiên cứu, đào tạo | 73.954,5                    | 10,31        |
| <b>2</b>                                     | <b>Đất công trình ký túc xá</b>                         | <b>84.827,5</b>             | <b>11,83</b> |
| 2.1                                          | Đất xây dựng công trình khu ký túc xá                   | 33.931,0                    | 4,73         |



| BẢNG THỐNG KÊ SỬ DỤNG ĐẤT SAU KHI ĐIỀU CHỈNH |                                                    |                             |               |
|----------------------------------------------|----------------------------------------------------|-----------------------------|---------------|
| STT                                          | Loại đất                                           | Diện tích (m <sup>2</sup> ) | Tỷ lệ (%)     |
| 2.2                                          | Đất cây xanh                                       | 33.931,0                    | 4,73          |
| 2.3                                          | Đất sân đường nội bộ khu ký túc xá                 | 16.965,5                    | 2,37          |
| 3                                            | <b>Đất thể dục thể thao</b>                        | <b>44.271,1</b>             | <b>6,17</b>   |
| 3.1                                          | Đất xây dựng công trình thể dục thể thao           | 26.562,7                    | 3,70          |
| 3.2                                          | Đất cây xanh                                       | 4.427,1                     | 0,62          |
| 3.3                                          | Đất sân đường nội bộ khu liên hợp thể dục thể thao | 13.281,3                    | 1,85          |
| 4                                            | Đất cây xanh                                       | 30.226,3                    | 4,22          |
| 5                                            | Đất cây xanh chuyên dụng                           | 265,4                       | 0,04          |
| 6                                            | Đường giao thông                                   | 120.364,7                   | 16,79         |
| 7                                            | Đất bãi đỗ xe                                      | 60.152,8                    | 8,39          |
| 8                                            | Đất công trình hạ tầng kỹ thuật khác               | 4.517,7                     | 0,63          |
| 9                                            | Hồ, ao                                             | 2.586,7                     | 0,36          |
|                                              | <b>Tổng cộng</b>                                   | <b>716.984,7</b>            | <b>100,00</b> |



Bản đồ sử dụng đất quy hoạch sau điều chỉnh



### 11.2.3. Đất cây xanh:

- Do ảnh hưởng trong việc thu hồi đất 9,53ha tại Quyết định số 6283/QĐ-UBND ngày 3/10/2016 và Quyết định số 7154/QĐ-UBND ngày 18/11/2016 nên diện tích cây xanh hiện nay không thể đáp ứng đủ chỉ tiêu mật độ cây xanh gộp toàn khu tối thiểu 30% (theo QCVN 01: 2021 tại mục 2.6.5, bảng 2.11).

- Vì vậy, để đảm bảo tổng diện tích đất cây xanh tối thiểu 30% toàn bộ khu vực lập quy hoạch thì các diện tích đất cây xanh sẽ được tăng tối thiểu 40% gồm đất trung tâm nghiên cứu, đào tạo, đất ký túc xá và tăng 10% diện tích đất cây xanh đất thể dục thể thao, cụ thể cách tính như sau:

| STT | Loại đất                                                                 | Diện tích (m <sup>2</sup> ) | Diện tích đất cây xanh (m <sup>2</sup> ) |
|-----|--------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|------------------------------------------|
| 1   | Đất trung tâm nghiên cứu, đào tạo (diện tích đất cây xanh tối thiểu 40%) | 369.772,4                   | 147.909,0                                |
| 2   | Đất công trình ký túc xá (diện tích đất cây xanh tối thiểu 40%)          | 84.827,5                    | 33.931,0                                 |
| 3   | Đất thể dục thể thao (diện tích đất cây xanh tối thiểu 10%)              | 44.271,1                    | 4.427,1                                  |
| 4   | Đất cây xanh                                                             | 30.226,3                    | 30.226,3                                 |
|     | <b>Tổng cộng</b>                                                         | <b>716.984,7</b>            | <b>216.493,4</b>                         |

► Diện tích đất cây xanh sau khi tăng tối thiểu 40% đất trung tâm nghiên cứu, đào tạo, đất ký túc xá và 10% đất thể dục thể thao: **216.493,3 m<sup>2</sup>**. (đáp ứng đủ diện tích đất cây xanh tối thiểu 30% toàn khu:  $716.984,7 \text{ m}^2 \times 30\% = 215.095,4 \text{ m}^2$ )

Căn cứ QCVN 01:2021/BXD tại mục 2.6.4 về quy định mật độ xây dựng gộp tối đa của khu công viên, tại lô đất cây xanh tập trung có thể xây dựng các kiến trúc nhỏ (chòi nghỉ, tiểu cảnh,...) với:

+ Mật độ xây dựng gộp tối đa:  $\leq 5\%$

+ Tầng cao xây dựng: 01 tầng

### 11.2.4. Đất cây xanh chuyên dụng:

Tổng diện tích 265,4 m<sup>2</sup> chiếm 0,04 % tổng diện tích khu vực lập quy hoạch. Bố trí dải phân cách 5m đường điện cao thế nằm hướng Tây Nam khu vực lập quy hoạch.

### 11.2.5. Đất bãi đỗ xe:

Tổng diện tích 60.152,8 m<sup>2</sup> chiếm 8,39 % tổng diện tích khu vực lập quy hoạch.

- Với tổng quy mô sinh viên điều chỉnh quy hoạch Đại học Cần Thơ (khu II): 55.000 sinh viên và 1.800 giảng viên và người lao động thì nhu cầu về diện



tích bãi đỗ xe là điều không thể thiếu. Tuy nhiên sinh viên sẽ được tính tập trung tại một thời điểm:  $55.000 \times 0,6^2$  (hệ số đồng thời) = 33.000 sinh viên.

- Căn cứ theo Thông tư 03/2020/TT-BGDĐT tiêu chuẩn sử dụng diện tích công trình sự nghiệp giáo dục tại khoản 13, điều 5 thì diện tích nhà để xe tối thiểu khoảng 60% tổng số sinh viên, giảng viên, cán bộ. Cụ thể như sau:

+ Diện tích bãi đỗ xe:  $33.000 \text{ sinh viên} \times 2.5 \text{ m}^2/\text{sv} = 82.500 \text{ m}^2$ .

+ Diện tích bãi đỗ xe tối thiểu 60%:  $82.500 \times 60\% = 49.500 \text{ m}^2$  (tổng diện tích bãi đỗ xe khu vực lập quy hoạch:  $60.152,8 \text{ m}^2$ ).

► Diện tích bãi đỗ xe đáp ứng đủ nhu cầu. Trong tương lai, bãi đỗ xe có thể xây dựng cao tầng để đáp ứng nhu cầu đỗ xe hoặc bố trí bãi đỗ xe ở các tầng hầm trong công trình.

- Tầng cao xây dựng tối đa: 03 tầng.

#### **11.2.6. Đất công trình hạ tầng kỹ thuật khác:**

Tổng diện tích  $4.517,7 \text{ m}^2$  chiếm 0,63 % tổng diện tích khu vực lập quy hoạch. Trạm xử lý nước thải phải xây dựng đáp ứng đúng công năng sử dụng, tuân thủ các chỉ tiêu, quy định về xây dựng và khuyến khích bố trí mảng xanh cách ly để giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường. Công trình xây dựng cần đảm bảo an toàn, tiện dụng và mỹ quan.

Vị trí xây dựng mới trạm xử lý nước thải tập trung nằm ở hướng Tây Nam khu vực lập quy hoạch. Trong mỗi dự án xây mới sẽ có trạm xử lý nước thải cục bộ để xử lý theo tiêu chuẩn quy định.

- Mật độ xây dựng, chiều cao công trình phụ thuộc vào công nghệ.

- Tầng cao xây dựng: 01 tầng.

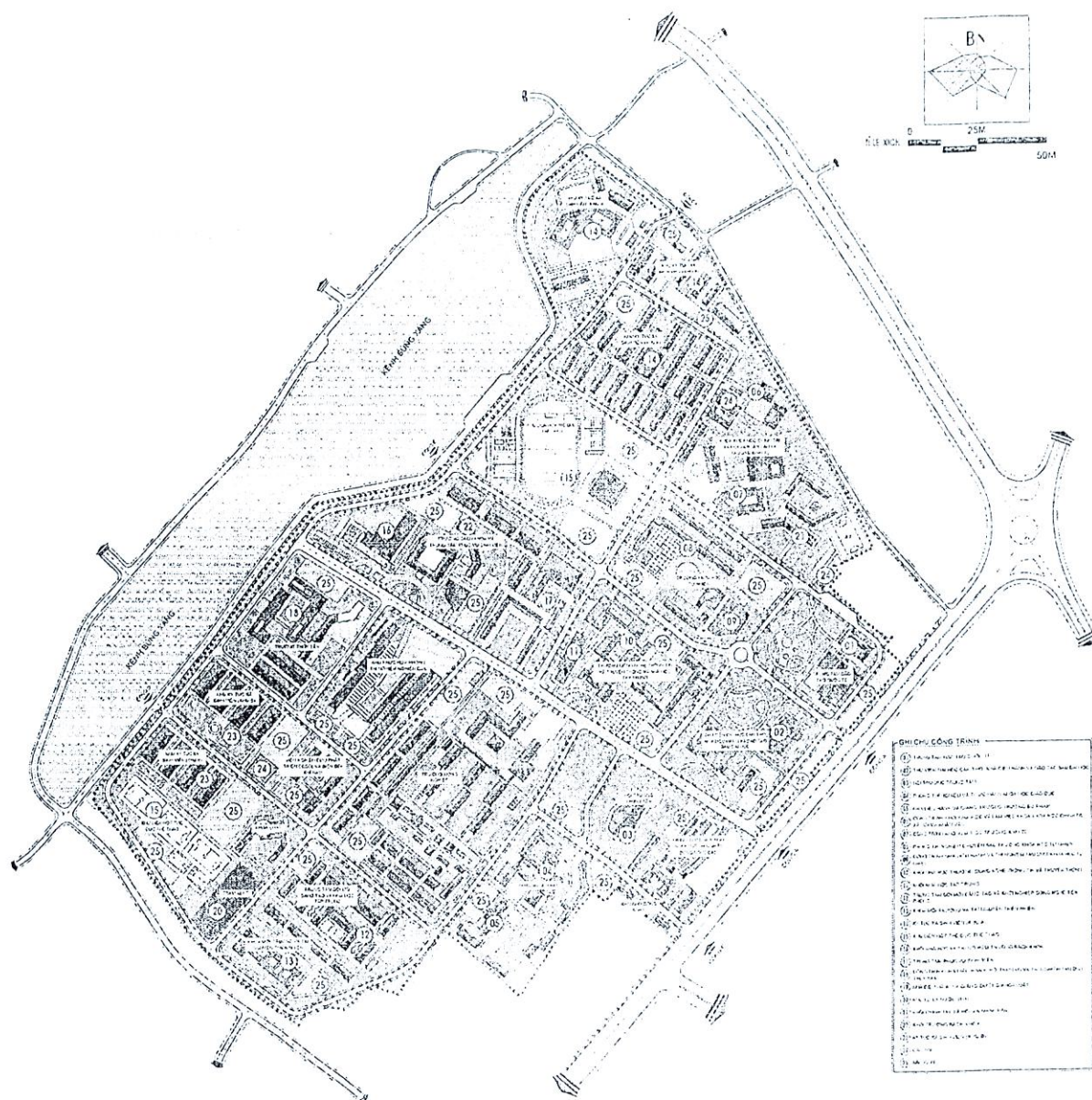
#### **11.2.7. Hồ, ao.**

Tổng diện tích  $2.586,7 \text{ m}^2$  chiếm 0,36 % tổng diện tích khu vực lập quy hoạch.

---

<sup>2</sup> Hệ số đồng thời sinh viên tập trung tại một thời điểm, căn cứ vào thống kê lịch thời khóa biểu của tất cả sinh viên Đại học Cần Thơ





Sơ đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan

| BẢNG THỐNG KÊ CHI TIẾT CÁC KHU CHỨC NĂNG |                                                            |                             |           |                 |                                             |                        |
|------------------------------------------|------------------------------------------------------------|-----------------------------|-----------|-----------------|---------------------------------------------|------------------------|
| STT                                      | Loại công trình                                            | Diện tích (m <sup>2</sup> ) | Tỷ lệ (%) | MĐXD tối đa (%) | Diện tích xây dựng tối đa (m <sup>2</sup> ) | Tầng cao tối đa (tầng) |
| 1                                        | Đất trung tâm nghiên cứu, đào tạo                          | 369.772,5                   | 51,57     |                 | 147.908,9                                   |                        |
| 1.1                                      | Trung tâm đào tạo quốc tế                                  | 6.929,1                     |           | 40              | 2.771,6                                     | 9                      |
| 1.2                                      | Thư viện Đại học Cần Thơ; Nhà điều hành và đào tạo sau đại | 15.734,8                    |           | 40              | 6.293,9                                     | 9                      |



| BẢNG THỐNG KÊ CHI TIẾT CÁC KHU CHỨC NĂNG |                                                                                   |                             |           |                 |                                             |                        |
|------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-----------|-----------------|---------------------------------------------|------------------------|
| STT                                      | Loại công trình                                                                   | Diện tích (m <sup>2</sup> ) | Tỷ lệ (%) | MĐXD tối đa (%) | Diện tích xây dựng tối đa (m <sup>2</sup> ) | Tầng cao tối đa (tầng) |
|                                          | học                                                                               |                             |           |                 |                                             |                        |
| 1.3                                      | Trung tâm ngoại ngữ và phòng thí nghiệm công nghệ cao                             | 13.749,5                    |           | 40              | 5.499,8                                     | 12                     |
| 1.4                                      | Khoa Khoa học chính trị, xã hội và nhân văn và Trường Kinh tế                     | 45.807,0                    |           | 40              | 18.322,8                                    | 9                      |
|                                          | - Công trình khối nhà học và làm việc khoa Khoa học chính trị, xã hội và nhân văn |                             |           |                 |                                             |                        |
|                                          | - Công trình Khối nhà học trường Kinh tế                                          |                             |           |                 |                                             |                        |
|                                          | - Khối chính trị, xã hội và nhân văn                                              |                             |           |                 |                                             |                        |
| 1.5                                      | Trường Khoa học tự nhiên                                                          | 25.210,8                    |           | 40              | 10.084,3                                    | 9                      |
|                                          | - Phòng thí nghiệm chuyên sâu trường Khoa học tự nhiên                            |                             |           |                 |                                             |                        |
|                                          | - Công trình Nhà điều hành và thí nghiệm trường Khoa học tự nhiên                 |                             |           |                 |                                             |                        |
| 1.6                                      | Trường Công nghệ thông tin và truyền thông và Nhà học tập trung                   | 28.240,8                    |           | 40              | 11.296,3                                    | 9                      |
|                                          | - Khối nhà học trường công nghệ thông tin và truyền thông                         |                             |           |                 |                                             |                        |



| BẢNG THỐNG KÊ CHI TIẾT CÁC KHU CHỨC NĂNG |                                                                               |                                |              |                       |                                                      |                                 |
|------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|--------------|-----------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------|
| STT                                      | Loại công trình                                                               | Diện tích<br>(m <sup>2</sup> ) | Tỷ lệ<br>(%) | MĐXD<br>tối đa<br>(%) | Diện tích<br>xây dựng<br>tối đa<br>(m <sup>2</sup> ) | Tầng<br>cao<br>tối đa<br>(tầng) |
|                                          | - Khối nhà học tập<br>trung                                                   |                                |              |                       |                                                      |                                 |
| 1.7                                      | Trường Bách Khoa và<br>Trung tâm phục vụ<br>sinh viên                         | 49.815,4                       |              | 40                    | 19.926,2                                             | 18                              |
|                                          | - Khối nhà học và thí<br>nghiệm trường Bách<br>Khoa                           |                                |              |                       |                                                      |                                 |
|                                          | - Trung tâm phục vụ<br>sinh viên                                              |                                |              |                       |                                                      |                                 |
|                                          | - Khối trường Bách<br>Khoa                                                    |                                |              |                       |                                                      |                                 |
| 1.8                                      | Trường thủy sản                                                               | 21.271,9                       |              | 40                    | 8.508,8                                              | 18                              |
|                                          | - Công trình nhà điều<br>hành, hội trường và<br>thí nghiệm trường<br>thủy sản |                                |              |                       |                                                      |                                 |
| 1.9                                      | Khu phức hợp phòng<br>thí nghiệm nghiên cứu                                   | 20.916,8                       |              | 40                    | 8.366,7                                              | 15                              |
| 1.10                                     | Trường Nông nghiệp                                                            | 56.918,4                       |              | 40                    | 22.767,3                                             | 9                               |
| 1.11                                     | Trường sư phạm                                                                | 26.059,9                       |              | 40                    | 10.424,0                                             | 9                               |
|                                          | - Phòng thí nghiệm và<br>thực hành Khoa học<br>giáo dục                       |                                |              |                       |                                                      |                                 |
|                                          | - Nhà điều hành và<br>giảng đường trường<br>sư phạm                           |                                |              |                       |                                                      |                                 |
| 1.12                                     | Trung tâm đổi mới<br>sáng tạo và nhà học<br>tập trung                         | 17.221,8                       |              | 40                    | 6.888,7                                              | 9                               |



| BẢNG THỐNG KÊ CHI TIẾT CÁC KHU CHỨC NĂNG |                                                                                 |                                |              |                       |                                                      |                                 |
|------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|--------------|-----------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------|
| STT                                      | Loại công trình                                                                 | Diện tích<br>(m <sup>2</sup> ) | Tỷ lệ<br>(%) | MĐXD<br>tối đa<br>(%) | Diện tích<br>xây dựng<br>tối đa<br>(m <sup>2</sup> ) | Tầng<br>cao<br>tối đa<br>(tầng) |
|                                          | - Trung tâm đổi mới<br>sáng tạo và khởi<br>nghiệp công nghệ tiên<br>phong       |                                |              |                       |                                                      |                                 |
| 1.13                                     | Khoa Môi trường và<br>Tài nguyên thiên nhiên                                    | 13.952,0                       |              | 40                    | 5.580,8                                              | 9                               |
| 1.14                                     | Viện nghiên cứu phát<br>triển đồng bằng sông<br>Cửu Long và biến đổi<br>khí hậu | 9.217,0                        |              | 40                    | 3.686,8                                              | 9                               |
| 1.15                                     | Khu chợ công nghệ                                                               | 1.147,0                        |              | 40                    | 458,8                                                | 2                               |
| 1.16                                     | Hội trường trung tâm                                                            | 11.806,9                       |              | 40                    | 4.722,8                                              | 3                               |
| 1.17                                     | Khoa Luật                                                                       | 5.773,4                        |              | 40                    | 2.309,3                                              | 9                               |
| 2                                        | <b>Đất công trình ký túc<br/>xá</b>                                             | <b>84.827,5</b>                | <b>11,83</b> | <b>40</b>             | <b>33.931,0</b>                                      |                                 |
| 2.1                                      | Khu ký túc xá sinh<br>viên (Khu A)                                              | 61.815,2                       |              | 40                    | 24.726,1                                             | 18                              |
| 2.2                                      | Khu ký túc xá sinh<br>viên (Khu B)                                              | 23.012,3                       |              | 40                    | 9.204,9                                              | 9                               |
| 3                                        | <b>Đất thể dục thể thao</b>                                                     | <b>44.271,1</b>                | <b>6,17</b>  | <b>60</b>             | <b>26.562,7</b>                                      |                                 |
| 3.1                                      | Đất thể dục thể thao<br>(Khu 1)                                                 | 30.604,8                       |              | 60                    | 18.362,9                                             | 9                               |
| 3.2                                      | Đất thể dục thể thao<br>(Khu 2)                                                 | 13.666,3                       |              | 60                    | 8.199,8                                              | 9                               |
|                                          | <b>Tổng cộng</b>                                                                | <b>498.871,1</b>               |              |                       | <b>208.402,6</b>                                     |                                 |



## 12. XÁC ĐỊNH YÊU CẦU TỔ CHỨC KHÔNG GIAN, KIẾN TRÚC CẢNH QUAN:

### 12.1. Bố cục không gian khu vực lập quy hoạch:

- **Đất trung tâm nghiên cứu, đào tạo:** bố trí tại các khu chức năng khác nhau, đóng vai trò trong việc tạo không gian môi trường đào tạo chuyên nghiệp. Các khối công trình cao tầng là không gian trung tâm để tạo điểm nhấn, mang nét đặc trưng riêng biệt cho Đại học Cần Thơ.

+ Đối với các khối nghiên cứu nằm tại các vị trí có khu vực yên tĩnh nhất của khuôn viên, để việc tập trung nghiên cứu được tốt nhất, trong đây sẽ bao gồm các phòng thí nghiệm chuyên sâu, trung tâm dữ liệu, thư viện ...

+ Đối với các khối học tập nằm tại trung tâm để tiếp cận với các khu vực công cộng, trong đây sẽ bao gồm các phòng lý thuyết, giảng đường, văn phòng khoa, phòng ban,... Ngoài ra, có thể nhấn mạnh tính liên kết bằng cầu nổi hoặc hành lang kính giữa các khối với nhau.

+ Quy hoạch về hình khối kiến trúc của công trình: Hình thức kiến trúc và màu sắc công trình cần đảm bảo cho sự hài hòa của Đại học Cần Thơ. Hình khối tạo hình đơn giản, hiện đại, tạo điểm nhấn trúc đứng của công trình cao tầng như sử dụng hệ lam chắn nắng linh hoạt, sử dụng kính low E có bức xạ tập, khả năng cản nhiệt tốt. Các công trình thấp tầng có thể sử dụng giải pháp mảng xanh mặt đứng là một giải pháp thiết kế kiến trúc tạo ra một “bức tường xanh” giúp cải thiện chất lượng không khí, giảm nhiệt độ, giảm tiếng ồn và tăng tính thẩm mỹ cho không gian. Giúp công trình trở nên độc đáo, nghệ thuật, mang lại cảm giác gần gũi với thiên nhiên, giảm căng thẳng và cải thiện chất lượng làm việc, học tập của giảng viên, cán bộ, sinh viên của trường.

+ Khuyến khích công trình thiết kế theo xu hướng công trình xanh, thích ứng biến đổi khí hậu, đảm bảo đáp ứng đầy đủ nhu cầu chức năng của trường.

+ Đảm bảo tuân thủ các chỉ tiêu chiều cao và mật độ xây dựng, khoảng lùi công trình theo bảng 2.7 trong QCVN01:2021/BXD.

+ Màu sắc: Sử dụng màu sắc phù hợp với công trình giáo dục chủ yếu màu trắng, xám nhạt,...

- **Đất công trình ký túc xá:** Bố trí gồm 02 khu: (Ký túc xá khu A, ký túc xá khu B) chủ yếu phục vụ cho sinh viên của trường (sinh viên có nhu cầu ở nội trú, lưu học sinh quốc tế, nghiên cứu sinh,...) không gian cảnh quan xung quanh ký túc xá được thiết kế hướng tới sự xanh hóa, linh hoạt và kết nối các chức năng sinh hoạt. Khu vực bãi đỗ xe được quy hoạch gần ký túc xá, có mái che và đảm bảo an ninh.

+ Quy hoạch về hình khối kiến trúc của công trình: Hình khối kiến trúc tạo hình đơn giản, hài hòa, tối ưu hóa được diện tích sử dụng và hành lang giao thông. Thiết kế phải chú trọng để tính thông thoáng tự nhiên và chiếu sáng cho các phòng bằng cách sử dụng các hành lang thông thoáng hoặc giếng trời. Mặt đứng công trình có sử dụng các mảng đặc rỗng đan xen hoặc hệ lam chắn nắng để tạo nhịp điệu và giảm bức xạ nhiệt cho công trình.



+ Khuyến khích công trình thiết kế theo xu hướng công trình xanh, thích ứng biến đổi khí hậu, đảm bảo đáp ứng đầy đủ nhu cầu chức năng của ký túc xá.

+ Đảm bảo tuân thủ các chỉ tiêu chiều cao và mật độ xây dựng, khoảng lùi công trình theo bảng 2.7 trong QCVN01:2021/BXD.

+ Màu sắc: Sử dụng tông màu trung tính và sáng làm nền (màu trắng, màu be, màu ghi nhạt) để tạo cảm giác hiện đại và phản xạ nhiệt tốt. Ngoài ra có thể sử dụng màu nhấn trên một số mảng tường hoặc chi tiết lam để tăng tính nhận diện khu ký túc xá.

- **Đất thể dục thể thao:** Hình khối kiến trúc tạo hình đơn giản, hiện đại, chú trọng việc thông thoáng, chiếu sáng tự nhiên.

+ Đối với khu liên hợp thể dục thể thao bố trí 02 khu nằm ở phía Bắc và phía Tây của Đại học, xung quanh bố trí bãi đỗ xe đáp ứng đủ quy mô khi có tổ chức sự kiện thể dục thể thao hoặc thi đấu hội thao. Khu liên hợp thể dục thể thao nằm ở phía Bắc có bố trí sân bóng đá 11 người kết hợp các đường chạy điền kinh bao quanh bố trí dọc theo trục Bắc - Nam tránh ảnh hưởng đến chất lượng thi đấu. Ngoài ra, có bố trí 02 lối ra vào cho ô tô, xe máy và 02 lối ra vào cho người đi bộ. Phía trước bố trí khoảng sân lớn để làm nơi tập kết của khán giả hoặc làm lễ khai mạc.

+ Khu liên hợp thể dục thể thao nằm ở phía Tây của Đại học với quy mô nhỏ hơn, nơi đây bố trí các sân bóng đá 5 người, các môn thể thao ngoài trời như cầu lông, bóng chuyền. Tiếp giáp khu liên hợp có bố trí bãi đỗ xe đủ đáp ứng nhu cầu sinh viên tới chơi thể thao hằng ngày.

+ Khuyến khích công trình thiết kế theo xu hướng công trình xanh, thích ứng biến đổi khí hậu, đảm bảo đáp ứng đầy đủ nhu cầu chức năng của trường.

+ Đảm bảo tuân thủ các chỉ tiêu chiều cao và mật độ xây dựng, khoảng lùi công trình theo bảng 2.7 trong QCVN01:2021/BXD.

+ Màu sắc: Sử dụng màu sắc phù hợp với công trình thể dục thể thao chủ yếu màu trắng, xám nhạt,...

- **Đất cây xanh, không gian mặt nước:** Không gian cây xanh tổ chức theo điều kiện tự nhiên gồm các mảng xanh dọc theo các đường nội bộ. Các mảng xanh tập trung liên kết với nhau bằng dải cây xanh các khu chức năng và toàn khu đại học. Tạo bóng mát cho hệ đường và phần xe chạy, giảm tiếng ồn, bụi, cải thiện khí hậu cho khu vực, tạo cảnh quan cho đường nội bộ khu quy hoạch theo yêu cầu về kiến trúc xanh cho từng loại công trình. Chọn loại cây trồng phải phù hợp với thổ nhưỡng và khí hậu của địa phương.

+ Khu vực lập quy hoạch tiếp giáp phần lớn hồ Búng Xáng, và một vài vị trí hồ sen giúp hấp thụ nhiệt, kiểm soát độ ẩm, đồng thời giúp điều hòa khí hậu. Góp phần tạo môi trường làm việc, học tập cho giảng viên, cán bộ, sinh viên thư giãn, giải trí, giảm stress và nâng cao giá trị công trình khu vực xung quanh.

- **Đất công trình hạ tầng kỹ thuật khác:** bố trí trạm xử lý nước thải phục vụ chủ yếu nước thải trong khuôn viên trường.



- Sân đường nội bộ, bãi xe và các công trình phụ trợ:

+ Sân đường nội bộ: đảm bảo khả năng chịu lực và tải các loại xe theo nhu cầu sử dụng của trường, đảm bảo chiều rộng lưu thông cho xe chữa cháy theo QCVN 06/2022/BXD về An toàn cháy cho nhà và công trình và Thông tư 09/2023 sửa đổi 1:2023 QCVN 06:2022/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành.

+ Bãi xe: bố trí rải rác khắp khuôn viên trường, nhằm phục vụ cho việc đỗ xe thuận tiện, giảm thời gian di chuyển, tránh tình trạng ùn tắc vào một bãi xe.

+ Nhà bảo vệ: Bố trí các nhà bảo vệ xung quanh đảm bảo an ninh và phục vụ cho công trình trường luôn an toàn.

## **12.2. Yêu cầu về hình thức kiến trúc công trình:**

- Thể hiện được đặc điểm, tính chất, chức năng của loại hình công trình giáo dục. Đảm bảo yếu tố bền vững, phù hợp với điều kiện khí hậu, địa hình, thủy văn tại khu vực. Áp dụng các công nghệ mới, vật liệu mới trong công trình kiến trúc nhằm thân thiện với môi trường và tiết kiệm năng lượng.

- Các chi tiết trang trí kiến trúc mặt ngoài công trình phải phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng, hài hòa với kiến trúc cảnh quan xung quanh.

- Hàng rào kết hợp với lối ra vào công trình cần có khu vực đậu xe, khu vực đưa đón khách và người làm việc trong dự án. Có giải pháp tổ chức giao thông, tránh gây ùn tắc tại khu vực cổng ra vào công trình. Xung quanh hàng rào trường không chỉ có chức năng bảo vệ an ninh mà còn góp phần tạo nên bộ mặt tổng thể công trình và chiều cao tùy thuộc vào mức độ an ninh yêu cầu nhằm ngăn chặn xâm nhập trái phép.

- Cổng ra vào cần được thiết kế đủ rộng để các phương tiện có thể ra vào thuận lợi, tránh tình trạng ùn tắc giao thông. Cổng nên được trang bị hệ thống kiểm soát an ninh.

- Màu sắc, vật liệu chủ đạo:

+ Màu sắc trên các công trình kiến trúc phải hài hòa với cảnh quan, kiến trúc khu vực và các công trình lân cận, phù hợp kiến trúc của công trình. Không sử dụng màu phản quang.

+ Vật liệu xây dựng của công trình phải phù hợp quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng, phù hợp với kiến trúc và hài hòa với kiến trúc và cảnh quan của khu vực.

+ Không sử dụng vật liệu phản quang, vật liệu có màu sắc ảnh hưởng cảnh quan đô thị. Sử dụng vật liệu xây dựng đẹp, bền, có chất lượng cao, ít bám bụi, chịu được các điều kiện khí hậu mưa nắng nhiều.

+ Không được sử dụng kính hoặc góc đặt kính gây chói, lóa. Không sử dụng kính gương, kính phủ phản quang có hệ số phản xạ năng lượng ánh sáng mặt trời lớn hơn 0,45.



### **13. THIẾT KẾ ĐÔ THỊ:**

#### **13.1. Các công trình điểm nhấn:**

- Một công trình điểm nhấn của trường không chỉ là một cấu trúc đơn lẻ, mà thường là một tổ hợp các yếu tố tạo nên dấu ấn đặc trưng, cả kiến trúc lẫn chức năng. Thiết kế kiến trúc cần độc đáo, sáng tạo, sử dụng hình khối hiện đại, đồng thời áp dụng các vật liệu mới hiện đại và các công nghệ tiên tiến để tăng giá trị của công trình cả về chức năng và hình thức. Ngoài ra còn có yếu tố cảnh quan cần được quan tâm trong việc kết hợp công trình, tạo điểm nhấn cho không gian xanh, giúp hài hòa với thiên nhiên tương tác với môi trường xung quanh.

- Đảm bảo tuân thủ các chỉ tiêu chiều cao và khoảng lùi công trình theo bảng 2.7 trong QCVN01:2021/BXD.

- Thiết kế thêm khu vực quảng trường trung tâm tại các khu chức năng có không gian rộng mở dùng cho việc tổ chức lễ hội sinh viên, sự kiện trường, hoạt động ngoại khóa. Quảng trường trung tâm đóng góp vô cùng quan trọng, không chỉ về mặt kiến trúc cảnh quan mà còn là điểm nhấn, nơi kết nối giữa giảng viên, sinh viên với nhau và không những là nơi gặp gỡ, giao lưu, trò chuyện sau những giờ nghỉ.

- Tóm lại, quảng trường trung tâm là sự kết hợp hài hòa giữa không gian công cộng và trung tâm chức năng, đóng vai trò then chốt trong việc xây dựng một môi trường học tập toàn diện và gắn kết.

#### **13.2. Nguyên tắc xác định hình thức kiến trúc:**

- Đối với một công trình giáo dục, việc xác định hình thức kiến trúc không chỉ tập trung vào yếu tố thẩm mỹ mà còn phải đáp ứng các yêu cầu về công năng, an toàn, bền vững và môi trường làm việc.

- Hình khối công trình giáo dục:

+ Hình khối của công trình giáo dục thường mang tính chất công năng, với các khối hình học đơn giản như hình chữ nhật, hình hộp. Sự sắp xếp các khối này phải đảm bảo tính hợp lý và hiệu quả, tối ưu hóa không gian sử dụng, dễ dàng phân chia module phòng học, linh hoạt khi mở rộng.

+ Tùy vào chức năng, thẩm mỹ, công năng của các khu chức năng mà hình khối có thể được tổ chức theo bố cục tập trung (một khối lớn duy nhất) hoặc bố cục phân tán (nhiều khối nhỏ liên kết với nhau).

+ Sử dụng các hình khối đặc biệt cho khu vực văn phòng, khu trưng bày hoặc các khu chức năng công cộng, giúp phá vỡ sự đơn điệu của tổng thể kiến trúc, tạo điểm nhấn kiến trúc mạnh mẽ, mang tính biểu tượng cao.

- Màu sắc:

+ Màu sắc chủ đạo: Gam màu trung tính, màu sáng được ưa chuộng trong thiết kế trường hiện đại, kết hợp với một số mảng xanh, tạo cảm giác hài hòa, gần gũi với thiên nhiên, phù hợp với xu hướng kiến trúc xanh.



+ Màu sắc nhấn: Có thể sử dụng các màu tươi sáng như đỏ, vàng để tạo điểm nhấn cho các khu vực cụ thể như lối vào chính, biển hiệu, hoặc các chi tiết kiến trúc đặc biệt, giúp công trình trở nên sống động và dễ nhận diện hơn.

- Hình thức kiến trúc chủ đạo của trường:

+ Hình thức kiến trúc hiện đại ưu tiên đường nét thẳng, hình khối hình học rõ ràng, mặt đứng tối giản, sử dụng mảng bê tông, và kính một cách hiệu quả. Có thể kết hợp với các chi tiết trang trí bằng các tấm nhôm CNC được gia công tạo thành các mảng hoa văn, hình dạng, họa tiết đặc trưng, nâng cao sự sáng tạo và tính thẩm mỹ của công trình.

+ Hình thức kiến trúc tối giản: hạn chế chi tiết trang trí, chỉ sử dụng vật liệu hiện đại thân thiện với môi trường, màu sắc cơ bản. Tạo không gian tập trung, hình thức trên chủ yếu sử dụng năng lượng tái tạo, tận dụng ánh sáng tự nhiên và thông gió tự nhiên, giúp giảm chi phí và thân thiện với môi trường, đảm bảo tính bền vững của công trình.

+ Hình thức kiến trúc xanh: sử dụng các giải pháp kiến trúc thụ động như lợp chắn nắng lớn, sân trong, mảng xanh trên mặt đứng công trình, mái xanh. Thiết kế nhằm tối đa hóa ánh sáng và thông gió tự nhiên, giảm thiểu phụ thuộc vào năng lượng nhân tạo. Hiện nay thân thiện với môi trường, xu hướng kiến trúc xanh ngày càng phổ biến, thúc đẩy vi khí hậu thích hợp cho không gian sống và góp phần tiết kiệm năng lượng cho công trình.

- Hệ thống cây xanh, mặt nước:

+ Được tích hợp vào kiến trúc không chỉ làm đẹp cảnh quan mà còn cải thiện chất lượng môi trường làm việc, tạo cảm giác thoải mái cho giảng viên, cán bộ và sinh viên trong trường.

+ Lựa chọn các loại cây dáng cao, tán rộng giúp che chắn ánh nắng, giảm nhiệt độ, lọc không khí, còn mặt nước giúp điều hòa độ ẩm, tạo vi khí hậu mát mẻ cho khu vực lập quy hoạch nói riêng mà còn tổng thể đô án nói chung.

+ Khu vực lập quy hoạch tiếp giáp phần lớn kênh Búng Xáng giúp hấp thụ nhiệt, kiểm soát độ ẩm, đồng thời giúp điều hòa khí hậu. Góp phần tạo môi trường làm việc, học tập cho giảng viên, cán bộ, sinh viên thư giãn, giải trí, giảm stress và nâng cao giá trị công trình khu vực xung quanh.

### **13.3. Tổ chức cây xanh công cộng, sân vườn, cây xanh đường phố và mặt nước trong phạm vi quy hoạch:**

Thiết kế mảng xanh giúp giải quyết chất lượng không gian làm sạch không khí, kiểm soát nhiệt độ, độ ẩm và giảm tiếng ồn; thiết kế không gian đệm, tính toán các yếu tố vi khí hậu. Lựa chọn cây xanh trồng trong khu vực lập quy hoạch khuyến khích trồng các loại cây cao, tán rộng để tăng khả năng hấp thụ nhiệt và bụi, giảm thiểu ô nhiễm không khí trong khu vực lập quy hoạch. Tránh trồng các loại cây trong Danh mục cây cấm trồng, cây trồng hạn chế trong các đô thị thuộc địa bàn thành phố Cần Thơ tại Quyết định số 3263/QĐ-UBND ngày 25/10/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.



Đất cây xanh trong khu Đại học (công viên, vườn hoa): nghiên cứu, khai thác triệt để không gian mặt nước, cây xanh hiện có, tạo lập các trục cảnh quan kết hợp với không gian đi bộ.

Tích hợp các chức năng đất khác vào cây xanh, trong phần diện tích đất trồng cây xanh, công viên, vườn hoa có thể xây dựng các kiến trúc nhỏ (chòi nghỉ, tiểu cảnh,...)

#### **13.4. Các giải pháp phát triển đô thị thông minh:**

- Hình thành, kết nối liên thông, duy trì và vận hành hệ thống không gian đô thị số hóa và cơ sở dữ liệu đô thị quốc gia. Xây dựng hệ thống hạ tầng dữ liệu không gian, hợp nhất các dữ liệu đất đai, xây dựng trên nền tảng GIS và các cơ sở dữ liệu khác.

- Thực hiện, ứng dụng ICT trong quản lý cơ sở dữ liệu hạ tầng kỹ thuật đô thị, quản lý đất xây dựng, quản lý cấp thoát nước, thu gom xử lý rác thải, diện tích cây xanh, mặt nước và cảnh quan tự nhiên, quản lý các khu vực xây dựng phần ngầm của công trình xây dựng.

- Đẩy mạnh áp dụng công nghệ thông minh trong quy hoạch và quản lý phát triển khu vực lập quy hoạch.

- Phát triển các tiện ích dịch vụ công cộng thông minh cho khu vực lập quy hoạch.

- Xây dựng, lồng ghép và phát triển các nội dung đào tạo về đô thị thông minh ở bậc đại học và sau đại học trong chương trình đào tạo các ngành đào tạo có liên quan bao gồm quy hoạch đô thị, kiến trúc, xây dựng, giao thông, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị công trình, điện, nước công trình và các ngành đào tạo khác.

### **14. QUY HOẠCH HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT:**

#### **14.1. Quy hoạch hệ thống giao thông:**

##### **14.1.1. Cơ sở thiết kế:**

- Dựa vào bản đồ hiện trạng trong khu vực thiết kế.
- Bản đồ quy hoạch sử dụng đất và cảnh quan.
- QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;
- QCVN 07-2023/BXD “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật”
- TCVN 13592: 2022 “Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế”.
- TCVN 4054: 2005 “Đường ô tô – Yêu cầu thiết kế”.

##### **14.1.2. Giải pháp đầu nối:**

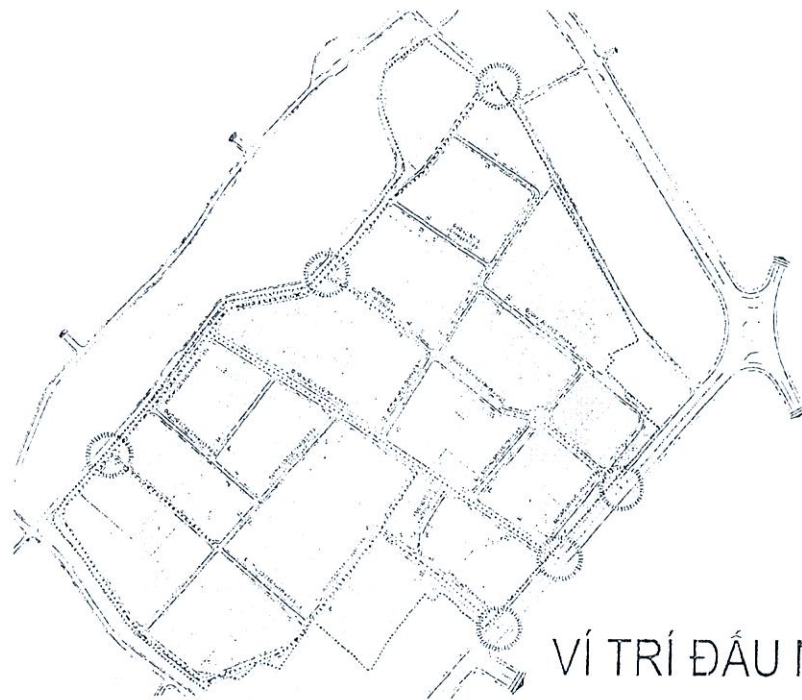
Điểm đầu nối giao thông của khu quy hoạch gồm 6 điểm:



- 3 điểm đã thực hiện đầu nối là đường số 9 (lộ giới 19 m), đường số 10 (lộ giới 26 m) và đường số 11 (lộ giới 19 m) đầu nối ra đường 3 Tháng 2 (lộ giới 40 m).

- 2 điểm từ đường số 7 (lộ giới 17 m) và đường số 14 (lộ giới 14 m) định hướng kết nối ra đường hồ Búng Xáng; việc đầu nối cụ thể được thực hiện khi đủ điều kiện và được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

- 1 điểm định hướng kết nối từ đường số 3 (lộ giới 14 m) kết nối ra đường Cao Thắng.



VÍ TRÍ ĐẦU NỐI

*Sơ đồ vị trí đầu nối giao thông*

#### **14.1.3. Giải pháp thiết kế:**

Giao thông nội bộ: Các tuyến đường nội bộ có dạng mạng ô cờ rất thuận tiện cho việc lưu thông xe cộ, kết nối dễ dàng, tính an toàn cao...

Khu vực lập quy hoạch có trục đường chính (đường số 10 lộ giới 26m) là tuyến kết nối với đường 3 tháng 2, từ trục đường chính sẽ có các tuyến phân nhánh đến các khối nhà.

Các ký hiệu đường này để phân biệt về mặt kỹ thuật trong nội dung lập đồ án quy hoạch. Không là pháp lý về đặt đổi tên đường. Việc đặt đổi tên đường sẽ thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

Cao độ thiết kế:

+ Độ dốc ngang vỉa hè: 1,5%, độ dốc ngang mặt đường: 2,0%

+ Cao độ tim đường tùy thuộc vào bề rộng mặt cắt ngang. độ dốc dọc thiết kế là 0,00% cho toàn bộ các trục giao thông trong khu vực.



+ Điểm xin đầu nối giao thông đối ngoại của khu Quy hoạch tại trục đường Số 9 đường số 10 và đường số 11 với đường 3 tháng 2.

| BẢNG THỐNG KÊ GIAO THÔNG |                             |              |           |         |             |            |             |
|--------------------------|-----------------------------|--------------|-----------|---------|-------------|------------|-------------|
| STT                      | TÊN ĐƯỜNG                   | ĐIỂM ĐỊNH VỊ |           | LỘ GIỚI | VỈA HÈ TRÁI | LÒNG ĐƯỜNG | VỈA HÈ PHẢI |
|                          |                             | ĐIỂM ĐẦU     | ĐIỂM CUỐI | (m)     | (m)         | (m)        | (m)         |
| <b>I</b>                 | <b>GIAO THÔNG ĐỐI NGOẠI</b> |              |           |         |             |            |             |
| 1                        | ĐƯỜNG SỐ 1                  | 1A           | 1B        | 14      | 3,5         | 7          | 3,5         |
| 2                        | ĐƯỜNG SỐ 7                  | 7A           | 7B        | 14      | 3,5         | 7          | 3,5         |
| 3                        | ĐƯỜNG SỐ 9                  | 9A           | 9B        | 19      | 5           | 9          | 5           |
| 4                        | ĐƯỜNG SỐ 10                 | 10A          | 10B       | 26      | 6           | 14         | 6           |
| 5                        | ĐƯỜNG SỐ 11                 | 11A          | 11B       | 19      | 5           | 9          | 5           |
| 6                        | ĐƯỜNG SỐ 14                 | 11B          | 14B       | 14      | 3,5         | 7          | 3,5         |
| <b>II</b>                | <b>GIAO THÔNG NỘI BỘ</b>    |              |           |         |             |            |             |
| 1                        | ĐƯỜNG SỐ 2                  | 2A           | 2B        | 14      | 3,5         | 7          | 3,5         |
| 2                        | ĐƯỜNG SỐ 3                  | 3A           | 3B        | 14      | 3,5         | 7          | 3,5         |
| 3                        | ĐƯỜNG SỐ 4                  | 4A           | 4B        | 14      | 3,5         | 7          | 3,5         |
| 4                        | ĐƯỜNG SỐ 5                  | 5A           | 4B        | 19      | 5           | 9          | 5           |
| 5                        | ĐƯỜNG SỐ 6                  | 6A           | 6B        | 19      | 5           | 9          | 5           |
| 6                        | ĐƯỜNG SỐ 8                  | 8A           | 8B        | 14      | 3,5         | 7          | 3,5         |
| 7                        | ĐƯỜNG SỐ 12                 | 12A          | 12B       | 19      | 5           | 9          | 5           |
| 8                        | ĐƯỜNG SỐ 13                 | 13A          | 13B       | 14      | 3,5         | 7          | 3,5         |
| 9                        | ĐƯỜNG SỐ 15                 | 15A          | 15B       | 14      | 3,5         | 7          | 3,5         |
| 10                       | ĐƯỜNG SỐ 16                 | 6B           | 16B       | 14      | 3,5         | 7          | 3,5         |

#### 14.1.4. Các yếu tố kỹ thuật:

- Vạt góc công trình trong khu quy hoạch, căn cứ theo bảng 1 TCVN 9411:2012

- Bán kính bằng của gờ bó vỉa tại giao lộ trong khu quy hoạch:  $R \geq 8,0m$

- Một số thông số thiết kế giao thông được lựa chọn:

- + Loại đường : Đường phố nội bộ.
- + Cấp đường : Cấp III.
- + Cấp kỹ thuật : 40.
- + Tốc độ thiết kế : 40Km/h.
- + Tải trọng : Trục xe 10 tấn.
- + Loại mặt đường : Cấp cao A1.



- + Áp lực, đường kính vệt bánh xe : 0,6Mpa; D=33cm
- + Modun đàn hồi yêu cầu :  $E_{yc} \geq 120\text{MPa}$
- Về cao độ và độ dốc:
- + Độ dốc ngang mặt đường : 2,0%

#### **14.1.5. Tổ chức thi công đường giao thông:**

- Tổ chức thi công đường:
- + Đào lòng đường lu lèn đạt  $K \geq 0,95$ .
- + Thi công lớp móng cát dày 50cm, đầm nén đạt độ chặt  $K \geq 0,98$ .
- + Thi công lớp móng dưới, cấp phối đá 0x4 loại 2 dày 25cm.
- + Thi công lớp móng trên, cấp phối đá 0x4 loại dày 15cm. kết hợp đúc bê tông gờ bó vỉa.
- + Tưới nhựa lót tiêu chuẩn  $1\text{Kg/m}^2$ .
- + Láng nhựa 2 lớp dày 2,5 cm, tiêu chuẩn nhựa  $3,0\text{ kg/m}^2$ .
- + Hoàn thiện công trình.
- Tổ chức thi công vỉa hè:
- + Đào móng xây gạch thẻ chặn lề.
- + Đắp cát nền  $K \geq 0,95$  đến cao độ yêu cầu.
- + Chừa ô trồng cây. Thi công lớp vữa tạo phẳng vữa M75, lát gạch vỉa hè.
- + Đắp đất trồng cây và trồng cây xanh.
- + Hoàn thiện các công việc còn lại.

### **14.2. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật đất:**

#### **14.2.1. Cơ sở thiết kế:**

- QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;
- QCVN 07-2023/BXD “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật”

#### **14.2.2. Giải pháp thiết kế:**

Khu II Đại học Cần Thơ có địa hình tương đối bằng phẳng, phần lớn là đất đã tôn nền với những khu vực có địa hình cao là khu đất đã xây dựng hiện hữu cao độ từ +2,0m đến +2,4m (cao độ Quốc gia), cao độ bình quân ao mương là +0,6m đến +0,7m (cao độ Quốc gia). Cao độ trung bình toàn khu là: +2,2m (cao độ Quốc gia).

- Giải pháp san nền khu đất xây dựng mới: San nền cục bộ từ khu vực, theo cao độ san lấp tối thiểu.

- Giải pháp xử lý nền trước khi san lấp: Nạo vét lớp đất hữu cơ trước khi san lấp mặt bằng.



- Phương pháp tính san nền: Tính theo từng ô đất
- Vật liệu đất đắp: Cát san lấp.
- Độ đầm chặt san nền  $k=0,90$
- Dựa vào địa hình tự nhiên để đảm bảo khối lượng đào đắp ít nhất.
- Đảm bảo tốt thoát nước bề mặt trong khu đất san nền.

#### **14.2.3. Nguyên tắc chọn cao độ cho khu đất xây dựng:**

- Địa hình khu đất thiết kế quy hoạch chủ yếu đất xây dựng công trình, các khu vực cây xanh, ao hồ.
- Trên nguyên tắc thiết kế san nền, dựa vào cao độ của các khu vực lân cận, cao độ thiết kế để phù hợp với quy hoạch chung xây dựng, khối lượng đào đắp nhỏ nhất và thuận lợi cho việc xây dựng các công trình, đường giao thông thuận tiện theo tiêu chuẩn đường trong đô thị.
- Không thực hiện san lấp toàn khu vực quy hoạch, chỉ thực hiện san lấp cục bộ từng công trình phù hợp với cao độ xây dựng. Đảm bảo kết nối với công trình xung quy quanh và hệ thống giao thông nội bộ
- Cao độ san lấp cục bộ từng dự án: Hsl: +2,40 (Cao độ Hòn Dấu) đảm bảo phù hợp với các công trình đã thực hiện. Theo quyết định 1258/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2009.
- Trong quá trình thực hiện dự án đầu tư xây dựng, cao độ xây dựng phải đảm bảo tuân thủ quy hoạch cao độ nền thoát nước mặt của thành phố có hiệu lực.

#### **Quy cách tính toán:**

Lưới ô vuông 20 x20 m để tính.

$$V = f \times h \text{ (m}^3\text{)}$$

f: Diện tích (m<sup>2</sup>)

h: Chiều cao tb các cạnh tam giác (m)

### **14.3. Quy hoạch hệ thống cấp nước:**

#### **14.3.1. Cơ sở thiết kế:**

Quy chuẩn QCVN 01:2021/BXD: Quy chuẩn xây dựng Việt Nam - Quy hoạch xây dựng.

Quy chuẩn QCVN 07-1:2023/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật cấp nước.

#### **14.3.2. Hiện trạng cấp nước:**

- Hiện hữu tại khu vực quy hoạch các hạng mục cấp nước đã được thi công hoàn thành theo quy hoạch được duyệt và đã đưa vào sử dụng.
- Nguồn cấp nước là Công ty cổ phần Cấp thoát nước, chi nhánh cấp nước số 1.



### 14.3.3. Định hướng quy hoạch cấp nước:

#### a. Chỉ tiêu cấp nước:

- + Cấp nước sinh hoạt : 180 lít/ người/ngày đêm.
- + Trường học : 15 lít/học sinh/ngày đêm
- + Nước dịch vụ thương mại, công cộng khác: 2 l/m<sup>2</sup> sàn
- + Nước tưới cây : 3 l/m<sup>2</sup>/ngày đêm
- + Nước rửa đường : 0,4 l/m<sup>2</sup>/ngày đêm
- + Nước cứu hoả : 15 (lít/s) – 01 đám cháy diễn ra liên

tục trong 3 giờ.

- + Dự phòng rò rỉ : 15% × (lưu lượng chung);

#### b. Xác định tổng nhu cầu dùng nước:

- Quy mô sinh viên theo đề xuất điều chỉnh quy hoạch Đại học Cần Thơ khu II: 55.000 sinh viên và 1.800 giảng viên và người lao động.

- Hệ thống cung cấp nước phải đảm bảo thỏa mãn các yêu cầu về chất lượng, áp lực, lưu lượng nước cấp cho các nhu cầu trong đô thị.

**Bảng dự báo nhu cầu dùng nước**

| <b>I Nhu cầu dùng nước</b> |                                                                                                                                                                                           |         |                     |
|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|---------------------|
| 1                          | Lưu lượng nước sinh hoạt<br>$q_{sh1} = q_{01} * N / 1000$<br>$q_0$ : Tiêu chuẩn dùng nước (l/người-ngđ)<br>$q_0 = 20$ (l/người-ngđ)<br>N: Dân số trong khu qui hoạch<br>N = 56800 (người) | 1136,00 | m <sup>3</sup> /ngđ |
| 2                          | Lưu lượng nước phục vụ công cộng<br>$q_{pv} = q_{sh1} * 10\%$                                                                                                                             | 113,60  | m <sup>3</sup> /ngđ |
| 3                          | Lưu lượng nước tưới cây, rửa đường.<br>$q_{pv} = q_{sh1} * 8\%$                                                                                                                           | 90,88   | m <sup>3</sup> /ngđ |
| 4                          | Lưu lượng nước thất thoát, rò rỉ<br>$q_{tt} = (q_{sh} + q_{pv} + q_{dv}) * 15\%$                                                                                                          | 201,07  | m <sup>3</sup> /ngđ |
| <b>II Lưu lượng</b>        |                                                                                                                                                                                           |         |                     |
| 1                          | Tổng nhu cầu dùng nước                                                                                                                                                                    | 1541,55 | m <sup>3</sup> /ngđ |
| 2                          | Lưu lượng ngày $Q_{ng,max}$                                                                                                                                                               | 1849,86 | m <sup>3</sup> /ngđ |



|            |                                                                                                                                          |        |                     |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|---------------------|
|            | Hệ số dùng nước ngày $K_{ng,max} = 1,2$                                                                                                  |        |                     |
| <b>III</b> | <b>Nước chữa cháy</b>                                                                                                                    |        |                     |
| 1          | Lưu lượng nước phục vụ chữa cháy<br>$q_{cc} = q_0 \cdot T \cdot n$<br><br>Tiêu chuẩn cc $q_0 = 40$ l/s<br>n: số đám cháy $n = 2$ (3h/đc) | 864,00 | m <sup>3</sup> /ngđ |

*a. Chọn nguồn cấp nước:*

- Nguồn cấp nước là Công ty cổ phần Cấp thoát nước, chi nhánh cấp nước số 1, nước cung cấp đảm bảo tiêu chuẩn sinh hoạt, đủ lưu lượng, áp lực yêu cầu đúng quy định hiện hành.

*b. Phương án thiết kế:*

- Qua những mục tiêu và yêu cầu chọn phương án thiết kế xây dựng mới hệ thống cấp nước trong khu quy hoạch và đầu nối vào hệ thống cấp nước chung toàn thành phố.

- Hình thức bố trí: Mạng lưới cấp nước là mạng lưới vòng kết hợp mạng lưới phân nhánh. Đường ống được bố trí dọc dưới vỉa hè đường giao thông chính trong khu quy hoạch.

- Mạng lưới cấp nước bao gồm các hệ thống đường ống phục vụ cho các khu. Hệ thống tuyến ống cấp nước chính có đường kính D150, D200, D250.

- Ngoài ra trên mạng cấp nước có bố trí các trụ chữa cháy D110 (khoảng cách giữa các trụ không quá 150m). Trụ chữa cháy được bố trí ở nơi thuận tiện cho việc lấy nước chữa cháy.

*c. Chọn loại ống:*

- Chọn ống HDPE cho toàn bộ hệ thống cấp nước.

#### **14.4. Quy hoạch hệ thống thoát nước mặt**

##### **14.4.1. Cơ sở lập quy hoạch:**

Quy chuẩn QCVN 01:2021/BXD: Quy chuẩn xây dựng Việt Nam - Quy hoạch xây dựng.

Quy chuẩn QCVN 07-2:2023/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật - Công trình thoát nước.

##### **14.4.2. Hiện trạng thoát nước mặt:**

Hiện trạng tại khu vực quy hoạch các hạng mục thoát nước mặt đã được thi công một phần hoàn thành theo quy hoạch được duyệt và đã đưa vào sử dụng.

##### **14.4.3. Định hướng quy hoạch thoát nước mặt:**

*a. Chỉ tiêu tính toán:*

Lưu lượng tính toán nước mưa  $Q$  (l/s) xác định theo phương pháp cường độ giới hạn và tính theo công thức sau:



$$Q = q \times C \times F$$

Trong đó: Q – lưu lượng mưa tính toán (l/s)

q – cường độ mưa (l/s.ha);

C – hệ số dòng chảy;

F – Diện tích lưu vực tính toán (ha);

Cường độ mưa q (lít/s.ha), xác định theo công thức:

$$q = \frac{A \times (1 + C \times \lg P)}{(t + b)^n}$$

Trong đó: q - Cường độ mưa (l/s.ha);

t - Thời gian dòng chảy mưa (phút);

P - Chu kỳ lặp lại trận mưa tính toán (năm);

A, C, b, n – tham số xác định theo điều kiện địa phương, theo phụ lục B – TCVN 7957:2008;

P: Chu kỳ tính toán, P = 1 năm;

t: thời gian tính toán, phút;  $t = t_0 + t_1 + t_2$ ;

$t_0$  - Thời gian nước mưa chảy trên bề mặt đến rãnh đường, có thể chọn từ 5 đến 10 phút.

$t_1$ : Thời gian nước chảy theo rãnh đường đến giếng thu

$$t_1 = 0,021 \times (L_1/V_1)$$

$L_1$  - Chiều dài rãnh đường (m)

$V_1$  - Tốc độ chảy ở cuối rãnh đường (m/s)

$t_2$ - Thời gian nước chảy trong cống đến tiết diện tính toán

$$t_2 = 0.017 \sum (L_2/V_2)$$

$L_2$  - Chiều dài mỗi đoạn cống tính toán (m)

$V_1$  - tốc độ chảy trong mỗi đoạn cống tương đương (m/s)

Vận tốc dòng chảy trong ống  $V > V_{\min}$  ( $V_{\min}$  là vận tốc tự làm sạch): Cống D600  $V_{\min} = 1.00$  (m/s), Cống D800  $V_{\min} = 1.10$  (m/s), Cống D1000  $V_{\min} = 1.15$  (m/s);

Độ dốc đặt ống  $i > i_{\min} = 1/D$  (D đường kính trong của cống mm);

b. Dự báo tổng lượng mưa:

Tổng diện tích khu quy hoạch 716.984,7m<sup>2</sup>.

Bảng dự báo tổng lưu lượng mưa

| LV | Diện tích<br>F (m <sup>2</sup> ) | Tham số cường độ mưa |     |    |      | P | t<br>(phút) | C    | q<br>(l/s.ha) | Q<br>(l/s) |
|----|----------------------------------|----------------------|-----|----|------|---|-------------|------|---------------|------------|
|    |                                  | A                    | c   | b  | n    |   |             |      |               |            |
| 1  | 716.984,7                        | 9150                 | 0,5 | 28 | 0,97 | 2 | 10          | 0,65 | 308,97        | 22.152,67  |

a. Phương án thiết kế:

**Nguồn tiếp nhận:** Kênh rạch tiếp giáp dự án.



### **Phương án thiết kế:**

- Chọn phương án thoát nước riêng, nước mưa thu gom thông qua hệ thống cống thoát mưa và xả thẳng xuống kênh Búng Xáng và một phần thoát vào mương, cống thoát nước hiện hữu và đầu nối vào hệ thống chung của đô thị trên đường 3 tháng 2.

- Tận dụng các khoảng mặt nước như hồ hiện hữu, hồ quy hoạch, thảm thực vật, bề mặt phi xây dựng để giữ nước và làm giảm dòng chảy bề mặt kết hợp các công trình cống thoát nước thông thường.

- Hệ thống thoát nước mưa có tầng cường bề ngầm dưới khu vực công viên cây xanh, hoặc lồi vào trường để thu nước mưa vùng thấp, để làm bề phụ cho công trình, dùng tưới cây hoặc phục vụ phòng cháy chữa cháy.

- Dùng phương pháp phân chia lưu vực để tính toán cho từng đoạn cống, từng tuyến cống và cả hệ thống.

- Hình thức thoát nước: nước thải được vận chuyển trong hệ thống ống kín, bố trí dọc dưới vỉa hè.

Trên từng tuyến ống có đặt những hố ga nhằm thu hết nước bề mặt và nước trong lưu vực tính toán, khoảng cách hố ga 20m-30m.

**Chọn loại cống:** Ống được sử dụng trong hệ thống thoát nước là loại cống bê tông cốt thép miệng bát đúc sẵn.

Định hướng thoát nước bền vững, tận dụng địa hình tự nhiên để bố trí hệ thống các bề ngầm điều tiết tại các vị trí tự thủy thấp trung trọng yếu như bên dưới khuôn viên công viên cây xanh và khu vực lồi vào chính. Hệ thống này được thiết kế với chức năng kép: vừa thu gom triệt để nước chảy tràn bề mặt nhằm giải quyết tình trạng ngập úng cục bộ và giảm tải áp lực cho mạng lưới thoát nước chung của thành phố; vừa đóng vai trò là bề chứa nước phụ trợ, tích trữ nguồn nước mưa sau khi qua lắng lọc để tái sử dụng cho nhu cầu tưới tiêu cảnh quan, rửa đường và vệ sinh sân bãi.

### **14.5. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường:**

#### **14.5.1. Cơ sở lập quy hoạch:**

Quy chuẩn QCVN 01:2021/BXD: Quy chuẩn xây dựng Việt Nam - Quy hoạch xây dựng.

Quy chuẩn QCVN 07-2:2023/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật - Công trình thoát nước.

Quy chuẩn QCVN 14:2025/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

#### **14.5.2. Hiện trạng thoát nước thải:**

Hiện trạng hệ thống thoát nước thải: Trong phạm vi khu vực lập điều chỉnh quy hoạch, hạng mục thoát nước thải đã được triển khai thi công xây dựng cục bộ nhằm phục vụ cho các dự án thành phần đã được phê duyệt trước đây. Chưa xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung.

### 14.5.3. Định hướng quy hoạch thoát nước thải:

#### a. Chỉ tiêu tính toán:

Tiêu chuẩn nước thải bằng 100% tiêu chuẩn nước cấp.

Tính toán lưu lượng nước thải sinh hoạt trên lưu vực tính toán :

$$Q_{sh} = \frac{K_c \times N \times q_c}{24 \times 3600} \text{ (l/s)}$$

Trong đó:  $K_c$  - Hệ số không điều hòa,  $K_c = K_{ng} \times K_h$ ;

$N$  - Số dân toàn khu.

$q_{dc}$  - tiêu chuẩn thoát nước (bằng 100% tiêu chuẩn cấp nước);

**Công suất trạm xử lý nước thải:**  $Q = 0.8 \times q \times N \text{ (m}^3/\text{ngđ)}$

Trong đó:  $q$  - tiêu chuẩn cấp nước;

$N$  - số người cấp nước;

Vận tốc dòng chảy trong cống  $V > V_{min}$  ( $V_{min}$  là vận tốc tự làm sạch):  
Cống D200  $V_{min} = 0.7 \text{ (m/s)}$ , Cống D300  $V_{min} = 0.8 \text{ (m/s)}$ , Cống D400  $V_{min} = 0.9 \text{ (m/s)}$ ;

Độ dốc đặt ống  $i > i_{min} = 1/D$  ( $D$  đường kính trong của cống mm).

#### b. Dự báo tổng lưu lượng thoát nước sinh hoạt:

Bảng dự báo lưu lượng nước thải

| STT | Quy mô            | Tiêu chuẩn cấp nước     |                         | Tỷ lệ          | Hệ số               | Lưu lượng nước thải<br>(m <sup>3</sup> /ngđ) |
|-----|-------------------|-------------------------|-------------------------|----------------|---------------------|----------------------------------------------|
|     | Dân số<br>(người) | Dân số<br>(l/người/ngđ) | Công trình<br>Công cộng | thu gom<br>(%) | không điều hòa<br>K |                                              |
| 1   | 56 800            | 20                      | 10%(Q <sub>sh</sub> )   | 100            | 1,2                 | 1499,52                                      |

Vậy, Lưu lượng nước thải: 1.499,52 (m<sup>3</sup>/ngđ).

Công suất trạm xử lý nước thải là:  $Q = 0,8 \times 1.499,52 = 1.199,616 \text{ (m}^3/\text{ngđ)}$ .

Công suất trạm xử lý nước thải là:  $Q = 1.199,616 \text{ (m}^3/\text{ngđ)}$ .

#### c. Phương án thiết kế:

**Giải pháp 1:** đầu nối vào hệ thống thoát nước thải thành phố, nước thải được xử lý tại trạm xử lý nước thải Cái Sâu công suất 30.000m<sup>3</sup>/ngày đêm.

**Giải pháp 2:** tập trung thu gom xử lý nước thải tại trạm xử lý nước thải trong khu vực quy hoạch đảm bảo tiêu chuẩn cột A theo QCVN 14/2025/BTNMT trước khi thải ra môi trường.

**Giải pháp 3:** giải pháp ngắn hạn xử lý cục bộ nước thải tại các dự án, đạt tiêu chuẩn cột A theo QCVN 14/2025/BTNMT sau đó thoát vào hệ thống thoát nước chung.

Hệ thống thoát nước sinh hoạt là hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn.



Nước thải từ các điểm xả nước xả vào hệ thống thoát nước. Nước thải tại các khu vệ sinh phải được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại mới được xả vào hệ thống thoát nước sinh hoạt.

Hình thức thoát nước: nước thải được vận chuyển trong hệ thống ống kín, bố trí dọc dưới vỉa hè. Đường kính cống thoát nước D300-D400.

Trên từng tuyến ống có đặt những hố ga tại những vị trí tuyến cống đổi hướng, vị trí chờ đầu nối thoát nước... khoảng cách hố ga 20m-30m.

*d. Chọn loại cống:*

- Ống được sử dụng trong hệ thống thoát nước là loại cống bê tông cốt thép miệng bát đúc sẵn.

- Ống thu gom nước thải sử dụng ống PVC.

#### **14.6. Quy hoạch hệ thống cấp điện và chiếu sáng:**

##### **14.6.1. Cơ sở lập quy hoạch**

QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

QCVN 07-5:2023/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật – Công trình cấp điện;

QCVN 07-7:2023/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật – Công trình chiếu sáng;

TCVN 9206-2012: Đặt thiết bị điện trong nhà ở và Công trình công cộng;

TCXDVN 333:2005 Chiếu sáng nhân tạo bên ngoài các công trình công cộng và kỹ thuật hạ tầng đô thị;

TCXDVN 259:2001 Tiêu chuẩn thiết kế chiếu sáng nhân tạo;

Quy phạm trang bị điện: 11 TCN – (19, 20, 21) – 2006 do Bộ Công nghiệp ban hành năm 2006;

Các luật, nghị định, thông tư, quy chuẩn, tiêu chuẩn liên quan.

##### **14.6.2. Hiện trạng:**

Nguồn điện của khu vực được cấp từ lưới điện trung thế hiện hữu 22kV T.471 và T.473 chạy dọc theo đường 3 Tháng 2.

Lưới hạ thế phân phối 0.4 kV đi nổi trên trụ hạ thế.

Hệ thống đèn chiếu sáng ngoại vi được bố trí dọc theo các tuyến đường, sử dụng các trụ đèn cao áp hoặc các đèn sodium được lắp đặt trên các trụ hạ thế hiện hữu.

Hiện trạng tại khu vực điều chỉnh quy hoạch các hạng cấp điện chiếu sáng đã được thi công hoàn thành theo quy hoạch được duyệt và đã đưa vào sử dụng.

##### **14.6.3. Định hướng quy hoạch cấp điện – chiếu sáng**

*a. Chỉ tiêu cấp điện*

|                                        |                       |
|----------------------------------------|-----------------------|
| + Điện năng                            | : 1.100 kWh/người.năm |
| + Số giờ sử dụng công suất lớn nhất    | : 3.000 (h/năm)       |
| + Chỉ tiêu phụ tải điện năng sinh hoạt | : 450 (W/người)       |

+ Chỉ tiêu cấp điện công trình công cộng : 30% phụ tải điện năng sinh hoạt.

*b. Dự báo sản lượng cấp điện*

Bảng dự báo nhu cầu công suất cấp điện

| STT | HẠNG MỤC                                                     | ĐƠN VỊ                  | SỐ LƯỢNG |
|-----|--------------------------------------------------------------|-------------------------|----------|
|     | <b>I/ Dân dụng</b>                                           |                         |          |
| 1   | Số người                                                     | Người                   | 56.800   |
| 2   | Tiêu chuẩn cấp điện                                          | kWh/ng.năm              | 1.100    |
| 3   | Phụ tải bình quân                                            | kW/người                | 0,45     |
| 4   | Thời gian sử dụng công suất cực đại                          | h/năm                   | 3.000    |
| 5   | Điện năng dân dụng                                           | 10 <sup>3</sup> kWh/năm | 62.480   |
| 6   | Công suất điện dân dụng                                      | kW                      | 25.560   |
|     | <b>II/ Công cộng, dịch vụ</b>                                |                         |          |
| 7   | Thời gian sử dụng công suất cực đại                          | h/năm                   | 3.000    |
| 8   | Điện năng dịch vụ bằng 30% dân dụng                          | 10 <sup>3</sup> kWh/năm | 18.744   |
| 9   | Công suất điện dịch vụ bằng 30% dân dụng                     | kW                      | 7668     |
|     | <b>IV/ Tổng cộng</b>                                         |                         |          |
| 10  | Tổng điện năng yêu cầu có tính 10% dự phòng, 5% tổn hao      | 10 <sup>3</sup> kWh/năm | 93.408   |
| 11  | Tổng công suất điện yêu cầu có tính 10% dự phòng, 5% tổn hao | kW                      | 38.212   |

\* Lưu ý: Đây chỉ là bảng dự tính nhu cầu ban đầu, khi xây dựng từng hạng mục công trình, cần dựa trên nhu cầu thực tế của từng công trình để lập bảng tính phù hợp.

#### 14.6.4. Giải pháp thiết kế hệ thống điện:

*a. Nguồn điện:*

Được cấp từ tuyến trung thế T.471 và T.473 Trạm Cần Thơ chạy dọc theo đường 3 Tháng 2.

Nguồn năng lượng tái tạo thông qua hệ thống điện mặt trời áp mái. Sử dụng các tấm pin quang điện hiệu suất cao sẽ được lắp đặt trên mái các khối; hệ thống được thiết kế đấu nối theo cơ chế ưu tiên cấp nguồn trực tiếp cho phụ tải nội bộ nhằm giảm áp lực lên lưới điện vào giờ cao điểm, đồng thời linh hoạt phương án hòa lưới hoặc tích hợp hệ thống lưu trữ phục vụ chiếu sáng ban đêm.

*b. Lưới trung thế 22 KV:*

Lưới trung thế được thiết kế đi ngầm. Xuất tuyến được bố trí dọc theo trục đường giao thông và kết nối thành mạch vòng. Đảm bảo hành lang an toàn tuyến và tuân thủ các quy chuẩn ngành.

*c. Lưới hạ thế 0.4 KV:*

- Từ bảng điện hạ thế trong trạm biến áp phân phối, lưới hạ thế được thiết kế đi ngầm bằng cáp đồng XLPE vỏ bọc ngoài bằng PVC (các đặc điểm kỹ thuật



phù hợp với tiêu chuẩn IEC), cáp luồn trong ống nhựa PVC chịu lực và đặt trong hầm kỹ thuật cung cấp đến các tủ phân phối thứ cấp trong khu vực.

- Trong quá trình thiết kế kỹ thuật và thi công tuân thủ theo các Quy chuẩn ngành và khoảng cách an toàn giữa các đường ống kỹ thuật.

#### *d. Trạm biến áp*

- Máy biến áp 3 pha 22/0,4KV. Loại MBA dầu lắp trên Trụ thép (hoặc trạm biến áp Kios tùy theo công suất lắp đặt), có nấc điều chỉnh điện áp không tải + 2 x 2,5%. Tổng công suất của các máy biến áp phải đáp ứng yêu cầu của phụ tải.

- Các loại vật tư thiết bị được sử dụng được sản xuất theo tiêu chuẩn IEC hoặc các tiêu chuẩn tương đương. Phải được kiểm tra thí nghiệm theo quy định của ngành Điện.

#### **14.6.5. Giải pháp thiết kế hệ thống chiếu sáng:**

Nguồn điện cấp cho hệ thống chiếu sáng công cộng được lấy từ các trạm biến áp tại chỗ.

Mạng lưới chiếu sáng cảnh quan tại các khu vực công viên nội bộ và sân trường ưu tiên sử dụng giải pháp chiếu sáng bằng năng lượng tái tạo.

Lưới điện chiếu sáng mới cho khu vực điều chỉnh quy hoạch được thiết kế đi ngầm. Sử dụng loại đèn led cao áp tiết kiệm điện gắn trên các trụ đèn cao áp và vị trí các trụ đèn được đặt trên vỉa hè tại tâm móng trụ, khoảng cách trung bình giữa các đèn chiếu sáng là 20m – 30m.

Hệ thống điều khiển đèn chiếu sáng bằng tủ điện có khả năng tự đóng cắt các tuyến đường theo chế độ thời gian đặt sẵn nhằm tiết kiệm điện, cáp điện chiếu sáng sử dụng cáp ngầm Cu/XLPE/DSTA/PVC có tiết diện từ phù hợp.

#### **14.7. Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc:**

##### **14.7.1. Cơ sở thiết kế**

- QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

- QCVN 07-8:2023/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật - Công trình viễn thông.

- QCVN 33:2019/BTTTT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông.

- Các tiêu chuẩn, quy chuẩn khác liên quan.

##### **14.7.2. Hiện trạng hệ thống thông tin liên lạc**

- Hiện khu vực điều chỉnh quy hoạch đã hình thành và đã phục vụ cho dân cư trong khu vực

##### **14.7.3. Giải pháp thiết kế hệ thống thông tin liên lạc**

###### *a. Nguồn cấp:*

Hệ thống thông tin liên lạc được ghép nối vào các nhà cung cấp mạng viễn thông trong khu vực.

###### *b. Mục tiêu và nguyên tắc thiết kế:*

Phát triển hạ tầng số trên nguyên tắc “hiện đại, đồng bộ, an ninh, an toàn, hiệu quả, tránh lãng phí”, hạ tầng số được quy hoạch, triển khai song song, đồng bộ với hạ tầng giao thông, hạ tầng điện, hạ tầng chiếu sáng, hạ tầng công trình ngầm, các hạ tầng kỹ thuật khác.

Hệ thống thông tin liên lạc phải đáp ứng được thông tin cơ bản thoả mãn sự đòi hỏi phục vụ của toàn khu vực như điện thoại, fax và internet.

Hệ thống thông tin liên lạc phải được hoà vào mạng viễn thông quốc gia và quốc tế.

Hệ thống chuyển mạch và truyền dẫn (kỹ thuật số) phải đảm bảo cho các thông tin, trong đó kể cả truyền số liệu với máy tính.

Đáp ứng được các dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng phục vụ các thuê bao trong khu vực.

Toàn bộ chi tiết thiết bị hệ thống thông tin liên lạc sẽ do nhà thầu cung cấp vì trên thực tế tại Việt Nam mỗi nhà thầu có các quy mô và vùng quy hoạch riêng về hệ thống thông tin liên lạc

Trong tương lai, khu vực sẽ được đầu tư đồng bộ hệ thống viễn thông với các dịch vụ viễn thông tiên tiến hiện đại, sử dụng phương thức truy nhập cáp quang và cáp đồng, với chất lượng dịch vụ cao, trên nền băng thông rộng, tốc độ cao.

### *c. Giải pháp quy hoạch*

Thiết lập hệ thống hạ tầng thông tin liên lạc trong khu vực bao gồm hệ thống thông tin đặt sẵn nối liên thông các trục đường chính, các tủ cáp lắp đặt trên bề mặt đặt sẵn và hệ thống trục cáp chính thông tin liên lạc kéo sẵn cho hệ thống tủ cáp. Móng tủ bằng bê tông có kích thước 400x350x800 tại mỗi tủ đều lắp sẵn ống nhựa HDPE  $\phi 40/30$  để lắp đặt cáp ngầm đến các hộ đăng ký sử dụng.

Hệ thống ống nhựa xoắn HDPE  $\phi 130/100$  luôn cáp truyền dẫn phải được lắp đặt đi ngầm theo tiêu chuẩn ngành và dung lượng phải đủ đáp ứng được nhu cầu thuê bao của từng khu vực.

Độ sâu chôn ống luôn cáp phải được chôn sâu từ 0,5 - 1,0m đi trên hè đường cách bó vỉa hè từ 2,0 – 3,0m. Tại các vị trí tuyến cáp thông tin liên lạc giao cắt với đường giao thông ống luôn cáp phải sử dụng ống thép chịu lực, chôn sâu từ 0,8m đến 1,2m so với mặt đường giao thông.

Trên tuyến cáp khoảng 40m chiều dài tuyến cáp phải được xây dựng 01 hố ga luôn cáp, hoặc tại các vị trí hướng cáp thay đổi phải đặt 01 hố ga luôn cáp. Hố ga sử dụng loại nắp gang lật có khóa, kích thước hố ga 1000 x 1000 x 1000 mm.

## **14.8. Quy hoạch hệ thống xử lý chất thải rắn**

### **14.8.1. Cơ sở tính toán:**

#### *a. Tiêu chuẩn áp dụng:*

QCVN 01:2021/BXD: Quy chuẩn xây dựng Việt Nam - Quy hoạch xây dựng.



QCVN 07:2023/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật.

*b. Điểm tập kết rác:*

- Chất thải rắn được thu gom phân thành 02 loại: chất thải rắn sinh hoạt đốt được (hay còn gọi rác đốt được), chất thải rắn sinh hoạt không đốt được.
- Không xử lý chất thải rắn tại chỗ chỉ tập trung thu gom tạm thời để chuyển đi xử lý.
- Xe chở rác thu gom theo giờ cố định.
- Đối với khu vực cây xanh, đặt các thùng rác nhỏ dọc theo các đường dạo với khoảng cách 50m/1thùng.
- Khối lượng rác thải được tính toán theo học sinh của dự án. Tỷ lệ thu gom là 1,3 (kg/người-ngày) tương ứng với 100% đảm bảo vệ sinh môi trường.
- Chất thải rắn sau khi phân loại sẽ đưa về bãi tập kết, chất thải rắn không đốt được sẽ được thu gom, vận chuyển về Nhà máy xử lý rác thải – phát điện tại huyện Thới Lai để xử lý.

## **15. CÁC KHU VỰC XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM:**

### **15.1. Nguyên tắc chung:**

- Đảm bảo tuân thủ các chỉ tiêu tăng cao và mật độ xây dựng, khoảng lùi; phần ngầm của công trình không vượt quá với chỉ giới xây dựng.
- Việc sử dụng không gian ngầm để xây dựng công trình ngầm phải bảo đảm sử dụng tiết kiệm đất, bảo vệ môi trường và các yêu cầu về an ninh, quốc phòng.
- Bảo đảm an toàn cho cộng đồng, cho bản thân công trình và các công trình lân cận; không làm ảnh hưởng đến việc sử dụng, khai thác, vận hành của các công trình lân cận cũng như các công trình đã có hoặc đã xác định trong quy hoạch đô thị.
- Khuyến khích tận dụng tối đa và khai thác triệt để các quỹ đất dùng để thiết kế xây dựng bãi đậu xe ngầm cho công trình.
- Đảm bảo tuân thủ Nghị định 39/2010/NĐ-CP về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị, Nghị định 175/2024/NĐ-CP hướng dẫn Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng và các Quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành về không gian xây dựng ngầm.

### **15.2. Xác định các khu vực xây dựng phần ngầm của công trình xây dựng:**

- Để giải quyết nhu cầu đỗ xe ngày càng tăng của cán bộ, giảng viên và sinh viên, đặc biệt tại các khu vực trung tâm và khu giảng đường chính, Đại học Cần Thơ có thể triển khai dự án Xây dựng Bãi đỗ xe ngầm. Các bãi đỗ xe này thường được bố trí dưới các công trình xây dựng mới.
- Xây dựng theo ranh khu đất, đảm bảo không ảnh hưởng đến hạ tầng lân cận, xây dựng phần ngầm trên mặt đất theo chỉ giới xây dựng trùng với chỉ giới đường đỏ phù hợp với phạm vi ranh đất.

## **16. GIẢI PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:**

### **16.1. Các giải pháp đã lồng vào Quy hoạch**

- Quy hoạch sử dụng hợp lý có hiệu quả đất đai: Các khu chức năng trong đồ án được bố trí theo đúng quy phạm, có quy định mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất và phân đợt xây dựng hợp lý, hạn chế các tác nhân gây ô nhiễm trong quá trình xây dựng.

- Đảm bảo tỉ lệ diện tích cây xanh, mặt nước trong đồ án quy hoạch đạt tiêu chuẩn QCVN:01/2021/BXD, phát triển cây xanh, mặt nước.

- Tuân thủ quy định về chỉ giới bảo vệ đường giao thông, đường điện và khoảng cách ly kênh rạch.

- Quy hoạch hợp lý các hệ thống hạ tầng kỹ thuật: Thu gom và xử lý triệt để nước thải, rác thải; hệ thống giao thông nội bộ được điều chỉnh phù hợp với tính hình thực tế và định hướng trong tương lai; 100% hộ dân trong khu quy hoạch được cấp nước sạch từ hệ thống cấp nước của thành phố.

- Giảm thiểu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu:

- Thiết kế cao độ nền ở cao độ có tính đến tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

- Cải tạo hệ thống thoát nước, thiết kế hệ thống cống ngầm hợp lý để thoát nước mưa triệt để tránh ngập úng cục bộ.

- Giữ tối đa mặt nước, bố trí hồ điều tiết kết hợp cảnh quan sinh thái.

### **16.2. Các giải pháp tổng thể nhằm giảm thiểu và khắc phục các tác động và diễn biến môi trường đã được nhận diện**

#### **➤ Quản lý nước thải:**

Nước thải sinh hoạt trong trường học bao gồm các khối học tập và ký túc xá được xử lý theo 2 cấp: nước thải được xử lý thông qua bể tự hoại, được xây dựng theo đúng quy cách, sau đó được xử lý tập trung.

Ngoài ra, các phòng thí nghiệm chuyên dụng có trạm xử lý nước thải riêng theo công nghệ xử lý nước thải phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn vệ sinh môi trường trước khi thải ra môi trường.

Nước thải được gom về nhà máy xử lý đạt tới tiêu chuẩn QCVN 14:2025/BTNMT.

#### **➤ Quản lý rác thải:**

Lượng rác của khu quy hoạch được thu gom hàng ngày tại các điểm tập kết rác đúng quy định, do công ty vệ sinh của thành phố Cần Thơ trực tiếp thu gom, sau đó được đưa tới trạm trung chuyển rác trước khi đưa tới khu xử lý rác của thành phố Cần Thơ.

Bố trí các thùng rác dọc đường theo các vỉa hè và có xe thu gom rác thải hàng ngày.



- Kiểm soát ô nhiễm không khí:
  - Giáo dục ý thức tuân thủ quy định trong tham gia giao thông.
  - Kiểm soát ô nhiễm trong quá trình xây dựng và hoạt động của các dự án trong khu vực quy hoạch.
  - Áp dụng tiêu chuẩn Euro 4 đối với các phương tiện tham gia giao thông đường bộ. Tạo điều kiện và khuyến khích các phương tiện giao thông sử dụng nhiên liệu sạch (điện, xăng sinh học E5, Khí thiên nhiên nén CNG, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG,...).
  - Tổ chức thực hiện trồng cây xanh đường phố, cây xanh cảnh quan bao quanh các tuyến đường nội bộ của khu vực quy hoạch.

### 16.3. Kế hoạch quản lý và giám sát môi trường

Chương trình quản lý và giám sát môi trường của từng dự án do chủ đầu tư thực hiện, kết hợp với sự kiểm tra, giám sát của cơ quan chức năng.

| STT | Nội dung công việc                                                              | Thực hiện giám sát                   |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|
| 1   | Kiểm soát chất thải rắn, nước thải, khí thải trong quá trình thi công các dự án | Giám sát thi công                    |
| 2   | Các vấn đề về vệ sinh môi trường đô thị                                         | Công ty Môi trường đô thị thành phố  |
| 3   | Thực hiện chương trình giám sát môi trường định kỳ của các dự án                | Chủ dự án                            |
| 4   | Chương trình giáo dục, đào tạo môi trường cho người dân                         | Địa phương kết hợp cơ quan chức năng |

*Bảng 6. 1 Kế hoạch quản lý môi trường*

Xây dựng hệ thống giám sát môi trường và phân tích đánh giá khách quan, hiệu quả môi trường. Vị trí của các trạm giám sát có thể thay đổi phù hợp với kế hoạch triển khai hệ thống quan trắc môi trường của Thành phố. Hệ thống giám sát môi trường đề xuất bao gồm:

- Giám sát các loại chất thải phát sinh từ hoạt động của Dự án: nước thải, khí thải, chất thải rắn.
- Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần.
- Thông số giám sát và quy chuẩn so sánh: Theo quy chuẩn hiện hành.

Ngoài ra, đối với các trạm XLNT có công suất lớn hơn 1.000m<sup>3</sup>/ngày.đêm, bố trí thiết bị thiết bị quan trắc tự động.

## **17. GIẢI PHÁP VỀ NGUỒN VỐN VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN:**

### **17.1. Giải pháp về nguồn vốn:**

Nguồn vốn đầu tư: Nguồn thu hợp pháp của Đại học Cần Thơ dành để đầu tư (*vốn đầu tư công*)

### **17.2. Tổ chức thực hiện:**

- Cơ quan phê duyệt: Đại học Cần Thơ;
- Cơ quan trình duyệt: phòng Phát triển cơ sở vật chất và dự án – Đại học Cần Thơ;
- Cơ quan thẩm định: Tổ công tác thẩm định – Đại học Cần Thơ;
- Đơn vị tư vấn: Viện Quy hoạch xây dựng;

## **18. KẾT LUẬN – KIẾN NGHỊ:**

### **18.1. Kết luận:**

Hiện tại Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trường Đại học Cần Thơ trọng điểm đến năm 2020 đã có sự thay đổi về địa giới hành chính giảm 9,53ha do Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều thu hồi đất theo Quyết định số 6283/QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều và Quyết định số 7154/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều làm ảnh hưởng đến quy mô không gian quy hoạch và có điều chỉnh Đề án quy hoạch phát triển tổng thể, chiến lược phát triển Đại học Cần Thơ tầm nhìn đến năm 2050 làm thay đổi mục tiêu chiến lược phát triển của trường.

- Như vậy việc điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (Khu II) là công việc cần thiết để làm cơ sở cho công tác quản lý về đất đai, làm tiền đề cho việc triển khai dự án xây dựng công trình phù hợp với Đề án quy hoạch phát triển tổng thể, chiến lược phát triển Đại học Cần Thơ tầm nhìn đến năm 2050.

### **18.2. Kiến nghị:**

Đề nghị phòng Phát triển cơ sở vật chất và dự án – Đại học Cần Thơ cùng các Sở ban ngành có liên quan xem xét thẩm định và phê duyệt đồ án điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (Khu II) để làm cơ sở pháp lý cho việc đầu tư xây dựng hạ tầng và quản lý xây dựng.

Sau khi đồ án được phê duyệt, tổ chức công bố tuyên truyền rộng rãi tới các tổ chức và công dân biết để giám sát thực hiện, đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.



# PHỤ LỤC

-----

## BẢN VẼ KÈM THEO

- Các văn bản pháp lý liên quan.
- Bản vẽ A3 kèm theo.

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1162 /UBND-XDĐT

Cần Thơ, ngày: 14 tháng 3 năm 2025

V/v điều chỉnh tổng thể Đồ án quy  
hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500  
Trường Đại học Cần Thơ, phường  
Xuân Khánh, quận Ninh Kiều,  
thành phố Cần Thơ

Kính gửi:

- Giám đốc Sở Xây dựng;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều;
- Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ.

Xét Tờ trình số 571/TTr-SXD ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Sở Xây dựng về việc xin chủ trương điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trường Đại học Cần Thơ, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ; căn cứ kết luận tại Phiên họp Ủy ban nhân dân thành phố ngày 12 tháng 3 năm 2025 cho ý kiến các nội dung thuộc thẩm quyền (thống nhất thông qua), Ủy ban nhân dân thành phố có ý kiến như sau:

1. Thống nhất chủ trương điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trường Đại học Cần Thơ, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình nêu trên.

2. Giao Trường Đại học Cần Thơ có trách nhiệm lập hồ sơ điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trường Đại học Cần Thơ, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, đảm bảo theo đúng trình tự, thủ tục, quy định pháp luật.

3. Giao Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều tổ chức thẩm định, phê duyệt điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trường Đại học Cần Thơ, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ theo đúng trình tự, thủ tục quy định.

Nhận được Công văn này, Giám đốc Sở Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều, Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ tổ chức thực hiện. *g*

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT UBND TP;
- Sở: TC, NN&MT;
- VP UBND TP (3D);
- Lưu: VT, NCH  
3351- TBPH

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Dương Tấn Hiền



ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1258 /QĐ-UBND

Cần Thơ, ngày 22 tháng 4 năm 2009

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500  
Trường Đại học Cần Thơ trọng điểm đến năm 2020 tại phường  
Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 03/2008/QĐ-BXD ngày 31 tháng 3 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về Ban hành quy định nội dung thể hiện bản vẽ, thuyết minh đối với Nhiệm vụ và Đồ án Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 07/2008/QĐ-BXD ngày 07 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng về Hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 01/2006/QĐ-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc ban hành Quy định về Quy hoạch xây dựng trên địa bàn thành phố Cần Thơ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 65/TTr-SXD ngày 09 tháng 4 năm 2009,

### QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay, phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trường Đại học Cần Thơ trọng điểm đến năm 2020 tại phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, với các nội dung như sau:

1. Tên đồ án quy hoạch:

Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trường Đại học Cần Thơ trọng điểm đến năm 2020 tại phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

2. Chủ đầu tư: Trường Đại học Cần Thơ.

3. Phạm vi quy hoạch:

Phạm vi quy hoạch thuộc phần đất hiện hữu của Trường Đại học Cần Thơ nằm trên đường 3 tháng 2, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, có tứ cận tiếp giáp sau:

- Phía Đông Bắc: giáp khu dân cư hiện hữu phường Xuân Khánh;
- Phía Đông Nam: giáp đường 3 tháng 2;
- Phía Tây Bắc và Tây Nam: giáp kênh Búng Xáng.

#### 4. Quy mô quy hoạch:

Khu đất quy hoạch có diện tích khoảng 809.530m<sup>2</sup>.

#### 5. Cơ cấu tổ chức quy hoạch:

Khu quy hoạch Trường Đại học Cần Thơ, gồm các phân khu chức năng như sau:

- Khu đất xây dựng các Khoa học tập, ký túc xá;
- Khu đất dự trữ phát triển;
- Khu đất xây dựng trạm xử lý nước thải;
- Khu đất xây dựng bãi xe 2 bánh và 4 bánh;
- Khu đất xây dựng khu thể dục thể thao;
- Đất công viên, cây xanh, vườn hoa;
- Mặt nước;
- Đất giao thông đối nội.

#### 6. Quy hoạch sử dụng đất:

BẢNG CÂN BẰNG ĐẤT ĐẠI:

| STT | Loại đất                            | Diện tích<br>(m <sup>2</sup> ) | Tỷ lệ<br>(%) |
|-----|-------------------------------------|--------------------------------|--------------|
| 1   | Đất xây dựng các công trình:        | 114.036                        | 14,09        |
| 2   | Đất dự trữ phát triển:              | 13.589                         | 1,68         |
| 3   | Đất xây dựng trạm xử lý nước thải:  | 4.000                          | 0,49         |
| 4   | Đất bãi xe 2 bánh và 4 bánh:        | 66.438                         | 8,21         |
| 5   | Đất công viên cây xanh + sân đường: | 442.669                        | 54,68        |
| 6   | Mặt nước:                           | 38.051                         | 4,70         |
| 7   | Đất giao thông:                     | 130.747                        | 16,15        |
|     | Tổng cộng:                          | 809.530                        | 100,00       |

#### 7. Tổ chức không gian quy hoạch, kiến trúc:

- Chỉ tiêu đất cây xanh được tính toán chung cho toàn bộ khu đất quy hoạch theo Bảng cân bằng đất đai. Tùy theo phương án thiết kế xây dựng, mật độ cây xanh trong từng Khoa có thể thay đổi nhưng phải cân đối để đảm bảo mật độ cây xanh chung cho toàn khu:

- Bãi xe được bố trí chung, đảm bảo về bán kính và công suất phục vụ cho các Khoa theo quy định. Trong tương lai khi nhu cầu về bãi đậu xe tăng lên vượt các tiêu chuẩn hiện hành sẽ sử dụng một phần đất dự trữ và cây xanh để mở rộng.

##### 7.1. Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn:

- Diện tích: 7.291m<sup>2</sup>;
- Tầng cao xây dựng: tối đa 07 tầng; khối học tập: tối đa 05 tầng;
- Mật độ xây dựng: tối đa 40%.

##### 7.2. Trung tâm học liệu - Trung tâm điều hành và Trung tâm đào tạo sau đại học:

- Diện tích: 17.455m<sup>2</sup>;
- Tầng cao xây dựng: tối đa 09 tầng; khối học tập: tối đa 05 tầng;
- Mật độ xây dựng: tối đa 40%.



**7.3. Trung tâm Văn hóa và dịch vụ sinh viên:**

- Diện tích: 18.682m<sup>2</sup>;
- Tầng cao xây dựng: tối đa 05 tầng;
- Mật độ xây dựng: tối đa 35%.

**7.4. Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh:**

- Diện tích: 7.688m<sup>2</sup>;
- Tầng cao xây dựng: tối đa 05 tầng;
- Mật độ xây dựng: tối đa 40%.

**7.5. Khoa Khoa học:**

- Diện tích: 28.273m<sup>2</sup>;
- Tầng cao xây dựng: tối đa 05 tầng;
- Mật độ xây dựng: tối đa 40%.

**7.6. Khoa Luật và Khoa Mác Lê Nin - Tư tưởng Hồ Chí Minh:**

- Diện tích: 25.375m<sup>2</sup>;
- Tầng cao xây dựng: tối đa 05 tầng;
- Mật độ xây dựng: tối đa 35%.

**7.7. Ký túc xá sinh viên:**

- Diện tích: 76.721m<sup>2</sup>;
- Tầng cao xây dựng: tối đa 09 tầng;
- Mật độ xây dựng: tối đa 35%;
- Khu ký túc xá về sau nếu có nhu cầu mở rộng để đạt các chỉ tiêu theo quy định, phải lựa chọn vị trí khác phù hợp hơn.

**7.8. Khu liên hợp thể dục thể thao:**

- Diện tích: 57.107m<sup>2</sup>;
- Khu thể dục thể thao về sau nếu có nhu cầu mở rộng để đạt các chỉ tiêu theo quy định, phải lựa chọn vị trí khác phù hợp hơn.

**7.9. Khoa Công nghệ:**

- Diện tích: 50.906m<sup>2</sup>;
- Tầng cao xây dựng: tối đa 05 tầng;
- Mật độ xây dựng: tối đa 40%.

**7.10. Khoa Công nghệ thông tin và truyền thông:**

- Diện tích: 13.280m<sup>2</sup>;
- Tầng cao xây dựng: tối đa 07 tầng; khối học tập: tối đa 05 tầng;
- Mật độ xây dựng: tối đa 40%.

**7.11. Khu vực Hội trường trung tâm:**

- Diện tích: 9.799m<sup>2</sup>;
- Tầng cao xây dựng: tối đa 03 tầng;
- Mật độ xây dựng: tối đa 30%.

**7.12. Khu chợ công nghệ:**

- Diện tích: 1.139m<sup>2</sup>;
- Tầng cao xây dựng: tối đa 02 tầng;
- Mật độ xây dựng: tối đa 40%.

**7.13. Khoa Sư phạm và Khoa Dự bị dân tộc:**

- Diện tích: 27.589m<sup>2</sup>;
- Tầng cao xây dựng: tối đa 05 tầng;
- Mật độ xây dựng: tối đa 35%.

7.14. Khoa Nông nghiệp và Sinh học ứng dụng:

- Diện tích: 51.561m<sup>2</sup>;
- Tầng cao xây dựng: tối đa 05 tầng;
- Mật độ xây dựng: tối đa 35%.

7.15. Khu Công nghệ cao (vườn ươm công nghệ):

- Diện tích: 18.668m<sup>2</sup>;
- Tầng cao xây dựng: tối đa 05 tầng;
- Mật độ xây dựng: tối đa 35%.

7.16. Khoa Môi trường và Tài nguyên thiên nhiên:

- Diện tích: 15.159m<sup>2</sup>;
- Tầng cao xây dựng: tối đa 05 tầng;
- Mật độ xây dựng: tối đa 35%.

7.17. Viện phát triển Công nghệ sinh học và Trung tâm kiểm định chất lượng Hóa sinh:

- Diện tích: 15.374m<sup>2</sup>;
- Tầng cao xây dựng: tối đa 05 tầng;
- Mật độ xây dựng: tối đa 35%.

7.18. Viện nghiên cứu phát triển đồng bằng sông Cửu Long:

- Diện tích: 8.297m<sup>2</sup>;
- Tầng cao xây dựng: tối đa 05 tầng;
- Mật độ xây dựng: tối đa 35%.

7.19. Khu kỷ niệm xá sinh viên Quốc tế + sinh viên sau đại học:

- Diện tích: 8.059m<sup>2</sup>;
- Tầng cao xây dựng: tối đa 09 tầng;
- Mật độ xây dựng: tối đa 35%.

7.20. Khoa thủy sản:

- Diện tích: 23.410m<sup>2</sup>;
- Tầng cao xây dựng: tối đa 05 tầng;
- Mật độ xây dựng: tối đa 35%.

7.21. Khu đất dự trữ:

- Diện tích: 13.589m<sup>2</sup>;
- Tầng cao xây dựng: tối đa 05 tầng;
- Mật độ xây dựng: tối đa 35%.

7.22. Vệ sinh đô thị, mỹ quan đô thị, vỉa hè, cây xanh đường phố:

- Vỉa hè: lát gạch có khe thấm nước, vỉa tạo mỹ quan đường phố vừa bảo vệ mạch nước ngầm;

- Nắp hố ga: sử dụng cho hệ thống điện, nước trên mặt vỉa hè phải được thiết kế và sử dụng vật liệu phù hợp, đảm bảo an toàn thẩm mỹ;

- Cây xanh chọn loại cây trồng phải phù hợp, khoảng cách trồng cây xanh cụ thể như sau:

+ 10m/cây: đối với cây có đường kính tán  $\geq 8m$ ;

+ 05m/cây: đối với cây có đường kính tán  $< 8m$ .

8. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

8.1. San nền:

- Cao độ thiết kế san nền tính toán trung bình của khu vực:  $\geq 2,40m$  (theo hệ cao độ Quốc gia - Hòn Dấu);



- Độ dốc địa hình đối với mặt phủ tự nhiên:  $i \geq 0,1\%$ .

## 8.2. Giao thông:

### 8.2.1. Giao thông đối ngoại:

- Đường 3 tháng 2 là trục giao thông đối ngoại chính liên hệ trực tiếp với các công chính và công phụ của trường. Đây là tuyến đường có lộ giới 40m được xây dựng với cao độ, kết cấu, hạ tầng kỹ thuật hoàn chỉnh:

- Đường Nguyễn Ngọc Trai nối ra đường Mậu Thân là tuyến đường giải quyết lượng thoát người chủ yếu từ khu vực ký túc xá sinh viên.

### 8.2.2. Giao thông đối nội:

- Các tuyến giao thông hiện hữu được giữ lại và cải tạo, mở rộng đáp ứng quy mô đi lại cho toàn sinh viên của trường. Xây dựng các tuyến mới, gắn kết các tuyến giao thông hiện hữu, tạo nên hệ thống giao thông thông suốt, tiếp cận trực tiếp các Khoa;

- Hệ thống giao thông đối nội gồm 03 loại đường:

- + Đường loại 1: có lộ giới 26m là trục giao thông chính, xuyên suốt;

- + Đường loại 2: có lộ giới 19m nối các khu vực chức năng trong khu quy hoạch, kết nối với trục giao thông đối nội chính, giao thông đối ngoại;

- + Đường loại 3: có lộ giới 14m là các trục đường tiếp cận đến các Khoa và các khu vực chức năng.

## BẢNG TỔNG HỢP MẶT CẮT ĐƯỜNG GIAO THÔNG:

| STT | Ký hiệu     | Mặt cắt  |             |          | Lộ giới (m) |
|-----|-------------|----------|-------------|----------|-------------|
|     |             | Lề đường | Lòng đường  | Lề đường |             |
| 1   | Mặt cắt 1-1 | 6,0      | 6,0-2,0-6,0 | 6,0      | 26,0        |
| 2   | Mặt cắt 2-2 | 5,0      | 9,0         | 5,0      | 19,0        |
| 3   | Mặt cắt 3-3 | 4,0      | 6,0         | 4,0      | 14,0        |

### 8.2.3. Bán kính bó vỉa và vát góc công trình tại giao lộ:

- Bán kính gờ bó vỉa tại giao lộ:  $R \geq 6m$ ;

- Góc vát tại các vị trí giao lộ  $\geq 4m$ .

## 8.3. Quy hoạch hệ thống thoát nước:

### 8.3.1. Hệ thống cấp nước:

- Nguồn nước phục vụ khu quy hoạch sử dụng từ nhà máy nước của thành phố, nước cung cấp phải đảm bảo tiêu chuẩn sinh hoạt, đủ lưu lượng, áp lực và theo đúng các quy định hiện hành;

- Mạng lưới cấp nước là mạng lưới vòng kết hợp mạng lưới phân nhánh, bố trí dọc dưới vỉa hè đường giao thông chính, xung quanh các khu vực trong khu quy hoạch; sử dụng ống D150, D200 và D250;

- Trên mạng cấp nước có bố trí 32 trụ cứu hỏa (khoảng cách giữa các trụ không quá 150m, khoảng cách giữa họng và mép tường công trình là 5m). Trụ chữa cháy phải được bố trí tại những nơi thuận lợi cho việc lấy nước chữa cháy.

### 8.3.2. Quy hoạch thoát nước:

- Hệ thống thoát nước được thiết kế theo hình thức tách riêng hoàn toàn hệ thống thoát nước mưa với hệ thống thoát nước thải sinh hoạt.

*\* Thoát nước mưa:*

- Nước mưa được thu gom vào hệ thống cống thoát, một phần xả ra kênh Búng Xáng và một phần xả vào hệ thống cống thoát trên đường 3 tháng 2;
- Nước được vận chuyển trong hệ thống ống kín, bố trí dọc dưới vỉa hè đường giao thông; sử dụng ống bê tông cốt thép đúc sẵn với các loại đường kính: D600, D800, D1000, D1200 và D1500;
- Trên từng tuyến ống có đặt những hố ga thu nước theo cự ly tập trung nước thích hợp, khoảng cách giữa các hố ga từ 30 - 40m để thu hết nước bề mặt tính toán.

*\* Thoát nước sinh hoạt:*

- Nước thải sinh hoạt phải được xử lý vi sinh bằng bể tự hoại đúng các tiêu chuẩn kỹ thuật quy định mới được dẫn ra hệ thống cống và đưa về khu xử lý nước thải để xử lý bằng phương pháp sinh học;
- Nước được vận chuyển trong hệ thống ống kín, bố trí dọc dưới vỉa hè đường giao thông; sử dụng ống bê tông cốt thép đúc sẵn với các loại đường kính: D300, D400.
- Trên từng tuyến ống có đặt những hố ga theo cự ly tập trung nước thích hợp.

**8.3.3. Phòng cháy và chữa cháy:**

- Hệ thống giao thông đồng bộ của khu vực phải đảm bảo cho xe cứu hỏa có thể hoạt động được thuận lợi khi xảy ra sự cố cháy nổ;
- Trên hệ thống cấp nước có bố trí các họng nước cứu hỏa và được đặt tại những vị trí thuận lợi đảm bảo cung cấp đủ nước khi có sự cố xảy ra;
- Trong từng Khoa, từng công trình khi xây dựng phải đảm bảo phù hợp với các quy định về phòng cháy chữa cháy.

**8.4. Quy hoạch cấp điện:**

- Nguồn điện: được cấp từ lưới trung thế trên đường 3 tháng 2.
- Lưới điện:
  - + Lưới trung thế 22 KV: thiết kế đi ngầm trong hầm kỹ thuật. Xuất tuyến được bố trí dọc theo trục đường giao thông và kết nối thành mạch vòng; đảm bảo hành lang an toàn cho tuyến và tuân thủ các quy chuẩn ngành;
  - + Lưới hạ thế 0.4 KV: thiết kế đi ngầm bằng cáp đồng XLPE vỏ bọc ngoài bằng PVC (các đặc điểm kỹ thuật phù hợp với tiêu chuẩn IEC), cáp được luồn trong ống nhựa PVC chịu lực và đặt trong hầm kỹ thuật, cung cấp đến các tủ phân phối thứ cấp trong khu vực; đảm bảo an toàn và tuân thủ các quy chuẩn ngành;
  - + Trạm biến áp: dọc theo tuyến trung thế đặt 05 trạm biến áp (Loại trạm hợp bộ), các trạm được cấp điện từ 2 tuyến và được đặt tại trung tâm phụ tải. Tổng các trạm có dung lượng 23.800KVA (công suất theo yêu cầu là 21.200 KW).

**Điều 2.** Giao Giám đốc Sở Xây dựng cùng với Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều hướng dẫn Chủ đầu tư:

1. Tổ chức công bố đồ án quy hoạch nêu trên để các tổ chức, cá nhân có liên quan biết và thực hiện theo quy hoạch, pháp luật.

Ban hành Quy định về quản lý xây dựng theo quy hoạch sau khi có Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân thành phố.



2. Thực hiện các thủ tục đầu tư theo quy hoạch xây dựng: đồng thời phối hợp với các nhà đầu tư, đơn vị, cá nhân có liên quan để liên kết đầu tư các hạng mục cơ sở hạ tầng theo đúng quy hoạch. Quản lý chặt chẽ ranh quy hoạch.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Xuân Khánh, Chủ đầu tư, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký.

*Nơi nhận:*

- TT. Thành ủy, TT. HĐND thành phố;
- CT, PCT UBND thành phố;
- Trường Đại học Cần Thơ;
- Sở: Xây dựng, TN và MT, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Giáo dục và Đào tạo;
- Viện Kiến trúc Quy hoạch thành phố;
- TT. QU, TT. UBND quận Ninh Kiều;
- UBND quận Ninh Kiều;
- UBND phường Xuân Khánh;
- VP UBND thành phố (3B);
- Trung tâm Công báo;
- Lưu VT. MC22

QU 13 QP 11.091 Quyết Định, Căn Dc

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Trần Thanh Mẫn

ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN NINH KIỀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 6283 /QĐ-UBND

Ninh Kiều, ngày 03 tháng 10 năm 2016

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc thu hồi đất của Trường Đại học Cần Thơ (khu 2), đường 3 Tháng 2, khu vực 7, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, bị ảnh hưởng dự án nâng cấp đô thị vùng ĐBSCL - Tiểu dự án thành phố Cần Thơ (giai đoạn 2), hạng mục cải tạo Hồ Bún Xáng và các tuyến đường cấp các kênh, rạch trong lưu vực Hồ Bún Xáng, khu vực 7, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều

### ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 2568/QĐ-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2014 của UBND thành phố Cần Thơ về việc ủy quyền cho Ủy ban nhân dân quận, huyện ban hành Quyết định thu hồi đất đối với các trường hợp được quy định tại Điều 66 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Quyết định số 2029/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2015 của UBND thành phố Cần Thơ về việc quy hoạch đất cải tạo Hồ Bún Xáng và các tuyến đường cấp các kênh, rạch trong lưu vực Hồ Bún Xáng thuộc dự án Nâng cấp đô thị vùng đồng bằng sông Cửu Long - Tiểu dự án thành phố Cần Thơ tại quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Thông báo số 319/TB-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2016 của UBND quận Ninh Kiều, về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Nâng cấp đô thị vùng ĐBSCL - Tiểu dự án thành phố Cần Thơ (giai đoạn II) hạng mục cải tạo Hồ Bún Xáng và các tuyến đường cấp các kênh, rạch trong lưu vực Hồ Bún Xáng đoạn cấp Trường Đại học Cần Thơ (Khu 2) thuộc khu vực 3, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ;

Xét đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường quận Ninh Kiều tại Tờ trình số 1538/TTr-PTNMT ngày 30 tháng 9 năm 2016,

### QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi phần đất với diện tích đo đạc thực tế là 95.329,23m<sup>2</sup> trong đó có: 19.852,77m<sup>2</sup> loại đất chuyên dùng (CD) và 75.476,46m<sup>2</sup> loại đất sông ròi,



kênh, rạch (SON) của Trường Đại học Cần Thơ (khu 2), thửa số 151, tờ bản đồ số 04 theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất do Công ty cổ phần đo đạc Toàn Phước Lộc thực hiện. Bao gồm một phần diện tích là 19.852,77m<sup>2</sup> loại đất chuyên dùng (CD) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00161.QSDĐ được UBND tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp ngày 21 tháng 10 năm 1998, tọa lạc tại phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

(Đính kèm phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 06 tháng 9 năm 2015)

Lý do thu hồi: Để thực hiện dự án nâng cấp đô thị vùng DBSCL - Tiểu dự án thành phố Cần Thơ (giai đoạn 2), hạng mục cải tạo Hồ Bún Xáng và các tuyến đường cấp các kênh, rạch trong lưu vực Hồ Bún Xáng, khu vực 7, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Điều 2. Giao nhiệm vụ cho các cơ quan, tổ chức thực hiện việc thu hồi đất, cụ thể như sau:

1. Giao Chủ tịch UBND phường Xuân Khánh có trách nhiệm giao quyết định này cho Trường Đại học Cần Thơ (khu 2) trong thời gian 15 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định; trường hợp Trường Đại học Cần Thơ (khu 2) không nhận quyết định này hoặc vắng mặt thì phải lập biên bản; niêm yết quyết định này tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường Xuân Khánh và Nhà thông tin khu vực.

2. Văn phòng HĐND-UBND quận Ninh Kiều có trách nhiệm đăng Quyết định này trên trang thông tin điện tử của UBND quận Ninh Kiều.

3. Giao Trung tâm phát triển quỹ đất quận Ninh Kiều, Chủ đầu tư, UBND phường Xuân Khánh quản lý chặt chẽ quỹ đất đã thu hồi.

### Điều 3.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng HĐND-UBND quận Ninh Kiều, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch quận Ninh Kiều, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường quận Ninh Kiều, Trưởng phòng Quản lý Đô thị quận Ninh Kiều, Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất quận Ninh Kiều, Chủ đầu tư, Chủ tịch UBND phường Xuân Khánh và Trường Đại học Cần Thơ (khu 2) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Thanh Tra quận Ninh Kiều
- Lưu: VT, Sang

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Đương Tấn Hiển

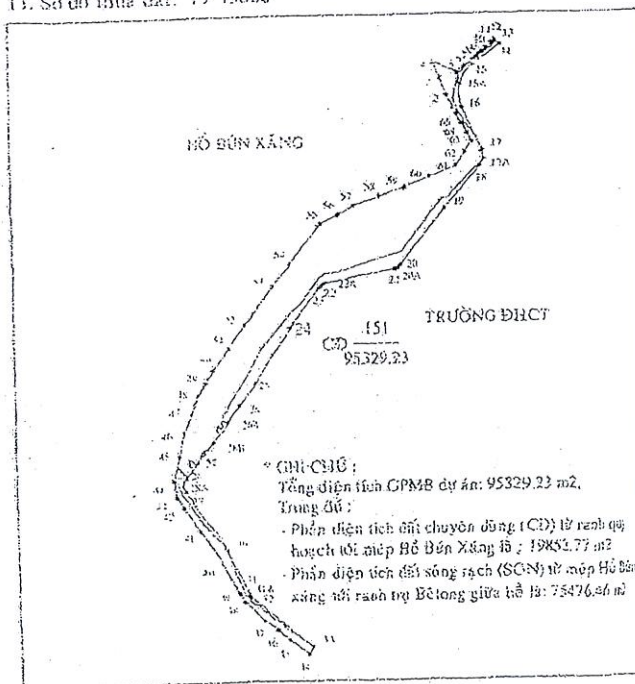
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Kiều, ngày 06 tháng 09 năm 2016

PHIẾU XÁC NHẬN KẾT QUẢ ĐO ĐẠC HIỆN TRẠNG THỬA ĐẤT

- Thửa đất số: 151; Từ bản đồ địa chính số: 04.
- Đo đạc theo dự án: Dự án nâng cấp đô thị vùng ĐBSCL - Tiểu dự án Thành Phố Cần Thơ - Giai đoạn 2  
Đo đạc lập hồ sơ trích đo địa chính hạng mục quanh hồ bồn xăng (gói thửa 2.4)
- Đơn vị thi công: Công ty cổ phần đo đạc TOÀN PHƯỚC LỘC
- Địa chỉ thửa đất: Khu Vực 7, Phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, Thành Phố Cần Thơ
- Diện tích: 95329,23 m<sup>2</sup>; Mục đích sử dụng đất: CD
- Tên người sử dụng đất: TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ.
- Địa chỉ thường trú:
- Hình thức sử dụng: chung ☐ riêng ☒
- Giấy tờ về quyền sử dụng đất:  
Loại giấy tờ hiện có: ; Diện tích vốn giấy tờ: m<sup>2</sup>  
Tình hình thay đổi ranh giới thửa đất so với khi có giấy tờ: ;
- Tình hình tranh chấp sử dụng đất: Không
- Sơ đồ thửa đất: 1 / 15000



12. Tọa độ và chiều dài cạnh thửa

| Thứ tự góc thửa | Tọa độ      |            | Chiều dài (m) |
|-----------------|-------------|------------|---------------|
|                 | X(m)        | Y(m)       |               |
| 1               | 1108968,317 | 583986,913 | 44,33         |
| 2               | 1110007,531 | 583966,267 | 40,20         |
| 3               | 1110044,477 | 583950,413 | 33,34         |
| 4               | 1110076,096 | 583938,083 | 34,33         |
| 5               | 1110054,658 | 583928,000 | 21,32         |
| 6               | 1110068,552 | 584004,028 | 20,30         |
| 7               | 1110081,133 | 584019,974 | 8,72          |
| 8               | 1110086,982 | 584026,440 | 2,17          |
| 9               | 1110092,631 | 584032,806 | 10,27         |
| 10              | 1110099,905 | 584040,347 | 10,27         |
| 11              | 1110106,978 | 584047,788 | 15,89         |
| 12              | 1110116,507 | 584059,409 | 8,90          |
| 13              | 1110122,632 | 584063,963 | 13,21         |
| 14              | 1110113,315 | 584076,017 | 67,83         |
| 15              | 1110072,308 | 584021,981 | 68,69         |

Ninh Kiều, ngày 06 tháng 09 năm 2016  
GIÁM ĐỐC

*(Chữ ký)*

LÊ HUỖN NHƯ

An Khánh, ngày 12 tháng 09 năm 2016

Đại diện chủ sử dụng đất  
Tôi ký tên dưới đây xác nhận các thông tin về thửa đất nêu ở Phiếu này là đúng với hiện trạng sử dụng đất



Hà Thanh Toàn



| Line Item | Quantity    | Unit Price | Amount |
|-----------|-------------|------------|--------|
| 16A       | 1109000.000 | 58300.000  | 64.16  |
| 17        | 1109000.000 | 58300.000  | 64.16  |
| 18        | 1109000.000 | 58300.000  | 64.16  |
| 17A       | 1109000.000 | 58300.000  | 64.16  |
| 18        | 1109000.000 | 58300.000  | 64.16  |
| 19        | 1109000.000 | 58300.000  | 64.16  |
| 20        | 1109000.000 | 58300.000  | 64.16  |
| 20A       | 1109000.000 | 58300.000  | 64.16  |
| 21        | 1109000.000 | 58300.000  | 64.16  |
| 22        | 1109000.000 | 58300.000  | 64.16  |
| 22A       | 1109000.000 | 58300.000  | 64.16  |
| 23        | 1109000.000 | 58300.000  | 64.16  |
| 24        | 1109000.000 | 58300.000  | 64.16  |
| 25        | 1109000.000 | 58300.000  | 64.16  |
| 26        | 1109000.000 | 58300.000  | 64.16  |
| 26A       | 1109000.000 | 58300.000  | 64.16  |
| 27        | 1109000.000 | 58300.000  | 64.16  |
| 28        | 1109000.000 | 58300.000  | 64.16  |
| 29        | 1109000.000 | 58300.000  | 64.16  |
| 30        | 1109000.000 | 58300.000  | 64.16  |
| 31        | 1109000.000 | 58300.000  | 64.16  |
| 31A       | 1109000.000 | 58300.000  | 64.16  |
| 32        | 1109000.000 | 58300.000  | 64.16  |
| 33        | 1109000.000 | 58300.000  | 64.16  |
| 34        | 1109000.000 | 58300.000  | 64.16  |
| 35        | 1109000.000 | 58300.000  | 64.16  |
| 36        | 1109000.000 | 58300.000  | 64.16  |
| 37        | 1109000.000 | 58300.000  | 64.16  |
| 38        | 1109000.000 | 58300.000  | 64.16  |
| 39        | 1109000.000 | 58300.000  | 64.16  |
| 40        | 1109000.000 | 58300.000  | 64.16  |
| 41        | 1109000.000 | 58300.000  | 64.16  |
| 42        | 1109000.000 | 58300.000  | 64.16  |
| 43        | 1109000.000 | 58300.000  | 64.16  |
| 44        | 1109000.000 | 58300.000  | 64.16  |
| 45        | 1109000.000 | 58300.000  | 64.16  |
| 46        | 1109000.000 | 58300.000  | 64.16  |
| 47        | 1109000.000 | 58300.000  | 64.16  |
| 48        | 1109000.000 | 58300.000  | 64.16  |
| 49        | 1109000.000 | 58300.000  | 64.16  |
| 50        | 1109000.000 | 58300.000  | 64.16  |
| 51        | 1109000.000 | 58300.000  | 64.16  |
| 52        | 1109000.000 | 58300.000  | 64.16  |
| 53        | 1109000.000 | 58300.000  | 64.16  |
| 54        | 1109000.000 | 58300.000  | 64.16  |
| 55        | 1109000.000 | 58300.000  | 64.16  |
| 56        | 1109000.000 | 58300.000  | 64.16  |
| 57        | 1109000.000 | 58300.000  | 64.16  |
| 58        | 1109000.000 | 58300.000  | 64.16  |
| 59        | 1109000.000 | 58300.000  | 64.16  |
| 60        | 1109000.000 | 58300.000  | 64.16  |
| 61        | 1109000.000 | 58300.000  | 64.16  |
| 62        | 1109000.000 | 58300.000  | 64.16  |
| 63        | 1109000.000 | 58300.000  | 64.16  |
| 64        | 1109000.000 | 58300.000  | 64.16  |

ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN NINH KIỀU

Số: 7154/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Kiều, ngày 10 tháng 11 năm 2016

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh Quyết định thu hồi đất của Trường Đại học Cần Thơ (khu 2) bị ảnh hưởng dự án nâng cấp đô thị vùng DBSCL - Tiểu dự án thành phố Cần Thơ (giai đoạn 2), hạng mục cải tạo Hồ Bún Xáng và các tuyến đường cấp các kênh, rạch trong lưu vực Hồ Bún Xáng, thuộc phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều

### ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước Thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 2568/QĐ-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2014 của UBND thành phố Cần Thơ, về việc ủy quyền cho UBND quận, huyện ban hành Quyết định thu hồi đất đối với các trường hợp được quy định tại Điều 66 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Quyết định số 2029/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2015 của UBND thành phố Cần Thơ, về việc quy hoạch đất cải tạo Hồ Bún Xáng và các tuyến đường cấp các kênh, rạch trong lưu vực Hồ Bún Xáng thuộc dự án Nâng cấp đô thị vùng đồng bằng sông Cửu Long - Tiểu dự án thành phố Cần Thơ tại quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Quyết định số 6283/QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2016 của UBND quận Ninh Kiều, về việc thu hồi đất của Trường Đại học Cần Thơ (khu 2), đường 3 Tháng 2, khu vực 7, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều bị ảnh hưởng dự án nâng cấp đô thị vùng DBSCL - Tiểu dự án thành phố Cần Thơ (giai đoạn 2), hạng mục cải tạo Hồ Bún Xáng và các tuyến đường cấp các kênh, rạch trong lưu vực Hồ Bún Xáng, khu vực 7, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều;

Xét đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường quận Ninh Kiều tại Tờ trình số 1826/TTr-PTNMT ngày 08 tháng 11 năm 2016,

### QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh Điều 1 của Quyết định số 6283/QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2016 của UBND quận Ninh Kiều, cụ thể như sau:





1. Thu hồi phần đất có diện tích đo đạc thực tế là 95.329,23m<sup>2</sup> loại đất chuyên dùng (CD) của Trường Đại học Cần Thơ (khu 2) thuộc thửa số 1 S1, tờ bản đồ số 04 theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất do Công ty cổ phần đo đạc Toàn Phước Lộc thực hiện. Bao gồm một phần diện tích là 95.329,23m<sup>2</sup> loại đất chuyên dùng (CD) trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00161.QSDD được UBND tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp ngày 21 tháng 10 năm 1998 tọa lạc tại phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

(Đính kèm Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 06 tháng 9 năm 2016)

2. Các nội dung khác tại Quyết định số 6283/QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2016 của UBND quận Ninh Kiều không thay đổi.

**Điều 2.** Giao nhiệm vụ cho các cơ quan, tổ chức thực hiện việc thu hồi đất, cụ thể như sau:

1. Giao Chủ tịch UBND phường Xuân Khánh có trách nhiệm giao quyết định này cho Trường Đại học Cần Thơ (khu 2) trong thời gian 15 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định; trường hợp Trường Đại học Cần Thơ (khu 2) không nhận quyết định này hoặc vắng mặt thì phải lập biên bản; niêm yết quyết định này tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường Xuân Khánh và Nhà thông tin khu vực.

2. Văn phòng HĐND-UBND quận Ninh Kiều có trách nhiệm đăng Quyết định này trên trang thông tin điện tử của UBND quận Ninh Kiều.

3. Giao Trung tâm phát triển quỹ đất quận Ninh Kiều, Chủ đầu tư, UBND phường Xuân Khánh quản lý chặt chẽ quỹ đất đã thu hồi.

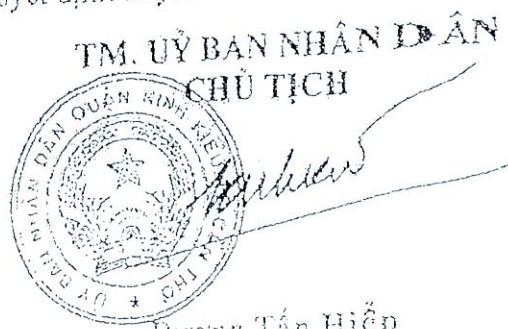
### **Điều 3.**

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng HĐND-UBND quận Ninh Kiều, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch quận Ninh Kiều, Trưởng phòng Tư pháp quận Ninh Kiều, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường quận Ninh Kiều, Trưởng phòng Quản lý Đô thị quận Ninh Kiều, Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất quận Ninh Kiều, Chủ đầu tư, Chủ tịch UBND phường Xuân Khánh và Trường Đại học Cần Thơ (khu 2) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này/.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Thanh Tra quận NK;
- Lưu: VT, Sang.



Dương Tấn Hiển

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Kiều, ngày 06 tháng 09 năm 2016

PHIẾU XÁC NHẬN KẾT QUẢ ĐO ĐẠC HIỆN TRẠNG THỪA ĐẤT

1. Thửa đất số: 151 Tờ bản đồ địa chính số: 04

2. Đo đạc theo dự án: Dự án nâng cấp đô thị vùng ĐBSCL - Tiểu dự án Thành Phố Cần Thơ - Giai đoạn 2

Đo đạc lập hồ sơ trích đo địa chính hàng mục quanh hồ bốn xáng (gói thầu 2.4)

3. Đơn vị thi công: Công ty cổ phần đo đạc TOÀN PHƯỚC LỘC

4. Địa chỉ thửa đất: Khu Vực 7, Phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, Thành Phố Cần Thơ

5. Diện tích: 95329,23 m<sup>2</sup>; Mục đích sử dụng đất: CD

6. Tên người sử dụng đất: TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ.

7. Địa chỉ thường trú:

8. Hình thức sử dụng: chung ☐ riêng ☒

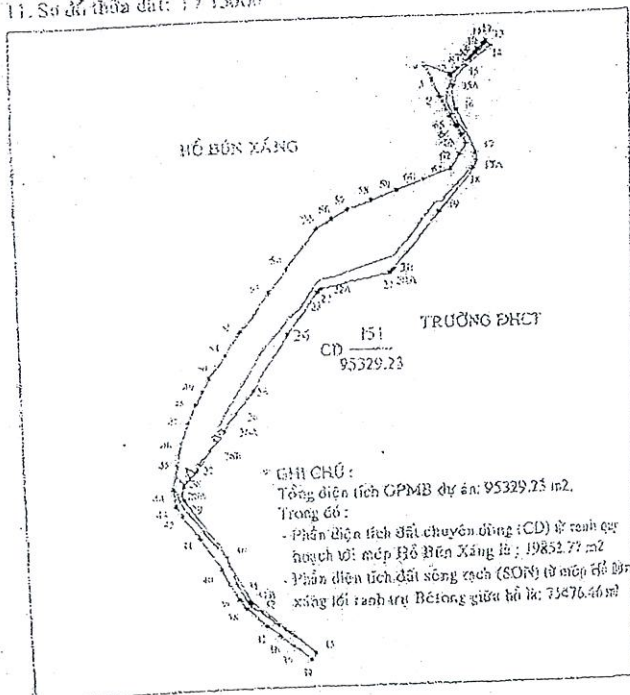
9. Giấy tờ về quyền sử dụng đất:

- Loại giấy tờ hiện có: Diện tích trên giấy tờ: m<sup>2</sup>

- Tình hình thay đổi ranh giới thửa đất so với khi có giấy tờ:

10. Tình hình tranh chấp sử dụng đất: Không

11. Số đo thửa đất: 1 / 15000



12. Tọa độ và chiều dài cạnh thửa

| Thứ tự<br>góc thửa | Tọa độ      |            | Chiều dài (m) |
|--------------------|-------------|------------|---------------|
|                    | X(m)        | Y(m)       |               |
| 1                  | 1109968,317 | 583986,913 | 44,33         |
| 2                  | 1110007,541 | 583966,257 | 40,20         |
| 3                  | 1110244,477 | 583950,419 | 33,94         |
| 4                  | 1110076,096 | 583933,083 | 54,83         |
| 5                  | 1110054,658 | 583988,000 | 21,22         |
| 6                  | 1110068,562 | 584004,028 | 20,30         |
| 7                  | 1110081,133 | 584019,974 | 8,72          |
| 8                  | 1110086,982 | 584026,440 | 8,72          |
| 9                  | 1110092,831 | 584032,906 | 10,77         |
| 10                 | 1110099,905 | 584040,347 | 10,27         |
| 11                 | 1110106,979 | 584047,788 | 15,09         |
| 12                 | 1110116,807 | 584059,409 | 8,90          |
| 13                 | 1110122,635 | 584065,963 | 13,71         |
| 14                 | 1110133,315 | 584076,017 | 67,85         |
| 15                 | 1110072,308 | 584021,981 | 68,69         |

Ninh Kiều, ngày 06 tháng 09 năm 2016  
 GIÁM ĐỐC

An Khánh, ngày 12 tháng 09 năm 2016  
 Đại diện chủ sở hữu thửa đất  
 Tôi ký tên dưới đây xác nhận các thông tin về thửa đất  
 nêu ở Phiếu này là đúng với Hiện trạng sử dụng đất



Hà Thanh Toàn

LÊ HUỖNH NHƯ



| No. | Price      |           | Unit  |
|-----|------------|-----------|-------|
|     | Price      | Price     |       |
| 18  | 110001.000 | 58190.000 | 18.45 |
| 19  | 110001.100 | 58190.100 | 18.45 |
| 20  | 110001.200 | 58190.200 | 18.45 |
| 21  | 110001.300 | 58190.300 | 18.45 |
| 22  | 110001.400 | 58190.400 | 18.45 |
| 23  | 110001.500 | 58190.500 | 18.45 |
| 24  | 110001.600 | 58190.600 | 18.45 |
| 25  | 110001.700 | 58190.700 | 18.45 |
| 26  | 110001.800 | 58190.800 | 18.45 |
| 27  | 110001.900 | 58190.900 | 18.45 |
| 28  | 110002.000 | 58191.000 | 18.45 |
| 29  | 110002.100 | 58191.100 | 18.45 |
| 30  | 110002.200 | 58191.200 | 18.45 |
| 31  | 110002.300 | 58191.300 | 18.45 |
| 32  | 110002.400 | 58191.400 | 18.45 |
| 33  | 110002.500 | 58191.500 | 18.45 |
| 34  | 110002.600 | 58191.600 | 18.45 |
| 35  | 110002.700 | 58191.700 | 18.45 |
| 36  | 110002.800 | 58191.800 | 18.45 |
| 37  | 110002.900 | 58191.900 | 18.45 |
| 38  | 110003.000 | 58192.000 | 18.45 |
| 39  | 110003.100 | 58192.100 | 18.45 |
| 40  | 110003.200 | 58192.200 | 18.45 |
| 41  | 110003.300 | 58192.300 | 18.45 |
| 42  | 110003.400 | 58192.400 | 18.45 |
| 43  | 110003.500 | 58192.500 | 18.45 |
| 44  | 110003.600 | 58192.600 | 18.45 |
| 45  | 110003.700 | 58192.700 | 18.45 |
| 46  | 110003.800 | 58192.800 | 18.45 |
| 47  | 110003.900 | 58192.900 | 18.45 |
| 48  | 110004.000 | 58193.000 | 18.45 |
| 49  | 110004.100 | 58193.100 | 18.45 |
| 50  | 110004.200 | 58193.200 | 18.45 |
| 51  | 110004.300 | 58193.300 | 18.45 |
| 52  | 110004.400 | 58193.400 | 18.45 |
| 53  | 110004.500 | 58193.500 | 18.45 |
| 54  | 110004.600 | 58193.600 | 18.45 |
| 55  | 110004.700 | 58193.700 | 18.45 |
| 56  | 110004.800 | 58193.800 | 18.45 |
| 57  | 110004.900 | 58193.900 | 18.45 |
| 58  | 110005.000 | 58194.000 | 18.45 |
| 59  | 110005.100 | 58194.100 | 18.45 |
| 60  | 110005.200 | 58194.200 | 18.45 |
| 61  | 110005.300 | 58194.300 | 18.45 |
| 62  | 110005.400 | 58194.400 | 18.45 |
| 63  | 110005.500 | 58194.500 | 18.45 |
| 64  | 110005.600 | 58194.600 | 18.45 |
| 65  | 110005.700 | 58194.700 | 18.45 |
| 66  | 110005.800 | 58194.800 | 18.45 |
| 67  | 110005.900 | 58194.900 | 18.45 |
| 68  | 110006.000 | 58195.000 | 18.45 |
| 69  | 110006.100 | 58195.100 | 18.45 |
| 70  | 110006.200 | 58195.200 | 18.45 |
| 71  | 110006.300 | 58195.300 | 18.45 |
| 72  | 110006.400 | 58195.400 | 18.45 |
| 73  | 110006.500 | 58195.500 | 18.45 |
| 74  | 110006.600 | 58195.600 | 18.45 |
| 75  | 110006.700 | 58195.700 | 18.45 |
| 76  | 110006.800 | 58195.800 | 18.45 |
| 77  | 110006.900 | 58195.900 | 18.45 |
| 78  | 110007.000 | 58196.000 | 18.45 |
| 79  | 110007.100 | 58196.100 | 18.45 |
| 80  | 110007.200 | 58196.200 | 18.45 |
| 81  | 110007.300 | 58196.300 | 18.45 |
| 82  | 110007.400 | 58196.400 | 18.45 |
| 83  | 110007.500 | 58196.500 | 18.45 |
| 84  | 110007.600 | 58196.600 | 18.45 |
| 85  | 110007.700 | 58196.700 | 18.45 |
| 86  | 110007.800 | 58196.800 | 18.45 |
| 87  | 110007.900 | 58196.900 | 18.45 |
| 88  | 110008.000 | 58197.000 | 18.45 |
| 89  | 110008.100 | 58197.100 | 18.45 |
| 90  | 110008.200 | 58197.200 | 18.45 |
| 91  | 110008.300 | 58197.300 | 18.45 |
| 92  | 110008.400 | 58197.400 | 18.45 |
| 93  | 110008.500 | 58197.500 | 18.45 |
| 94  | 110008.600 | 58197.600 | 18.45 |
| 95  | 110008.700 | 58197.700 | 18.45 |
| 96  | 110008.800 | 58197.800 | 18.45 |
| 97  | 110008.900 | 58197.900 | 18.45 |
| 98  | 110009.000 | 58198.000 | 18.45 |
| 99  | 110009.100 | 58198.100 | 18.45 |
| 100 | 110009.200 | 58198.200 | 18.45 |

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2632 /QĐ-UBND

Cần Thơ, ngày 10 tháng 10 năm 2017

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng  
tỷ lệ 1/500 Trường Đại học Cần Thơ tại phường Xuân Khánh,  
quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

#### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 7 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của  
Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1258/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2009 của Ủy  
ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết  
xây dựng tỷ lệ 1/500 Trường Đại học Cần Thơ tại phường Xuân Khánh, quận  
Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3290/TTr-SXD  
ngày 02 tháng 10 năm 2017,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh cục bộ Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng  
tỷ lệ 1/500 Trường Đại học Cần Thơ tại phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều,  
thành phố Cần Thơ được phê duyệt tại Quyết định số 1258/QĐ-UBND ngày 22  
tháng 4 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố, cụ thể như sau:

a) Vị trí và quy mô:

- Lô đất quy hoạch Khoa Công nghệ thông tin và truyền thông (ký hiệu  
03) và bãi đỗ xe (ký hiệu 23); Diện tích khoảng 15.669,0m<sup>2</sup>;

- Lô đất quy hoạch Viện phát triển Công nghệ sinh học và Trung tâm  
kiểm định chất lượng Hóa sinh (ký hiệu 12) và bãi đỗ xe (ký hiệu 23); Diện tích  
khoảng 23.115,0m<sup>2</sup>;

b) Lý do điều chỉnh:

Điều chỉnh chức năng và cập nhật quy mô diện tích đối với lô đất quy  
hoạch Khoa Công nghệ thông tin và truyền thông, Viện phát triển Công nghệ  
sinh học và Trung tâm kiểm định chất lượng Hóa sinh và bãi đỗ xe để đảm bảo  
phù hợp chức năng và quy mô sử dụng đất theo dự án "Nâng cấp Trường Đại  
học Cần Thơ" được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt tại Quyết định số  
938/QĐ-BGDĐT ngày 27 tháng 3 năm 2015.



## c) Nội dung điều chỉnh

- Điều chỉnh Khoa Công nghệ thông tin và truyền thông (kí hiệu lô 03) thành Khoa Luật, Trung tâm ngoại ngữ và phòng thí nghiệm công nghệ cao; Diện tích khoảng 15.669,0m<sup>2</sup>.

- Điều chỉnh Viện phát triển Công nghệ sinh học và Trung tâm kiểm định chất lượng Hóa sinh (kí hiệu lô 12) thành Khu phức hợp phòng thí nghiệm nghiên cứu; diện tích khoảng 23.115,0m<sup>2</sup>; mật độ xây dựng tối đa lô đất là 37%.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, những nội dung quy hoạch xây dựng trước đây thuộc phạm vi giới hạn nhưng trái với nội dung điều chỉnh này sẽ không còn giá trị thực hiện. Các nội dung khác vẫn tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 1258/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.

**Điều 3.** Giao Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều, các sở ngành có liên quan cập nhật nội dung này vào quy hoạch để quản lý.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều, Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ, Thủ trưởng cơ quan, ban ngành thành phố, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *SN*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- CT, PCT UBND TP (IAC);
- VP UBND thành phố (3D);
- Công TTĐT TPCT;
- Lưu: VT, (CH).

13952-3290

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Võ Thành Thông

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Số: 2988/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cần Thơ, ngày 11 tháng 12 năm 2023

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500  
Trường Đại học Cần Thơ tại phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều,  
thành phố Cần Thơ

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung  
một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy  
hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của  
Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của  
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày  
07 tháng 04 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy  
hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy  
định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ  
trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây  
dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy  
hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3598/TTr-SXD  
ngày 02 tháng 11 năm 2023.

### QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh cục bộ Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ  
lệ 1/500 Trường Đại học Cần Thơ tại phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều,  
thành phố Cần Thơ được phê duyệt tại Quyết định số 1258/QĐ-UBND ngày 22  
tháng 4 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh Lô đất quy hoạch Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn (ký  
hiệu 01), diện tích khoảng 7.291m<sup>2</sup>; thành Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn và  
Trung tâm Đào tạo Quốc tế (IETC), chiều cao các khối tối đa 7 tầng, điều chỉnh  
diện tích là khoảng 7.938m<sup>2</sup>;

2. Điều chỉnh diện tích Lô đất quy hoạch Công viên cây xanh (ký hiệu 05 -



Vườn Bàng), diện tích 8.815m<sup>2</sup>; điều chỉnh diện tích là khoảng 8.169m<sup>2</sup>.

3. Điều chỉnh diện tích Lô đất quy hoạch Khoa Nông nghiệp và Sinh học ứng dụng (ký hiệu 13), diện tích 51.561m<sup>2</sup> và bãi xe 826m<sup>2</sup>; điều chỉnh diện tích là khoảng 52.387m<sup>2</sup>.

(Đính kèm bản vẽ vị trí điều chỉnh quy hoạch)

4. Lý do điều chỉnh:

Điều chỉnh tên và cập nhật quy mô diện tích lô đất quy hoạch các Khoa để đảm bảo quy mô sử dụng đất theo dự án “Nâng cấp trường đại học Cần Thơ” sử dụng ODA của Chính phủ Nhật Bản theo Quyết định số 938/QĐ-BGDĐT ngày 27 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và phù hợp với Công văn số 7474/VPCP-QHQT ngày 05 tháng 11 năm 2022 của Văn phòng Chính phủ, đáp ứng mục tiêu nâng cấp Trường Đại học Cần Thơ thành trường đại học xuất sắc, đạt chuẩn quốc tế về đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và quản trị đại học.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký; những nội dung còn lại đã được phê duyệt tại Quyết định số 1258/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2009 và Quyết định số 2632/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ không thay đổi.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều, Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
  - CT UBND TP;
  - VP UBND (3D);
  - Sở: KHĐT, TNMT, GD&ĐT;
  - Lưu VT, NCH.
- 19863-3598 (08.12.2023)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Đương Tấn Hiển

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
HỘI ĐỒNG TRƯỜNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Số: 129 /NQ-HĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cần Thơ, ngày 12 tháng 01 năm 2024

### NGHỊ QUYẾT

Kỳ họp thứ 14 của Hội đồng trường  
Trường Đại học Cần Thơ nhiệm kỳ 2020 – 2025

### HỘI ĐỒNG TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

*Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;*

*Căn cứ Nghị quyết số 99/NQ-HĐT ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ về Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Cần Thơ;*

*Xét các Tờ trình của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ tại Kỳ họp thứ 14 của Hội đồng trường; ý kiến thảo luận và biểu quyết tại kỳ họp thứ 14 tổ chức vào ngày 12 tháng 01 năm 2024.*

### QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất nội dung Báo cáo kết quả công tác năm 2023 của Trường Đại học Cần Thơ do Hiệu trưởng trình Hội đồng trường. Giao Hiệu trưởng chỉ đạo các đơn vị có liên quan phối hợp với Thư ký Hội đồng trường tiếp thu ý kiến thành viên Hội đồng trường hoàn thiện văn bản trình Chủ tịch Hội đồng trường thay mặt Hội đồng trường ký ban hành.

2. Phê duyệt Kế hoạch công tác năm 2024 Trường Đại học Cần Thơ do Hiệu trưởng trình Hội đồng trường. Giao Hiệu trưởng chỉ đạo các đơn vị có liên quan phối hợp với Thư ký Hội đồng trường tiếp thu ý kiến thành viên Hội đồng trường hoàn thiện văn bản trình Chủ tịch Hội đồng trường thay mặt Hội đồng trường ký ban hành.

3. Thống nhất Báo cáo kết quả công tác năm 2023 và Kế hoạch công tác năm 2024 của Hội đồng trường. Giao Thư ký Hội đồng trường hoàn thiện Báo cáo và Kế hoạch công tác trình Chủ tịch Hội đồng trường thay mặt Hội đồng trường ký ban hành.



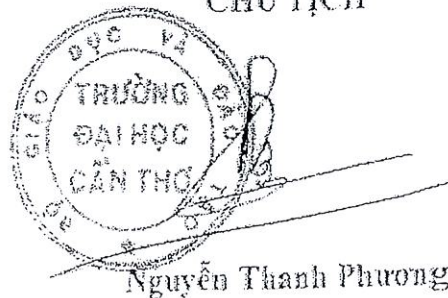
4. Thống nhất thành lập Bộ môn Khoa học sức khỏe thuộc Khoa Khoa học tự nhiên.
5. Thống nhất bổ nhiệm PGS.TS Trần Trung Tĩnh, Hiệu trưởng kiêm nhiệm Giám đốc Trung tâm Giáo dục quốc phòng Trường Đại học Cần Thơ.
6. Phê duyệt chủ trương Cải tạo Nhà 412 thành Nhà học tập trung, Khu I - Trường Đại học Cần Thơ.
7. Phê duyệt chủ trương Bảo trì và Cải tạo mặt ngoài Nhà điều hành, Khu II - Trường Đại học Cần Thơ.
8. Phê duyệt chủ trương đầu tư công trình Cải tạo cổng, tường rào, nhà bảo vệ đường 3/2, Khu II - Trường Đại học Cần Thơ.
9. Phê duyệt chủ trương Xây dựng công trình Nhà học Trường Thực hành sư phạm, Khu II - Trường Đại học Cần Thơ.
10. Phê duyệt chủ trương Xây dựng đường nội bộ từ ngã 3 Khoa Giáo dục thể chất đến cổng hàng rào hồ Bàng Xáng, Khu II - Trường Đại học Cần Thơ.
11. Phê duyệt chủ trương Xây dựng công trình Khu Phục vụ sinh viên, Khu II - Trường Đại học Cần Thơ.
12. Phê duyệt chủ trương Xây dựng công trình Khối nhà học và thí nghiệm Trường Bách khoa, Khu II - Trường Đại học Cần Thơ.
13. Phê duyệt chủ trương Xây dựng công trình Khối nhà học Trường Kinh tế, Khu II - Trường Đại học Cần Thơ.
14. Phê duyệt chủ trương Xây dựng công trình Khối nhà học Trường Công nghệ thông tin và Truyền thông, Khu II - Trường Đại học Cần Thơ.
15. Thông qua Báo cáo quyết toán tài chính năm 2022 của Trường Đại học Cần Thơ.
16. Thống nhất nội dung sửa đổi, bổ sung kế hoạch mở ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ đến năm 2030 do Hiệu trưởng trình Hội đồng trường và ban hành Nghị quyết thay thế cho các Nghị quyết có liên quan trước đây.
17. Phê duyệt chủ trương mở chuyên ngành đào tạo: chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán, thuộc ngành Lý luận và phương pháp dạy học Bộ môn trình độ tiến sĩ.
18. Phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo: ngành Kỹ thuật xây dựng trình độ thạc sĩ.
19. Phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo: ngành Toán ứng dụng trình độ thạc sĩ.

20. Phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo: ngành Luật trình độ thạc sĩ.
21. Phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo: ngành Kỹ thuật ô tô trình độ đại học.
22. Phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo: ngành Kỹ thuật y sinh trình độ đại học.
23. Phê duyệt đề án mở ngành đào tạo: ngành Báo chí trình độ đại học.
24. Phê duyệt đề án mở ngành đào tạo: ngành Du lịch trình độ đại học.
25. Phê duyệt đề án mở chương trình đào tạo chất lượng cao: chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học thuộc ngành Hệ thống thông tin.
26. Thông qua đề án mở ngành đào tạo: ngành Sư phạm Lịch sử - Địa lý trình độ đại học.
27. Phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo: ngành Triết học trình độ thạc sĩ.
28. Phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo: ngành Ngôn ngữ Anh trình độ thạc sĩ.
29. Các thành viên Hội đồng trường, Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ, thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

*Nơi nhận:*

- Như điểm 29;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để báo cáo);
- Đảng ủy (để báo cáo);
- Hiệu trưởng (để thực hiện);
- Thành viên Hội đồng trường (để giám sát);
- Các đơn vị trong Trường (để thực hiện);
- Công thông tin điện tử (để đăng tin);
- Lưu: VT, VPHĐT.

TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG  
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Phương



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
HỘI ĐỒNG TRƯỜNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 19/NQ-HĐT

Cần Thơ, ngày 11 tháng 01 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT**

Phê duyệt Phương án sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy bên trong  
Trường Đại học Cần Thơ

**HỘI ĐỒNG TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ**

*Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;*

*Căn cứ Nghị quyết số 99/NQ-HĐT ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ về Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Cần Thơ; Nghị quyết số 181/NQ-HĐT ngày 19 tháng 4 năm 2024 và Nghị quyết số 185/NQ-HĐT ngày 03 tháng 7 năm 2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Cần Thơ;*

*Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐT ngày 11 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ về Kỳ họp thứ 20 của Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ nhiệm kỳ 2020 – 2025;*

*Theo đề nghị của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ tại Tờ trình số 33/TTr-ĐHCT ngày 07 tháng 01 năm 2025 về Phương án sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy bên trong Trường Đại học Cần Thơ;*

*Theo kết quả biểu quyết thống nhất của các thành viên Hội đồng Trường tại Phiên họp lần thứ 20 của Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ nhiệm kỳ 2020 – 2025.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Phê duyệt Phương án sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy bên trong Trường Đại học Cần Thơ được Hiệu trưởng trình Hội đồng trường tại Kỳ họp thứ 20 của Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ nhiệm kỳ 2020 – 2025; thực hiện giảm các đầu mối đơn vị cấp 2 trong Trường trong giai đoạn năm 2025 đến năm 2030; đảm bảo sự đổi mới và phát triển theo định hướng chiến lược của Nhà trường. Cụ thể như sau:

1. Đối với các đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ đào tạo, gồm:

- Duy trì sáu trường chuyên ngành gồm: Trường Bách khoa, Trường Công nghệ thông tin và truyền thông, Trường Kinh tế, Trường Nông nghiệp, Trường Thủy sản và Trường Sư phạm. Trong đó, Trường Sư phạm có sáp nhập thêm Khoa Giáo dục thể chất và Khoa Dự bị - Dân tộc, thực hiện trong năm 2025;

- Duy trì bốn Khoa gồm: Khoa Khoa học Tự nhiên, Khoa Môi trường và Tài nguyên thiên nhiên, Khoa Luật và Khoa Ngoại ngữ. Các Khoa tiếp tục chuẩn bị để phát triển thành các Trường chuyên ngành khi đáp ứng được các điều kiện theo quy định;

- Hợp nhất Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn và Khoa Khoa học Chính trị thành Khoa Khoa học Chính trị, Xã hội và Nhân văn, thực hiện trong năm 2025;

- Tổ chức lại Khoa Phát triển nông thôn thành Phân hiệu Trường Trường Đại học Cần Thơ tại Hậu Giang sau khi được Bộ Giáo dục và đào tạo phê duyệt Đề án thành lập và ban hành quyết định thành lập Phân hiệu;

- Duy trì Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm và định hướng phát triển thành Trường chuyên ngành trước năm 2030;

- Duy trì Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh;

- Nghiên cứu chuyển đổi mô hình Trường THPT Thực hành Sư phạm thành Trường THPT Đại học Cần Thơ hoặc Trường THPT Cần Thơ, thực hiện trong năm 2025;

- Sáp nhập Khoa Dự bị - Dân tộc và Khoa Giáo dục thể chất vào Trường Sư phạm, thực hiện trong năm 2025.

2. Hợp nhất Viện Nghiên cứu Phát triển Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) và Viện Nghiên cứu Biến đổi khí hậu thành Viện mới, định hướng tên gọi là Viện Nghiên cứu Phát triển ĐBSCL, Viện Nghiên cứu Phát triển bền vững ĐBSCL hay Viện Nghiên cứu Phát triển ĐBSCL và Biến đổi khí hậu; tên gọi chính thức sẽ được xác định khi xây dựng đề án thành lập. Nghiên cứu chuyên các ngành đào tạo của Viện Nghiên cứu Phát triển ĐBSCL về các đơn vị phù hợp, thực hiện trong năm 2025.

3. Đối với các đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ tham mưu, giúp việc:

a) Duy trì, đổi tên và thành lập mới

- Duy trì Văn phòng Trường Đại học Cần Thơ và tiếp nhận bộ phận tổ chức sự kiện và an ninh trật tự từ Phòng Công tác Chính trị, thực hiện trong năm 2025;

- Thành lập Văn Phòng Đảng và các Đoàn thể trên cơ sở các Văn phòng Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu Chiến binh, thực hiện trong năm 2025;



- Đổi tên Phòng Công tác Sinh viên thành Phòng (Ban) Công tác Học sinh và Sinh viên, tiếp nhận bộ phận công tác chính trị của Phòng Công tác Chính trị và bộ phận tư vấn sức khỏe sinh viên của Trung tâm Tư vấn, Hỗ trợ và Khởi nghiệp Sinh viên, thực hiện trong năm 2025;
- Đổi tên Phòng Hợp tác Quốc tế thành Phòng (Ban) Đối ngoại và Đào tạo Quốc tế, thực hiện trong năm 2025;
- Đổi tên Phòng Quản lý Khoa học thành Phòng (Ban) Khoa học Công nghệ và Đổi mới Sáng tạo, tiếp nhận bộ phận hỗ trợ, khởi nghiệp sinh viên của Trung tâm Tư vấn, Hỗ trợ và Khởi nghiệp Sinh viên và Trung tâm Chuyển giao Công nghệ và Dịch vụ, thực hiện trong năm 2025;
- Đổi tên Phòng Quản trị thiết bị thành Phòng (Ban) Phát triển Cơ sở vật chất và Quản lý Dự án, thực hiện trong năm 2025; sáp nhập Ban Quản lý Dự án ODA khi Ban quản lý Dự án ODA kết thúc nhiệm vụ;
- Đổi tên Phòng Tài chính thành Phòng (Ban) Kế hoạch và Tài chính, thực hiện trong năm 2025;
- Đổi tên Trung tâm Quản lý Chất lượng thành Phòng Quản lý Chất lượng, thực hiện trong năm 2025;
- Đổi tên Phòng Tổ chức Cán bộ thành Phòng (Ban) Tổ chức và Phát triển Nhân sự, thực hiện trong năm 2025;
- Đổi tên Trung tâm Liên kết Đào tạo thành Viện Đào tạo liên tục, thực hiện trong năm 2025;
- Đổi tên Trung tâm Thông tin và Quản trị mạng thành Trung tâm Chuyển đổi số và Truyền thông, thực hiện trong năm 2025;
- Duy trì Phòng Thanh tra - Pháp chế;
- Duy trì Trung tâm Học liệu;
- Thành lập Phân hiệu Trường Trường Đại học Cần Thơ tại Hậu Giang và Sóc Trăng theo đề án đã trình Bộ Giáo dục và đào tạo;
- Thành lập Phòng (Ban) Đào tạo trên cơ sở sáp nhập Phòng Đào tạo và Khoa Sau đại học, thực hiện sau năm 2027;

#### **b) Kết thúc hoạt động**

- Kết thúc hoạt động của Phòng Công tác Chính trị, chuyển bộ phận tổ chức sự kiện và an ninh trật tự về Văn phòng Trường, bộ phận còn lại chuyển về Phòng Công tác Sinh viên, thực hiện trong năm 2025;
- Kết thúc hoạt động của Trung tâm Tư vấn, Hỗ trợ và Khởi nghiệp Sinh viên, chuyển bộ phận tư vấn sức khỏe sinh viên về Phòng Công tác Sinh viên, bộ phận hỗ trợ, khởi nghiệp sinh viên về Phòng Quản lý Khoa học, thực hiện trong năm 2025;

- Kết thúc hoạt động của Trung tâm Chuyển giao Công nghệ và Dịch vụ và chuyển chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm về Phòng Quản lý Khoa học, thực hiện trong năm 2025.

#### 4. Đối với các đơn vị thực hiện hoạt động dịch vụ:

- Duy trì sáu Trung tâm gồm Trung tâm Bồi dưỡng Nghiệp vụ Sư phạm, Trung tâm Công nghệ Phần mềm, Trung tâm Đánh giá Năng lực Ngoại ngữ, Trung tâm Đào tạo, Nghiên cứu và Tư vấn Kinh tế, Trung tâm Điện tử - Tin học và Trung tâm Ngoại ngữ;

- Duy trì Công ty TNHH Một thành viên KHCN Đại học Cần Thơ;

- Hợp nhất ba Trung tâm gồm Trung tâm Điện - Điện tử, Trung tâm Kiểm định và Tư vấn Xây dựng, Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng Công nghệ thành Trung tâm Khoa học và Công nghệ Bách khoa Đại học Cần Thơ, thực hiện trong năm 2025;

- Hợp nhất Nhà Xuất bản Đại học Cần Thơ và Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ thành Nhà Xuất bản và Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ; duy trì pháp nhân của Nhà Xuất bản Đại học Cần Thơ theo quy định hiện hành, thực hiện trong năm 2025;

- Giải thể Trung tâm Dịch vụ Khoa học Nông nghiệp, thực hiện trong năm 2025.

Điều 2. Giao Hiệu trưởng chỉ đạo các đơn vị có liên quan tiến hành xây dựng đề án, kế hoạch cụ thể để thực hiện theo Phương án đã được Hội đồng trường thông qua ở Điều 1 để trình Hội đồng trường quyết định.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ, Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ, thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. /.

#### Nơi nhận:

- Nhu Điều 3;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để báo cáo);
- Đảng ủy (để báo cáo);
- Thành viên Hội đồng Trường (để giám sát);
- Các đơn vị trong Trường (để thực hiện);
- Công thông tin điện tử (để đăng tin);
- Lưu: VT, VPHĐT.

TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG  
KHỦ TỊCH  
TRƯỜNG  
ĐẠI HỌC  
CẦN THƠ  
Nguyễn Thanh Phương



Số: 03/NQ-HĐT

Cần Thơ, ngày 11 tháng 01 năm 2025

## NGHỊ QUYẾT

Phê duyệt Kế hoạch hoạt động năm 2025 của  
Trường Đại học Cần Thơ

### HỘI ĐỒNG TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 99/NQ-HĐT ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Cần Thơ; Nghị quyết số 181/NQ-HĐT ngày 19 tháng 4 năm 2024 và Nghị quyết số 185/NQ-HĐT ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Cần Thơ;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐT ngày 11 tháng 01 năm 2025 của kỳ họp thứ 20 của Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Theo đề nghị của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ tại Tờ trình số 5084/TTr-ĐHCT ngày 31 tháng 12 năm 2024 về việc Báo cáo kết quả thực hiện các nội dung và hoạt động năm 2024 và xin phê duyệt Kế hoạch hoạt động năm 2025 của Trường Đại học Cần Thơ;

Theo kết quả biểu quyết thống nhất của các thành viên Hội đồng Trường tại Phiên họp lần thứ 20 của Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ nhiệm kỳ 2020 - 2025.

### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo nghị quyết này Kế hoạch hoạt động năm 2025 của Trường Đại học Cần Thơ (kế hoạch kèm theo).

**Điều 2.** Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ có trách nhiệm triển khai thực hiện các nội dung được phê duyệt tại Điều 1 của Nghị quyết này.

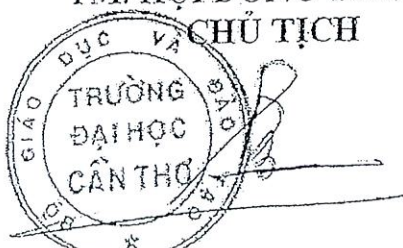
**Điều 3.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ, Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ, thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. /

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để báo cáo);
- Đảng ủy (để báo cáo);
- Thành viên Hội đồng Trường (để giám sát);
- Các đơn vị trong Trường (để thực hiện);
- Cổng thông tin điện tử (để đăng tin);
- Lưu: VT, VPHĐT.

TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG  
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Phương

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
HỘI ĐỒNG TRƯỜNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 41/NQ-HĐT

Cần Thơ, ngày 09 tháng 04 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT**

**Đổi tên một số đơn vị thuộc Trường Đại học Cần Thơ**

**HỘI ĐỒNG TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ**

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 99/NQ-HĐT ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ về Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Cần Thơ; Nghị quyết số 181/NQ-HĐT ngày 19 tháng 4 năm 2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 99/NQ-HĐT; Nghị quyết số 185/NQ-HĐT ngày 03 tháng 7 năm 2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 181/NQ-HĐT;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐT ngày 04 tháng 04 năm 2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ về kỳ họp thứ 21 của Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ nhiệm kỳ 2020 – 2025;

Theo Tờ trình số 1086/TTr-ĐHCT ngày 03 tháng 4 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về đổi tên một số đơn vị thuộc Trường;

Theo kết quả biểu quyết thống nhất của các thành viên Hội đồng Trường tại kỳ họp lần thứ 21 của Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ nhiệm kỳ 2020 – 2025.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Đổi tên một số đơn vị thuộc Trường Đại học Cần Thơ kể từ ngày 05 tháng 5 năm 2025, cụ thể như sau:

- Đổi tên Phòng Hợp tác Quốc tế thành Phòng Đối ngoại và Đào tạo quốc tế.
- Đổi tên Phòng Quản lý Khoa học thành Phòng Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo.
- Đổi tên Phòng Quản trị thiết bị thành Phòng Phát triển cơ sở vật chất và dự án.
- Đổi tên Phòng Tài chính thành Phòng Kế hoạch và Tài chính.



5. Đổi tên Phòng Tổ chức Cán bộ thành Phòng Tổ chức và Phát triển nhân sự.

6. Đổi tên Trung tâm Quản lý Chất lượng thành Phòng Quản lý chất lượng.

7. Đổi tên Trung tâm Thông tin và Quản trị mạng thành Trung tâm Chuyên đổi số và Truyền thông.

**Điều 2.** Đổi tên Trung tâm Học liệu thành Thư viện Đại học Cần Thơ từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

**Điều 3.** Giao Hiệu trưởng trên cơ sở Nghị quyết này và các quy định hiện hành tiến hành bổ nhiệm viên chức quản lý tương ứng với tên gọi mới của đơn vị và thực hiện các công tác có liên quan nhằm đảm bảo mọi hoạt động của đơn vị và Nhà trường.

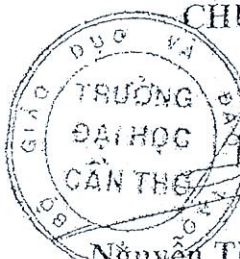
**Điều 4.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 5.** Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ, Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ, thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. /.

*Nơi nhận:*

- Như điều 5;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để báo cáo);
- Đảng ủy (để báo cáo);
- Thành viên Hội đồng Trường (để giám sát);
- Các đơn vị trong Trường (để thực hiện);
- Cổng thông tin điện tử (để đăng tin);
- Lưu: VT, VPHĐT.

**TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG**  
**CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Phương



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1531/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chuyển Trường Đại học Cần Thơ thành Đại học Cần Thơ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 778/TTr-BGDĐT ngày 13 tháng 6 năm 2025 về việc chuyển Trường Đại học Cần Thơ thành Đại học Cần Thơ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chuyển Trường Đại học Cần Thơ thành Đại học Cần Thơ.

Điều 2. Đại học Cần Thơ là cơ sở giáo dục đại học công lập trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng, có trụ sở chính tại thành phố Cần Thơ.

1. Đại học Cần Thơ thực hiện tổ chức lại cơ cấu tổ chức và hoạt động trên cơ sở Trường Đại học Cần Thơ theo quy định của Luật Giáo dục đại học và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ và các cơ quan liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền hướng dẫn, giám sát quá trình chuyển đổi bảo đảm minh bạch, không để xảy ra tiêu cực, thất thoát, lãng phí tài chính, tài sản; không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường, liên tục của nhà trường; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người học, giảng viên, cán bộ quản lý, người lao động và các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Sửa đổi khoản 6 Điều 1 Quyết định số 298/QĐ-TTg ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh sách các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo như sau:

“6. Đại học Cần Thơ.”



#### Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp

Hội đồng trường, Chủ tịch Hội đồng trường, Hiệu trưởng của Trường Đại học Cần Thơ tiếp tục thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo các quy định hiện hành cho đến khi Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định thành lập Hội đồng Đại học, công nhận Chủ tịch Hội đồng Đại học và công nhận Giám đốc Đại học Cần Thơ theo quy định của pháp luật.

#### Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 6. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ, Giám đốc Đại học Cần Thơ và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này

#### Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng CP;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- UBND thành phố Cần Thơ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban Văn hóa và Xã hội của Quốc hội;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam;
- Đại học Cần Thơ;
- VPCP, BTCN, các PCN, Trợ lý TTg,
- TGĐ Công TTĐT, các Vụ: PL, KTTH, TCCV;
- Lưu: VT, KGVX (3). DND 25

KT. THỦ TƯỚNG  
PHÓ THỦ TƯỚNG



Lê Thanh Long

Số: 5537/QĐ-ĐHCT

Cần Thơ, ngày 22 tháng 10 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch “Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ”

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Xây dựng số ngày 18 tháng 06 năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 98/ND-CP ngày 30 tháng 8 năm 2021 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Bộ chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính Phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.

Căn cứ Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 1515/QĐ-TTg ngày 28 tháng 8 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Cần Thơ đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định 1519/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng Đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050;



Căn cứ Quyết định 452/QĐ-TTg ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1531/QĐ-TTg ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Trường Đại học Cần Thơ thành Đại học Cần Thơ;

Căn cứ Thông tư 01/2021/BXD ngày 19 tháng 05 năm 2021 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 2813/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/5000 quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1258/QĐ-UBND ngày 22 tháng 04 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trường Đại học Cần Thơ trọng điểm đến năm 2020 tại phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Quyết định số 2803/QĐ-BGDĐT ngày 04 tháng 8 năm 2015 của Bộ giáo dục và đào tạo về việc phê duyệt phương án xử lý, sắp xếp lại nhà đất của Trường Đại học Cần Thơ;

Căn cứ Quyết định số 6283/QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều về việc thu hồi đất của Trường Đại học Cần Thơ (khu 2), đường 3 tháng 2, khu vực 7, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, bị ảnh hưởng dự án nâng cấp đô thị vùng ĐBSCL – Tiểu dự án thành phố Cần Thơ (giai đoạn 2), hạng mục cải tạo Hồ Bún Xáng và các tuyến đường cấp các kênh, rạch trong lưu vực Hồ Bún Xáng, khu vực 7, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều;

Căn cứ Quyết định số 7154/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều về việc điều chỉnh Quyết định thu hồi đất của Trường Đại học Cần Thơ (khu 2) bị ảnh hưởng dự án nâng cấp đô thị vùng ĐBSCL – Tiểu dự án thành phố Cần Thơ (giai đoạn 2), hạng mục cải tạo Hồ Bún Xáng và các tuyến đường cấp các kênh, rạch trong lưu vực Hồ Bún Xáng, thuộc phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều;

Căn cứ Quyết định số 2632/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trường Đại học Cần Thơ tại phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ;



Căn cứ Quyết định số 2988/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trường Đại học Cần Thơ tại phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Nghị Quyết số 129/NQ-HĐT ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ Kỳ họp thứ 14 của Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ nhiệm kỳ 2020 – 2025;

Căn cứ Nghị Quyết số 03/NQ-HĐT ngày 11 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ phê duyệt Kế hoạch hoạt động năm 2025 của Trường Đại học Cần Thơ;

Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-HĐT ngày 11 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ phê duyệt Phương án sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy bên trong Trường Đại học Cần Thơ;

Căn cứ Công văn số 1162/UBND-XDĐT ngày 14 tháng 03 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc điều chỉnh tổng thể Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trường Đại học Cần Thơ, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Nghị quyết số 41/NQ-HĐT ngày 09 tháng 04 năm 2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ đổi tên một số đơn vị thuộc Trường Đại học Cần Thơ;

Căn cứ hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch “Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ” do Viện Quy hoạch xây dựng lập, đã được hoàn thiện theo ý kiến thẩm định;

Căn cứ Báo cáo số 06/TCTTĐQH ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Tổ công tác chuyên môn thẩm định – Đại học Cần Thơ, về thẩm định hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch “Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ”;

Theo đề nghị của Trường Phòng Phát triển cơ sở vật chất và dự án tại Tờ trình số 444/TTr-CSVC&DA ngày 21 tháng 10 năm 2025 về việc trình phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch “Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ”.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch “Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ” với các nội dung chủ yếu như sau:

### 1. Tên đồ án quy hoạch:

Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.



## 2. Phạm vi, ranh giới và quy mô lập quy hoạch.

### a) Phạm vi, ranh giới:

Khu đất điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ có tứ cận tiếp giáp như sau:

- + Phía Đông Bắc: giáp khu dân cư hiện hữu.
- + Phía Đông Nam: giáp đường 3 tháng 2.
- + Phía Tây Nam: giáp kênh Búng Xáng.
- + Phía Tây Bắc: giáp kênh Búng Xáng.

### b) Diện tích lập quy hoạch: 719.577,9 m<sup>2</sup>.

(Quy mô diện tích đồ án sẽ được xác định đúng theo quy định pháp luật về đất đai khi lập đồ án).

### c) Dự kiến quy mô sinh viên:

Quy mô sinh viên theo đề xuất điều chỉnh quy hoạch Đại học Cần Thơ khu II: 55.000 sinh viên và 1.800 viên chức, người lao động.

## 3. Chức năng khu vực lập quy hoạch chi tiết:

Đại học Cần Thơ là cơ sở đào tạo đại học và sau đại học trọng điểm của Nhà nước ở đồng bằng sông Cửu Long, là trung tâm văn hóa - khoa học kỹ thuật của vùng. Đại học Cần Thơ là trường đa ngành, đa lĩnh vực có nhiệm vụ chính là đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, ứng dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật nhằm giải quyết các vấn đề về khoa học, công nghệ, kinh tế, văn hoá và xã hội của vùng.

## 4. Một số chỉ tiêu cơ bản.

Các chỉ tiêu cơ bản này nhằm đảm bảo cho chỉ tiêu về sử dụng đất và hạ tầng của đô thị trung tâm đạt yêu cầu theo Quy hoạch chung của thành phố Cần Thơ, Quy hoạch phân khu quận Ninh Kiều, các kế hoạch chiến lược phát triển Đại học Cần Thơ giai đoạn 2021 – 2030, định hướng đến năm 2050 và các quy định pháp luật hiện hành.

### a) Các chỉ tiêu sử dụng đất:

- Chỉ tiêu sử dụng đất:

+ Các chỉ tiêu sử dụng đất sẽ tuân thủ theo đúng Quy chuẩn, tiêu chuẩn quy định của pháp luật.

+ Theo Thông tư 01/2021/BXD ngày 19 tháng 05 năm 2021 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng.

+ Theo Thông tư 01/2024/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chuẩn cơ sở giáo dục đào tạo.

+ Theo TCVN 3981:1985 Trường Đại học.

b) Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:

- Giao thông:

+ Quy hoạch các tuyến đường nội bộ xung quanh công trình, đảm bảo kết nối đường 3 tháng 2 và đường cấp Hồ Bún Xáng.

+ Đảm bảo các phương tiện lưu thông xuyên suốt, trật tự, an toàn, hiệu quả.

+ Bố trí bãi đỗ xe dưới hầm của tòa nhà làm việc và sân đường xung quanh.

+ Cao độ nền được khống chế tương đương với cao độ của các tuyến đường giao thông, cao độ khống chế xây dựng (Hxd) từ +1,7m đến +2,65m (theo hệ cao độ Hòn Dấu) theo từng khu vực.  $H_{xd} \geq +2,40$  (cao độ hòn dấu).

- Hệ thống thoát nước mưa:

+ Nước mưa là loại nước thải ít ô nhiễm, được thu vào hệ thống tuyến cống thoát qua các hố thu và được đầu nối thoát ra hệ thống thoát nước của các tuyến đường tiếp giáp.

- Chỉ tiêu cấp nước:

+ Cấp nước sinh hoạt : 180 lít/người/ngày đêm.

+ Trường học : 15 lít/học sinh/ngày đêm

+ Nước dịch vụ thương mại, công cộng khác : 2 l/m<sup>2</sup> sàn

+ Nước tưới cây : 3 l/m<sup>2</sup>/ngày đêm

+ Nước rửa đường : 0,4 l/m<sup>2</sup>/ngày đêm

+ Nước cứu hỏa : phù hợp QCVN 06:2022/BXD và Thông tư 09/2023/TT-BXD sửa đổi 1:2023 QCVN 06/2022/BXD

+ Dự phòng rò rỉ : 15% × (lưu lượng chung);

- Chỉ tiêu nước thải : lấy bằng  $\geq 80\%$  chỉ tiêu cấp nước.

- Chỉ tiêu thu gom rác thải : 1,3kg/người/ngày.

- Chỉ tiêu cấp điện:

+ Điện năng : 2.100 kWh/người.năm

+ Phụ tải : 700 W/người

+ Trường đại học có điều hòa : 25W/m<sup>2</sup> sàn

+ Trường đại học không có điều hòa : 15W/m<sup>2</sup> sàn

+ Chiếu sáng công viên :  $\geq 0,5$  W/m<sup>2</sup>

+ Chiếu sáng giao thông :  $\geq 1$  W/m<sup>2</sup>.

- Chỉ tiêu hạ tầng viễn thông thụ động



Phát triển hạ tầng số trên nguyên tắc “hiện đại, đồng bộ, an ninh, an toàn, hiệu quả, tránh lãng phí”, hạ tầng số được quy hoạch, triển khai song song, đồng bộ với hạ tầng giao thông, hạ tầng điện, hạ tầng chiếu sáng, hạ tầng công trình ngầm, các hạ tầng kỹ thuật khác.

#### **5. Các yêu cầu và nguyên tắc về tổ chức không gian, kiến trúc, kết nối hạ tầng kỹ thuật:**

##### **a) Yêu cầu chung:**

- Phù hợp theo định hướng Quy hoạch chung thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt tại Quyết định số 1515/QĐ-TTg ngày 28 tháng 8 năm 2013; Đồ án quy hoạch thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 1519/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2023; Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/5000 quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt tại Quyết định số 2813/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2020; các Kế hoạch chiến lược phát triển Đại học Cần Thơ giai đoạn 2021 – 2030, định hướng đến năm 2050.

- Tổ chức quy hoạch không gian, kiến trúc cảnh quan, phân khu chức năng phải phù hợp với điều kiện địa hình và bản sắc khu vực, đảm bảo môi trường sống, đảm bảo tính bền vững của môi trường và cảnh quan thiên nhiên, tiện nghi đáp ứng nhu cầu phát triển dài hạn.

- Sử dụng đất phải khớp nối các dự án đã và đang triển khai trong phạm vi liên kết về không gian kiến trúc cũng như hạ tầng kỹ thuật sao cho khai thác quỹ đất hiệu quả nhất để phát triển các khu chức năng phù hợp.

- Tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn về quy hoạch xây dựng và các quy định khác của các ngành, lĩnh vực liên quan.

##### **b) Yêu cầu cụ thể:**

- Yêu cầu về việc điều tra khảo sát:

- + Yêu cầu về độ chính xác của bản đồ địa hình quốc gia.

- + Đánh giá chi tiết hiện trạng sử dụng đất trong khu vực Trường và khu vực liên kết.

- + Khảo sát hạ tầng kỹ thuật, giao thông kết nối, cấp – thoát nước, điện, thông tin.

- + Đánh giá hiện trạng công trình đào tạo, nghiên cứu, ký túc xá, khu thể thao; làm rõ nguồn dữ liệu và phương pháp thu thập số liệu để đảm bảo độ chính xác.

- + Cập nhật bản đồ nền địa hình tỷ lệ 1/500 và dữ liệu GIS mới nhất.

- Yêu cầu về thu thập tài liệu, số liệu:

- + Thu thập số liệu từ: Hiện trường, các nguồn cung cấp từ chính quyền địa phương, các cơ quan chuyên ngành.



- + Phân tích số liệu từ định hướng quy hoạch cấp trên và định hướng phát triển kinh tế xã hội tại khu vực phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.
- + Dùng phương pháp thu thập, tổng hợp, so sánh và phân tích để lựa chọn các số liệu cần thiết liên quan đến công tác lập quy hoạch.
- + Dùng phương pháp phân tích tổng hợp để đưa ra các mục tiêu khảo sát địa hình và lập quy hoạch.
- Đánh giá hiện trạng:
  - + Quy mô sinh viên cho toàn khu quy hoạch; tỷ lệ gia tăng số lượng sinh viên trong quá trình học và nghiên cứu đào tạo.
  - + Xác định các loại đất, diện tích, chức năng sử dụng đất, đánh giá tình hình sử dụng đất, các dự án phát triển đô thị.
  - + Hiện trạng kiến trúc cảnh quan: Xác định hiện trạng trường, các khu vực ký túc xá, các cơ sở và số lượng sinh viên. Đánh giá vị trí, quy mô đất đai, chất lượng các công trình phục vụ công cộng, các cơ quan hành chính, các khu vực phục vụ nghiên cứu, đào tạo trong công tác giảng dạy...
  - + Hạ tầng kỹ thuật đô thị: Giao thông; san nền, thoát nước mưa; cấp điện, chiếu sáng, thông tin liên lạc; cấp nước; thoát nước thải vệ sinh môi trường.
  - + Đánh giá quy hoạch, đầu tư mở rộng và phân bổ các dự án trên đồ án quy hoạch đã được lập và phê duyệt; cập nhật các quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng có liên quan đang triển khai thực hiện.
  - + Tổng hợp chung về thực trạng phát triển đồ án. Xác định các vấn đề trọng tâm cần giải quyết, làm cơ sở cho việc đề xuất nội dung và giải pháp điều chỉnh quy hoạch.
  - + Hiện trạng công tác đào tạo và quy mô sinh viên: Cần phân tích xu hướng phát triển quy mô đào tạo, cơ cấu ngành nghề và sự tương thích giữa năng lực đào tạo của trường với nhu cầu nguồn nhân lực của vùng ĐBSCL trong bối cảnh chuyển đổi kinh tế xanh, nông nghiệp công nghệ cao, logistics, năng lượng và môi trường. Chỉ rõ những ngành, lĩnh vực mà Trường đang thiếu điều kiện hạ tầng hoặc chưa đáp ứng được định hướng phát triển vùng.
  - + Cơ sở vật chất và hạ tầng kỹ thuật: Một số khu vực trong khuôn viên chưa được khai thác hiệu quả; hạ tầng giao thông nội bộ, thoát nước, khu ký túc xá và khu nghiên cứu thực hành còn hạn chế. Cần nêu rõ tầm quan trọng của việc phân tích tỷ lệ đất đã sử dụng hiện trạng, diện tích còn trống, và nhu cầu sử dụng trong tương lai để xác định rõ căn cứ điều chỉnh khu chức năng.
  - + Liên kết vùng và nhu cầu phát triển nguồn nhân lực: Cần nêu rõ vai trò của Trường Đại học Cần Thơ là trung tâm đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao khoa học công nghệ của toàn vùng ĐBSCL. Bổ sung đánh giá mối liên hệ giữa định hướng đào tạo của trường với nhu cầu phát triển các ngành kinh tế chủ lực của vùng ĐBSCL để làm cơ sở xác định lộ trình thực hiện quy hoạch.



+ Yếu tố tự nhiên và hạ tầng kỹ thuật: Bổ sung phân tích sâu hơn các yếu tố địa hình, thoát nước, nguy cơ ngập úng, điều kiện khí hậu – thổ nhưỡng ảnh hưởng đến bố trí không gian và giải pháp hạ tầng kỹ thuật. Đặc biệt, cần xem xét yếu tố thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững khi điều chỉnh quy hoạch, thông qua tính toán mô hình thủy lực (nếu cần thiết) để làm cơ sở xác định cao độ, hệ thống thoát nước, điều tiết ứng phó biến đổi khí hậu kết nối đồng bộ với khu vực lân cận của phường Ninh Kiều.

+ Cơ sở dữ liệu hiện trạng:

\* Nguồn tài liệu, số liệu, thông tin về hiện trạng phải bảo đảm chất lượng, độ tin cậy, có nguồn rõ ràng; đảm bảo tính khoa học, đủ số lượng, đủ độ dài chuỗi dữ liệu theo thời gian để phục vụ công tác phân tích, đánh giá, dự báo trong quá trình lập quy hoạch.

\* Cập nhật bản đồ nền địa hình tỷ lệ 1/500 và dữ liệu GIS mới nhất.

c) Yêu cầu về các nội dung của quy hoạch chi tiết:

Nội dung nghiên cứu thực hiện theo quy định tại Luật quy hoạch đô thị và nông thôn; Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính Phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.

d) Yêu cầu về dự kiến các hạng mục công trình cần ưu tiên đầu tư xây dựng trong khu vực lập quy hoạch:

- Hiện nay về cơ bản các hạng mục công trình cần đầu tư xây dựng trong khu vực lập quy hoạch gần như hoàn thiện.

- Kế thừa đồ án quy hoạch đã được phê duyệt năm 2009. Cập nhật lại ranh giới và quy mô diện tích khu đất theo thực tế. Điều chỉnh, bổ sung các khu chức năng, kiến trúc cảnh quan và hạ tầng kỹ thuật phù hợp với Chiến lược phát triển Đại học Cần Thơ giai đoạn 2021 – 2030, định hướng 2050.

đ) Yêu cầu đối với việc nghiên cứu tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan, sử dụng đất, kết nối hạ tầng kỹ thuật và các yêu cầu khác:

- Phân tích vị trí, đánh giá điều kiện tự nhiên; hiện trạng sinh viên, giảng viên và người lao động; Hiện trạng sử dụng đất, kiến trúc cảnh quan, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và môi trường. Đánh giá hiện trạng các dự án đầu tư phát triển đang được triển khai thực hiện của trường. Xác định các vấn đề cơ bản cần giải quyết.

- Đánh giá sự phù hợp tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan, sử dụng đất, kết nối hạ tầng kỹ thuật được định hướng trong quy hoạch phân khu.

- Lựa chọn chỉ tiêu đất đai, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật áp dụng cho toàn khu vực quy hoạch; xác định quy mô sinh viên, cán bộ, giảng viên, đất đai, các nhu cầu về cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đối với khu vực lập quy hoạch.



- Xác định yêu cầu tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan cho toàn khu vực quy hoạch và yêu cầu về bố trí công trình đối với từng lô đất (xác định chiều cao, cốt sàn và trần tầng một; hình thức kiến trúc, hàng rào, màu sắc, vật liệu chủ đạo của các công trình và các vật thể kiến trúc khác cho từng lô đất); tổ chức cây xanh công cộng, sân vườn, cây xanh đường phố và mặt nước trong khu vực quy hoạch. Xác định vị trí, quy mô các công trình, khu vực đặc trưng cần kiểm soát, các nội dung cần thực hiện để kiểm soát và các quy định cần thực hiện.

- Thiết kế đô thị:

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.

+ Xác định các công trình điểm nhấn trong khu vực quy hoạch theo các hướng tầm nhìn.

+ Xác định chiều cao xây dựng công trình:

\* Tổ chức không gian và chiều cao cho toàn khu vực nghiên cứu và cụ thể đối với từng lô đất.

\* Xác định chiều cao công trình trên cơ sở tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng, phù hợp với mật độ xây dựng và cảnh quan, cây xanh, mặt nước trong khu vực đô thị đã được quy định trong quy hoạch phân khu.

+ Xác định khoảng lùi công trình trên từng đường phố, nút giao thông:

\* Xác định cụ thể khoảng lùi đối với công trình kiến trúc trên từng đường phố, nút giao thông; đề xuất các giải pháp khả thi để sửa chữa những khiếm khuyết trong đô thị hiện hữu bằng các giải pháp: Trồng cây xanh bổ sung, làm mái hiên dọc hè phố, hoặc bằng các biện pháp kỹ thuật khác.

\* Đề xuất khoảng lùi tạo không gian đóng/mở bằng phương án thiết kế trên cơ sở thực trạng và giải pháp nhằm làm phong phú không gian kiến trúc cảnh quan, đảm bảo tiện lợi trong khai thác sử dụng.

\* Việc xác định khoảng lùi tối thiểu của công trình phải tuân thủ quy hoạch phân khu, các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành.

+ Xác định hình khối, màu sắc, hình thức kiến trúc chủ đạo của các công trình kiến trúc.

+ Hệ thống cây xanh mặt nước.

- Xác định các khu vực xây dựng công trình ngầm (các công trình công cộng ngầm, các công trình nhà cao tầng có xây dựng tầng hầm,...).

- Quy hoạch hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị:

+ Xác định cốt xây dựng đối với từng lô đất.



+ Xác định mạng lưới giao thông (kể cả đường đi bộ nếu có), mặt cắt, chỉ giới đường đỏ và chỉ giới xây dựng; xác định và cụ thể hóa quy hoạch chung, quy hoạch phân khu về vị trí, quy mô bến, bãi đỗ xe (trên cao, trên mặt đất và ngầm).

+ Xác định nhu cầu và nguồn cấp nước; vị trí, quy mô công trình nhà máy, trạm bơm nước; mạng lưới đường ống cấp nước và các thông số kỹ thuật chi tiết.

+ Xác định nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp năng lượng; vị trí, quy mô các trạm điện phân phối; mạng lưới đường dây trung thế, hạ thế và chiếu sáng đô thị.

+ Xác định nhu cầu và mạng lưới thông tin liên lạc.

+ Xác định lượng nước thải, rác thải; mạng lưới thoát nước; vị trí, quy mô các công trình xử lý nước bẩn, chất thải.

- Đề xuất giải pháp bảo vệ môi trường:

+ Đề xuất giải pháp quy hoạch chi tiết về môi trường để phục vụ công tác quản lý, giám sát môi trường trong tương lai đối với các vấn đề môi trường và biến đổi khí hậu.

+ Đề xuất giải pháp kỹ thuật cho việc hạn chế, giảm thiểu tác động tiêu cực tới môi trường đất, nước, không khí, tiếng ồn, sinh thái... cũng như tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu trong quá trình phát triển theo quy hoạch chi tiết.

+ Đề xuất giải pháp cơ chế chính sách, tăng cường nhận thức, nâng cao năng lực trong công tác bảo vệ môi trường, thích ứng, giảm thiểu biến đổi khí hậu; duy trì các xu hướng tích cực và hạn chế các xu hướng tiêu cực khi thực hiện quy hoạch. Quá trình triển khai thực hiện quy hoạch, thực hiện các dự án theo quy hoạch phải tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường và các quy định có liên quan.

+ Đề xuất chương trình theo dõi, giám sát chất lượng môi trường, trong đó thể hiện các nội dung đề xuất về quản lý, giám sát chất lượng môi trường, rủi ro của biến đổi khí hậu trong quá trình triển khai quy hoạch; một số thông số môi trường và địa điểm cần theo dõi, giám sát.

## 6. Các yêu cầu khác:

a) Yêu cầu về đánh giá môi trường chiến lược:

- Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, được sửa đổi bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, được sửa đổi bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Đánh giá hiện trạng môi trường về điều kiện địa hình; các vấn đề xã hội, văn hoá, cảnh quan thiên nhiên.

- Phân tích, dự báo những tác động tích cực và tiêu cực ảnh hưởng đến môi trường; đề xuất hệ thống các tiêu chí bảo vệ môi trường để đưa ra các giải pháp quy hoạch không gian, kiến trúc và hạ tầng kỹ thuật tối ưu cho khu vực quy hoạch.

- Đề ra các giải pháp cụ thể giảm thiểu, khắc phục tác động đến môi trường đô thị khi triển khai thực hiện quy hoạch.

- Lập kế hoạch giám sát môi trường về kỹ thuật, quản lý và quan trắc môi trường.

b) Yêu cầu về nghiên cứu thích ứng biến đổi khí hậu:

Khu vực lập quy hoạch, Thành phố Cần Thơ nói chung và khu vực phường Ninh Kiều nói riêng hiện nay đang chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu ngày càng nghiêm trọng. Do đó đồ án quy hoạch chi tiết cần nghiên cứu tích hợp các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu, đặc biệt là khu vực có quy hoạch tổ chức công trình ngầm.

c) Yêu cầu về nghiên cứu nhu cầu và đề xuất phương án đỗ xe hợp lý:

Do đây là đồ án quy hoạch xây dựng cơ sở đào tạo đại học và sau đại học trọng điểm của Nhà nước ở đồng bằng sông Cửu Long, là trung tâm văn hóa - khoa học kỹ thuật của vùng là loại hình tập trung đông người. Vì vậy đồ án cần nghiên cứu xác định nhu cầu và đề xuất phương án tổ chức các vị trí đỗ xe tại trường.

## 7. Thành phần hồ sơ quy hoạch:

Hồ sơ sản phẩm căn cứ theo Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.

## 8. Tiến độ và tổ chức thực hiện:

a) Tiến độ thực hiện:

Thời gian lập đồ án quy hoạch: Không quá 06 tháng.

b) Tổ chức thực hiện:

- Cơ quan phê duyệt: Đại học Cần Thơ.

- Cơ quan trình duyệt: Phòng Phát triển cơ sở vật chất và dự án – Đại học Cần Thơ.

- Cơ quan thẩm định: Tổ công tác chuyên môn thẩm định – Đại học Cần Thơ.

- Đơn vị tư vấn lập quy hoạch.



**Điều 2:** Phòng Phát triển cơ sở vật chất và dự án chịu trách nhiệm tổ chức lập đồ án quy hoạch “Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ” theo nội dung Nhiệm vụ quy hoạch đã được phê duyệt, bảo đảm tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3:** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh văn phòng Trường Đại học Cần Thơ, Trưởng Phòng Phát triển cơ sở vật chất và dự án, Trưởng Phòng Kế hoạch và Tài chính, Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. ✓

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Tổ công tác chuyên môn thẩm định quy hoạch;
- Hội đồng thẩm định quy hoạch;
- Lưu: VT, CSVC&ĐA.

**HIỆU TRƯỞNG**

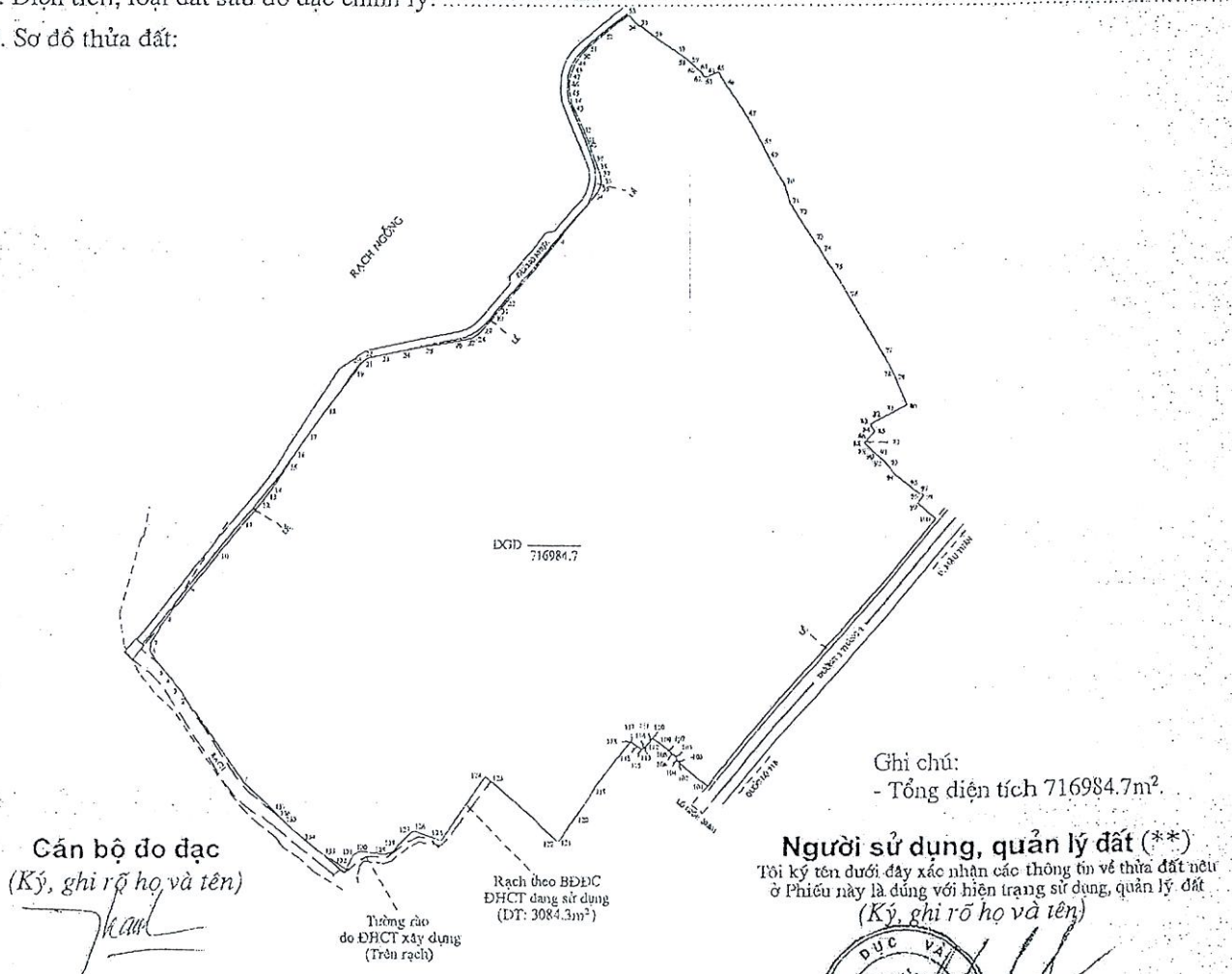


Trần Trung Tính

Cần Thơ, ngày 17 tháng 1 năm 2025

## PHIẾU ĐO ĐẠC CHÍNH LÝ THỪA ĐẤT

1. Thửa đất số: .....; Tờ bản đồ số: .....; diện tích: 716984.7 m<sup>2</sup>; loại đất: DGD  
..... Hình thức sử dụng (chung, riêng): Riêng
2. Địa chỉ thửa đất: Khu II Đại Học Cần Thơ, phường Ninh Kiều (phường Xuân Khánh cũ), TP. Cần Thơ
3. Tên người sử dụng đất, người quản lý đất: ĐẠI HỌC CẦN THƠ
4. Địa chỉ người sử dụng đất, người quản lý đất: Phường Ninh Kiều (P. Xuân Khánh cũ), thành phố Cần Thơ
5. Giấy chứng nhận hoặc quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất hoặc giấy tờ về quyền sử dụng đất (giấy tờ):
- Loại giấy tờ: GCNQSDĐ
- Diện tích trên giấy tờ: 809530.2 m<sup>2</sup>; loại đất trên giấy tờ: Chuyên dùng
6. Tình hình thay đổi ranh giới thửa đất so với khi có giấy tờ: Có thay đổi (do thu hồi đất theo 7154/QĐ-UBND ngày 18/11/2016 của UBND quận Ninh Kiều cũ)
7. Diện tích, loại đất sau đo đạc chính lý: 716984.7 m<sup>2</sup>
8. Sơ đồ thửa đất:



Ghi chú:  
- Tổng diện tích 716984.7m<sup>2</sup>.

Người sử dụng, quản lý đất (\*\*)

Tôi ký tên dưới đây xác nhận các thông tin về thửa đất nêu ở Phiếu này là đúng với hiện trạng sử dụng, quản lý đất

(Ký, ghi rõ họ và tên)



Trần Trung Tính

Cán bộ đo đạc  
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Nguyễn Dương Hiến Nhân

Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Cần Thơ

(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)



Lê Văn Giao



## CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## BẢN MÔ TẢ RANH GIỚI, MỐC GIỚI THỪA ĐẤT

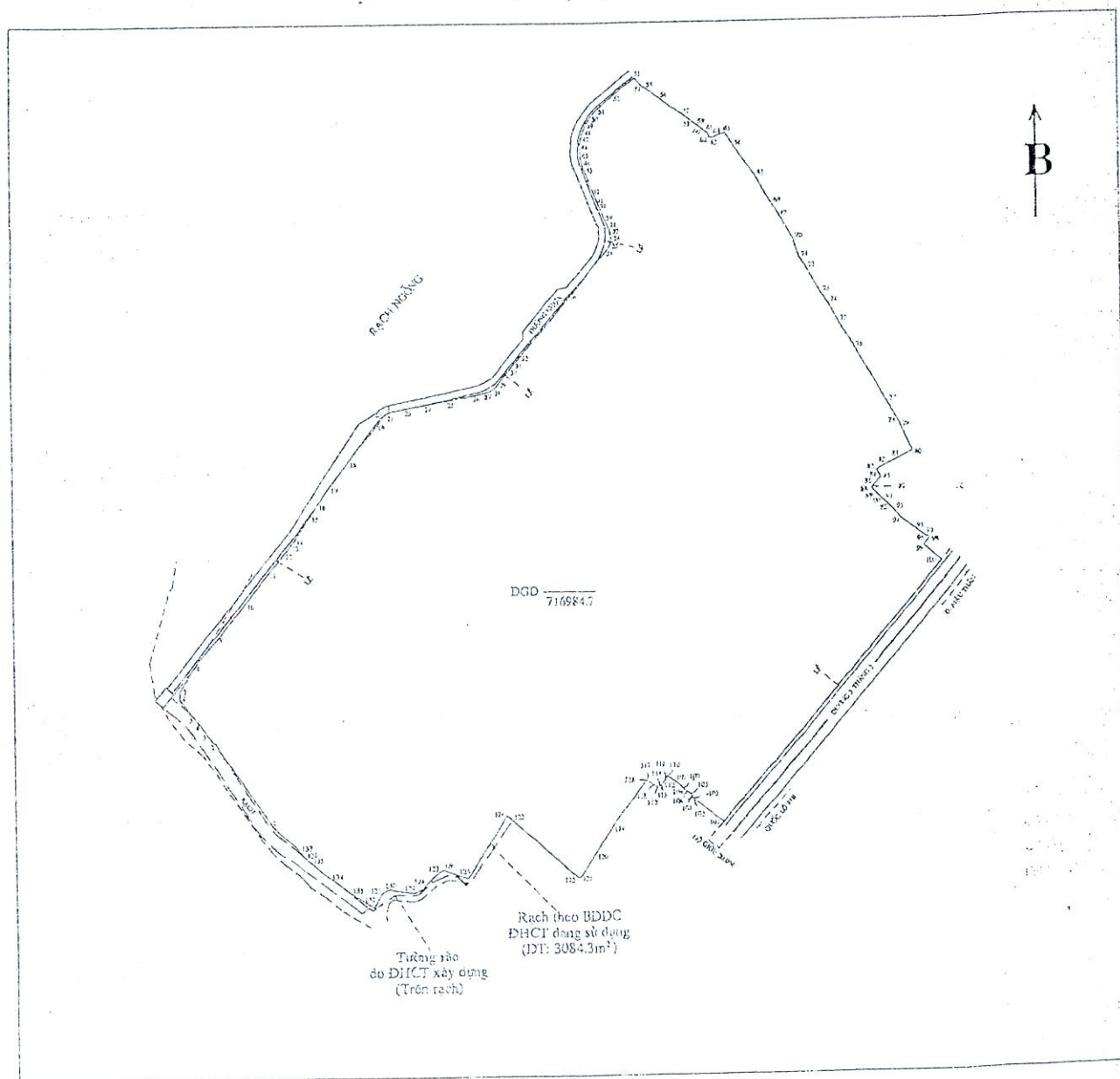
Ngày      tháng      năm 2025, Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Cần Thơ cùng các bên liên quan và người dẫn đạc đã tiến hành xác định ranh giới, mốc giới thửa đất tại thực địa của: ĐẠI HỌC CẦN THƠ

đang sử dụng đất tại: Khu II Đại Học Cần Thơ

phường (xã): Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

Sau khi xem xét hiện trạng về sử dụng đất và ý kiến thống nhất của những người sử dụng đất liền kề, người quản lý đất liền kề. Đơn vị đo đạc và các bên liên quan đã xác định ranh giới, mốc giới sử dụng đất và lập bản mô tả ranh giới mốc giới sử dụng đất như sau:

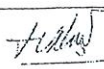
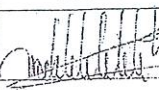
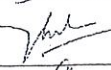
## SƠ HỌA RANH GIỚI, MỐC GIỚI THỪA ĐẤT



**MÔ TẢ CHI TIẾT MỐC GIỚI, RANH GIỚI THỪA ĐẤT**  
(Tường xây, cọc ranh đất, cọc tạm, góc ngoài tường...)

- Từ điểm 1 đến điểm 2.....
- Từ điểm 2 đến điểm 3.....
- Từ điểm 3 đến điểm 4.....
- Từ điểm.....đến điểm.....
- Từ điểm.....đến điểm.....
- Từ điểm.....đến điểm.....

Người sử dụng đất hoặc người quản lý đất liền kề ký xác nhận ranh giới, mốc giới sử dụng đất: <sup>(1)</sup>

| STT   | Tên người sử dụng đất<br>người quản lý đất liền kề <sup>(2)</sup> | Đồng ý<br>(Ký tên)                                                                  | Không đồng ý       |        |
|-------|-------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|--------|
|       |                                                                   |                                                                                     | Lý do không đồng ý | Ký tên |
| 1     | Trần Văn Hiền                                                     |    |                    |        |
| 2     | Trần Thị Thuận                                                    |   |                    |        |
| 3     | Bùi Thị Mỹ Duyên                                                  |  |                    |        |
| 4     | Ngô Ngọc Thạch                                                    |  |                    |        |
| 5     | Võ Phong Thọ                                                      |  |                    |        |
| 6     | Võ Văn Dân                                                        |  |                    |        |
| ..... |                                                                   |                                                                                     |                    |        |

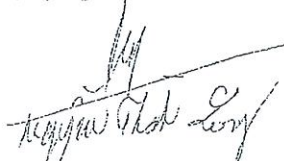
Tình hình biến động ranh giới thửa đất (thời điểm có giấy tờ về quyền sử dụng đất hoặc thời điểm được cấp giấy chứng nhận trước đó) và tình hình tranh chấp đất đai: (Ghi có hay không có; tóm tắt các thay đổi nếu có): .....

Người sử dụng đất  
(Ký, ghi rõ họ tên)



Trần Trung Tĩnh

Người dẫn đạc  
(Ký, ghi rõ họ tên)



Người đo đạc <sup>(\*)</sup>  
(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Dương Hiền Nhân

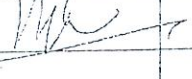
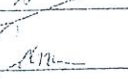
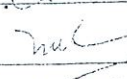
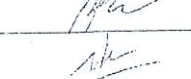
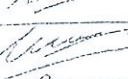
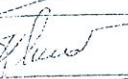
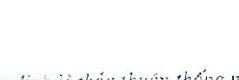
(1) Ranh giới sử dụng đất, ranh giới quản lý đất giữa các bên được xác định là thỏa thuận thống nhất sau khi người sử dụng đất liền kề hoặc người quản lý đất liền kề ký xác nhận đồng ý;

(2) Ghi họ và tên cá nhân hoặc họ và tên người đại diện nhóm người sử dụng đất hoặc tên tổ chức, tên cộng đồng dân cư, họ và tên người đại diện trong trường hợp đồng sử dụng đất. Trường hợp đất giao quản lý thì người quản lý đất chỉ ký trong trường hợp đất do tổ chức phát triển quỹ đất quản lý.

(\*) Cán bộ đo đạc được đại diện đơn vị đo đạc để ký xác nhận.



Người sử dụng đất hoặc người quản lý đất liền kề ký xác nhận ranh giới, mốc giới sử dụng đất: <sup>(1)</sup>

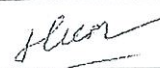
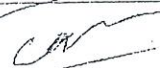
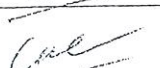
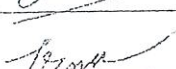
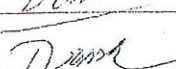
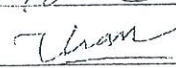
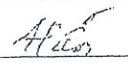
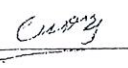
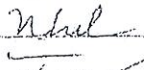
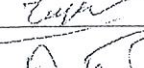
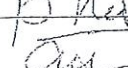
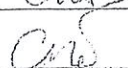
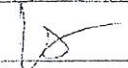
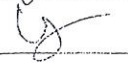
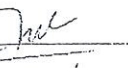
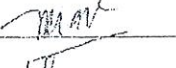
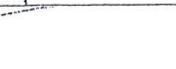
| STT | Tên người sử dụng đất<br>người quản lý đất liền kề <sup>(2)</sup> | Đồng ý<br>(Ký tên)                                                                   | Không đồng ý       |        |
|-----|-------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|--------|
|     |                                                                   |                                                                                      | Lý do không đồng ý | Ký tên |
| 8   | Bùi Quốc Hân                                                      |     |                    |        |
| 9   | Diệp Kiều Vũ                                                      |     |                    |        |
| 10  | Đường Văn Đạo                                                     |     |                    |        |
| 11  | Điền Văn Cảnh                                                     |     |                    |        |
| 12  | Trần Văn Hiếu                                                     |     |                    |        |
| 13  | Trần Trung Đạt                                                    |     |                    |        |
| 14  | Bùi Văn Chiêu                                                     |     |                    |        |
| 15  | Phạm Tấn Cẩm Tú                                                   |     |                    |        |
| 16  | Nguyễn Văn Minh                                                   |   |                    |        |
| 17  | Cao Hoàng Thọ                                                     |   |                    |        |
| 18  | Nguyễn Thị Thanh Xuân                                             |   |                    |        |
| 19  | Ngô Văn Sơn                                                       |   |                    |        |
| 20  | Nguyễn Quốc Cường                                                 |   |                    |        |
| 21  | Trần Hoa Sơn                                                      |   |                    |        |
| 22  | Phạm Thị Cẩm                                                      |   |                    |        |
| 23  | Lâm Mỹ Trang                                                      |   |                    |        |
| 24  | Nguyễn Văn Hải                                                    |   |                    |        |
| 25  | Võ Ngọc Bình Quỳnh                                                |   |                    |        |
| 26  | Phạm Văn Trường                                                   |   |                    |        |
| 27  | Nguyễn Tuấn Anh                                                   |   |                    |        |
| 28  | Nguyễn Lê Nhã Ca                                                  |   |                    |        |
| 29  | Trần Ngọc Minh                                                    |   |                    |        |
| 30  | Võ Văn Khoa                                                       |  |                    |        |

(1) Ranh giới sử dụng đất, ranh giới quản lý đất giữa các bên được xác định là thỏa thuận thống nhất sau khi người sử dụng đất liền kề hoặc người quản lý đất liền kề ký xác nhận đồng ý;

(2) Ghi họ và tên cá nhân hoặc họ và tên người đại diện nhóm người sử dụng đất hoặc tên tổ chức, tên cộng đồng dân cư, họ và tên người đại diện trong trường hợp đồng sử dụng đất. Trường hợp đất giao quản lý thì người quản lý đất chỉ ký trong trường hợp đất do tổ chức phát triển quỹ đất quản lý.

(\*) Cán bộ đo đạc được đại diện đơn vị đo đạc để ký xác nhận.

Người sử dụng đất hoặc người quản lý đất liền kề ký xác nhận ranh giới, mốc giới sử dụng đất: <sup>(1)</sup>

| STT | Tên người sử dụng đất<br>người quản lý đất liền kề <sup>(2)</sup> | Đồng ý<br>(Ký tên)                                                                   | Không đồng ý       |        |
|-----|-------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|--------|
|     |                                                                   |                                                                                      | Lý do không đồng ý | Ký tên |
| 31  | Lê Minh Quảng                                                     |     |                    |        |
| 32  | Phạm Trung Hiền                                                   |     |                    |        |
| 33  | Trần Văn Trung                                                    |    |                    |        |
| 34  | Cao Thị Thu Cúc                                                   |     |                    |        |
| 35  | Thái Thị Thu Trinh                                                |     |                    |        |
| 36  | Nguyễn Thị Nồng                                                   |     |                    |        |
| 37  | Trần Văn Thuận                                                    |     |                    |        |
| 38  | Đào Thị Hiền                                                      |     |                    |        |
| 39  | Nguyễn Văn Cường                                                  |    |                    |        |
| 40  | Vũ Hòa                                                            |   |                    |        |
| 41  | Ngô Huy Đức                                                       |   |                    |        |
| 42  | Nguyễn Thị Ngọc                                                   |   |                    |        |
| 43  | Nguyễn Xuân Phát                                                  |   |                    |        |
| 44  | Tô Ngọc Nhân                                                      |   |                    |        |
| 45  | Lê Đình Phay                                                      |   |                    |        |
| 46  | Vũ Văn Sơn                                                        |   |                    |        |
| 47  | Vũ Văn Sơn                                                        |   |                    |        |
| 48  | Nguyễn Văn Thắng                                                  |   |                    |        |
| 49  | Nguyễn Xuân Mai                                                   |   |                    |        |
| 50  | Lê Thị Sơn                                                        |   |                    |        |
| 51  | Nguyễn Văn Đông                                                   |  |                    |        |
| 52  | Thái Thị Trinh                                                    |   |                    |        |
| 53  | Đào Kiên Xuân                                                     |  |                    |        |

(1) Ranh giới sử dụng đất, ranh giới quản lý đất giữa các bên được xác định là thỏa thuận thống nhất sau khi người sử dụng đất liền kề hoặc người quản lý đất liền kề ký xác nhận đồng ý;

(2) Ghi họ và tên cá nhân hoặc họ và tên người đại diện nhóm người sử dụng đất hoặc tên tổ chức, tên cộng đồng dân cư, họ và tên người đại diện trong trường hợp đồng sử dụng đất. Trường hợp đất giao quản lý thì người quản lý đất chỉ ký trong trường hợp đất do tổ chức phát triển quỹ đất quản lý.

(\*) Cán bộ đo đạc được đại diện đơn vị đo đạc để ký xác nhận.



sử dụng đất: <sup>(1)</sup>

(1) Ranh giới sử dụng đất, ranh giới quản lý đất giữa các bên được xác định là thỏa thuận thống nhất sau khi người sử dụng đất liên kế hoặc người quản lý đất liên kế ký xác nhận đồng ý;

(2) Ghi họ và tên cá nhân hoặc họ và tên người đại diện nhóm người sử dụng đất hoặc tên tổ chức, tên cộng đồng dân cư, họ và tên người đại diện trong trường hợp đồng sử dụng đất. Trường hợp đất giao quản lý thì người quản lý đất chỉ ký trong trường hợp đất do tổ chức phát triển quỹ đất quản lý.

(\*) Cần bỏ do đặc được đại diện đơn vị đo đạc để ký xác nhận.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢNG KÊ TỌA ĐỘ ĐỈNH THỬA, KÍCH THƯỚC CẠNH**

1. Tên chủ sử dụng: ..... Đại Học Cần Thơ .....
2. Địa chỉ thửa đất: ..... Khu II Đại Học Cần Thơ, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ .....
- Tọa độ đỉnh thửa, kích thước cạnh:

| Đỉnh | Tọa độ đỉnh thửa |            | Kích thước<br>cạnh (m) |
|------|------------------|------------|------------------------|
|      | X(m)             | Y(m)       |                        |
| 1    | 1109022,060      | 583538,500 | 146,95                 |
| 2    | 1109143,120      | 583455,200 |                        |
| 3    | 1109157,314      | 583443,647 | 18,30                  |
| 4    | 1109171,365      | 583433,358 | 17,42                  |
| 5    | 1109182,607      | 583423,061 | 15,24                  |
| 6    | 1109210,460      | 583400,390 | 35,91                  |
| 7    | 1109222,060      | 583401,830 | 11,69                  |
| 8    | 1109260,021      | 583426,451 | 45,25                  |
| 9    | 1109300,813      | 583461,414 | 53,73                  |
| 10   | 1109349,127      | 583501,001 | 62,46                  |
| 11   | 1109392,475      | 583536,283 | 55,89                  |
| 12   | 1109421,252      | 583560,578 | 37,66                  |
| 13   | 1109431,332      | 583568,016 | 12,53                  |
| 14   | 1109439,510      | 583573,792 | 10,01                  |
| 15   | 1109475,625      | 583598,753 | 43,90                  |
| 16   | 1109490,930      | 583608,997 | 18,42                  |
| 17   | 1109515,673      | 583625,807 | 29,91                  |
| 18   | 1109553,571      | 583653,401 | 46,88                  |
| 19   | 1109609,379      | 583697,373 | 71,05                  |
| 20   | 1109616,745      | 583703,121 | 9,34                   |
|      |                  |            | 5,39                   |

| Đỉnh | Tọa độ đỉnh thửa |            | Kích thước<br>cạnh (m) |
|------|------------------|------------|------------------------|
|      | X                | Y          |                        |
| 21   | 1109620,699      | 583706,781 | 5,04                   |
| 22   | 1109623,543      | 583710,938 |                        |
| 23   | 1109628,789      | 583736,462 | 26,06                  |
| 24   | 1109634,369      | 583765,434 | 29,50                  |
| 25   | 1109640,891      | 583798,791 | 33,99                  |
| 26   | 1109649,544      | 583842,905 | 44,95                  |
| 27   | 1109652,629      | 583857,477 | 14,89                  |
| 28   | 1109658,138      | 583866,327 | 10,42                  |
| 29   | 1109660,497      | 583868,603 | 3,28                   |
| 30   | 1109687,662      | 583891,257 | 35,37                  |
| 31   | 1109691,268      | 583894,232 | 4,67                   |
| 32   | 1109700,615      | 583902,082 | 12,21                  |
| 33   | 1109795,761      | 583981,600 | 124,00                 |
| 34   | 1109864,290      | 584038,297 | 88,94                  |
| 35   | 1109872,609      | 584041,949 | 9,09                   |
| 36   | 1109878,353      | 584042,425 | 5,76                   |
| 37   | 1109887,361      | 584040,492 | 9,21                   |
| 38   | 1109892,327      | 584038,431 | 5,38                   |
| 39   | 1109901,653      | 584034,382 | 10,17                  |
| 40   | 1109928,674      | 584022,585 | 29,48                  |
|      |                  |            | 5,86                   |

| Đỉnh | Tọa độ đỉnh thửa |            | Kích thước<br>cạnh (m) |
|------|------------------|------------|------------------------|
|      | X                | Y          |                        |
| 41   | 1109934,117      | 584020,409 | 15,04                  |
| 42   | 1109947,864      | 584014,310 |                        |
| 43   | 1109983,556      | 583998,065 | 39,22                  |
| 44   | 1109989,132      | 583995,979 | 5,95                   |
| 45   | 1110003,816      | 583992,850 | 15,01                  |
| 46   | 1110018,440      | 583992,667 | 14,63                  |
| 47   | 1110024,279      | 583993,318 | 5,88                   |
| 48   | 1110033,247      | 583995,366 | 9,20                   |
| 49   | 1110046,583      | 584000,437 | 14,27                  |
| 50   | 1110058,471      | 584008,361 | 14,29                  |
| 51   | 1110069,550      | 584018,488 | 15,01                  |
| 52   | 1110091,212      | 584046,601 | 35,49                  |
| 53   | 1110115,883      | 584078,525 | 40,35                  |
| 54   | 1110101,424      | 584092,494 | 20,10                  |
| 55   | 1110100,301      | 584096,647 | 4,30                   |
| 56   | 1110083,570      | 584118,557 | 27,57                  |
| 57   | 1110059,382      | 584153,756 | 42,71                  |
| 58   | 1110051,616      | 584165,403 | 14,00                  |
| 59   | 1110044,835      | 584173,117 | 10,27                  |
| 60   | 1110040,130      | 584178,390 | 7,07                   |
|      |                  |            | 13,51                  |

| Đỉnh | Tọa độ đỉnh thửa |            | Kích thước<br>cạnh (m) |
|------|------------------|------------|------------------------|
|      | X                | Y          |                        |
| 61   | 1110031,753      | 584188,994 | 5,17                   |
| 62   | 1110026,628      | 584189,685 |                        |
| 63   | 1110025,360      | 584196,561 | 6,99                   |
| 64   | 1110027,382      | 584199,288 | 3,39                   |
| 65   | 1110032,917      | 584213,154 | 14,93                  |
| 66   | 1110012,590      | 584226,151 | 24,13                  |
| 67   | 1109968,987      | 584257,955 | 53,97                  |
| 68   | 1109928,601      | 584281,334 | 46,67                  |
| 69   | 1109909,783      | 584291,898 | 21,58                  |
| 70   | 1109872,568      | 584313,917 | 43,24                  |
| 71   | 1109845,012      | 584322,361 | 28,82                  |
| 72   | 1109829,128      | 584332,283 | 18,73                  |
| 73   | 1109792,966      | 584354,360 | 42,37                  |
| 74   | 1109778,058      | 584364,339 | 17,94                  |
| 75   | 1109750,244      | 584381,289 | 32,57                  |
| 76   | 1109710,654      | 584405,190 | 46,25                  |
| 77   | 1109630,137      | 584452,868 | 93,57                  |
| 78   | 1109599,019      | 584470,247 | 35,54                  |
| 79   | 1109598,778      | 584470,370 | 0,27                   |
| 80   | 1109557,060      | 584489,665 | 45,96                  |
|      |                  |            | 25,26                  |



## CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## BẢNG KÊ TỌA ĐỘ ĐỈNH THỪA, KÍCH THƯỚC CẠNH

| Đỉnh | Tọa độ đỉnh thừa |            | Kích thước<br>cạnh (m) |
|------|------------------|------------|------------------------|
|      | X                | Y          |                        |
| 81   | 1109545,826      | 584467,037 | 21,36                  |
| 82   | 1109536,342      | 584447,895 | 13,07                  |
| 83   | 1109530,224      | 584436,345 | 3,73                   |
| 84   | 1109527,069      | 584438,343 | 8,90                   |
| 85   | 1109519,696      | 584443,322 | 16,50                  |
| 86   | 1109507,657      | 584432,040 | 2,68                   |
| 87   | 1109505,752      | 584430,158 | 2,14                   |
| 88   | 1109504,060      | 584428,851 | 6,88                   |
| 89   | 1109499,029      | 584433,547 | 17,55                  |
| 90   | 1109487,014      | 584446,339 | 1,61                   |
| 91   | 1109486,048      | 584447,624 | 9,01                   |
| 92   | 1109480,040      | 584454,337 | 10,78                  |
| 93   | 1109472,092      | 584461,616 | 16,70                  |
| 94   | 1109459,611      | 584472,715 | 31,49                  |
| 95   | 1109440,337      | 584497,612 | 14,69                  |
| 96   | 1109431,337      | 584509,223 | 3,98                   |
| 97   | 1109431,312      | 584513,199 | 3,06                   |
| 98   | 1109429,448      | 584515,629 | 14,59                  |
| 99   | 1109417,997      | 584506,592 | 34,63                  |
| 100  | 1109395,697      | 584533,086 | 495,76                 |

| Đỉnh | Tọa độ đỉnh thừa |            | Kích thước<br>cạnh (m) |
|------|------------------|------------|------------------------|
|      | X                | Y          |                        |
| 101  | 1109018,900      | 584210,900 | 54,29                  |
| 102  | 1109052,510      | 584168,270 | 2,04                   |
| 103  | 1109053,950      | 584166,830 | 3,64                   |
| 104  | 1109057,430      | 584165,760 | 3,58                   |
| 105  | 1109060,460      | 584163,860 | 7,26                   |
| 106  | 1109065,160      | 584158,330 | 7,58                   |
| 107  | 1109069,180      | 584151,906 | 3,70                   |
| 108  | 1109072,098      | 584149,630 | 10,61                  |
| 109  | 1109078,940      | 584141,520 | 14,82                  |
| 110  | 1109087,168      | 584129,188 | 5,06                   |
| 111  | 1109082,947      | 584126,400 | 2,47                   |
| 112  | 1109081,009      | 584124,876 | 7,55                   |
| 113  | 1109075,817      | 584119,398 | 3,81                   |
| 114  | 1109072,983      | 584116,859 | 3,80                   |
| 115  | 1109071,141      | 584113,538 | 7,18                   |
| 116  | 1109075,533      | 584107,858 | 10,78                  |
| 117  | 1109081,256      | 584098,720 | 1,78                   |
| 118  | 1109081,783      | 584097,020 | 80,77                  |
| 119  | 1109018,407      | 584046,944 | 51,04                  |
| 120  | 1108976,347      | 584018,027 | 41,40                  |

| Đỉnh | Tọa độ đỉnh thừa |            | Kích thước<br>cạnh (m) |
|------|------------------|------------|------------------------|
|      | X                | Y          |                        |
| 121  | 1108942,128      | 583994,728 | 4,66                   |
| 122  | 1108940,954      | 583990,223 | 128,79                 |
| 123  | 1109025,751      | 583893,283 | 10,46                  |
| 124  | 1109032,551      | 583885,337 | 109,76                 |
| 125  | 1108941,290      | 583824,350 | 39,14                  |
| 126  | 1108954,650      | 583787,560 | 6,37                   |
| 127  | 1108951,790      | 583781,870 | 35,56                  |
| 128  | 1108926,440      | 583756,930 | 12,44                  |
| 129  | 1108921,090      | 583745,700 | 38,87                  |
| 130  | 1108926,280      | 583707,180 | 10,97                  |
| 131  | 1108920,470      | 583697,880 | 23,98                  |
| 132  | 1108899,290      | 583686,640 | 37,78                  |
| 133  | 1108920,200      | 583655,170 | 36,71                  |
| 134  | 1108942,358      | 583625,899 | 43,95                  |
| 135  | 1108970,316      | 583591,985 | 2,14                   |
| 136  | 1108971,740      | 583590,390 | 10,19                  |
| 137  | 1108979,590      | 583583,890 | 62,16                  |
| 1    | 1109022,060      | 583538,500 |                        |



Cần Thơ, ngày 27 tháng 11 năm 2025

## BIÊN BẢN

Về việc niêm yết lấy ý kiến cộng đồng dân cư có liên quan tại địa phương  
đối với Đồ án Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500  
Đại học Cần Thơ, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Hôm nay, vào lúc 9 giờ 00 phút, ngày 27 tháng 11 năm 2025 tại Nhà Văn hóa  
Khu vực 3.7 phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

### Thành phần tham dự:

1. Nguyễn Trọng Hiệp.....Chức vụ: Bí thư - Trưởng khu vực
2. Trần Hoàng Tuấn.....Chức vụ: P. Trưởng Phòng CSVC & DA - ĐHCT
3. Nguyễn Thanh Long.....Chức vụ: Hộ dân 124/3/2
- 4.....Chức vụ: .....

### Nội dung:

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội, tại khoản 2 Điều 47 và khoản 7, Điều 37 quy định về Việc lấy ý kiến cộng đồng dân cư có liên quan về quy hoạch: “a) Hình thức lấy ý kiến được thực hiện bằng một, một số hoặc các hình thức sau: gửi hồ sơ, tài liệu để lấy ý kiến của người dân bằng văn bản; niêm yết, trưng bày tại nơi công cộng để tiếp nhận ý kiến của người dân; hình thức khác theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở; b) Thời gian lấy ý kiến ít nhất là 20 ngày và không quá 30 ngày kể từ ngày công khai nội dung lấy ý kiến. Trong trường hợp chưa hết thời gian lấy ý kiến mà đã nhận được đầy đủ ý kiến của cộng đồng dân cư thì cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch đô thị và nông thôn được thực hiện các bước tiếp theo; c) Trình tự, thủ tục lấy ý kiến cộng đồng dân cư được thực hiện theo quy định về việc Nhân dân tham gia ý kiến quy định tại pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở”.

Đại học Cần Thơ phối hợp với Khu vực 3.7 phường Ninh Kiều tổ chức lấy ý kiến của cộng đồng dân cư có liên quan trong quá trình lập đồ án quy hoạch.

Đồ án Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ được niêm yết công khai tại Nhà Văn hóa Khu vực 3.7 phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Trong thời gian niêm yết, nếu cá nhân trên địa bàn phường có ý kiến đóng góp gì về nội dung Đồ án Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ nêu trên thì liên hệ với trưởng khu vực 3.7 phường Ninh Kiều để tổng hợp ý kiến.



Địa điểm niêm yết:

1. Nhà thông tin - Văn hóa Khu vực 3 phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

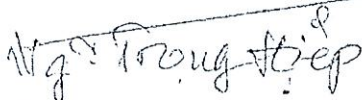
Thời gian niêm yết: từ ngày 27/11/2025 đến ngày 17/12/2025.

Biên bản kết thúc lúc 10 giờ 00 phút cùng ngày, có đọc lại cho các thành viên cùng nghe và thông nhất./.

**Đại diện khu vực  
phường Ninh Kiều**

(Ký và ghi rõ họ tên)





**Đại diện người dân**

(Ký và ghi rõ họ tên)





**Đại diện Đại học Cần Thơ**

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)



**Trần Hoàng Tuấn**

Cần Thơ, ngày 27 tháng 11 năm 2025

## BIÊN BẢN

Về việc niêm yết lấy ý kiến cộng đồng dân cư có liên quan tại địa phương  
đối với Đồ án Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500  
Đại học Cần Thơ, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Hôm nay, vào lúc 14 giờ 00 phút, ngày 27 tháng 11 năm 2025 tại Nhà Văn hóa  
Khu vực 38 phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

### Thành phần tham dự:

1. Nguyễn Minh Chánh.....Chức vụ: Bí thư, Trưởng Khu vực
2. Trần Hoàng Tròn.....Chức vụ: P. Trưởng Phòng CSUCĐ DA-ĐHCT
3. Nguyễn Văn Mát.....Chức vụ: Nguyễn Văn Mát (L. V. M. M. M.)
- 4.....Chức vụ: .....

### Nội dung:

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội, tại khoản 2 Điều 47 và khoản 7, Điều 37 quy định về Việc lấy ý kiến cộng đồng dân cư có liên quan về quy hoạch: “a) Hình thức lấy ý kiến được thực hiện bằng một, một số hoặc các hình thức sau: gửi hồ sơ, tài liệu để lấy ý kiến của người dân bằng văn bản; niêm yết, trưng bày tại nơi công cộng để tiếp nhận ý kiến của người dân; hình thức khác theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở; b) Thời gian lấy ý kiến ít nhất là 20 ngày và không quá 30 ngày kể từ ngày công khai nội dung lấy ý kiến. Trong trường hợp chưa hết thời gian lấy ý kiến mà đã nhận được đầy đủ ý kiến của cộng đồng dân cư thì cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch đô thị và nông thôn được thực hiện các bước tiếp theo; c) Trình tự, thủ tục lấy ý kiến cộng đồng dân cư được thực hiện theo quy định về việc Nhân dân tham gia ý kiến quy định tại pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở”.

Đại học Cần Thơ phối hợp với Khu vực 38 phường Ninh Kiều tổ chức lấy ý kiến của cộng đồng dân cư có liên quan trong quá trình lập đồ án quy hoạch.

Ủy ban nhân dân phường Ninh Kiều tiến hành niêm yết công khai

Đồ án Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ được niêm yết công khai tại Nhà Văn hóa Khu vực 38 phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Trong thời gian niêm yết, nếu cá nhân trên địa bàn phường có ý kiến đóng góp gì về nội dung Đồ án Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ nêu trên thì liên hệ với trưởng khu vực 38 phường Ninh Kiều để tổng hợp ý kiến.



Địa điểm niêm yết:

1. Nhà thông tin - Văn hóa Khu vực 38 phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Thời gian niêm yết: từ ngày 27/11/2025 đến ngày 17/12/2025.

Biên bản kết thúc lúc 15 giờ 00 phút cùng ngày, có đọc lại cho các thành viên cùng nghe và thống nhất./.

**Đại diện khu vực 38  
phường Ninh Kiều**

(Ký và ghi rõ họ tên)

  
Nguyễn Minh Chánh

**Đại diện người dân**

(Ký và ghi rõ họ tên)

  
Nguyễn Văn Mát

**Đại diện Đại học Cần Thơ**

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Trần Hoàng Tuấn

Số: 568/BC-CSVC&DA

Cần Thơ, ngày 16 tháng 12 năm 2025

## BÁO CÁO

**Tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý trong quá trình lập quy  
hoạch Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Đại  
học Cần Thơ, Phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ**

Kính gửi: Tổ công tác chuyên môn thẩm định nhiệm vụ quy hoạch,  
quy hoạch “Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây  
dựng tỷ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ, phường Ninh Kiều,  
thành phố Cần Thơ.

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26 tháng 11 năm 2024

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của  
Chính Phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông  
thôn.

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ  
Xây dựng Quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông  
thôn.

Căn cứ Quyết định số 5537/QĐ-ĐHCT ngày 22 tháng 10 năm 2025 của  
Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch  
“Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ,  
phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ”;

Căn cứ hồ sơ đồ án quy hoạch “Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây  
dựng tỷ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ” do  
Viện Quy hoạch xây dựng lập.

Thực hiện quy định tại Điều 37 của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn về  
việc “Lấy ý kiến về quy hoạch đô thị và nông thôn”. Phòng Phát triển cơ sở vật  
chất và dự án đã tổ chức lấy ý kiến cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, chuyên  
gia và cộng đồng dân cư có liên quan đối với hồ sơ “Điều chỉnh tổng thể quy  
hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ, phường Ninh Kiều, thành  
phố Cần Thơ”. Sau khi nhận được các ý kiến góp ý, Phòng Phát triển cơ sở vật  
chất và dự án xin tổng hợp, báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý hồ sơ quy  
hoạch như sau:

### **1. Lấy ý kiến cộng đồng dân cư có liên quan:**

Phòng Phát triển cơ sở vật chất và dự án đã phối hợp với Khu vực 37 và  
Khu vực 38 phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, thực hiện lấy ý kiến theo 02



hình thức: Niêm yết tại nơi công cộng (có lập Biên bản niêm yết) và phát phiếu lấy ý kiến từ ngày 27/11/2025 đến ngày 17/12/2025.

Sau thời gian niêm yết, Khu vực 37, 38 phường Ninh Kiều với tổng số 72 phiếu phát ra nhận được tổng cộng 72 phiếu, trong đó:

- Khu vực 37, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ có 42 phiếu.
- Khu vực 38, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ có 30 phiếu.

(Đính kèm theo phiếu lấy ý kiến)

**Tổng hợp ý kiến người dân:**

- Đồng ý điều chỉnh quy hoạch: 71 phiếu.
- Ý kiến khác: 01 phiếu không có ý kiến với điều chỉnh quy hoạch.

**2. Lấy ý kiến các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức và chuyên gia có liên quan:**

Đại học Cần Thơ đã gửi hồ sơ lấy ý kiến của 11 cơ quan, tổ chức, chuyên gia tại Công văn số 4216/ĐHCT-CSVC&DA ngày 28 tháng 11 năm 2025.

Sau thời gian quy định để đối tượng lấy ý kiến nghiên cứu, có ý kiến bằng văn bản, đã có 04 cơ quan có ý kiến gửi về Trường.

(Đính kèm các văn bản góp ý)

**Tổng hợp ý kiến cơ quan, tổ chức:**

- 03 cơ quan có văn bản thống nhất việc điều chỉnh quy hoạch, gồm: Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Khoa học và Công nghệ; và Sở Tài chính.

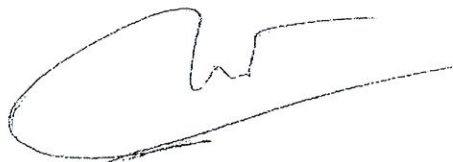
- 01 cơ quan không có ý kiến đối với hồ sơ điều chỉnh quy hoạch là Công an thành phố Cần Thơ, lý do vì không thuộc chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền.

Trên đây là báo cáo của Phòng Phát triển cơ sở vật chất và dự án.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, CSVC&DA

**TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Văn Trí

UBND TP. CẦN THƠ  
**SỞ TÀI CHÍNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5281 /STC-THQH

Cần Thơ, ngày 10 tháng 12 năm 2025

Về việc ý kiến góp ý hồ sơ Điều chỉnh  
tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng  
1/500 Đại học Cần Thơ, phường Ninh  
Kiều, thành phố Cần Thơ.

Kính gửi: Đại học Cần Thơ.

Sở Tài chính nhận được Công văn 1216/ĐHCT-CSVC&DA ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Đại học Cần Thơ về việc lấy ý kiến cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, chuyên gia về hồ sơ quy hoạch “Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 Đại học Cần Thơ, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ” (đính kèm hồ sơ).

Qua nghiên cứu nội dung tài liệu có liên quan và Quyết định số 1519/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó: Tọa điểm d, khoản 2, mục VII Điều 1 về Phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo: “d) Đại học và sau đại học: mở rộng quy mô đào tạo và nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị và chất lượng các trường đại học trên địa bàn đáp ứng nhu cầu nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; đẩy mạnh liên kết đào tạo, nghiên cứu khoa học với các viện, trường trong nước và quốc tế.”, Sở Tài chính thống nhất Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 Đại học Cần Thơ, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Trên đây là ý kiến của Sở Tài chính gửi đến Đại học Cần Thơ tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Ban Giám đốc;
- Lưu: VT, THQH.PDT

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Bền



UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ  
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:3693 /SGDĐT-TC

Cần Thơ, ngày 08 tháng 12 năm 2025

V/v ý kiến đối với hồ sơ điều chỉnh  
tổng thể Quy hoạch chi tiết tỷ lệ xây  
dựng tỷ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ

Kính gửi: Đại học Cần Thơ.

Sở Giáo dục và Đào tạo nhận được Công văn số 4216/ĐHCT-CSVC&DA ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Đại học Cần Thơ về việc lấy ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, chuyên gia về hồ sơ quy hoạch Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ nhiệm vụ điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Sở Giáo dục và Đào tạo thống nhất với nội dung điều chỉnh quy hoạch.

Sở Giáo dục và Đào tạo thông tin đến Đại học Cần Thơ để tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TC<sub>(TH)</sub>.



O. GIÁM ĐỐC

Trần Thị Huyền

**BỘ CÔNG AN  
CÔNG AN TP CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3385/CATP-ANCTNB

Cần Thơ, ngày 08 tháng 12 năm 2025

V/v cho ý kiến đối với hồ sơ quy  
hoạch "Điều chỉnh tổng thể quy  
hoạch chi tiết xây dựng 1/500 Đại  
học Cần Thơ", phường Ninh Kiều,  
thành phố Cần Thơ

Kính gửi: Đại học Cần Thơ

Phúc đáp Công văn số 4215/ĐHCT-CSVC&DA ngày 04/10/2025 của Đại học Cần Thơ về việc lấy ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, chuyên gia về hồ sơ quy hoạch "Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 Đại học Cần Thơ", phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Qua nghiên cứu hồ sơ và các văn bản có liên quan, Công an thành phố nhận thấy vấn đề này không thuộc chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của Công an thành phố. Do đó, Công an thành phố không có ý kiến đối với hồ sơ quy hoạch "Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 Đại học Cần Thơ", phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Công an thành phố trao đổi Đại học Cần Thơ nắm./*ju*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Đ/c Giám đốc CATP (để báo cáo);
- Phòng Tham mưu (để theo dõi);
- Lưu: VT, ANCTNB.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Đại tá Vũ Thành Thức**



UBND TP. CẦN THƠ  
**SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Số: /SKHCN-ĐMST

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Cần Thơ, ngày tháng 12 năm 2025

V/v ý kiến về hồ sơ quy hoạch “Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ, phường Ninh Kiều, TP. Cần Thơ”

Kính gửi: Đại học Cần Thơ

Căn cứ Công văn số 4216/ĐHCT-CSVC&DA ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Đại học Cần Thơ về việc lấy ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, chuyên gia về hồ sơ quy hoạch “Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ, phường Ninh Kiều, TP. Cần Thơ”.

Qua xem xét hồ sơ gửi kèm Công văn số 4216/ĐHCT-CSVC&DA ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Đại học Cần Thơ, Sở Khoa học và Công nghệ có ý kiến như sau:

**1. Sự cần thiết điều chỉnh quy hoạch**

Trường Đại học Cần Thơ được phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 trọng điểm đến năm 2020 tại phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ theo Quyết định số 1258/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2009 của UBND thành phố; phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trường Đại học Cần Thơ tại phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ theo Quyết định 2988/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2023. Đến nay, sau 14 năm triển khai thực hiện quy hoạch một số định hướng phát triển về không gian kiến trúc, tầng cao, kết cấu hạ tầng kỹ thuật không còn phù hợp so với thực tiễn, vì vậy điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ tại phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ là cần thiết với tình hình thực tế, đáp ứng nhu cầu đầu tư xây dựng và quản lý của Đại học Cần Thơ trong thời gian tới.

**2. Sự phù hợp với quy hoạch sau khi điều chỉnh**

Quy hoạch điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ, bao gồm: (1) Điều chỉnh tên đồ án; (2) Điều chỉnh chức năng khu vực sử dụng đất lập quy hoạch; (3) Điều chỉnh quy mô diện tích quy hoạch; (4) Điều chỉnh ranh đất quy hoạch; (5) Điều chỉnh quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật; nhằm cập nhật lại ranh giới và diện tích khu đất thực tế của Đại học Cần

Thor giảm từ 80,95 ha thành 71,42 ha theo Quyết định số 2683/QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2016 và Quyết định số 7154/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2016 của UBND quận Ninh Kiều (diện tích giảm: 95.329,23 m<sup>2</sup>); đồng thời, điều chỉnh một số nội dung quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật để phù hợp với nhu cầu xây dựng và quản lý của Đại học Cần Thơ phục vụ đầu tư nâng cấp thành Đại học xuất sắc, đạt chuẩn quốc tế, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đời sống xã hội, phục vụ lợi ích quốc gia và lợi ích cộng đồng.

Thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ đến năm 2045; Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; Nghị quyết 98/NQ-CP ngày 30/8/2021 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 59-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ đến năm 2045, điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ tại phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ phù hợp chủ trương; phù hợp mục tiêu chiến lược quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và su phạm thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 452/QĐ-TTg ngày 27 tháng 2 năm 2025 của Thủ tướng chính phủ và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

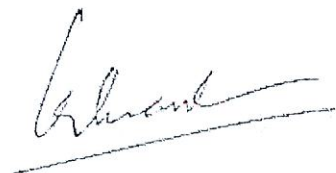
3. Đề nghị Đại học Cần Thơ thực hiện thủ tục điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 tại phường Ninh Kiều, TP. Cần Thơ đúng theo các quy định pháp luật hiện hành.

Trên đây là ý kiến Sở Khoa học và Công nghệ kính gửi Đại học Cần Thơ tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND TP “để b/c”;
- Lưu: VT, ĐMST.NVD

**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Phạm Trường Giang**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**Thành viên Hội đồng thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch: Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.**

2. Đơn vị công tác: Trường Đại học Cần Thơ

Đủ điều kiện nhưng cần chỉnh sửa, bổ sung trước khi trình phê duyệt, cụ thể như sau:

[illegible]

☐

Chưa đủ điều kiện, tổ chức thẩm định lại.

Lý do: .....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

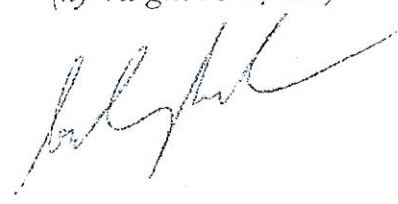
.....

.....

.....

.....

Cần Thơ, ngày 23 tháng 12 năm 2025  
Người viết phiếu  
(ký và ghi rõ họ tên)



Trần Trung Tinh



ĐẠI HỌC CẦN THƠ  
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH  
NHIỆM VỤ QUY HOẠCH,  
QUY HOẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

Thành viên Hội đồng thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch: Điều chỉnh  
tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ,  
phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

1. Họ và tên: TRẦN CHINH PHONG
2. Đơn vị công tác: Phòng phát triển kinh tế xã hội và môi trường
3. Nội dung đánh giá:



Đủ điều kiện, thông nhất trình phê duyệt.



Đủ điều kiện nhưng cần chỉnh sửa, bổ sung trước khi trình phê duyệt,  
cụ thể như sau:

Hệ số quy hoạch chi tiết phù hợp với  
miền vực quy hoạch, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây  
dựng  
phù hợp với tiêu chuẩn hiện hành và phát  
triển tương lai của Cần Thơ  
Sơ đồ hiện trạng và quy hoạch  
Đề phê duyệt quy hoạch

☐

Chưa đủ điều kiện, tổ chức thẩm định lại.

Lý do: .....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

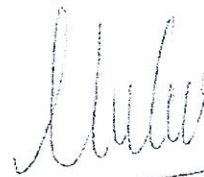
.....

.....

Cần Thơ, ngày 25 tháng 12 năm 2025

Người viết phiếu

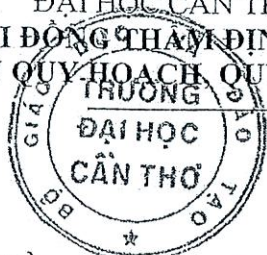
(ký và ghi rõ họ tên)







ĐẠI HỌC CẦN THƠ  
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH NHIỆM  
VỤ QUY HOẠCH, QUY HOẠCH



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

### PHIẾU THẨM ĐỊNH

Hồ sơ quy hoạch của Thành viên Hội đồng thẩm định quy hoạch “Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ”

1. Hồ sơ góp ý: Quy hoạch “Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ”.

2. Họ và tên: Nguyễn Thị Anh Ngọc

3. Đơn vị công tác: Hội Kiến trúc sư TP. Cần Thơ

4. Đánh giá:

☐

Đủ điều kiện, thông nhất trình phê duyệt.

☒

Đủ điều kiện nhưng cần chỉnh sửa, bổ sung trước khi trình phê duyệt, cụ thể như sau:

..... Xem lại một số xây dựng kiến trúc nhà trong công viên.....  
..... cây xanh: + Mật độ xây dựng tối đa  $\geq 38\%$  (?) (Tỷ 33)  
..... \* Tham khảo: 22.01/2021.2.6.4. Mật độ xây dựng gấp  
..... + Công viên: 5%  
..... + Công viên chuyên đề: 25%  
..... Đề nghị: thiết kế nhà  
..... Tăng cường hệ thống ngăn tại các khu vực tương thích,  
..... khu vực cây xanh, khu vực gần các công viên  
..... để trữ nước mưa nhằm giảm ngập lụt các khu vực  
..... lân cận, sử dụng nguồn nước tưới cây, BCC.....  
..... Trang 57: 16.2 Các giải pháp tổng thể nhằm giảm  
..... thiểu và khắc phục các tác động.....  
..... Chú ý: chú ý các giải pháp giảm thiểu và  
..... khắc phục trong quy hoạch, DT Cần Thơ và các  
..... giải pháp mở rộng vùng lân cận các khu vực liên quan  
..... và ảnh hưởng.

Lý do: .....

Nguyen Thi Anh Ngoc



# PHIẾU THĂM ĐỊNH

1. Hồ sơ góp ý: Quy hoạch “Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ”.

3. Đơn vị công tác: Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Cần Thơ

#### 4. Đánh giá:

☒ Đủ điều kiện, thống nhất trình phê duyệt.

☐ Đủ điều kiện nhưng cần chỉnh sửa, bổ sung trước khi trình phê duyệt, cụ thể như sau:

A hand-drawn graph on lined paper. The graph consists of a single straight line with a positive slope. The line starts at a positive y-intercept and extends upwards and to the right, passing through several horizontal grid lines. The line is drawn with a dark pencil or pen.

☐ Chưa đủ điều kiện, tổ chức thẩm định lại.

Lý do: .....

Cần Thơ, ngày 22 tháng 12 năm 2025

Người viết phiếu  
(ký và ghi rõ họ tên)



Võ Dũng Mạnh



ĐẠI HỌC CẦN THƠ  
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH NHIỆM  
VỤ QUY HOẠCH, QUY HOẠCH



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

### PHIẾU THẨM ĐỊNH

Hồ sơ quy hoạch của Thành viên Hội đồng thẩm định quy hoạch “Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ”

1. Hồ sơ góp ý: Quy hoạch “Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ”.

2. Họ và tên: Phạm Trường Cường

3. Đơn vị công tác: Sở Khoa học và Công nghệ TP Cần Thơ

4. Đánh giá:



Đủ điều kiện, thống nhất trình phê duyệt.



Đủ điều kiện nhưng cần chỉnh sửa, bổ sung trước khi trình phê duyệt, cụ thể như sau:

Đã hoàn chỉnh các thủ tục hồ sơ như đã góp ý trước. Hoàn chỉnh đề đạt

Chính lý thừa đất trong khuôn viên trường (phần dư 5: 3.76,9 m<sup>2</sup>) đã hoàn chỉnh thủ

tục

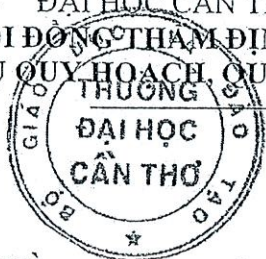
Lý do: .....

Người viết phiếu  
(ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Trung Chánh



ĐẠI HỌC CẦN THƠ  
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH NHIỆM  
VỤ QUY HOẠCH, QUY HOẠCH



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

### PHIẾU THẨM ĐỊNH

Hồ sơ quy hoạch của Thành viên Hội đồng thẩm định quy hoạch “Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ”

1. Hồ sơ góp ý: Quy hoạch “Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ”.

2. Họ và tên: Lý Thị Như Hạnh

3. Đơn vị công tác: Chi cục Quản lý đất đai ở Nông nghiệp và Môi trường

4. Đánh giá:

☐ Đủ điều kiện, thông nhất trình phê duyệt.

☒ Đủ điều kiện nhưng cần chỉnh sửa, bổ sung trước khi trình phê duyệt, cụ thể như sau:

Bổ sung thông tin mục 5.3 (bảng 2.3. ANHN) về nội dung  
điều chỉnh quy mô diện tích quy hoạch  
đã soát lại, pháp nhân là "Đại học Cần Thơ" hay "Mỹ Đại  
học Cần Thơ"

để lựa ý với quy mô sinh viên và giảng dạy tăng mức cần phải  
 nghiên cứu địa tầng để thu xếp quặng và cơ giải pháp quy hoạch địa tầng  
 phù hợp, đảm bảo không làm quá tải địa tầng để thu được kết quả  
 cơ giải pháp đầu nổi giao thông tại khu vực công trường thủy điện an toàn  
 hoặc nghiên cứu thêm giải pháp đầu nổi giao thông ra các tuyến đường

☐

Chưa đủ điều kiện, tổ chức thẩm định lại. Xong quặng

Lý do: .....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

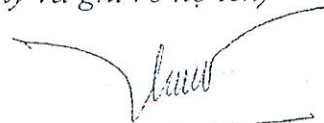
.....

.....

Cần Thơ, ngày 25 tháng 12 năm 2025

Người viết phiếu

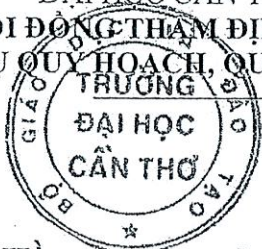
(ký và ghi rõ họ tên)



Bùi Lê Thanh Thảo



ĐẠI HỌC CẦN THƠ  
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH NHIỆM  
VỤ QUY HOẠCH, QUY HOẠCH



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

### PHIẾU THẨM ĐỊNH

Hồ sơ quy hoạch của Thành viên Hội đồng thẩm định quy hoạch “Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ”

1. Hồ sơ góp ý: Quy hoạch “Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ”.

2. Họ và tên: Bùi Lê Thanh Thảo

3. Đơn vị công tác: Đại diện thị trấn Trục Tây TP Cần Thơ

4. Đánh giá:

☐

Đủ điều kiện, thống nhất trình phê duyệt.

☐

Đủ điều kiện nhưng cần chỉnh sửa, bổ sung trước khi trình phê duyệt, cụ thể như sau:

— Hoàn thiện đầy đủ nội dung, thành phần hồ sơ và thể hiện bám sát theo quy định tại Điều 19 Thông tư 16/2025/TT-BXD...

— Lựa chọn các giải pháp quy hoạch đồ thị thống nhất vào quy hoạch chi tiết theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 269/2025/NĐ-CP.

— rà soát các chỉ tiêu quy hoạch đảm bảo phù hợp các quy hoạch cấp trên và quy chế quản lý kiến trúc của thành phố.

— Bổ sung cơ sở pháp lý về đất đai minh chứng sự phù hợp của phạm vi diện tích lập quy hoạch.

— Đề nghị đơn vị thẩm định căn cứ lĩnh vực quản lý ngành đánh giá sự cần thiết phải đảm bảo các chỉ tiêu được quy định tại Thông tư 03/2020/TT-BGDĐT để làm cơ sở lựa chọn phương án lập quy hoạch phù hợp.

— Đánh giá sự phù hợp của việc đề xuất số lượng sinh viên và giảng viên với các quyết định, kế hoạch đào tạo của trường. Tổng

Chưa đủ điều kiện, tổ chức thẩm định lại.

Ly do: .....

Người viết phiếu  
(ký và ghi rõ họ tên)

Ly Thi Nhat Hang



ĐẠI HỌC CẦN THƠ  
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH  
NHIỆM VỤ QUY HOẠCH,  
QUY HOẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ**

Đại diện cơ quan, đơn vị có liên quan tham gia buổi họp thẩm định quy hoạch: Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

1. Họ và tên: Đoàn Văn Hùng

2. Đơn vị công tác: phòng quy hoạch và xây dựng phường Ninh Kiều

3. Nội dung đánh giá:



Đủ điều kiện, thống nhất trình phê duyệt.



Đủ điều kiện nhưng cần chỉnh sửa, bổ sung trước khi trình phê duyệt, cụ thể như sau:

Yêu cầu Chủ đầu tư thu thập quy định liên quan đến quy trình xây dựng quy hoạch và xây dựng quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

☐

Chưa đủ điều kiện, tổ chức thẩm định lại.

Lý do: .....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Cần Thơ, ngày 23 tháng 12 năm 2025

Người viết phiếu  
(ký và ghi rõ họ tên)

  
Đào Văn Hiếu



## **PHIẾU NHẬN XÉT**

**Đề án: Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ**

*Nguyễn Kim Hoàng - Nguyên trưởng phòng HTKT Sở Xây dựng Cần Thơ.*

### **I. NHẬN XÉT CHUNG**

Căn cứ hồ sơ đề án do đơn vị tư vấn lập và chủ đầu tư trình thẩm định; căn cứ các quy định pháp luật hiện hành về quy hoạch đô thị và nông thôn, tôi có một số ý kiến nhận xét như sau:

Việc lập điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trường Đại học Cần Thơ là cần thiết, phù hợp với bối cảnh pháp lý mới và yêu cầu phát triển của Nhà trường; đồng thời đáp ứng định hướng phát triển đô thị của thành phố Cần Thơ và vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Hồ sơ đề án được chuẩn bị tương đối đầy đủ, có xem xét các định hướng phát triển vùng đối với Trường Đại học Cần Thơ, sự phù hợp với Quy hoạch phân khu quận Ninh Kiều đã được phê duyệt, cũng như các yêu cầu về tổ chức không gian và kết nối hạ tầng kỹ thuật. Nội dung cơ bản đáp ứng yêu cầu của một đề án điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết.

Một số định hướng phát triển không gian có những điểm mới, phù hợp với định hướng chung của thành phố và quy hoạch phân khu quận Ninh Kiều. Tuy nhiên, để hồ sơ đề án được hoàn thiện hơn và thuận lợi cho công tác thẩm định, một số nội dung cần bổ sung làm rõ hơn.

### **II. MỘT SỐ NỘI DUNG BỔ SUNG, HOÀN THIỆN**

#### **1. Về phạm vi và nội dung điều chỉnh tổng thể quy hoạch**

Hồ sơ đề án đã nêu mục tiêu điều chỉnh tổng thể quy hoạch, tuy nhiên nội dung so sánh giữa Quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt năm 2009 và phương án điều chỉnh lần này chưa được thể hiện rõ nét. Để thuận lợi cho Hội đồng thẩm định theo dõi và đánh giá, đề nghị đơn vị tư vấn:

- Làm rõ các nội dung được kế thừa từ quy hoạch cũ;
- Xác định cụ thể các nội dung có điều chỉnh và mức độ điều chỉnh tương ứng;

#### **2. Về hệ thống chỉ tiêu quy hoạch**

Hồ sơ thuyết minh đã đề cập đến các chỉ tiêu quy hoạch và có viện dẫn các quy chuẩn, tiêu chuẩn làm cơ sở xác định. Tuy nhiên, các chỉ tiêu hiện đang trình bày phân tán trong thuyết minh, chưa được tổng hợp thành hệ thống bảng biểu thống nhất.

Đề nghị đơn vị tư vấn rà soát, tổng hợp đầy đủ bộ chỉ tiêu quy hoạch áp dụng chung cho toàn khu và chỉ tiêu cụ thể cho từng khu chức năng, nhằm thuận tiện cho công tác quản lý, theo dõi và làm cơ sở triển khai các bước tiếp theo.

### **3. Về quy mô phát triển làm cơ sở tính toán**

Đồ án đã đề cập đến quy mô sinh viên hiện trạng; tuy nhiên, quy mô phát triển trong các giai đoạn tiếp theo chưa được thể hiện thống nhất giữa các phần trong tài liệu thuyết minh. Đề nghị đơn vị tư vấn rà soát, hiệu chỉnh và thống nhất:

- Quy mô sinh viên, giảng viên và người lao động đến năm 2030;
- Định hướng quy mô phát triển đến 2030 và năm 2050.

Nội dung này là cơ sở quan trọng để tính toán nhu cầu sử dụng đất, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội phù hợp.

### **4. Về nội dung Hạ tầng kỹ thuật và Môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu**

Đồ án đã bước đầu đề cập đến các yếu tố biến đổi khí hậu và nguy cơ ngập lụt. Để nâng cao tính khả thi của phương án quy hoạch, đề nghị đơn vị tư vấn tiếp tục làm rõ một số nội dung sau:

- **Giao thông kết nối:** Thuyết minh rõ hơn về khả năng kết nối giao thông của khu vực quy hoạch với các tuyến giao thông hiện hữu và dự kiến, đặc biệt là các khu chức năng bố trí ký túc xá sinh viên.
- **Cao độ nền và thoát nước:** Làm rõ cao độ nền khống chế cho toàn khu và từng khu chức năng; gắn kết tổ chức không gian với yêu cầu thoát nước, trữ nước và bố trí hồ điều hòa nhằm chống ngập cho khu vực nội vi Trường Đại học Cần Thơ (Khu II) cũng như mối liên hệ với các dự án lân cận, qua đó xác định hướng thoát nước mặt và nước thải phù hợp.
- **Xử lý nước thải và chất thải rắn:** Rà soát khu vực xử lý nước thải và rác thải để bảo đảm phù hợp với quy hoạch phân khu. Theo định hướng, nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý tập trung tại Nhà máy xử lý nước thải Cái Sâu (công suất khoảng 30.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm); chất thải rắn không bố trí trạm trung chuyển trong khuôn viên mà tổ chức các điểm tập kết tạm, ký hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý tại Nhà máy đốt rác phát điện Thới Lai.



## 5. Về giải pháp tổ chức thực hiện

Phân giải pháp tổ chức thực hiện đã được đề cập trong hồ sơ, tuy nhiên cần được cụ thể hóa hơn. Đề nghị bổ sung:

- Phân kỳ đầu tư theo các giai đoạn thực hiện;
- Thứ tự ưu tiên triển khai các khu chức năng;
- Định hướng nguồn vốn và cơ chế phối hợp giữa các đơn vị liên quan trong quá trình triển khai.

## III. KẾT LUẬN

Đồ án cơ bản phù hợp về chủ trương và định hướng phát triển. Đề nghị đơn vị tư vấn tiếp thu, chỉnh sửa và bổ sung các nội dung nêu trên để hồ sơ được hoàn thiện hơn, làm cơ sở để Hội đồng thẩm định xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt./.

Cần Thơ, ngày 23/12/ 2025

Người nhận xét



Nguyễn Kim Hoàng

**ĐẠI HỌC CẦN THƠ  
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH  
NHIỆM VỤ QUY HOẠCH,  
QUY HOẠCH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4502 /TB-ĐHCT-HĐTĐQH

Cần Thơ, ngày 23 tháng 12 năm 2025

**THÔNG BÁO**

**Kết luận của Chủ tịch Hội đồng thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch xây dựng Đại học Cần Thơ – Ông Trần Trung Tính, Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ tại buổi họp thông qua đề án quy hoạch “Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ”**

Ngày 23 tháng 12 năm 2025 tại Trường Đại học Cần Thơ, Ông Trần Trung Tính, Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ, Chủ tịch Hội đồng thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch xây dựng Đại học Cần Thơ, chủ trì buổi họp thông qua đề án quy hoạch “Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ”.

Thành phần tham dự gồm có:

1. Thành viên Hội đồng thẩm định:

- Ông Trần Trung Tính, Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ;
- Ông Trần Chinh Phong, Phó Trưởng phòng Phát triển cơ sở vật chất và dự án - Đại học Cần Thơ;
- Ông Huỳnh Hồ Hữu Phúc, Phó Trưởng phòng Quy hoạch, kiến trúc và phát triển đô thị - Sở Xây dựng (vắng);
- Ông Nguyễn Văn Bền, Phó Giám đốc Sở Tài chính (vắng);
- Thượng tá Nguyễn Văn Liêm, Phó Tham mưu trưởng - Bộ Chỉ huy quân sự thành phố Cần Thơ (vắng)
- Ông Phạm Trường Giang, Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ
- Bà Bùi Lê Thanh Thảo, Ủy viên Ban chấp hành Hội Kiến trúc sư thành phố Cần Thơ (Phó Trưởng phòng Quy hoạch, kiến trúc - Sở Xây dựng) gửi phiếu đánh giá và cử ông Bùi Minh Chánh dự họp thay;
- Bà Nguyễn Thị Ánh Ngọc, nguyên Phó Chủ tịch Hội Kiến trúc sư thành phố Cần Thơ;
- Bà Nguyễn Kim Hoàng, nguyên Trưởng Phòng Hạ tầng - Sở Xây dựng thành phố Cần Thơ;
- Bà Lý Thị Như Hạnh, Phó Chi cục Trưởng Chi cục Quản lý đất đai - Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Ông Võ Dũng Minh, Phó Trưởng phòng Tài chính - Sở Giáo dục và Đào tạo

2. Đại diện cơ quan, đơn vị có liên quan





- Ông Trần Văn Hiếu, Phó Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Ninh Kiều;
- Ông Nguyễn Thanh Tại, Viện trưởng Viện Quy hoạch xây dựng;
- Ông Nguyễn Đức Thịnh, Trưởng phòng QHKT Viện Quy hoạch xây dựng;
- Bà Huỳnh Thị Uyên Nhã, Chủ nhiệm đồ án - Viện Quy hoạch xây dựng;
- Ông Nguyễn Văn Trí, Trưởng phòng Cơ sở vật chất và dự án – Đại học Cần Thơ;
- Ông Hồ Ngọc Tri Tân, Phó Hiệu trưởng Trường Bách khoa – Đại học Cần Thơ;
- Ông Trần Hoàng Tuấn, Phó Giám đốc phụ trách Dự án ODA – Đại học Cần Thơ;

Và một số viên chức của Tổ công tác chuyên môn thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch – Đại học Cần Thơ.

Sau khi nghe Viện Quy hoạch xây dựng, Tổ công tác chuyên môn thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch – Đại học Cần Thơ báo cáo đồ án quy hoạch “Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ, Phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ”, ý kiến của các thành viên dự họp và ý kiến (qua phiếu thẩm định) của các thành viên Hội đồng thẩm định vắng mặt, (tổng hợp 04/09 Phiếu đánh giá đủ điều kiện thống nhất trình phê duyệt; 05/09 Phiếu đánh giá đủ điều kiện nhưng cần chỉnh sửa, bổ sung trước khi trình phê duyệt. Chủ tịch Hội đồng thẩm định - Ông Trần Trung Tính kết luận các nội dung chính như sau:

1. Thống nhất nội dung đồ án quy hoạch “Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ, Phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ”.

2. Tổ công tác chuyên môn thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch có trách nhiệm tổng hợp ý kiến của các thành viên hội đồng thẩm định, ý kiến phản biện, và ý kiến của cơ quan, đơn vị có liên quan tại buổi họp gửi Phòng Phát triển cơ sở vật chất và dự án và Viện Quy hoạch xây dựng để nghiên cứu, tiếp thu, giải trình, hoàn thiện hồ sơ quy hoạch “Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ, Phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ” trước khi trình Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ phê duyệt theo đúng quy định./.

(Đính kèm: Phiếu thẩm định, Phiếu đánh giá)

Nơi nhận:

- Thành viên Hội đồng thẩm định;
- Lưu: VT, CSV&DA

**TM. HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH**  
**CHỦ TỊCH**



Trần Trung Tính



UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ  
**SỞ XÂY DỰNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4783 /SXD-QHKT&PTĐT

Cần Thơ, ngày 29 tháng 12 năm 2025

V/v phúc đáp Công văn số  
4531/ĐHCT-CSVC&DA ngày 25  
tháng 12 năm 2025 của Trường Đại  
học Cần Thơ ý kiến đối với hồ sơ  
Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Đại  
học Cần Thơ, phường Ninh Kiều,  
thành phố Cần Thơ.

Kính gửi: Trường Đại học Cần Thơ

Sở Xây dựng nhận được Công văn số 4531/ĐHCT-CSVC&DA ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Trường Đại học Cần Thơ về việc lấy ý kiến hồ sơ quy hoạch Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Qua xem xét hồ sơ tại Công văn số 4531/ĐHCT-CSVC&DA, trên cơ sở quy định tại khoản 4 Điều 41 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn: *Đối với quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết khu chức năng, trước khi phê duyệt phải có ý kiến thống nhất bằng văn bản của cơ quan chuyên môn về quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về sự bảo đảm phù hợp với yêu cầu kết nối hạ tầng kỹ thuật tỉnh và việc tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng trong nội dung quy hoạch*, Sở Xây dựng có ý kiến như sau:

**1. Ý kiến về sự phù hợp kết nối hạ tầng kỹ thuật:**

**a) Về giao thông đối ngoại:**

- Hồ sơ quy hoạch có định hướng tổ chức với 06 điểm đầu nối ra các trục đường đô thị đường 3 Tháng 2, đường cạp hồ Bún Xáng, đường Cao Thắng cơ bản giải quyết kết nối trường và hệ thống giao thông đô thị. Tuy nhiên, trường cần quan tâm phân luồng ra vào của sinh viên, sắp xếp đảm bảo không ùn tắc giao thông tại các vị trí kết nối.

- Việc Đại học Cần Thơ định hướng tăng quy mô đào tạo lên 60.000 sinh viên, đề nghị Đại học Cần Thơ nghiên cứu đề xuất các giải pháp thực hiện quy hoạch đảm bảo kết nối đồng bộ giữa giao thông nội bộ của Đại học Cần Thơ với giao thông đô thị, đảm bảo an toàn giao thông, không gia tăng tình trạng ùn tắc tại các điểm đầu nối nói riêng cũng như không làm tăng áp lực giao thông đô thị khu vực xung quanh Đại học Cần Thơ nói chung.

**b) Về hệ thống cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải:**

- Hệ thống thoát nước mưa có đề xuất thu gom qua hệ thống cống thoát mưa và xả ra kênh Bún Xáng, một phần thoát vào mương, cống hiện hữu và đầu nối vào hệ thống thoát nước chung đô thị trên đường 3 Tháng 2 là phù hợp.





- Về phương án xử lý nước thải, định hướng đầu nối vào hệ thống thoát nước thải của thành phố, thoát vào hệ thống thoát nước chung trên đường 3 Tháng 2 cơ bản phù hợp với quy hoạch thoát nước.

- Nguồn cấp nước là Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ, chi nhánh cấp nước số 1 là phù hợp với phạm vi phục vụ cấp nước của thành phố. Nước cấp được kết nối với đường ống cấp nước thành phố trên trục đường 3 tháng 2.

**c) Về hệ thống cấp điện, thông tin liên lạc:**

- Nguồn điện cấp cho khu vực được lấy từ lưới trung thế 22 kV các tuyến T.471 và T.473 - Trạm Cần Thơ chạy dọc theo đường 3 Tháng 2, bảo đảm khả năng cung cấp điện cho khu vực quy hoạch.

- Hệ thống thông tin liên lạc của khu vực được đầu nối với các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông hiện có trong khu vực, bảo đảm kết nối đồng bộ với mạng viễn thông quốc gia và quốc tế, đáp ứng nhu cầu sử dụng các dịch vụ cơ bản như điện thoại, internet và truyền dữ liệu.

- Các nội dung đề xuất điều chỉnh còn lại chỉ làm ảnh hưởng đến các khu vực trong nội bộ trong phạm vi trường, không làm thay đổi mạng lưới đường giao thông chính nội bộ.

\* **Đánh giá:** Hồ sơ quy hoạch đã thể hiện kết nối với quy hoạch ngành và hiện trạng quản lý của hệ thống hạ tầng kỹ thuật thành phố. Tuy nhiên trong quá trình triển khai dự án các hạng mục hạ tầng cần khảo sát hiện trạng, đánh giá khả năng kết nối bảo đảm cho hoạt động của trường đồng thời không làm quá tải hệ thống hạ tầng đô thị theo quy hoạch.

**2. Việc tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn:**

**a) Việc áp dụng quy chuẩn, pháp lý lập quy hoạch:**

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01:2021/BXD về Quy hoạch xây dựng (được ban hành theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng) và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 07:2023/BXD về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật (được ban hành theo Thông tư số 15/2023/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng); QCVN 33:2019/BTTTT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông.

- Các căn cứ pháp lý lập quy hoạch đô thị: Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn, Nghị định số 178/2025/NĐ-CP, Nghị định số 145/2025/NĐ-CP, Thông tư số 16/2025/TT-BXD, Quy hoạch thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch chung thành phố Cần Thơ đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 và Công văn số 1162/UBND-XDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.

**b) Chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch:**

Trên cơ sở Báo cáo số 11/BC-TCTTĐQH ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Tổ Công tác chuyên môn thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch về việc Kết quả thẩm định quy hoạch Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ



1/500 Đại học Cần Thơ, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Đề nghị Trường Đại học Cần Thơ tự chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch phù hợp theo quy hoạch cấp trên, quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành; trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết; việc tổ chức lấy ý kiến và tổng hợp ý kiến góp ý; điều kiện năng lực của tổ chức tư vấn, cá nhân tham gia lập quy hoạch; thành phần, quy cách thể hiện và nội dung hồ sơ quy hoạch chi tiết phải phù hợp quy định của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn và các văn bản pháp luật thuộc lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn.

**c) Về một số nội dung khác cần lưu ý:**

+ Về tên đồ án quy hoạch chi tiết: trường hợp thuận lợi và phù hợp theo quy định pháp luật về quy hoạch đô thị thì nghiên cứu điều chỉnh tên đồ án “Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ thành Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ”.

+ Về phạm vi ranh giới: đề nghị rà soát tứ cận, đảm bảo phù hợp hiện trạng khu vực lập quy hoạch.

+ Rà soát, kiểm tra số liệu tổng cộng diện tích, tỷ lệ loại đất tại Bảng thống kê sử dụng đất.

+ Theo thuyết minh đồ án, hướng tuyến kết nối giao thông chủ yếu ra đường 3 tháng 2; tuy nhiên kiến nghị nghiên cứu phương án kết nối thêm hướng giao thông thông ra đường cặp hồ Bún Xáng, cũng như nghiên cứu phương án kiến trúc cảnh quan hướng nhìn ra hồ, định hướng phát triển trong tương lai khi hồ Bún Xáng hoàn thành hoàn chỉnh các hạng mục.

+ Đối với trục đường số 10 (cổng B): Hiện nay, Đại học Cần Thơ đang thực hiện thủ tục cải tạo, mở rộng cổng B kết nối vào đường 3 tháng 2, đề nghị Đại học Cần Thơ cập nhật phương án đầu nối vào quy hoạch.

+ Các tuyến đường giao thông nội bộ, kiến nghị thiết kế lựa chọn vật liệu có khả năng thấm nước và các cấu trúc xanh khác.

- Về quy hoạch hệ thống xử lý chất thải rắn (trang 49 Thuyết minh): Đề nghị bổ nội dung: “*Phân loại chất thải rắn được thực hiện theo Kế hoạch số 2943/KH-SXD ngày 31 tháng 8 năm 2017 của Sở Xây dựng. Theo đó, chất thải rắn sinh hoạt được thu gom phân thành 02 loại: chất thải rắn sinh hoạt đốt được (hay còn gọi rác đốt được), chất thải rắn sinh hoạt không đốt được*” do không còn phù hợp. Việc phân loại rác hiện nay thực hiện theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản hướng dẫn.

**3. Tóm lại:**

Trên đây là ý kiến của Sở Xây dựng về hồ sơ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ theo Công văn số 4531/ĐHCT-CSVC&DA. Sở Xây dựng đề nghị Trường Đại học Cần Thơ căn cứ quy định pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn; quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy hoạch cấp trên và các quy định pháp luật khác có liên quan hiện hành; khi





đảm bảo tính chính xác các số liệu, chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch, nội dung của hồ sơ quy hoạch chi tiết và phù hợp theo quy định pháp luật thì xem xét phê duyệt quy hoạch chi tiết theo quy định.

Sở Xây dựng chuyển nội dung trên đến Trường Đại học Cần Thơ nghiên cứu thực hiện theo quy định. / *MA*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc Sở (để biết);
- Lưu: VT, P. QHKT&PTĐT<sub>NVH</sub>

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Huỳnh Văn Sáu

**ĐẠI HỌC CẦN THƠ**  
**PHÒNG PHÁT TRIỂN**  
**CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ**  
**DỰ ÁN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
*Cần Thơ, ngày      tháng      năm 2025.*

Số:      /TTr-...

**BÁO CÁO TỔNG HỢP, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH ĐIỀU CHỈNH TỔNG  
THỂ QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/500 ĐẠI HỌC CẦN  
THƠ, PHƯỜNG NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Kính gửi: Tổ công tác chuyên môn thẩm định quy hoạch, quy hoạch Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và Nông thôn ngày 26 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Công văn số 4216/ĐHCT-CSVC&DA ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Đại học Cần Thơ về việc lấy ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, chuyên gia về hồ sơ quy hoạch “Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 Đại học Cần Thơ, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ”

Căn cứ Công văn số ...../SKHCN-ĐMST ngày .... tháng 12 năm 2025 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc ý kiến về hồ sơ quy hoạch “Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ”

Căn cứ Công văn số 3385/CATP-ANCTNB ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Công an thành phố Cần Thơ về việc cho ý kiến đối với hồ sơ quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 Đại học Cần Thơ”, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Căn cứ Công văn số 3693/SGDĐT-TC ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc ý kiến đối với hồ sơ điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ.

Căn cứ Công văn số 5281/STC-THQH ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Sở Tài chính về việc ý kiến góp ý hồ sơ Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 Đại học Cần Thơ, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Căn cứ Công văn số 69/TM-TCTTĐQH ngày 17 tháng 12 năm 2025 của Tổ công tác chuyên môn thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch về hợp Hội đồng thẩm định hồ sơ quy hoạch “Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ”

Căn cứ Thông báo số 4502/TB-ĐHCT-HĐTĐQH ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch Kết luận của Chủ tịch Hội đồng thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch xây dựng Đại học Cần



Thơ – Ông Trần Trung Tính, Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ tại buổi họp thông qua đồ án quy hoạch “Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ”

Công văn số 4783/SXD-QHKT&PTĐT ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Sở Xây dựng về việc phúc đáp Công văn số 4531/ĐHCT-CSVC&DA ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Trường Đại học Cần Thơ ý kiến đối với hồ sơ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Phòng Phát triển cơ sở vật chất và dự án – Đại học Cần Thơ kính gửi đến tổ công tác chuyên môn thẩm định nội dung như sau:

# BẢNG TỔNG HỢP Ý KIẾN GÓP Ý

## ĐỒ ÁN QUY HOẠCH: ĐIỀU CHỈNH TỔNG THỂ QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/500 ĐẠI HỌC CẦN THƠ, PHƯỜNG NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ.

| STT                                                                                                                                   | CÁ NHÂN –<br>ĐƠN VỊ                                                   | NỘI DUNG GÓP Ý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | GIẢI TRÌNH CỦA<br>ĐƠN VỊ TƯ VẤN                                                       |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| <i>Về việc góp ý hồ sơ điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 Đại học Cần Thơ, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ</i> |                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                       |
| 1                                                                                                                                     | Sở Khoa học và Công nghệ<br>(CV số .... /SKHCN-ĐMST ngày .. /12/2025) | <p><b>1. Sự cần thiết điều chỉnh quy hoạch:</b></p> <p>Trường Đại học Cần Thơ được phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 trọng điểm đến năm 2020 tại phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ theo Quyết định số 1258/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2009 của UBND thành phố; phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trường Đại học Cần Thơ tại phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ theo Quyết định 2988/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2023. Đến nay, sau 14 năm triển khai thực hiện quy hoạch một số định hướng phát triển về không gian kiến trúc, tầng cao, kết cấu hạ tầng kỹ thuật không còn phù hợp so với thực tiễn, vì vậy điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ tại phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ là cần thiết với tình hình thực tế, đáp ứng nhu cầu đầu tư xây dựng và quản lý của Đại học Cần Thơ trong thời gian tới.</p> <p>2. Sự phù hợp với quy hoạch sau khi điều chỉnh:</p> <p>- Quy hoạch điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ, bao gồm: (1) Điều chỉnh</p> | <p>- Tiếp thu ý kiến và xin cảm ơn ý kiến đóng góp đề án của thành viên Hội đồng.</p> |



tên đồ án; (2) Điều chỉnh chức năng khu vực sử dụng đất lập quy hoạch; (3) Điều chỉnh quy mô diện tích quy hoạch; (4) Điều chỉnh ranh đất quy hoạch; (5) Điều chỉnh quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật; nhằm cập nhật lại ranh giới và diện tích khu đất thực tế của Đại học Cần Thơ giảm từ 80,95 ha thành 71,42 ha theo Quyết định số 2683/QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2016 và Quyết định số 7154/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2016 của UBND quận Ninh Kiều (diện tích giảm: 95.329,23 m<sup>2</sup>); đồng thời, điều chỉnh một số nội dung quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật để phù hợp với nhu cầu xây dựng và quản lý của Đại học Cần Thơ phục vụ đầu tư nâng cấp thành Đại học xuất sắc, đạt chuẩn quốc tế, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đời sống xã hội, phục vụ lợi ích quốc gia và lợi ích cộng đồng.

- Thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ đến năm 2045; Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; Nghị quyết 98/NQ-CP ngày 30/8/2021 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 59-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ đến năm 2045, điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ tại phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ phù hợp chủ trương; phù hợp mục tiêu chiến lược quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sự phạm thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến

|   |                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                    |
|---|---------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|
|   |                                                                           | năm 2050 tại Quyết định số 452/QĐ-TTg ngày 27 tháng 2 năm 2025 của Thủ tướng chính phủ và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội địa phương.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                    |
| 2 | <b>Công an thành phố Cần Thơ</b> (CV số 3385/CATP-ANCTNB ngày 08/12/2025) | - Qua nghiên cứu hồ sơ và các văn bản có liên quan, Công an thành phố Cần Thơ nhận thấy vấn đề này không thuộc chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của Công an thành phố. Do đó, Công an thành phố không có ý kiến đối với hồ sơ quy hoạch “Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 Đại học Cần Thơ, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ”.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Xin cảm ơn ý kiến đóng góp đề án của thành viên Hội đồng.                          |
| 3 | <b>Sở giáo dục và đào tạo</b> (CV số 3693/SGDDT-TC ngày 08/12/2025)       | - Thống nhất với nội dung điều chỉnh quy hoạch.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Xin cảm ơn ý kiến thống nhất đề án của thành viên Hội đồng.                        |
| 4 | <b>Sở Tài chính</b> (CV số 5281/STC-THQH ngày 10/12/2025)                 | - Qua nghiên cứu nội dung tài liệu có liên quan và Quyết định số 1519/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó: Tại điểm d, khoản 2, mục VII Điều 1 về Phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo: “d) Đại học và sau đại học: mở rộng quy mô đào tạo và nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị và chất lượng các trường đại học trên địa bàn đáp ứng nhu cầu nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; đẩy mạnh liên kết đào tạo, nghiên cứu khoa học với các viện, trường trong nước và quốc tế.”, Sở Tài chính thống nhất Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây | Xin cảm ơn ý kiến đóng góp đề án và thống nhất điều chỉnh của thành viên Hội đồng. |



|                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                            |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                    | dựng 1/500 Đại học Cần Thơ, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                            |
| Hợp Hội đồng thẩm định hồ sơ quy hoạch “Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ”<br>Thời gian: 9 giờ, ngày 23 tháng 12 năm 2025<br>Tại: Lầu Đại học Cần Thơ (Lầu 1 Nhà Điều hành) |                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                            |
| 1                                                                                                                                                                                                                                                          | <b>Ông Trần Trung Tính</b> –<br>Chủ tịch Hội đồng thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch xây dựng | - Thống nhất nội dung đồ án quy hoạch “Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ”                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Xin cảm ơn ý kiến đóng góp đồ án và thống nhất điều chỉnh của thành viên Hội đồng.                                         |
| 2                                                                                                                                                                                                                                                          | <b>Ông Trần Chinh Phong</b> –<br>phòng Phát triển cơ sở vật chất và dự án                          | - Đủ điều kiện, thống nhất trình phê duyệt.<br>- Hồ sơ quy hoạch chi tiết phù hợp với nhiệm vụ quy hoạch, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng..<br>- Phù hợp với định hướng chiến lược phát triển trường Đại học Cần Thơ.<br>- Sớm hoàn thiện hồ sơ trình Đại học Cần Thơ phê duyệt quy hoạch.                                                                                                                                                                                                                                                           | Xin cảm ơn ý kiến đóng góp đồ án và thống nhất điều chỉnh của thành viên Hội đồng.                                         |
| 3                                                                                                                                                                                                                                                          | <b>Bà Nguyễn Thị Ánh Ngọc</b> –<br>Hội Kiến trúc sư thành phố Cần Thơ                              | - Đủ điều kiện nhưng cần chỉnh sửa, bổ sung trước khi trình phê duyệt, cụ thể như sau:<br>- Xem lại mật độ xây dựng kiến trúc nhỏ trong công viên cây xanh.<br>+ Mật độ xây dựng tối đa $\geq 38\%$ .<br>Tham khảo: QCVN 01:2021/BXD 2.6.4<br>Mật độ xây dựng gộp.<br>+ Công viên: 5%<br>+ Công viên chuyên đề: 25%.<br>Đề nghị thoát nước mưa:<br>+ Tăng cường bề nước ngầm tại các khu vực trũng thấp, khu công viên cây xanh, khu vực gần các cống vào để trữ nước mưa nhằm giảm ngập trong các cơn mưa lớn, sử dụng nguồn nước tưới cây, PCCC. | - Về mật độ cây xanh đã điều chỉnh lại trong thuyết minh mục 11.2.3 trang 35, 36.<br>- Đã chỉnh sửa đề nghị thoát nước mưa |



|   |                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|---|---------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|   |                                                                           | - Thuyết minh trang 57: Mục 16.2. Các giải pháp tổng thể nhằm giảm thiểu và khắc phục trong ranh quy hoạch Đại học Cần Thơ và các giải pháp mở rộng vùng lân cận nếu có liên quan và ảnh hưởng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 4 | <b>Ông Võ Dũng Minh</b> – Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Cần Thơ        | - Đủ điều kiện, thống nhất trình phê duyệt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Xin cảm ơn ý kiến đóng góp đồ án và thống nhất điều chỉnh của thành viên Hội đồng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 5 | <b>Ông Phạm Trường Giang</b> – Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Cần Thơ | - Đủ điều kiện, thống nhất trình phê duyệt<br>- Đã hoàn chỉnh các thủ tục, hồ sơ như đã góp ý trước: Hoàn chỉnh đo đạc chỉnh lý thửa đất trong khuôn viên trường (phần dư 5.376,4 m <sup>2</sup> ) đã hoàn chỉnh thủ tục.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Xin cảm ơn ý kiến đóng góp đồ án và thống nhất điều chỉnh của thành viên Hội đồng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 6 | <b>Bà Bùi Lê Thanh Thảo</b> – Đại diện Hội Kiến trúc sư thành phố Cần Thơ | - Hoàn thiện đầy đủ nội dung thành phần hồ sơ và thể hiện bản vẽ theo quy định tại Điều 19 Thông tư 16/2025/BXD.<br>- Lồng ghép các giải pháp quy hoạch đô thị thông minh vào quy hoạch chi tiết theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 269/2025/NĐ-CP.<br>- Rà soát các chỉ tiêu quy hoạch đảm bảo sự phù hợp các quy hoạch cấp trên và quy chế quản lý kiến trúc của thành phố.<br>- Đề nghị đơn vị thẩm định căn cứ lĩnh vực quản lý ngành đánh giá sự cần thiết phải đảm bảo các chỉ tiêu được quy định tại Thông tư 03/2020/TT-BGDDT để làm cơ sở lựa chọn phương án lập quy hoạch phù hợp.<br>- Đánh giá sự phù hợp của việc đề xuất số lượng sinh viên và giảng viên với các quyết định, kế hoạch đào tạo của trường. Trong đó lưu ý với quy mô sinh viên và giảng viên tăng mạnh, cần phải nghiên cứu hạ tầng đô thị xung quanh và có giải pháp quy hoạch hạ tầng phù hợp, đảm | - Đã lồng ghép các giải pháp quy hoạch đô thị thông minh, Cập nhật cơ sở dữ liệu số địa lý (GIS) quy hoạch đô thị và nông thôn bao gồm các tập tin (file) được chuyển đổi thành dữ liệu địa lý từ cơ sở dữ liệu gốc để đồng bộ hóa cơ sở dữ liệu quốc gia tại thuyết minh đồ án trang 24.<br>- Đã rà soát các định hướng, chỉ tiêu quy hoạch đảm bảo sự phù hợp các quy hoạch cấp trên tại thuyết minh trang 25 - 30.<br>- Về đề xuất số lượng sinh viên, căn cứ QĐ 452/QĐ-TTg ngày 27/2/2025, định hướng |



|   |                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|---|------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|   |                                                                                          | <p>bảo không làm quá tải hạ tầng đô thị. Đặc biệt phải có giải pháp đấu nối giao thông tại khu vực cổng trường thông suốt, an toàn hoặc nghiên cứu thêm giải pháp đấu nối giao thông ra các tuyến đường xung quanh.</p>                                                                  | <p>Đại học Cần Thơ quy mô đào tạo dự kiến thời kì 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050: 60.000 – 70.000 sinh viên bao gồm 3 khu (Khu I, Khu II, Khu III). Trong đó quy mô sinh viên đề xuất điều chỉnh quy hoạch Đại học Cần Thơ (Khu II): 55.000 sinh viên và 1.800 giảng viên và người lao động.</p> <p>- Giải pháp đấu nối giao thông thì hiện nay có tổng cộng 06 lối kết nối để đảm bảo không làm quá tải hạ tầng đô thị, trong đó 03 lối kết nối với đường 3 tháng 2, 02 lối kết nối ra kênh Búng Xáng, 01 lối kết nối ra đường Mậu Thân.</p> |
| 7 | <p><b>Bà Lý Thị Như Hạnh</b> – Chi cục Quản lý đất đai, Sở Nông nghiệp và Môi trường</p> | <p>- Đủ điều kiện nhưng cần chỉnh sửa, bổ sung trước khi trình phê duyệt, cụ thể như sau:</p> <p>- Bổ sung thông tin mục 5.3 (trang 23 TM đồ án) về nội dung điều chỉnh quy mô diện tích quy hoạch.</p> <p>- Rà soát lại pháp nhân là “Đại học Cần Thơ” hay “Trường Đại học Cần Thơ”</p> | <p>- Đã bổ sung thông tin về quy mô diện tích quy hoạch tại thuyết minh đồ án trang 23.</p> <p>- Về pháp nhân hiện nay Trường Đại học Cần Thơ vẫn còn hiệu lực.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 8 | <p><b>Ông Trần Văn Hiếu</b> – Phó trưởng phòng KTHT &amp; ĐT phường Ninh Kiều</p>        | <p>- Đủ điều kiện, thống nhất trình phê duyệt</p> <p>- Yêu cầu chủ đầu tư tuân thủ theo quy định cũng như các nội dung trước đây UBND phường Ninh Kiều có ý kiến đảm bảo phù hợp quy hoạch.</p>                                                                                          | <p>Xin cảm ơn ý kiến đóng góp đồ án và tiếp thu ý kiến của thành viên Hội đồng.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |



|   |                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|---|--------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 9 | <p><b>Bà Nguyễn Kim Hoàng</b> – Nguyên trưởng phòng HTKT Sở Xây dựng thành phố Cần Thơ</p> | <p><b>1. Về phạm vi và nội dung điều chỉnh tổng thể quy hoạch.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm rõ các nội dung được kế thừa từ quy hoạch cũ.</li> <li>- Xác định cụ thể các nội dung có điều chỉnh và mức độ điều chỉnh tương ứng.</li> </ul> <p><b>2. Về hệ thống chỉ tiêu quy hoạch.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hồ sơ thuyết minh đã đề cập đến các chỉ tiêu quy hoạch và có viện dẫn các quy chuẩn, tiêu chuẩn làm cơ sở xác định. Tuy nhiên, các chỉ tiêu hiện đang trình bày phân tán trong thuyết minh, chưa được tổng hợp thành hệ thống bảng biểu thống nhất.</li> <li>- Đề nghị đơn vị tư vấn rà soát, tổng hợp đầy đủ bộ chỉ tiêu quy hoạch áp dụng chung cho toàn khu và chỉ tiêu cụ thể cho từng khu chức năng, nhằm thuận tiện cho công tác quản lý, theo dõi và làm cơ sở triển khai các bước tiếp theo.</li> </ul> <p><b>3. Về quy mô phát triển làm cơ sở tính toán:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy mô sinh viên, giảng viên và người lao động đến năm 2030;</li> <li>- Định hướng quy mô phát triển đến năm 2030 và đến năm 2050;</li> </ul> <p><b>4. Về nội dung Hạ tầng kỹ thuật và Môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giao thông kết nối: Thuyết minh rõ hơn về khả năng kết nối giao thông của khu vực quy hoạch với các tuyến giao thông hiện hữu và dự kiến, đặc biệt là các khu chức năng bố trí ký túc xá sinh viên.</li> <li>- Cao độ nền và thoát nước: Làm rõ cao độ nền khống chế cho toàn khu và từng khu chức năng; gắn kết tổ chức không gian với yêu cầu thoát nước, trữ nước và bố trí hồ điều hòa nhằm chống ngập cho khu vực nội vi Trường Đại học Cần Thơ</li> </ul> | <p>1. Về phạm vi và nội dung điều chỉnh tổng thể quy hoạch.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã chỉnh sửa và làm rõ các nội dung điều chỉnh trong thuyết minh mục 5 trang 23,24,25.</li> </ul> <p>2. Về hệ thống chỉ tiêu quy hoạch.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã chỉnh sửa và bổ sung các chỉ tiêu quy hoạch trong thuyết minh mục 9.8 trang 31,32,33.</li> </ul> <p>3. Về quy mô phát triển làm cơ sở tính toán.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã chỉnh sửa và bổ sung trong thuyết minh mục 10.1 trang 34.</li> </ul> <p>4. Về nội dung Hạ tầng kỹ thuật và Môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giao thông kết nối: Đã chỉnh sửa bổ sung trong thuyết minh mục 14.1.2 trang 49.</li> <li>- Cao độ nền và thoát nước: Đã chỉnh sửa và cập nhật với cao độ san lấp kế thừa từ quy hoạch cũ: Hsl: +2,40 (Cao độ Hòn Dấu) trong thuyết minh mục 14.2.3 trang 52.</li> <li>- Thoát nước: Đã chỉnh sửa, bổ sung trong</li> </ul> |
|---|--------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|



|  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  | <p>(Khu II) cũng như mối liên hệ với các dự án lân cận, qua đó xác định hướng thoát nước mặt và nước thải phù hợp.</p> <p>- Xử lý nước thải và chất thải rắn: Rà soát khu vực xử lý nước thải và rác thải để đảm bảo phù hợp với quy hoạch phân khu. Theo định hướng, nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý tập trung tại Nhà máy xử lý nước thải Cái Sâu (công suất khoảng 30.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm); chất thải rắn không bố trí trạm trung chuyển trong khuôn viên mà tổ chức các điểm tập kết tạm, ký hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý tại Nhà máy đốt rác phát điện Thới Lai.</p> <p><b>5. Về giải pháp tổ chức thực hiện.</b></p> <p>- Phân kỳ đầu tư theo giai đoạn thực hiện;</p> <p>- Thứ tự ưu tiên triển khai các khu chức năng;</p> <p>- Định hướng nguồn vốn và cơ chế phối hợp giữa các đơn vị liên quan trong quá trình triển khai.</p> | <p>thuyết minh mục 14.4.3 trang 54,55,56</p> <p>+ Tận dụng các khoảng mặt nước như hồ hiện hữu, hồ quy hoạch, thảm thực vật, bề mặt phi xây dựng để giữ nước và làm giảm dòng chảy bề mặt kết hợp các công trình cống thoát nước thông thường.</p> <p>+ Hệ thống thoát nước mưa có tầng cường bề ngầm dưới khu vực công viên cây xanh, hoặc lối vào trường để thu nước mưa vùng thấp, để làm bề phụ cho công trình, dùng tưới cây hoặc phục vụ phòng cháy chữa cháy</p> <p>- Xử lý nước thải: Đã chỉnh sửa và bổ sung trong thuyết minh tại mục 14.5.3 trang 56,57</p> <p>+ Giải pháp 1: đấu nối vào hệ thống thoát nước thải thành phố, nước thải được xử lý tại trạm xử lý nước thải Cái Sâu công suất 30.000m<sup>3</sup>/ngày đêm.</p> <p>+ Giải pháp 2: tập trung thu gom xử lý nước thải tại trạm xử lý nước thải trong khu vực quy hoạch đảm bảo tiêu chuẩn cột A theo QCVN</p> |
|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

|  |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|--|--|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  |  |  | <p>14/2025/BTNMT trước khi thải ra môi trường.</p> <p>+ Giải pháp 3: giải pháp ngắn hạn xử lý cục bộ nước thải tại các dự án, đạt tiêu chuẩn cột A theo QCVN 14/2025/BTNMT sau đó thoát vào hệ thống thoát nước chung.</p> <p>- Chất thải rắn: Đã chỉnh sửa, bổ sung trong thuyết minh tại mục 14.8.1 trang 61, với nội dung như sau:</p> <p>+ Phân loại chất thải rắn được thực hiện theo Kế hoạch số 2943/KH-SXD ngày 31 tháng 8 năm 2017 của Sở Xây dựng. Theo đó, chất thải rắn được thu gom phân thành 02 loại: chất thải rắn sinh hoạt đốt được (hay còn gọi rác đốt được), chất thải rắn sinh hoạt không đốt được.</p> <p>+ Không xử lý chất thải rắn tại chỗ chỉ tập trung thu gom tạm thời để chuyển đi xử lý.</p> <p>+ Xe chở rác thu gom theo giờ cố định.</p> <p>+ Đối với khu vực cây xanh, đặt các thùng rác nhỏ dọc theo các đường</p> |
|--|--|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|



|    |                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | <p>dạo với khoảng cách 50m/1thùng.</p> <p>+ Khối lượng rác thải được tính toán theo học sinh của dự án. Tỷ lệ thu gom là 1,3 (kg/người-ngày) tương ứng với 100% đảm bảo vệ sinh môi trường.</p> <p>+ Chất thải rắn sau khi phân loại sẽ đưa về bãi tập kết, chất thải rắn không đốt được sẽ được thu gom, vận chuyển về Nhà máy xử lý rác thải – phát điện tại huyện Thới Lai để xử lý.</p>                                                                |
| 10 | <p><b>Sở Xây dựng</b><br/>(CV<br/>4783/SXD-<br/>QHKT&amp;PTĐT<br/>ngày<br/>29/12/2025)</p> | <p><b>1. Ý kiến về sự phù hợp kết nối hạ tầng kỹ thuật:</b><br/>Đánh giá: Hồ sơ quy hoạch đã thể hiện kết nối với quy hoạch ngành và hiện trạng quản lý của hệ thống hạ tầng kỹ thuật thành phố. Tuy nhiên trong quá trình triển khai dự án các hạng mục hạ tầng cần khảo sát hiện trạng, đánh giá khả năng kết nối bảo đảm cho hoạt động của trường đồng thời không làm quá tải hệ thống hạ tầng đô thị theo quy hoạch.</p> <p><b>2. Về tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn:</b><br/><i>a) Việc áp dụng quy chuẩn, pháp lý lập quy hoạch:</i><br/>- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01:2021/BXD về Quy hoạch xây dựng (được ban hành theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng) và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 07:2023/BXD về Hệ thống công trình hạ</p> | <p><b>1. Ý kiến về sự phù hợp kết nối hạ tầng kỹ thuật:</b><br/>- Tiếp thu ý kiến và xin cảm ơn ý kiến đóng góp đề án của thành viên Hội đồng.</p> <p><b>2. Về tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn:</b><br/><i>a) Việc áp dụng quy chuẩn, pháp lý lập quy hoạch:</i><br/>- Tiếp thu ý kiến và xin cảm ơn ý kiến đóng góp đề án của thành viên Hội đồng.</p> <p><i>b) Chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch</i><br/>- Tiếp thu ý kiến và xin cảm ơn ý kiến đóng góp</p> |



|  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  | <p>tăng kỹ thuật (được ban hành theo Thông tư số 15/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng); QCVN 33:2019/BTTTT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông.</p> <p>- Các căn cứ pháp lý lập quy hoạch đô thị: Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn, Nghị định số 178/2025/NĐ-CP, Nghị định số 145/2025/NĐ-CP, Thông tư số 16/2025/TT-BXD, Quy hoạch thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch chung thành phố Cần Thơ đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 và Công văn số 1162/UBND-XĐĐT ngày 14 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.</p> <p><b>b) Chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch</b></p> <p>- Trên cơ sở Báo cáo số 11/BC-TCTTĐQH ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Tổ Công tác chuyên môn thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch về việc Kết quả thẩm định quy hoạch Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Đề nghị Trường Đại học Cần Thơ tự chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch phù hợp theo quy hoạch cấp trên, quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành; trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết; việc tổ chức lấy ý kiến và tổng hợp ý kiến góp ý; điều kiện năng lực của tổ chức tư vấn, cá nhân tham gia lập quy hoạch; thành phần, quy cách thể hiện và nội dung hồ sơ điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị và nông</p> | <p>đô án của thành viên Hội đồng.</p> <p><b>c) Về một số nội dung khác cần lưu ý:</b></p> <p>- Về tên đồ án quy hoạch chi tiết: đã điều chỉnh cập nhật lại thành Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.</p> <p>- Về phạm vi ranh giới: Tiếp thu ý kiến và xin cảm ơn ý kiến đóng góp đồ án của thành viên Hội đồng.</p> <p>- Rà soát, kiểm tra số liệu tổng cộng diện tích, tỷ lệ loại đất tại Bảng thống kê sử dụng đất: Đã kiểm tra và rà soát số liệu.</p> <p>- Theo thuyết minh đồ án, hướng tuyến kết nối giao thông chủ yếu ra đường 3 tháng 2: Hiện nay đồ án quy hoạch bố trí tổng cộng 06 lối kết nối để đảm bảo không làm quá tải hạ tầng đô thị, trong đó 03 lối kết nối với đường 3 tháng 2, 02 lối kết nối ra kênh Búng Xáng, 01 lối kết nối ra đường Mậu Thân nhằm định hướng phát triển trong tương lai khi hồ Búng Xáng hoàn</p> |
|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|



|  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  | <p>thôn và các văn bản pháp luật thuộc lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn.</p> <p><b>c) Về một số nội dung khác cần lưu ý:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Về tên đồ án quy hoạch chi tiết: trường hợp thuận lợi và phù hợp theo quy định pháp luật về quy hoạch đô thị thì nghiên cứu điều chỉnh tên đồ án “Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ thành Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ”</li> <li>- Về phạm vi ranh giới: đề nghị rà soát tư cận, đảm bảo phù hợp với hiện trạng khu vực lập quy hoạch.</li> <li>- Rà soát, kiểm tra số liệu tổng cộng diện tích, tỷ lệ loại đất tại Bảng thống kê sử dụng đất.</li> <li>- Theo thuyết minh đồ án, hướng tuyến kết nối giao thông chủ yếu ra đường 3 tháng 2; tuy nhiên kiến nghị nghiên cứu phương án kết nối thêm giao thông thông ra đường cặp hồ Búng Xáng, cũng như nghiên cứu phương án kiến trúc cảnh quan hướng nhìn ra hồ, định hướng phát triển trong tương lai khi hồ Búng Xáng hoàn thành hoàn chỉnh các hạng mục.</li> <li>- Đối với trục đường số 10 (cổng B): Hiện nay, Đại học Cần Thơ đang thực hiện thủ tục cải tạo, mở rộng cổng B kết nối với đường 3 tháng 2, đề nghị Đại học Cần Thơ cập nhật phương án đấu nối vào quy hoạch.</li> <li>- Các tuyến đường giao thông nội bộ, kiến</li> </ul> | <p>thành hoàn chỉnh các hạng mục.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với trục đường số 10 (cổng B): Tiếp thu ý kiến và xin cảm ơn ý kiến đóng góp đồ án của thành viên Hội đồng.</li> <li>- Các tuyến đường giao thông nội bộ, kiến nghị thiết kế lựa chọn vật liệu có khả năng thấm nước và các cấu trúc xanh khác: Tiếp thu ý kiến và xin cảm ơn ý kiến đóng góp đồ án của thành viên Hội đồng.</li> <li>- Về quy hoạch hệ thống xử lý chất thải rắn (trang 49 Thuyết minh): Đã cập nhật và chỉnh sửa trong thuyết minh tại mục 14.8 trang 62.</li> </ul> |
|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

|  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |  |
|--|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|  |  | <p>- Về quy hoạch hệ thống xử lý chất thải rắn (trang 49 Thuyết minh): Đề nghị bỏ nội dung: “<i>Phân loại chất thải rắn được thực hiện theo Kế hoạch 2943/KH-SXD ngày 31/8/2017 của Sở Xây dựng. Theo đó, chất thải rắn sinh hoạt được thu gom phân thành 02 loại: chất thải rắn sinh hoạt đốt được (hay còn gọi rác đốt được), chất thải rắn sinh hoạt không đốt được</i>” do không còn phù hợp. Việc phân loại rác hiện nay thực hiện theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản hướng dẫn.</p> |  |
|--|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|



ĐẠI HỌC CẦN THƠ  
PHÒNG PHÁT TRIỂN  
CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ  
DỰ ÁN

Số: /TTr-...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Cần Thơ, ngày tháng năm 2025.

## TỜ TRÌNH

**Phê duyệt điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500  
Đại học Cần Thơ, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (Khu II)**

Kính gửi: Đại học Cần Thơ.

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Quốc hội;

Căn cứ Luật đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 98/ND-CP ngày 30 tháng 8 năm 2021 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Bộ chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính Phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.

Căn cứ Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 1515/QĐ-TTg ngày 28 tháng 8 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Cần Thơ đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định 1519/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng Đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050;



Căn cứ Quyết định 452/QĐ-TTg ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1531/QĐ-TTg ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Trường Đại học Cần Thơ thành Đại học Cần Thơ;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.

Căn cứ Thông tư 43/2025/TT-BXD ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 16/2025/TT-BXD ngày 30/06/2025 của Bộ trưởng bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.

Căn cứ Thông tư 01/2021/BXD ngày 19 tháng 05 năm 2021 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2813/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/5000 quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Căn cứ Quyết định số 1258/QĐ-UBND ngày 22 tháng 04 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trường Đại học Cần Thơ trọng điểm đến năm 2020 tại phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Căn cứ Quyết định số 2803/QĐ-BGDĐT ngày 04 tháng 8 năm 2015 của Bộ giáo dục và đào tạo về việc phê duyệt phương án xử lý, sắp xếp lại nhà đất của Trường Đại học Cần Thơ

Căn cứ Quyết định số 6283/QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều về việc thu hồi đất của Trường Đại học Cần Thơ (khu 2), đường 3 tháng 2, khu vực 7, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, bị ảnh hưởng dự án nâng cấp đô thị vùng ĐBSCL – Tiểu dự án thành phố Cần Thơ (giai đoạn 2), hạng mục cải tạo Hồ Bún Xáng và các tuyến đường cấp các kênh, rạch trong lưu vực Hồ Bún Xáng, khu vực 7, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều.

Căn cứ Quyết định số 7154/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều về việc điều chỉnh Quyết định thu hồi đất của Trường Đại học Cần Thơ (khu 2) bị ảnh hưởng dự án nâng cấp đô thị vùng ĐBSCL – Tiểu dự án thành phố Cần Thơ (giai đoạn 2), hạng mục cải tạo Hồ Bún Xáng và các tuyến đường cấp các kênh, rạch trong lưu vực Hồ Bún Xáng, thuộc phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều.

Căn cứ Quyết định số 2632/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trường Đại học Cần Thơ tại phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.



Căn cứ Quyết định số 2988/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trường Đại học Cần Thơ tại phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Căn cứ Nghị Quyết số 129/NQ-HĐT ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ Kỳ họp thứ 14 của Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ nhiệm kỳ 2020 – 2025.

Căn cứ Nghị Quyết số 03/NQ-HĐT ngày 11 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ phê duyệt Kế hoạch hoạt động năm 2025 của Trường Đại học Cần Thơ.

Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-HĐT ngày 11 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ phê duyệt Phương án sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy bên trong Trường Đại học Cần Thơ;

Căn cứ Công văn số 1162/UBND-XDĐT ngày 14 tháng 03 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc điều chỉnh tổng thể Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trường Đại học Cần Thơ, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Căn cứ Nghị quyết số 41/NQ-HĐT ngày 09 tháng 04 năm 2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ đổi tên một số đơn vị thuộc Trường Đại học Cần Thơ.

Căn cứ Quyết định số 5537/QĐ-ĐHCT ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Trường Đại học Cần Thơ về việc phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch “Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ”

Căn cứ vào phiếu đo đạc chỉnh lý thửa đất của văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Cần Thơ với diện tích sau đo đạc chỉnh lý là: 716.984,7 m<sup>2</sup>, loại đất: DGD.

## I. QUÁ TRÌNH LẬP QUY HOẠCH

| STT | Nội dung yêu cầu theo quy định         | Thời gian                                  |
|-----|----------------------------------------|--------------------------------------------|
| 01  | Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch           | Quyết định số 5537/QĐ-ĐHCT ngày 22/10/2025 |
| 02  | Lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch  | 29/10/2025                                 |
| 03  | Khảo sát địa hình đánh giá hiện trạng  | 29/10/2025 đến ngày 12/11/2025             |
| 04  | Lập quy hoạch                          | 29/10/2025 đến ngày 26/11/2025             |
| 05  | Lấy ý kiến cộng đồng dân cư            | 27/11/2025                                 |
| 06  | Lấy ý kiến cơ quan quản lý nhà nước và | 28/11/2025                                 |

| STT | Nội dung yêu cầu theo quy định                | Thời gian                         |
|-----|-----------------------------------------------|-----------------------------------|
|     | chuyên gia phản biện                          |                                   |
| 07  | Hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định              | 10/12/2025                        |
| 08  | Thẩm định quy hoạch                           |                                   |
|     | - Thẩm định nội dung và thành phần hồ sơ      | 10/12/2025<br>đến ngày 17/12/2025 |
|     | - Lấy ý kiến thành viên hội đồng thẩm định    | 17/12/2025                        |
|     | - Tổ chức hội nghị thẩm định                  | 23/12/2025                        |
| 09  | Hoàn thiện hồ sơ và trình phê duyệt quy hoạch |                                   |

## II. VIỆC LẤY Ý KIẾN, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH

### 1. Trong quá trình lập quy hoạch

#### - Lấy ý kiến cộng đồng dân cư địa phương:

Ngày 27 tháng 11 năm 2025, theo hình thức niêm yết trên bảng thông tin tại khu vực 37, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ; phát phiếu lấy ý kiến cộng đồng dân cư và được lập biên bản và báo cáo tổng hợp ý kiến tại Báo cáo số 568/BC-CSVC&DA ngày 16 tháng 12 năm 2025;

#### - Lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan:

Lấy ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, chuyên gia và các đơn vị có liên quan đã gửi lấy ý kiến tại Công văn số 4216/ĐHCT-CSVC&DA ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Đại học Cần Thơ.

*(Đính kèm bảng tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình)*

### 2. Trong quá trình thẩm định quy hoạch

**- Báo cáo Hội đồng thẩm định quy hoạch: Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (QĐ 4686/QĐ-ĐHCT ngày 29/9/2025)**

+ Lấy ý kiến thành viên Hội đồng thẩm định, chuyên gia phản biện và đơn vị có liên quan tại Công văn số 08/TCTTĐQH ngày 17 tháng 12 năm 2025 của Đại học Cần Thơ.

+ Báo cáo thông qua Hội đồng thẩm định quy hoạch vào ngày 23 tháng 12 năm 2025 và có Thông báo số 4502/TB-ĐHCT-HĐTĐQH ngày 23 tháng 12 năm 2025.

*(Đính kèm bảng tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình)*

### 3. Tổng hợp các nội dung thay đổi giữa hồ sơ trình phê duyệt so với hồ sơ trình thẩm định

...[Nêu rõ lý do, phân tích, đánh giá các nội dung thay đổi giữa hồ sơ trình phê duyệt so với hồ sơ trình thẩm định]...



| STT | Nội dung hồ sơ thẩm định                                                                                                                                                                       | Nội dung hồ sơ phê duyệt                                                                                                                                        | Lý do thay đổi                                                                                                                                                                        |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Lồng ghép các giải pháp quy hoạch đô thị thông minh.                                                                                                                                           | Đã lồng ghép các giải pháp quy hoạch đô thị thông minh (cơ sở dữ liệu số địa lý GIS)                                                                            | Thay đổi theo góp ý của thành viên Hội đồng thẩm định và đã lồng ghép các giải pháp quy hoạch đô thị thông minh, cập nhật cơ sở dữ liệu số địa lý GIS tại thuyết minh đồ án trang 24. |
| 2   | Nguồn cấp nước thuộc nhà máy nước Cần Thơ                                                                                                                                                      | Nguồn cấp nước thuộc nhà máy nước Cần Thơ 1                                                                                                                     | Thay đổi theo góp ý của thành viên Hội đồng và đã cập nhật vào thuyết minh đồ án trang 55, 57.                                                                                        |
| 3   | Tập trung xử lý tập trung tại trạm xử lý nước thải                                                                                                                                             | - Đầu nối vào hệ thống thoát nước thải thành phố và xử lý tại Nhà máy xử lý nước thải Cái Sâu (công suất khoảng 30.000 m <sup>3</sup> /ng đêm.)                 | Thay đổi theo góp ý của thành viên Hội đồng và đã cập nhật vào thuyết minh đồ án trang 60                                                                                             |
| 4   | - Chất thải rắn sau khi phân loại sẽ đưa về trạm trung chuyển rác, chất thải rắn không đốt được sẽ được thu gom, vận chuyển về Nhà máy xử lý rác thải – phát điện tại huyện Thới Lai để xử lý. | - Chất thải rắn sẽ tập trung tại điểm tập kết rác, sau đó kí hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý tại Nhà máy đốt rác phát điện Thới Lai. | Thay đổi theo góp ý của thành viên Hội đồng và đã cập nhật vào thuyết minh đồ án trang 64.                                                                                            |

### III. NỘI DUNG TRÌNH PHÊ DUYỆT

Viện Quy hoạch xây dựng là đơn vị tư vấn được giao lập hồ sơ điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (Khu II). Theo đó, hồ sơ đã thực hiện theo trình tự, thủ tục, quy định pháp luật hiện hành và đã thông qua Hội đồng thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của Đại học Cần Thơ tại Thông báo kết luận số 4502/TB-ĐHCT-HĐTĐQH ngày 23 tháng 12 năm 2025. Kính đề nghị Đại học Cần Thơ phê duyệt điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chi tiết

tỷ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (Khu II) với những nội dung chính như sau:

## **1. Phạm vi, quy mô và thời hạn lập quy hoạch**

### **a) Phạm vi lập quy hoạch:**

Khu đất điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (Khu II) có tứ cận tiếp giáp như sau:

- + Phía Đông Bắc: giáp khu dân cư hiện hữu.
- + Phía Đông Nam: giáp đường 3 tháng 2.
- + Phía Tây Nam: giáp kênh Búng Xáng.
- + Phía Tây Bắc: giáp kênh Búng Xáng.

### **b) Quy mô diện tích lập quy hoạch:**

- Diện tích lập quy hoạch: **716.984,7 m<sup>2</sup>**.

(Căn cứ vào phiếu đo đạc chỉnh lý thửa đất của văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Cần Thơ với diện tích sau đo đạc chỉnh lý là: 716.984,7 m<sup>2</sup>, loại đất: DGD)

## **2. Quan điểm, mục tiêu quy hoạch**

### **a) Quan điểm quy hoạch:**

Đại học Cần Thơ là đại học vùng, mạnh về đào tạo, nghiên cứu, phục vụ Đồng bằng Sông Cửu Long, tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, tự chủ, sáng tạo, ứng dụng công nghệ cao, trí tuệ nhân tạo, và hợp tác quốc tế với tầm nhìn vươn tầm khu vực và giáo dục của thế giới về Đại học Cần Thơ.

### **b) Mục tiêu quy hoạch:**

- Kế thừa đồ án quy hoạch đã được duyệt.
- Cập nhật lại ranh giới và quy mô diện tích khu đất theo pháp lý về đất đai.
- Điều chỉnh, bổ sung các khu chức năng, kiến trúc cảnh quan và hạ tầng kỹ thuật phù hợp với chiến lược phát triển Đại học Cần Thơ giai đoạn 2021-2030, định hướng 2050.
- Làm cơ sở lập kế hoạch, dự án đầu tư phù hợp quy hoạch và quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc.
- Điều chỉnh quy hoạch để đầu tư nâng cấp Đại học Cần Thơ thành trường đại học vùng, đạt chuẩn quốc tế sẽ góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đời sống xã hội cho khu vực nói riêng và cả nước nói chung, góp phần phục vụ lợi ích quốc gia và lợi ích cộng đồng.



- Cập nhật cơ sở dữ liệu số địa lý (GIS) quy hoạch đô thị và nông thôn bao gồm các tập tin (file) được chuyển đổi thành dữ liệu địa lý từ cơ sở dữ liệu gốc để đồng bộ hóa cơ sở dữ liệu quốc gia.

### **3. Tính chất, chức năng, vai trò**

#### **a) Tính chất:**

Đại học Cần Thơ là cơ sở đào tạo đại học và sau đại học trọng điểm của Nhà nước ở Đồng bằng Sông Cửu Long. Đại học Cần Thơ là trường đa ngành, đa lĩnh vực có nhiệm vụ chính là đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, ứng dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật nhằm giải quyết các vấn đề về khoa học, công nghệ, kinh tế, văn hóa và xã hội của vùng.

#### **b) Chức năng và vai trò:**

- Đại học Cần Thơ vùng Đồng bằng sông Cửu Long sẽ thuộc mạng lưới Trung tâm đào tạo xuất sắc và tài năng thời kỳ 4.0, là trung tâm đổi mới sáng tạo vùng đồng bằng sông Cửu Long, đạt top 450-500 Châu Á theo xếp hạng của QS.

- Quy mô đào tạo dự kiến thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 là 60.000 – 70.000 sinh viên.

- Phát triển, nâng cấp cơ sở vật chất đồng bộ và hiện đại.

- Phát triển quy mô đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, đặc biệt là các lĩnh vực có thế mạnh và lĩnh vực công nghệ mới nổi, công nghệ lõi.

- Hợp tác các bên trong nước và quốc tế không ngừng được tăng cường và hoạt động hiệu quả.

- Đến năm 2045, Đại học Cần Thơ sẽ trở thành cơ sở giáo dục đại học hàng đầu ở Việt Nam, top 5 cả nước, hạng 301 – 500 thế giới một số lĩnh vực.

- Về tầm nhìn chiến lược phát triển Đại học Cần Thơ là nơi hội tụ, giao thoa và sản sinh tri thức - văn hóa - khoa học - công nghệ, tác động và phát triển xã hội bền vững. Nơi thu hút đầu vào chất lượng, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có năng lực cạnh tranh và sức ảnh hưởng trên thị trường lao động của quốc gia và khu vực. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ mang tầm khu vực, hướng đến các sản phẩm khoa học tích hợp đặc trưng có giá trị cao, xúc tác ươm tạo khởi nghiệp và sáng tạo. Trở thành mắt xích quan trọng trong chuỗi cách hoạt động kinh tế - văn hóa - xã hội, đảm bảo yêu cầu phát triển thịnh vượng và bền vững của vùng và cả nước.

### **4. Các chỉ tiêu dự báo phát triển và các chỉ tiêu quy hoạch**

#### **4.1. Dự báo quy mô sinh viên, giảng viên người lao động tại khu II:**

Quy mô sinh viên đề xuất quy hoạch Đại học Cần Thơ (khu II): 55.000 sinh viên và 1.800 giảng viên và người lao động

#### **4.2. Các chỉ tiêu kỹ thuật phù hợp khu vực lập quy hoạch:**

##### **a) Các chỉ tiêu sử dụng đất:**

- Mật độ xây dựng gộp toàn khu:  $\leq 40\%$ .
- Mật độ cây xanh gộp toàn khu:  $\geq 30\%$ .
- Hệ số sử dụng đất toàn khu tối đa:  $k \leq 4$
- Tầng cao:
  - + Tầng cao tối đa: 18 tầng
  - + Tầng cao trung bình: 10 tầng.

**b) Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:**

- Giao thông:
  - + Quy hoạch các tuyến đường nội bộ xung quanh công trình, đảm bảo kết nối đường 3 tháng 2.
  - + Đảm bảo các phương tiện lưu thông xuyên suốt, trật tự, an toàn, hiệu quả.
  - + Bố trí bãi đỗ xe nhiều tầng vị trí các khu vực đất bãi xe và bố trí dưới hầm của tòa nhà làm việc và sân đường xung quanh.
  - + Cao độ nền được khống chế tương đương với cao độ của các tuyến đường giao thông, cao độ khống chế xây dựng (Hxd) từ +1,7m đến +2,65m (theo hệ cao độ Hòn Dấu) theo từng khu vực.  $H_{xd} \geq +2,40$  (cao độ hòn dẫu)
- Hệ thống thoát nước mưa:
  - + Nước mưa là loại nước thải ít ô nhiễm, được thu vào hệ thống tuyến cống thoát qua các hố thu và được đầu nối thoát ra hệ thống thoát nước của các tuyến đường tiếp giáp.
- Chỉ tiêu cấp nước:
 

|                                           |                                                                                       |
|-------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| + Trường học                              | : 15 lít/học sinh/ngày đêm                                                            |
| + Nước dịch vụ thương mại, công cộng khác | : 2 l/m <sup>2</sup> sàn                                                              |
| + Nước tưới cây                           | : 3 l/m <sup>2</sup> /ngày đêm                                                        |
| + Nước rửa đường                          | : 0,4 l/m <sup>2</sup> /ngày đêm                                                      |
| + Nước cứu hoả                            | : phù hợp QCVN 06:2022/BXD và Thông tư 09/2023/TT-BXD sửa đổi 1:2023 QCVN 06/2022/BXD |
| + Dự phòng rò rỉ                          | : 15% × (lưu lượng chung);                                                            |
- Chỉ tiêu nước thải: lấy bằng  $\geq 80\%$  chỉ tiêu cấp nước.
- Chỉ tiêu thu gom rác thải: 1,3kg/người/ngày.
- Chỉ tiêu cấp điện:
 

|                              |                          |
|------------------------------|--------------------------|
| + Điện năng                  | : 2.100 kWh/người.năm    |
| + Phụ tải                    | : 700 W/người            |
| + Trường đại học có điều hòa | : 25W/m <sup>2</sup> sàn |



- + Trường đại học không có điều hòa :  $15\text{W/m}^2$  sàn
- + Chiều sáng công viên :  $\geq 0,5\text{ W/m}^2$
- + Chiều sáng giao thông :  $\geq 1\text{ W/m}^2$ .
- Chỉ tiêu hạ tầng viễn thông thụ động

Phát triển hạ tầng số trên nguyên tắc “hiện đại, đồng bộ, an ninh, an toàn, hiệu quả, tránh lãng phí”, hạ tầng số được quy hoạch, triển khai song song, đồng bộ với hạ tầng giao thông, hạ tầng điện, hạ tầng chiếu sáng, hạ tầng công trình ngầm, các hạ tầng kỹ thuật khác.

## 5. Các nội dung chính của quy hoạch

### 5.1. Quy hoạch sử dụng đất:

| <b>BẢNG THỐNG KÊ SỬ DỤNG ĐẤT SAU KHI ĐIỀU CHỈNH</b> |                                                         |                                      |                      |
|-----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|--------------------------------------|----------------------|
| <b>STT</b>                                          | <b>Loại đất</b>                                         | <b>Diện tích<br/>(m<sup>2</sup>)</b> | <b>Tỷ lệ<br/>(%)</b> |
| <b>1</b>                                            | <b>Đất trung tâm nghiên cứu, đào tạo</b>                | <b>369.772,5</b>                     | <b>51,57</b>         |
| 1.1                                                 | Đất xây dựng công trình nghiên cứu, đào tạo             | 147.909,0                            | 20,63                |
| 1.2                                                 | Đất cây xanh                                            | 147.909,0                            | 20,63                |
| 1.3                                                 | Đất sân đường nội bộ các công trình nghiên cứu, đào tạo | 73.954,5                             | 10,31                |
| <b>2</b>                                            | <b>Đất công trình ký túc xá</b>                         | <b>84.827,5</b>                      | <b>11,83</b>         |
| 2.1                                                 | Đất xây dựng công trình khu ký túc xá                   | 33.931,0                             | 4,73                 |
| 2.2                                                 | Đất cây xanh                                            | 33.931,0                             | 4,73                 |
| 2.3                                                 | Đất sân đường nội bộ khu ký túc xá                      | 16.965,5                             | 2,37                 |
| <b>3</b>                                            | <b>Đất thể dục thể thao</b>                             | <b>44.271,1</b>                      | <b>6,17</b>          |
| 3.1                                                 | Đất xây dựng công trình thể dục thể thao                | 26.562,7                             | 3,70                 |
| 3.2                                                 | Đất cây xanh                                            | 4.427,1                              | 0,62                 |
| 3.3                                                 | Đất sân đường nội bộ khu liên hợp thể dục thể thao      | 13.281,3                             | 1,85                 |
| <b>4</b>                                            | <b>Đất cây xanh</b>                                     | <b>30.226,3</b>                      | <b>4,22</b>          |
| <b>5</b>                                            | <b>Đất cây xanh chuyên dụng</b>                         | <b>265,4</b>                         | <b>0,04</b>          |
| <b>6</b>                                            | <b>Đường giao thông</b>                                 | <b>120.364,7</b>                     | <b>16,79</b>         |
| <b>7</b>                                            | <b>Đất bãi đỗ xe</b>                                    | <b>60.152,8</b>                      | <b>8,39</b>          |
| <b>8</b>                                            | <b>Đất công trình hạ tầng kỹ thuật khác</b>             | <b>4.517,7</b>                       | <b>0,63</b>          |
| <b>9</b>                                            | <b>Hồ, ao</b>                                           | <b>2.586,7</b>                       | <b>0,36</b>          |
|                                                     | <b>Tổng cộng</b>                                        | <b>716.984,7</b>                     | <b>100,00</b>        |

### 5.2. Tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan:

- Đất trung tâm nghiên cứu, đào tạo: bố trí tại các khu chức năng khác nhau, đóng vai trò trong việc tạo không gian môi trường đào tạo chuyên nghiệp.

Các khối công trình cao tầng là không gian trung tâm để tạo điểm nhấn, mang nét đặc trưng riêng biệt cho Đại học Cần Thơ.

- Đất công trình ký túc xá: Bố trí gồm 02 khu: (Ký túc xá khu A, ký túc xá khu B) chủ yếu phục vụ cho sinh viên của trường (sinh viên có nhu cầu ở nội trú, lưu học sinh quốc tế, nghiên cứu sinh,...) không gian cảnh quan xung quanh ký túc xá được thiết kế hướng tới sự xanh hóa, linh hoạt và kết nối các chức năng sinh hoạt. Khu vực bãi đỗ xe được quy hoạch gần ký túc xá, có mái che và đảm bảo an ninh.

- Đất thể dục thể thao: Hình khối kiến trúc tạo hình đơn giản, hiện đại, chú trọng việc thông thoáng, chiếu sáng tự nhiên.

- Đất cây xanh sử dụng cộng cộng, không gian mặt nước: Không gian cây xanh tổ chức theo điều kiện tự nhiên gồm các mảng xanh dọc theo các đường nội bộ. Các mảng xanh tập trung liên kết với nhau bằng dải cây xanh các khu chức năng và toàn khu đại học. Tạo bóng mát cho hè đường và phần xe chạy, giảm tiếng ồn, bụi, cải thiện khí hậu cho khu vực, tạo cảnh quan cho đường nội bộ khu quy hoạch theo yêu cầu về kiến trúc xanh cho từng loại công trình. Chọn loại cây trồng phải phù hợp với thổ nhưỡng và khí hậu của địa phương.

- Đất công trình hạ tầng kỹ thuật khác: bố trí trạm xử lý nước thải phục vụ chủ yếu nước thải trong khuôn viên trường.

- Sân đường nội bộ, bãi xe và các công trình phụ trợ:

- + Sân đường nội bộ: đảm bảo khả năng chịu lực và tải các loại xe theo nhu cầu sử dụng của trường, đảm bảo chiều rộng lưu thông cho xe chữa cháy theo QCVN 06/2022/BXD về An toàn cháy cho nhà và công trình và Thông tư 09/2023 sửa đổi 1:2023 QCVN 06:2022/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành.

- + Bãi xe: bố trí rải rác khắp khuôn viên trường, nhằm phục vụ cho việc đỗ xe thuận tiện, giảm thời gian di chuyển, tránh tình trạng ùn tắc vào một bãi xe.

- + Nhà bảo vệ: Bố trí các nhà bảo vệ xung quanh đảm bảo an ninh và phục vụ cho công trình trường luôn an toàn.

### **5.3. Các giải pháp phát triển đô thị thông minh:**

- Hình thành, kết nối liên thông, duy trì và vận hành hệ thống không gian đô thị số hóa và cơ sở dữ liệu đô thị quốc gia. Xây dựng hệ thống hạ tầng dữ liệu không gian, hợp nhất các dữ liệu đất đai, xây dựng trên nền tảng GIS và các cơ sở dữ liệu khác.

- Thực hiện, ứng dụng ICT trong quản lý cơ sở dữ liệu hạ tầng kỹ thuật đô thị, quản lý đất xây dựng, quản lý cấp thoát nước, thu gom xử lý rác thải, diện tích cây xanh, mặt nước và cảnh quan tự nhiên, quản lý các khu vực xây dựng phần ngầm của công trình xây dựng.

- Đẩy mạnh áp dụng công nghệ thông minh trong quy hoạch và quản lý



phát triển khu vực lập quy hoạch.

- Phát triển các tiện ích dịch vụ công cộng thông minh cho khu vực lập quy hoạch.

- Xây dựng, lồng ghép và phát triển các nội dung đào tạo về đô thị thông minh ở bậc đại học và sau đại học trong chương trình đào tạo các ngành đào tạo có liên quan bao gồm quy hoạch đô thị, kiến trúc, xây dựng, giao thông, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị công trình, điện, nước công trình và các ngành đào tạo khác.

#### **5.4. Quy hoạch hệ thống cây xanh:**

Thiết kế mảng xanh giúp giải quyết chất lượng không gian làm sạch không khí, kiểm soát nhiệt độ, độ ẩm và giảm tiếng ồn; thiết kế không gian đệm, tính toán các yếu tố vi khí hậu. Lựa chọn cây xanh trồng trong khu vực lập quy hoạch khuyến khích trồng các loại cây cao, tán rộng để tăng khả năng hấp thụ nhiệt và bụi, giảm thiểu ô nhiễm không khí trong khu vực lập quy hoạch. Tránh trồng các loại cây trong Danh mục cây cấm trồng, cây trồng hạn chế trong các đô thị thuộc địa bàn thành phố Cần Thơ tại Quyết định số 3263/QĐ-UBND ngày 25/10/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.

Đất cây xanh trong khu Đại học (công viên, vườn hoa): nghiên cứu, khai thác triệt để không gian mặt nước, cây xanh hiện có, tạo lập các trục cảnh quan kết hợp với không gian đi bộ.

Tích hợp các chức năng đất khác vào cây xanh, trong phần diện tích đất trồng cây xanh, công viên, vườn hoa có thể xây dựng các kiến trúc nhỏ (chòi nghỉ, tiểu cảnh,...) với:

Mật độ xây dựng gộp tối đa:  $\leq 5\%$ .

#### **5.6. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật đất:**

Khu II Đại học Cần Thơ có địa hình tương đối bằng phẳng, phần lớn là đất đã tôn nền với những khu vực có địa hình cao là khu đất đã xây dựng hiện hữu cao độ từ +2,0m đến +2,4m (cao độ Quốc gia), cao độ bình quân ao mương là +0,6m đến +0,7m (cao độ Quốc gia). Cao độ trung bình toàn khu là: +2,2m (cao độ Quốc gia).

Giải pháp san nền khu đất xây dựng mới: San nền cục bộ từ khu vực, theo cao độ san lấp tối thiểu.

#### **5.7. Quy hoạch hệ thống cấp nước:**

- Nguồn cấp nước là công ty cổ phần cấp thoát nước chi nhánh cấp nước số 1.

- Hình thức bố trí: Mạng lưới cấp nước là mạng lưới vòng kết hợp mạng

lưới phân nhánh. Đường ống được bố trí dọc dưới vỉa hè đường giao thông chính trong khu quy hoạch.

- Mạng lưới cấp nước bao gồm các hệ thống đường ống phục vụ cho các khu. Hệ thống tuyến ống cấp nước chính có đường kính D150, D200, D250.

- Ngoài ra trên mạng cấp nước có bố trí các trụ chữa cháy D110 (khoảng cách giữa các trụ không quá 150m). Trụ chữa cháy được bố trí ở nơi thuận tiện cho việc lấy nước chữa cháy.

- Chọn ống HDPE cho toàn bộ hệ thống cấp nước.

### **5.8. Quy hoạch hệ thống thoát nước mặt:**

- Tổng lưu lượng mưa: 22.152,7 (l/s).

- Chọn phương án thoát nước riêng, nước mưa thu gom thông qua hệ thống cống thoát mưa và xả thẳng xuống kênh Búng Xáng và một phần thoát vào mương, cống thoát nước hiện hữu và đầu nối vào hệ thống chung của đô thị trên đường 3 tháng 2.

- Tận dụng các khoảng mặt nước như hồ hiện hữu, hồ quy hoạch, thảm thực vật, bề mặt phi xây dựng để giữ nước và làm giảm dòng chảy bề mặt kết hợp các công trình cống thoát nước thông thường.

- Hệ thống thoát nước mưa có tăng cường bề ngầm dưới khu vực công viên cây xanh, hoặc lối vào trường để thu nước mưa vùng thấp, để làm bề phụ cho công trình, dùng tưới cây hoặc phục vụ phòng cháy chữa cháy.

- Dùng phương pháp phân chia lưu vực để tính toán cho từng đoạn cống, từng tuyến cống và cả hệ thống.

- Hình thức thoát nước: nước thải được vận chuyển trong hệ thống ống kín, bố trí dọc dưới vỉa hè.

- Trên từng tuyến ống có đặt những hố ga nhằm thu hết nước bề mặt và nước trong lưu vực tính toán, khoảng cách hố ga 20m-30m.

- Chọn loại cống: Ống được sử dụng trong hệ thống thoát nước là loại cống bê tông cốt thép miệng bát đúc sẵn.

### **5.9. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường:**

- Tổng lưu lượng nước thải: 1.499,52 m<sup>3</sup>/ngđ.

- Công suất trạm xử lý nước thải là:  $Q = 0,8 \times 1.499,52 = 1.199,616$  (m<sup>3</sup>/ngđ).

- Công suất trạm xử lý nước thải là:  $Q = 1.199,616$  (m<sup>3</sup>/ngđ).

**Giải pháp 1:** đầu nối vào hệ thống thoát nước thải thành phố, nước thải



được xử lý tại trạm xử lý nước thải Cái Sâu công suất 30.000m<sup>3</sup>/ngày đêm.

**Giải pháp 2:** tập trung thu gom xử lý nước thải tại trạm xử lý nước thải trong khu vực quy hoạch đảm bảo tiêu chuẩn cột A theo QCVN 14/2025/BTNMT trước khi thải ra môi trường.

**Giải pháp 3:** giải pháp ngắn hạn xử lý cục bộ nước thải tại các dự án, đạt tiêu chuẩn cột A theo QCVN 14/2025/BTNMT sau đó thoát vào hệ thống thoát nước chung.

- Hệ thống thoát nước sinh hoạt là hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn.
- Nước thải từ các điểm xả nước xả vào hệ thống thoát nước. Nước thải tại các khu vệ sinh phải được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại mới được xả vào hệ thống thoát nước sinh hoạt.
- Hình thức thoát nước: nước thải được vận chuyển trong hệ thống ống kín, bố trí dọc dưới vỉa hè. Đường kính cống thoát nước D300-D400.
- Trên từng tuyến ống có đặt những hố ga tại những vị trí tuyến cống đổi hướng, vị trí chờ đầu nối thoát nước... khoảng cách hố ga 20m-30m.
- Chọn loại cống:
  - + Ống được sử dụng trong hệ thống thoát nước là loại cống bê tông cốt thép miệng bát đúc sẵn.
  - + Ống thu gom nước thải sử dụng ống PVC.

#### **5.10. Quy hoạch hệ thống cấp điện và chiếu sáng:**

##### **a) Hệ thống cấp điện:**

- Nguồn điện được cấp từ tuyến trung thế T.471 và T.473 Trạm Cần Thơ chạy dọc theo đường 3 Tháng 2.

Nguồn năng lượng tái tạo thông qua hệ thống điện mặt trời áp mái. Sử dụng các tấm pin quang điện hiệu suất cao sẽ được lắp đặt trên mái các khối; hệ thống được thiết kế đấu nối theo cơ chế ưu tiên cấp nguồn trực tiếp cho phụ tải nội bộ nhằm giảm áp lực lên lưới điện vào giờ cao điểm, đồng thời linh hoạt phương án hòa lưới hoặc tích hợp hệ thống lưu trữ phục vụ chiếu sáng ban đêm.

- Lưới trung thế 22 KV:
  - + Lưới trung thế được thiết kế đi ngầm. Xuất tuyến được bố trí dọc theo trục đường giao thông và kết nối thành mạch vòng. Đảm bảo hành lang an toàn tuyến và tuân thủ các quy chuẩn ngành.
- Lưới hạ thế 0.4 KV:
  - + Tủ bảng điện hạ thế trong trạm biến áp phân phối, lưới hạ thế được thiết

kể đi ngầm bằng cáp đồng XLPE vỏ bọc ngoài bằng PVC (các đặc điểm kỹ thuật phù hợp với tiêu chuẩn IEC), cáp luồn trong ống nhựa PVC chịu lực và đặt trong hầm kỹ thuật cung cấp đến các tủ phân phối thứ cấp trong khu vực.

+ Trong quá trình thiết kế kỹ thuật và thi công tuân thủ theo các Quy chuẩn ngành và khoảng cách an toàn giữa các đường ống kỹ thuật.

- Trạm biến áp

+ Máy biến áp 3 pha 22/0,4KV. Loại MBA dầu lắp trên Trụ thép (hoặc trạm biến áp Kios tùy theo công suất lắp đặt), có nấc điều chỉnh điện áp không tải  $\pm 2 \times 2,5\%$ . Tổng công suất của các máy biến áp phải đáp ứng yêu cầu của phụ tải.

+ Các loại vật tư thiết bị được sử dụng được sản xuất theo tiêu chuẩn IEC hoặc các tiêu chuẩn tương đương. Phải được kiểm tra thí nghiệm theo quy định của ngành Điện.

#### **b) Hệ thống chiếu sáng:**

- Nguồn điện cấp cho hệ thống chiếu sáng công cộng được lấy từ các trạm biến áp tại chỗ.

- Mạng lưới chiếu sáng cảnh quan tại các khu vực công viên nội bộ và sân trường ưu tiên sử dụng giải pháp chiếu sáng bằng năng lượng tái tạo.

- Lưới điện chiếu sáng mới cho khu vực điều chỉnh quy hoạch được thiết kế đi ngầm. Sử dụng loại đèn led cao áp tiết kiệm điện gắn trên các trụ đèn cao áp và vị trí các trụ đèn được đặt trên vỉa hè tại tâm móng trụ, khoảng cách trung bình giữa các đèn chiếu sáng là 20m – 30m.

- Hệ thống điều khiển đèn chiếu sáng bằng tủ điện có khả năng tự đóng cắt các tuyến đường theo chế độ thời gian đặt sẵn nhằm tiết kiệm điện, cáp điện chiếu sáng sử dụng cáp ngầm Cu/XLPE/DSTA/PVC có tiết diện từ phù hợp.

#### **5.11. Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc:**

- Nguồn cấp hệ thống thông tin liên lạc được ghép nối vào các nhà cung cấp mạng viễn thông trong khu vực.

- Thiết lập hệ thống hạ tầng thông tin liên lạc trong khu vực bao gồm hệ thống thông tin đặt sẵn nối liền thông các trục đường chính, các tủ cáp lắp đặt trên bệ đặt sẵn và hệ thống trục cáp chính thông tin liên lạc kéo sẵn cho hệ thống tủ cáp. Móng tủ bằng bê tông có kích thước 400x350x800 tại mỗi tủ đều lắp sẵn ống nhựa HDPE  $\phi 40/30$  để lắp đặt cáp ngầm đến các hộ đăng ký sử dụng.

- Hệ thống ống nhựa xoắn HDPE  $\phi 130/100$  luồn cáp truyền dẫn phải được lắp đặt đi ngầm theo tiêu chuẩn ngành và dung lượng phải đủ đáp ứng được nhu cầu thuê bao của từng khu vực.



- Độ sâu chôn ống luồn cáp phải được chôn sâu từ 0,5 - 1,0m đi trên hè đường cách bó vỉa hè từ 2,0 – 3,0m. Tại các vị trí tuyến cáp thông tin liên lạc giao cắt với đường giao thông ống luồn cáp phải sử dụng ống thép chịu lực, chôn sâu từ 0,8m đến 1,2m so với mặt đường giao thông.

- Trên tuyến cáp khoảng 40m chiều dài tuyến cáp phải được xây dựng 01 hố ga luồn cáp, hoặc tại các vị trí hướng cáp thay đổi phải đặt 01 hố ga luồn cáp. Hố ga sử dụng loại nắp gang lật có khóa, kích thước hố ga 1000 x 1000 x 1000 mm.

#### **5.11. Quy hoạch hệ thống xử lý chất thải rắn:**

- Chất thải rắn được thu gom phân thành 02 loại: chất thải rắn sinh hoạt đốt được (hay còn gọi rác đốt được), chất thải rắn sinh hoạt không đốt được.

- Không xử lý chất thải rắn tại chỗ chỉ tập trung thu gom tạm thời để chuyển đi xử lý.

- Xe chở rác thu gom theo giờ cố định.

- Đối với khu vực cây xanh, đặt các thùng rác nhỏ dọc theo các đường dạo với khoảng cách 50m/1thùng.

- Khối lượng rác thải được tính toán theo học sinh của dự án. Tỷ lệ thu gom là 1,3 (kg/người-ngày) tương ứng với 100% đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Chất thải rắn sau khi phân loại sẽ đưa về bãi tập kết, chất thải rắn không đốt được sẽ được thu gom, vận chuyển về Nhà máy xử lý rác thải – phát điện tại huyện Thới Lai để xử lý.

#### **5.12. Các khu vực xây dựng phần ngầm của công trình xây dựng:**

- Xây dựng theo ranh khu đất, đảm bảo không ảnh hưởng đến hạ tầng lân cận, xây dựng phần ngầm trên mặt đất theo chỉ giới xây dựng trùng với chỉ giới đường đỏ phù hợp với phạm vi ranh đất.

#### **5.13. Đánh giá tác động môi trường chiến lược:**

Quá trình triển khai thực hiện quy hoạch, thực hiện các dự án theo quy hoạch phải tổ chức lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường và các thủ tục theo đúng quy định; thực hiện các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường, xây dựng đô thị văn minh hiện đại, phát triển bền vững.

### **6. Các nội dung về tổ chức thực hiện**

- Cơ quan phê duyệt: Đại học Cần Thơ;

- Cơ quan trình duyệt: phòng Phát triển cơ sở vật chất và dự án – Đại học Cần Thơ;

- Cơ quan thẩm định: Tổ công tác thẩm định – Đại học Cần Thơ;

- Đơn vị tư vấn: Viện Quy hoạch xây dựng;
- Kiểm tra, đóng dấu thẩm định và lưu trữ:
- Tổ chức công bố công khai quy hoạch: phòng Phát triển cơ sở vật chất và dự án – Đại học Cần Thơ.
- Xây dựng và ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch: Đại học Cần Thơ
- Giám sát xây dựng theo quy hoạch và các hình thức tổ chức thực hiện: phòng Phát triển cơ sở vật chất và dự án – Đại học Cần Thơ.
- Quyết định này được ban hành kèm Quy định quản lý đồ án.

#### IV. KIẾN NGHỊ

1. Phòng Phát triển cơ sở vật chất và dự án – Đại học Cần Thơ và Viện Quy hoạch xây dựng đã tổng hợp ý kiến, tiếp thu giải trình và hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (Khu II) đúng quy định. Kính trình Đại học Cần Thơ phê duyệt.

2. Nêu các kiến nghị khác đối với các nội dung bảo lưu của ...[cơ quan tổ chức lập quy hoạch]... đối với các ý kiến chưa thống nhất với của Hội đồng thẩm định, Báo cáo kết quả thẩm định quy hoạch (nếu có).

*(Có Phụ lục tiếp thu, giải trình các ý kiến tham gia, các ý kiến thẩm định; hồ sơ quy hoạch và các văn bản liên quan kèm theo)*

#### Nơi nhận:

- ...[3]...;
- ...;
- Lưu ...

**PHÒNG PHÁT TRIỂN CƠ SỞ VẬT CHẤT  
VÀ DỰ ÁN – ĐẠI HỌC CẦN THƠ  
TRƯỞNG PHÒNG**



## QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500  
Đại học Cần Thơ, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (Khu II)**

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Quốc hội;

Căn cứ Luật đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 98/ND-CP ngày 30 tháng 8 năm 2021 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Bộ chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính Phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.

Căn cứ Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 1515/QĐ-TTg ngày 28 tháng 8 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Cần Thơ đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định 1519/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;



Căn cứ Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng Đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định 452/QĐ-TTg ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1531/QĐ-TTg ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Trường Đại học Cần Thơ thành Đại học Cần Thơ;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.

Căn cứ Thông tư 43/2025/TT-BXD ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 16/2025/TT-BXD ngày 30/06/2025 của Bộ trưởng bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.

Căn cứ Thông tư 01/2021/BXD ngày 19 tháng 05 năm 2021 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2813/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/5000 quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Căn cứ Quyết định số 1258/QĐ-UBND ngày 22 tháng 04 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trường Đại học Cần Thơ trọng điểm đến năm 2020 tại phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Căn cứ Quyết định số 2803/QĐ-BGDĐT ngày 04 tháng 8 năm 2015 của Bộ giáo dục và đào tạo về việc phê duyệt phương án xử lý, sắp xếp lại nhà đất của Trường Đại học Cần Thơ

Căn cứ Quyết định số 6283/QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều về việc thu hồi đất của Trường Đại học Cần Thơ (khu 2), đường 3 tháng 2, khu vực 7, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, bị ảnh hưởng dự án nâng cấp đô thị vùng ĐBSCL – Tiểu dự án thành phố Cần Thơ (giai đoạn 2), hạng mục cải tạo Hồ Bún Xáng và các tuyến đường cấp các kênh, rạch trong lưu vực Hồ Bún Xáng, khu vực 7, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều.

Căn cứ Quyết định số 7154/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều về việc điều chỉnh Quyết định thu hồi đất của Trường Đại học Cần Thơ (khu 2) bị ảnh hưởng dự án nâng cấp đô thị vùng ĐBSCL



– Tiểu dự án thành phố Cần Thơ (giai đoạn 2), hạng mục cải tạo Hồ Bún Xáng và các tuyến đường cấp các kênh, rạch trong lưu vực Hồ Bún Xáng, thuộc phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều.

Căn cứ Quyết định số 2632/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trường Đại học Cần Thơ tại phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Căn cứ Quyết định số 2988/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trường Đại học Cần Thơ tại phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Căn cứ Nghị Quyết số 129/NQ-HĐT ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ Kỳ họp thứ 14 của Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ nhiệm kỳ 2020 – 2025.

Căn cứ Nghị Quyết số 03/NQ-HĐT ngày 11 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ phê duyệt Kế hoạch hoạt động năm 2025 của Trường Đại học Cần Thơ.

Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-HĐT ngày 11 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ phê duyệt Phương án sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy bên trong Trường Đại học Cần Thơ;

Căn cứ Công văn số 1162/UBND-XDĐT ngày 14 tháng 03 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc điều chỉnh tổng thể Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trường Đại học Cần Thơ, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Căn cứ Nghị quyết số 41/NQ-HĐT ngày 09 tháng 04 năm 2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ đổi tên một số đơn vị thuộc Trường Đại học Cần Thơ.

Căn cứ Quyết định số 5537/QĐ-ĐHCT ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Trường Đại học Cần Thơ về việc phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch “Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ”

Căn cứ vào phiếu đo đạc chỉnh lý thửa đất của văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Cần Thơ với diện tích sau đo đạc chỉnh lý là: 716.984,7 m<sup>2</sup>, loại đất: DGD.

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (Khu II) với những nội dung chủ yếu như sau:

## **1. Phạm vi, quy mô và thời hạn lập quy hoạch**

### **a) Phạm vi lập quy hoạch:**

Khu đất điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Đại học Cần Thơ, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (Khu II) có tứ cận tiếp giáp như sau:

- + Phía Đông Bắc: giáp khu dân cư hiện hữu.
- + Phía Đông Nam: giáp đường 3 tháng 2.
- + Phía Tây Nam: giáp kênh Búng Xáng.
- + Phía Tây Bắc: giáp kênh Búng Xáng.

### **b) Quy mô diện tích lập quy hoạch:**

- Diện tích lập quy hoạch: **716.984,7 m<sup>2</sup>**.

## **2. Quan điểm, mục tiêu quy hoạch**

### **a) Quan điểm quy hoạch:**

Đại học Cần Thơ là đại học vùng, mạnh về đào tạo, nghiên cứu, phục vụ Đồng bằng Sông Cửu Long, tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, tự chủ, sáng tạo, ứng dụng công nghệ cao, trí tuệ nhân tạo, và hợp tác quốc tế với tầm nhìn vươn tầm khu vực và giáo dục của thế giới về Đại học Cần Thơ.

### **b) Mục tiêu quy hoạch:**

- Kế thừa đồ án quy hoạch đã được duyệt.
- Cập nhật lại ranh giới và quy mô diện tích khu đất theo pháp lý về đất đai.
- Điều chỉnh, bổ sung các khu chức năng, kiến trúc cảnh quan và hạ tầng kỹ thuật phù hợp với chiến lược phát triển Đại học Cần Thơ giai đoạn 2021-2030, định hướng 2050.
- Làm cơ sở lập kế hoạch, dự án đầu tư phù hợp quy hoạch và quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc.
- Điều chỉnh quy hoạch để đầu tư nâng cấp Đại học Cần Thơ thành trường đại học vùng, đạt chuẩn quốc tế sẽ góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đời sống xã hội cho khu vực nói riêng và cả nước nói chung, góp phần phục vụ lợi ích quốc gia và lợi ích cộng đồng.
- Cập nhật cơ sở dữ liệu số địa lý (GIS) quy hoạch đô thị và nông thôn bao gồm các tập tin (file) được chuyển đổi thành dữ liệu địa lý từ cơ sở dữ liệu gốc để đồng bộ hóa cơ sở dữ liệu quốc gia.

## **3. Tính chất, chức năng, vai trò**



### **a) Tính chất:**

Đại học Cần Thơ là cơ sở đào tạo đại học và sau đại học trọng điểm của Nhà nước ở Đồng bằng Sông Cửu Long. Đại học Cần Thơ là trường đa ngành, đa lĩnh vực có nhiệm vụ chính là đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, ứng dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật nhằm giải quyết các vấn đề về khoa học, công nghệ, kinh tế, văn hóa và xã hội của vùng.

### **b) Chức năng và vai trò:**

- Đại học Cần Thơ là đại học cấp vùng Đồng bằng Sông Cửu Long, thuộc mạng lưới Trung tâm đào tạo xuất sắc và tài năng thời kỳ 4.0, là trung tâm đổi mới sáng tạo vùng đồng bằng sông Cửu Long, đạt top 450-500 Châu Á theo xếp hạng của QS.

- Quy mô đào tạo dự kiến thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 là 60.000 – 70.000 sinh viên.

- Phát triển, nâng cấp cơ sở vật chất đồng bộ và hiện đại.

- Phát triển quy mô đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, đặc biệt là các lĩnh vực có thế mạnh và lĩnh vực công nghệ mới nổi, công nghệ lõi.

- Hợp tác các bên trong nước và quốc tế không ngừng được tăng cường và hoạt động hiệu quả.

- Đến năm 2045, Đại học Cần Thơ sẽ trở thành cơ sở giáo dục đại học hàng đầu ở Việt Nam, top 5 cả nước, hạng 301 – 500 thế giới một số lĩnh vực.

- Về tầm nhìn chiến lược phát triển Đại học Cần Thơ là nơi hội tụ, giao thoa và sản sinh tri thức - văn hóa - khoa học - công nghệ, tác động và phát triển xã hội bền vững. Nơi thu hút đầu vào chất lượng, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có năng lực cạnh tranh và sức ảnh hưởng trên thị trường lao động của quốc gia và khu vực. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ mang tầm khu vực, hướng đến các sản phẩm khoa học tích hợp đặc trưng có giá trị cao, xúc tác ươm tạo khởi nghiệp và sáng tạo. Trở thành mắt xích quan trọng trong chuỗi các hoạt động kinh tế - văn hóa - xã hội, đảm bảo yêu cầu phát triển thịnh vượng và bền vững của vùng và cả nước.

## **4. Các chỉ tiêu dự báo phát triển và các chỉ tiêu quy hoạch**

### **4.1. Dự báo quy mô sinh viên, giảng viên người lao động tại khu II**

Quy mô sinh viên đề xuất quy hoạch Đại học Cần Thơ (khu II): 55.000 sinh viên và 1.800 giảng viên và người lao động

### **4.2. Các chỉ tiêu kỹ thuật khu vực lập quy hoạch:**

#### **a) Các chỉ tiêu sử dụng đất:**

- Mật độ xây dựng gộp toàn khu:  $\leq 40\%$ .
- Mật độ cây xanh gộp toàn khu:  $\geq 30\%$
- Hệ số sử dụng đất toàn khu tối đa:  $k \leq 4$
- Tầng cao:
  - + Tầng cao tối đa: 18 tầng
  - + Tầng cao trung bình: 10 tầng.

**b) Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:**

- Giao thông:
  - + Quy hoạch các tuyến đường nội bộ xung quanh công trình, đảm bảo kết nối đường 3 tháng 2.
  - + Đảm bảo các phương tiện lưu thông xuyên suốt, trật tự, an toàn, hiệu quả.
  - + Bố trí bãi đỗ xe nhiều tầng vị trí các khu vực đất bãi xe và bố trí dưới hầm của tòa nhà làm việc và sân đường xung quanh.
  - + Cao độ nền được khống chế tương đương với cao độ của các tuyến đường giao thông, cao độ khống chế xây dựng (Hxd) từ +1,7m đến +2,65m (theo hệ cao độ Hòn Dấu) theo từng khu vực.  $Hxd \geq +2,40$  (cao độ hòn dấu)
- Hệ thống thoát nước mưa:
  - + Nước mưa là loại nước thải ít ô nhiễm, được thu vào hệ thống tuyến cống thoát qua các hố thu và được đầu nối thoát ra hệ thống thoát nước của các tuyến đường tiếp giáp.
- Chỉ tiêu cấp nước:
 

|                                           |                                                                                       |
|-------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| + Trường học                              | : 15 lít/học sinh/ngày đêm                                                            |
| + Nước dịch vụ thương mại, công cộng khác | : 2 l/m <sup>2</sup> sàn                                                              |
| + Nước tưới cây                           | : 3 l/m <sup>2</sup> /ngày đêm                                                        |
| + Nước rửa đường                          | : 0,4 l/m <sup>2</sup> /ngày đêm                                                      |
| + Nước cứu hỏa                            | : phù hợp QCVN 06:2022/BXD và Thông tư 09/2023/TT-BXD sửa đổi 1:2023 QCVN 06/2022/BXD |
| + Dự phòng rò rỉ                          | : 15% × (lưu lượng chung);                                                            |
- Chỉ tiêu nước thải : lấy bằng  $\geq 80\%$  chỉ tiêu cấp nước.
- Chỉ tiêu thu gom rác thải : 1,3kg/người/ngày.
- Chỉ tiêu cấp điện:



- + Điện năng : 2.100 kWh/người.năm
- + Phụ tải : 700 W/người
- + Trường đại học có điều hòa : 25W/m<sup>2</sup> sàn
- + Trường đại học không có điều hòa : 15W/m<sup>2</sup> sàn
- + Chiều sáng công viên :  $\geq 0,5$  W/m<sup>2</sup>
- + Chiều sáng giao thông :  $\geq 1$  W/m<sup>2</sup>.
- Chỉ tiêu hạ tầng viễn thông thụ động

Phát triển hạ tầng số trên nguyên tắc “hiện đại, đồng bộ, an ninh, an toàn, hiệu quả, tránh lãng phí”, hạ tầng số được quy hoạch, triển khai song song, đồng bộ với hạ tầng giao thông, hạ tầng điện, hạ tầng chiếu sáng, hạ tầng công trình ngầm, các hạ tầng kỹ thuật khác.

## 5. Các nội dung chính của quy hoạch

### 5.1. Quy hoạch sử dụng đất:

| <b>BẢNG THỐNG KÊ SỬ DỤNG ĐẤT SAU KHI ĐIỀU CHỈNH</b> |                                                         |                                      |                      |
|-----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|--------------------------------------|----------------------|
| <b>STT</b>                                          | <b>Loại đất</b>                                         | <b>Diện tích<br/>(m<sup>2</sup>)</b> | <b>Tỷ lệ<br/>(%)</b> |
| <b>1</b>                                            | <b>Đất trung tâm nghiên cứu, đào tạo</b>                | <b>369.772,5</b>                     | <b>51,57</b>         |
| 1.1                                                 | Đất xây dựng công trình nghiên cứu, đào tạo             | 147.909,0                            | 20,63                |
| 1.2                                                 | Đất cây xanh                                            | 147.909,0                            | 20,63                |
| 1.3                                                 | Đất sân đường nội bộ các công trình nghiên cứu, đào tạo | 73.954,5                             | 10,31                |
| <b>2</b>                                            | <b>Đất công trình ký túc xá</b>                         | <b>84.827,5</b>                      | <b>11,83</b>         |
| 2.1                                                 | Đất xây dựng công trình khu ký túc xá                   | 33.931,0                             | 4,73                 |
| 2.2                                                 | Đất cây xanh                                            | 33.931,0                             | 4,73                 |
| 2.3                                                 | Đất sân đường nội bộ khu ký túc xá                      | 16.965,5                             | 2,37                 |
| <b>3</b>                                            | <b>Đất thể dục thể thao</b>                             | <b>44.271,1</b>                      | <b>6,17</b>          |
| 3.1                                                 | Đất xây dựng công trình thể dục thể thao                | 26.562,7                             | 3,70                 |
| 3.2                                                 | Đất cây xanh                                            | 4.427,1                              | 0,62                 |
| 3.3                                                 | Đất sân đường nội bộ khu liên hợp thể dục thể thao      | 13.281,3                             | 1,85                 |
| <b>4</b>                                            | <b>Đất cây xanh</b>                                     | <b>30.226,3</b>                      | <b>4,22</b>          |
| <b>5</b>                                            | <b>Đất cây xanh chuyên dụng</b>                         | <b>265,4</b>                         | <b>0,04</b>          |
| <b>6</b>                                            | <b>Đường giao thông</b>                                 | <b>120.364,7</b>                     | <b>16,79</b>         |
| <b>7</b>                                            | <b>Đất bãi đỗ xe</b>                                    | <b>60.152,8</b>                      | <b>8,39</b>          |
| <b>8</b>                                            | <b>Đất công trình hạ tầng kỹ thuật khác</b>             | <b>4.517,7</b>                       | <b>0,63</b>          |
| <b>9</b>                                            | <b>Hồ, ao</b>                                           | <b>2.586,7</b>                       | <b>0,36</b>          |

| <b>BẢNG THỐNG KÊ SỬ DỤNG ĐẤT SAU KHI ĐIỀU CHỈNH</b> |                  |                                      |                      |
|-----------------------------------------------------|------------------|--------------------------------------|----------------------|
| <b>STT</b>                                          | <b>Loại đất</b>  | <b>Diện tích<br/>(m<sup>2</sup>)</b> | <b>Tỷ lệ<br/>(%)</b> |
|                                                     | <b>Tổng cộng</b> | <b>716.984,7</b>                     | <b>100,00</b>        |

### **5.2. Tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan:**

- Đất trung tâm nghiên cứu, đào tạo: bố trí tại các khu chức năng khác nhau, đóng vai trò trong việc tạo không gian môi trường đào tạo chuyên nghiệp. Các khối công trình cao tầng là không gian trung tâm để tạo điểm nhấn, mang nét đặc trưng riêng biệt cho Đại học Cần Thơ.

- Đất công trình ký túc xá: Bố trí gồm 02 khu: (Ký túc xá khu A, ký túc xá khu B) chủ yếu phục vụ cho sinh viên của trường (sinh viên có nhu cầu ở nội trú, lưu học sinh quốc tế, nghiên cứu sinh,...) không gian cảnh quan xung quanh ký túc xá được thiết kế hướng tới sự xanh hóa, linh hoạt và kết nối các chức năng sinh hoạt. Khu vực bãi đỗ xe được quy hoạch gần ký túc xá, có mái che và đảm bảo an ninh.

- Đất thể dục thể thao: Hình khối kiến trúc tạo hình đơn giản, hiện đại, chú trọng việc thông thoáng, chiếu sáng tự nhiên.

- Đất cây xanh, không gian mặt nước: Không gian cây xanh tổ chức theo điều kiện tự nhiên gồm các mảng xanh dọc theo các đường nội bộ. Các mảng xanh tập trung liên kết với nhau bằng dải cây xanh các khu chức năng và toàn khu đại học. Tạo bóng mát cho hè đường và phần xe chạy, giảm tiếng ồn, bụi, cải thiện khí hậu cho khu vực, tạo cảnh quan cho đường nội bộ khu quy hoạch theo yêu cầu về kiến trúc xanh cho từng loại công trình. Chọn loại cây trồng phải phù hợp với thổ nhưỡng và khí hậu của địa phương.

- Đất công trình hạ tầng kỹ thuật khác: bố trí trạm xử lý nước thải phục vụ chủ yếu nước thải trong khuôn viên trường.

- Sân đường nội bộ, bãi xe và các công trình phụ trợ:

+ Sân đường nội bộ: đảm bảo khả năng chịu lực và tải các loại xe theo nhu cầu sử dụng của trường, đảm bảo chiều rộng lưu thông cho xe chữa cháy theo QCVN 06/2022/BXD về An toàn cháy cho nhà và công trình và Thông tư 09/2023 sửa đổi 1:2023 QCVN 06:2022/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành.

+ Bãi xe: bố trí rải rác khắp khuôn viên trường, nhằm phục vụ cho việc đỗ xe thuận tiện, giảm thời gian di chuyển, tránh tình trạng ùn tắc vào một bãi xe.

+ Nhà bảo vệ: Bố trí các nhà bảo vệ xung quanh đảm bảo an ninh và phục vụ cho công trình trường luôn an toàn.



### 5.3. Các giải pháp phát triển đô thị thông minh:

- Hình thành, kết nối liên thông, duy trì và vận hành hệ thống không gian đô thị số hóa và cơ sở dữ liệu đô thị quốc gia. Xây dựng hệ thống hạ tầng dữ liệu không gian, hợp nhất các dữ liệu đất đai, xây dựng trên nền tảng GIS và các cơ sở dữ liệu khác.

- Thực hiện, ứng dụng ICT trong quản lý cơ sở dữ liệu hạ tầng kỹ thuật đô thị, quản lý đất xây dựng, quản lý cấp thoát nước, thu gom xử lý rác thải, diện tích cây xanh, mặt nước và cảnh quan tự nhiên, quản lý các khu vực xây dựng phần ngầm của công trình xây dựng.

- Đẩy mạnh áp dụng công nghệ thông minh trong quy hoạch và quản lý phát triển khu vực lập quy hoạch.

- Phát triển các tiện ích dịch vụ công cộng thông minh cho khu vực lập quy hoạch.

- Xây dựng, lồng ghép và phát triển các nội dung đào tạo về đô thị thông minh ở bậc đại học và sau đại học trong chương trình đào tạo các ngành đào tạo có liên quan bao gồm quy hoạch đô thị, kiến trúc, xây dựng, giao thông, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị công trình, điện, nước công trình và các ngành đào tạo khác.

### 5.4. Quy hoạch hệ thống cây xanh:

Thiết kế mảng xanh giúp giải quyết chất lượng không gian làm sạch không khí, kiểm soát nhiệt độ, độ ẩm và giảm tiếng ồn; thiết kế không gian đệm, tính toán các yếu tố vi khí hậu. Lựa chọn cây xanh trồng trong khu vực lập quy hoạch khuyến khích trồng các loại cây cao, tán rộng để tăng khả năng hấp thụ nhiệt và bụi, giảm thiểu ô nhiễm không khí trong khu vực lập quy hoạch. Tránh trồng các loại cây trong Danh mục cây cấm trồng, cây trồng hạn chế trong các đô thị thuộc địa bàn thành phố Cần Thơ tại Quyết định số 3263/QĐ-UBND ngày 25/10/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.

Đất cây xanh trong khu Đại học (công viên, vườn hoa): nghiên cứu, khai thác triệt để không gian mặt nước, cây xanh hiện có, tạo lập các trục cảnh quan kết hợp với không gian đi bộ.

Tích hợp các chức năng đất khác vào cây xanh, trong phần diện tích đất trồng cây xanh, công viên, vườn hoa có thể xây dựng các kiến trúc nhỏ (chòi nghỉ, tiểu cảnh,...) với:

Mật độ xây dựng gộp tối đa:  $\leq 5\%$ .

### 5.5. Quy hoạch hệ thống giao thông:

- Cao độ thiết kế:

- + Độ dốc ngang vỉa hè: 1,5%, độ dốc ngang mặt đường: 2,0%
- + Cao độ tim đường tùy thuộc vào bề rộng mặt cắt ngang. độ dốc dọc thiết kế là 0,00% cho toàn bộ các trục giao thông trong khu vực.

Điểm đầu nối giao thông của khu quy hoạch gồm 6 điểm:

- 3 điểm đã thực hiện đầu nối là đường số 9 (lộ giới 19 m), đường số 10 (lộ giới 26 m) và đường số 11 (lộ giới 19 m) đầu nối ra đường 3 Tháng 2 (lộ giới 40 m).

- 2 điểm từ đường số 7 (lộ giới 17 m) và đường số 14 (lộ giới 14 m) định hướng kết nối ra đường hồ Búng Xáng; việc đầu nối cụ thể được thực hiện khi đủ điều kiện và được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

- 1 điểm định hướng kết nối từ đường số 3 (lộ giới 14 m) kết nối ra đường Cao Thắng.

- Vạt góc công trình trong khu quy hoạch, căn cứ theo bảng 1 TCVN 9411:2012

- Bán kính bằng của gờ bó vỉa tại giao lộ trong khu quy hoạch:  $R \geq 8,0m$ .

### **5.6. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật đất:**

Khu II Đại học Cần Thơ có địa hình tương đối bằng phẳng, phần lớn là đất đã tôn nền với những khu vực có địa hình cao là khu đất đã xây dựng hiện hữu cao độ từ +2,0m đến +2,4m (cao độ Quốc gia), cao độ bình quân ao mương là +0,6m đến +0,7m (cao độ Quốc gia). Cao độ trung bình toàn khu là: +2,2m (cao độ Quốc gia).

Giải pháp san nền khu đất xây dựng mới: San nền cục bộ từ khu vực, theo cao độ san lấp tối thiểu.

### **5.7. Quy hoạch hệ thống cấp nước:**

- Nguồn cấp nước là công ty cổ phần cấp thoát nước chi nhánh cấp nước số 1.

- Hình thức bố trí: Mạng lưới cấp nước là mạng lưới vòng kết hợp mạng lưới phân nhánh. Đường ống được bố trí dọc dưới vỉa hè đường giao thông chính trong khu quy hoạch.

- Mạng lưới cấp nước bao gồm các hệ thống đường ống phục vụ cho các khu. Hệ thống tuyến ống cấp nước chính có đường kính D150, D200, D250.

- Ngoài ra trên mạng cấp nước có bố trí các trụ chữa cháy D110 (khoảng cách giữa các trụ không quá 150m). Trụ chữa cháy được bố trí ở nơi thuận tiện cho việc lấy nước chữa cháy.

- Chọn ống HDPE cho toàn bộ hệ thống cấp nước.



### 5.8. Quy hoạch hệ thống thoát nước mặt:

- Tổng lưu lượng mưa: 22.152,7 (l/s).
- Chọn phương án thoát nước riêng, nước mưa thu gom thông qua hệ thống cống thoát mưa và xả thẳng xuống kênh Búng Xáng và một phần thoát vào mương, cống thoát nước hiện hữu và đầu nối vào hệ thống chung của đô thị trên đường 3 tháng 2.
- Tận dụng các khoảng mặt nước như hồ hiện hữu, hồ quy hoạch, thảm thực vật, bề mặt phi xây dựng để giữ nước và làm giảm dòng chảy bề mặt kết hợp các công trình cống thoát nước thông thường.
- Hệ thống thoát nước mưa có tăng cường bề ngầm dưới khu vực công viên cây xanh, hoặc lỏi vào trường để thu nước mưa vùng thấp, để làm bề phụ cho công trình, dùng tưới cây hoặc phục vụ phòng cháy chữa cháy.
- Dùng phương pháp phân chia lưu vực để tính toán cho từng đoạn cống, từng tuyến cống và cả hệ thống.
- Hình thức thoát nước: nước thải được vận chuyển trong hệ thống ống kín, bố trí dọc dưới vỉa hè.
- Trên từng tuyến ống có đặt những hố ga nhằm thu hết nước bề mặt và nước trong lưu vực tính toán, khoảng cách hố ga 20m-30m.
- Chọn loại cống: Ống được sử dụng trong hệ thống thoát nước là loại cống bê tông cốt thép miệng bát đúc sẵn.

### 5.9. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

- Tổng lưu lượng nước thải: 1.499,52 m<sup>3</sup>/ngđ.
- Công suất trạm xử lý nước thải là:  $Q = 0,8 \times 1.499,52 = 1.199,616$  (m<sup>3</sup>/ngđ).
- Công suất trạm xử lý nước thải là:  $Q = 1.199,616$  (m<sup>3</sup>/ngđ).

**Giải pháp 1:** đầu nối vào hệ thống thoát nước thải thành phố, nước thải được xử lý tại trạm xử lý nước thải Cái Sâu công suất 30.000m<sup>3</sup>/ngày đêm.

**Giải pháp 2:** tập trung thu gom xử lý nước thải tại trạm xử lý nước thải trong khu vực quy hoạch đảm bảo tiêu chuẩn cột A theo QCVN 14/2025/BTNMT trước khi thải ra môi trường.

**Giải pháp 3:** giải pháp ngắn hạn xử lý cục bộ nước thải tại các dự án, đạt tiêu chuẩn cột A theo QCVN 14/2025/BTNMT sau đó thoát vào hệ thống thoát nước chung.

- Hệ thống thoát nước sinh hoạt là hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn.

- Nước thải từ các điểm xả nước xả vào hệ thống thoát nước. Nước thải tại các khu vệ sinh phải được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại mới được xả vào hệ thống thoát nước sinh hoạt.

- Hình thức thoát nước: nước thải được vận chuyển trong hệ thống ống kín, bố trí dọc dưới vỉa hè. Đường kính cống thoát nước D300-D400.

- Trên từng tuyến ống có đặt những hố ga tại những vị trí tuyến cống đổi hướng, vị trí chờ đầu nối thoát nước... khoảng cách hố ga 20m-30m.

- Chọn loại cống:

- + Ống được sử dụng trong hệ thống thoát nước là loại cống bê tông cốt thép miệng bát đúc sẵn.

- + Ống thu gom nước thải sử dụng ống PVC.

## **5.10. Quy hoạch hệ thống cấp điện và chiếu sáng:**

### **a) Hệ thống cấp điện:**

- Nguồn điện được cấp từ tuyến trung thế T.471 và T.473 Trạm Cần Thơ chạy dọc theo đường 3 Tháng 2.

Nguồn năng lượng tái tạo thông qua hệ thống điện mặt trời áp mái. Sử dụng các tấm pin quang điện hiệu suất cao sẽ được lắp đặt trên mái các khối; hệ thống được thiết kế đầu nối theo cơ chế ưu tiên cấp nguồn trực tiếp cho phụ tải nội bộ nhằm giảm áp lực lên lưới điện vào giờ cao điểm, đồng thời linh hoạt phương án hòa lưới hoặc tích hợp hệ thống lưu trữ phục vụ chiếu sáng ban đêm.

- Lưới trung thế 22 KV:

- + Lưới trung thế được thiết kế đi ngầm. Xuất tuyến được bố trí dọc theo trục đường giao thông và kết nối thành mạch vòng. Đảm bảo hành lang an toàn tuyến và tuân thủ các quy chuẩn ngành.

- Lưới hạ thế 0.4 KV:

- + Tủ bảng điện hạ thế trong trạm biến áp phân phối, lưới hạ thế được thiết kế đi ngầm bằng cáp đồng XLPE vỏ bọc ngoài bằng PVC (các đặc điểm kỹ thuật phù hợp với tiêu chuẩn IEC), cáp luồn trong ống nhựa PVC chịu lực và đặt trong hầm kỹ thuật cung cấp đến các tủ phân phối thứ cấp trong khu vực.

- + Trong quá trình thiết kế kỹ thuật và thi công tuân thủ theo các Quy chuẩn ngành và khoảng cách an toàn giữa các đường ống kỹ thuật.

- Trạm biến áp

- + Máy biến áp 3 pha 22/0,4KV. Loại MBA dầu lắp trên Trụ thép (hoặc trạm biến áp Kios tùy theo công suất lắp đặt), có nấc điều chỉnh điện áp không tải + 2 x 2,5%. Tổng công suất của các máy biến áp phải đáp ứng yêu cầu của



phụ tải.

+ Các loại vật tư thiết bị được sử dụng được sản xuất theo tiêu chuẩn IEC hoặc các tiêu chuẩn tương đương. Phải được kiểm tra thí nghiệm theo quy định của ngành Điện.

**b) Hệ thống chiếu sáng:**

- Nguồn điện cấp cho hệ thống chiếu sáng công cộng được lấy từ các trạm biến áp tại chỗ.

- Mạng lưới chiếu sáng cảnh quan tại các khu vực công viên nội bộ và sân trường ưu tiên sử dụng giải pháp chiếu sáng bằng năng lượng tái tạo.

- Lưới điện chiếu sáng mới cho khu vực điều chỉnh quy hoạch được thiết kế đi ngầm. Sử dụng loại đèn led cao áp tiết kiệm điện gắn trên các trụ đèn cao áp và vị trí các trụ đèn được đặt trên vỉa hè tại tâm móng trụ, khoảng cách trung bình giữa các đèn chiếu sáng là 20m – 30m.

- Hệ thống điều khiển đèn chiếu sáng bằng tủ điện có khả năng tự đóng cắt các tuyến đường theo chế độ thời gian đặt sẵn nhằm tiết kiệm điện, cáp điện chiếu sáng sử dụng cáp ngầm Cu/XLPE/DSTA/PVC có tiết diện từ phù hợp.

**5.11. Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc:**

- Nguồn cấp hệ thống thông tin liên lạc được ghép nối vào các nhà cung cấp mạng viễn thông trong khu vực.

- Thiết lập hệ thống hạ tầng thông tin liên lạc trong khu vực bao gồm hệ thống thông tin đặt sẵn nối liên thông các trục đường chính, các tủ cáp lắp đặt trên bệ đặt sẵn và hệ thống trực cáp chính thông tin liên lạc kéo sẵn cho hệ thống tủ cáp. Móng tủ bằng bê tông có kích thước 400x350x800 tại mỗi tủ đều lắp sẵn ống nhựa HDPE  $\phi 40/30$  để lắp đặt cáp ngầm đến các hộ đăng ký sử dụng.

- Hệ thống ống nhựa xoắn HDPE  $\phi 130/100$  luôn cáp truyền dẫn phải được lắp đặt đi ngầm theo tiêu chuẩn ngành và dung lượng phải đủ đáp ứng được nhu cầu thuê bao của từng khu vực.

- Độ sâu chôn ống luôn cáp phải được chôn sâu từ 0,5 - 1,0m đi trên hè đường cách bó vỉa hè từ 2,0 – 3,0m. Tại các vị trí tuyến cáp thông tin liên lạc giao cắt với đường giao thông ống luôn cáp phải sử dụng ống thép chịu lực, chôn sâu từ 0,8m đến 1,2m so với mặt đường giao thông.

- Trên tuyến cáp khoảng 40m chiều dài tuyến cáp phải được xây dựng 01 hố ga luôn cáp, hoặc tại các vị trí hướng cáp thay đổi phải đặt 01 hố ga luôn cáp. Hố ga sử dụng loại nắp gang lật có khóa, kích thước hố ga 1000 x 1000 x 1000 mm.

**5.11. Quy hoạch hệ thống xử lý chất thải rắn:**

- Chất thải rắn được thu gom phân thành 02 loại: chất thải rắn sinh hoạt đốt được (hay còn gọi rác đốt được), chất thải rắn sinh hoạt không đốt được.
- Không xử lý chất thải rắn tại chỗ chỉ tập trung thu gom tạm thời để chuyển đi xử lý.
- Xe chở rác thu gom theo giờ cố định.
- Đối với khu vực cây xanh, đặt các thùng rác nhỏ dọc theo các đường dạo với khoảng cách 50m/1 thùng.
- Khối lượng rác thải được tính toán theo học sinh của dự án. Tỷ lệ thu gom là 1,3 (kg/người-ngày) tương ứng với 100% đảm bảo vệ sinh môi trường.
- Chất thải rắn sau khi phân loại sẽ đưa về bãi tập kết, chất thải rắn không đốt được sẽ được thu gom, vận chuyển về Nhà máy xử lý rác thải – phát điện tại huyện Thới Lai để xử lý.

#### **5.12. Các khu vực xây dựng phần ngầm của công trình xây dựng:**

- Xây dựng theo ranh khu đất, đảm bảo không ảnh hưởng đến hạ tầng lân cận, xây dựng phần ngầm trên mặt đất theo chỉ giới xây dựng trùng với chỉ giới đường đỏ phù hợp với phạm vi ranh đất.

#### **5.13. Đánh giá tác động môi trường chiến lược:**

Quá trình triển khai thực hiện quy hoạch, thực hiện các dự án theo quy hoạch phải tổ chức lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường và các thủ tục theo đúng quy định; thực hiện các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường, xây dựng đô thị văn minh hiện đại, phát triển bền vững.

#### **Điều 2. Tổ chức thực hiện:**

- Cơ quan phê duyệt: Đại học Cần Thơ;
- Cơ quan trình duyệt: phòng Phát triển cơ sở vật chất và dự án – Đại học Cần Thơ;
- Cơ quan thẩm định: Tổ công tác thẩm định – Đại học Cần Thơ;
- Đơn vị tư vấn: Viện Quy hoạch xây dựng;
- Kiểm tra, đóng dấu thẩm định và lưu trữ:
- Tổ chức công bố công khai quy hoạch: phòng Phát triển cơ sở vật chất và dự án – Đại học Cần Thơ.
- Xây dựng và ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch: Đại học Cần Thơ
- Giám sát xây dựng theo quy hoạch và các hình thức tổ chức thực hiện: phòng Phát triển cơ sở vật chất và dự án – Đại học Cần Thơ.



- Quyết định này được ban hành kèm Quy định quản lý đồ án.

### **Điều 3. Hiệu lực thi hành:**

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Trưởng phòng Phát triển cơ sở vật chất và dự án, Tổ công tác thẩm định – Đại học Cần Thơ, Chánh văn phòng Trường Đại học Cần Thơ, Trưởng phòng Kế hoạch và Tài chính, Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**HIỆU TRƯỞNG**

### ***Nơi nhận:***

- ...[3]...;
- .....
- .....
- Lưu: ....



## SƠ ĐỒ VỊ TRÍ VÀ GIỚI HẠN KHU ĐẤT

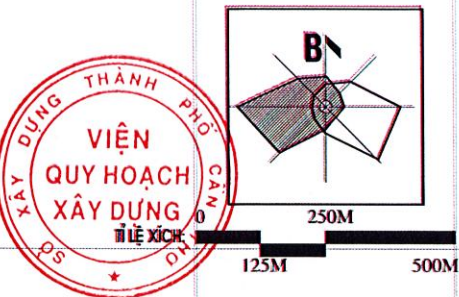


**RANH ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH**  
**DT: 716.984,7 m<sup>2</sup>**

|                                                                                                                                                                                                             |                            |                                |                       |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|--------------------------------|-----------------------|
| <b>CƠ QUAN PHÉ DUYỆT:</b>                                                                                                                                                                                   |                            |                                |                       |
| KÊM THEO QUẢN LÝ DỰ ÁN SỐ: _____                                                                                                                                                                            |                            | NGÀY: ____ THÁNG ____ NĂM 20__ |                       |
| <b>CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:</b>                                                                                                                                                                                   |                            |                                |                       |
| KÊM THEO CÔNG SẴN SỐ: _____                                                                                                                                                                                 |                            | NGÀY: ____ THÁNG ____ NĂM 20__ |                       |
| <b>CƠ QUAN TRÌNH DUYỆT:</b>                                                                                                                                                                                 |                            |                                |                       |
| KÊM THEO TỜ TRÌNH SỐ: _____                                                                                                                                                                                 |                            | NGÀY: ____ THÁNG ____ NĂM 20__ |                       |
| <b>CƠ QUAN TỜ CHỨC LẬP QUY HOẠCH:</b>                                                                                                                                                                       |                            |                                |                       |
| KÊM THEO TỜ TRÌNH SỐ: _____                                                                                                                                                                                 |                            | NGÀY: ____ THÁNG ____ NĂM 20__ |                       |
| <b>CÔNG TRÌNH - DỰ ÁN</b>                                                                                                                                                                                   |                            |                                |                       |
| <b>ĐIỀU CHỈNH TỔNG THỂ QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 DẠO HỌC CÁN BỘ</b><br><b>PHƯỜNG NINH KIỆU, THÀNH PHỐ CÁN THƠ (KHU II)</b><br><b>PHƯỜNG NINH KIỆU, THÀNH PHỐ CÁN THƠ</b>                               |                            |                                |                       |
| <b>TÊN BẢN VẼ:</b>                                                                                                                                                                                          |                            |                                |                       |
| <b>SƠ ĐỒ VỊ TRÍ VÀ GIỚI HẠN KHU ĐẤT</b>                                                                                                                                                                     |                            |                                |                       |
| BẢN VẼ: CH-01                                                                                                                                                                                               | GHEP: D1 T0 A0             | TỈ LỆ: 1/10.000                | NGÀY: ____/____/202__ |
| THIỆT KẾ:                                                                                                                                                                                                   | THS. KTS. HANG LAC NGUYEN  |                                |                       |
| CHỦ TRÌ                                                                                                                                                                                                     | THS. KTS. HANG LAC NGUYEN  |                                |                       |
| QUẢN LÝ KỸ THUẬT                                                                                                                                                                                            | THS. KTS. NGUYEN DUC THINH |                                |                       |
| TRƯỞNG PHÒNG:                                                                                                                                                                                               | THS. KTS. NGUYEN DUC THINH |                                |                       |
| CHỦ NHIỆM:                                                                                                                                                                                                  | KTS. HUYNH THUYEN NHU      |                                |                       |
| <b>VĂN TRƯỞNG:</b>                                                                                                                                                                                          |                            |                                |                       |
| <b>NGUYỄN THANH TÀI</b><br><b>SỞ XÂY DỰNG THÀNH PHỐ CÁN THƠ</b><br><b>VIỆN QUY HOẠCH XÂY DỰNG</b><br><b>SỞ PHÂN DẪN PHƯỜNG, PHƯỜNG NINH KIỆU, TP. CÁN THƠ</b><br><b>PHƯỜNG NINH KIỆU, THÀNH PHỐ CÁN THƠ</b> |                            |                                |                       |



ĐIỀU CHỈNH TỔNG THỂ QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 ĐẠI HỌC CẦN THƠ,  
PHƯỜNG NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ (KHU II)  
BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT, KIẾN TRÚC CẢNH QUAN VÀ  
ĐÁNH GIÁ ĐẤT XÂY DỰNG



**VỊ TRÍ, PHẠM VI, RANH GIỚI:**

KHU ĐẤT ĐIỀU CHỈNH TỔNG THỂ QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 ĐẠI HỌC CẦN THƠ, PHƯỜNG NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ CÓ TỪ CÁN TIẾP GIÁP NHƯ SAU:  
+ PHÍA ĐÔNG BẮC: GIÁP KHU DÂN CƯ HIỆN HỮU.  
+ PHÍA ĐÔNG NAM: GIÁP ĐƯỜNG 3 THÁNG 2.  
+ PHÍA TÂY NAM: GIÁP KÊNH BÚNG XĂNG.  
+ PHÍA TÂY BẮC: GIÁP KÊNH BÚNG XĂNG.

**QUY MÔ DIỆN TÍCH:**

DIỆN TÍCH LẬP QUY HOẠCH: 716.984,7 M<sup>2</sup>.

**TÍNH CHẤT:**

ĐẠI HỌC CẦN THƠ LÀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC VÀ SAU ĐẠI HỌC TRỌNG ĐIỂM CỦA NHÀ NƯỚC Ở ĐBSCL, LÀ TRUNG TÂM VĂN HÓA - KHOA HỌC KỸ THUẬT CỦA VÙNG. ĐẠI HỌC CẦN THƠ LÀ TRƯỜNG ĐA NGÀNH, ĐA LĨNH VỰC GỒM NHIỆM VỤ CHÍNH LÀ ĐÀO TẠO, NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, CHUYÊN GIA CÔNG NGHỆ, ỨNG DỤNG NHỮNG THÀNH TỰU KHOA HỌC KỸ THUẬT NHẪM GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, KINH TẾ, VĂN HÓA VÀ XÃ HỘI CỦA VÙNG.

**QUY MÔ SINH VIÊN ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH ĐẠI HỌC CẦN THƠ (KHU II):** 55.000 SINH VIÊN VÀ 1.800 GIẢNG VIÊN VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG.

**ĐÁNH GIÁ ĐẤT XÂY DỰNG:**

- ĐỒ ÁN ĐƯỢC PHÊ DUYỆT TỪ NĂM 2009, ĐẾN NAY CÓ NHIỀU PHÁT SINH VÀ KHÓ KHĂN TRONG THỰC TẾ TRIỂN KHAI. TỪ KHI CÓ QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/500 ĐƯỢC PHÊ DUYỆT ĐẾN NAY, DO NHIỀU NGUYÊN NHÂN CHỦ QUAN VÀ KHÁCH QUAN, TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ TRẬT TỰ XÂY DỰNG THEO QUY HOẠCH CÒN BỘC LỘ MỘT SỐ HẠN CHẾ, BỘ MẶT CHƯA ĐƯỢC PHÁT TRIỂN, NỘI BÁT LÀ QUY HOẠCH CHI TIẾT CAO CÔNG TRÌNH THEO THIẾT KẾ ĐỒ THỊ, HỆ THỐNG GIAO THÔNG VÀ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC VÀ ĐỒNG BỘ TRONG TÀ CHỨC KHÔNG GIAN ĐÔ THỊ CỦA KHU VỰC ĐẠI HỌC CẦN THƠ VÀ MỘT SỐ KHU VỰC KHÁC CHƯA ĐẠT YÊU CẦU ĐỀ RA. VÍ VẬY, ĐỂ PHÙ HỢP XU THẾ PHÁT TRIỂN TRONG GIAI ĐOẠN MỚI, VIỆC RÀ SOÁT, NGHIÊN CỨU ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/500 ĐẠI HỌC CẦN THƠ, PHƯỜNG NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ LÀ CẦN THIẾT ĐỂ ĐÁP ỨNG VỚI TÌNH HÌNH THỰC TẾ VÀ NHỮNG CẦU ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ CỦA TRƯỜNG TRONG THỜI GIAN TỚI.

- SAU 14 NĂM TRIỂN KHAI THỰC HIỆN, VIỆC ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THEO QUY HOẠCH ĐẠI HỌC CẦN THƠ ĐÃ PHÙ ĐẾN 70% DIỆN TÍCH ĐẤT. GÁC DỰ ÁN TRIỂN KHAI ĐÃ GÓP PHẦN ĐỊNH HÌNH KHUNG CẤU TRÚC CƠ BẢN VÀ ĐỒNG BỘ VỀ HỆ THỐNG HẠ TẦNG.

- VỊ TRÍ ĐỊA LÍ TIỀM NĂNG ĐỂ TẠO GÁC ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN CỦA TRƯỜNG. KẾT NỐI THUẬN LỢI VỀ GIAO THÔNG LIÊN KHU VỰC VÀ GIAO THÔNG VÙNG, TIẾP GIÁP VỚI TRỤC ĐƯỜNG CHÍNH 3 THÁNG 2 VÀ ĐƯỜNG HỒ BÚN XĂNG RA QUỐC LỘ 918. GÓP PHẦN THÚC ĐẨY VIỆC TRIỂN KHAI ĐẠI HỌC CẦN THƠ LÀ TRUNG TÂM ĐÀO TẠO, NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ CHUYÊN GIA CÔNG NGHỆ HÀNG ĐẦU VÙNG ĐỒNG BANG SÔNG CỬU LONG.

- QUÝ ĐẤT DỰ TRÚ PHÁT TRIỂN LỚN, NẪM TẠI TRUNG TÂM THÀNH PHỐ CẦN THƠ LÀ MỘT LỢI THẾ. GÓ THỂ NỘI, QUÝ ĐẤT ĐỐI ĐÀO CHÍNH LÀ NGUỒN TÀI NGUYÊN QUAN TRỌNG CHO VIỆC MỞ RỘNG CÁC KHU CHỨNG NÀNG, XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐỂ PHỤC VỤ CHO VIỆC NGHIÊN CỨU ĐÀO TẠO ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA VÀ KHU VỰC ĐỒNG NAM Á.

- TIỀM NĂNG TỰ NHIÊN VÀ NHÂN VĂN: TÀI NGUYÊN TỰ NHIÊN VỀ NƯỚC, VÊ ĐẤT, VÊ KHÍ HẬU, SẢNH QUAN TỰ NHIÊN SÔNG NƯỚC, NGUỒN ĐÀO TẠO, NGHIÊN CỨU TRẺ ĐỂ PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ.

**BẢNG THỐNG KÊ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT**

| STT       | Loại đất                          | Diện tích (m <sup>2</sup> ) | Tỷ lệ (%) |
|-----------|-----------------------------------|-----------------------------|-----------|
| 1         | Đất trung tâm nghiên cứu, đào tạo | 392.942,3                   | 54,80     |
| 2         | Đất công trình kỹ thuật           | 62.440,1                    | 8,71      |
| 3         | Đất thể dục thể thao              | 38.264,4                    | 5,34      |
| 4         | Đất cây xanh                      | 37.178,4                    | 5,19      |
| 5         | Đường giao thông                  | 129.510,9                   | 18,06     |
| 6         | Đất bãi đỗ xe                     | 26.109,7                    | 3,64      |
| 7         | Sông, kênh, rạch                  | 22.676,2                    | 3,16      |
| 8         | Hồ, ao, đầm                       | 7.862,8                     | 1,10      |
| Tổng cộng |                                   | 716.984,7                   | 100,00    |

**GHI CHÚ:**

**MỐC KHÔNG CHẾ**

MỐC EPS HƯỚNG IV

MỐC DƯỚI CHUYỀN CẤP

**DÂN CƯ**

NHÀ 1 TẦNG, 2 TẦNG

NHÀ XÂY HỒN

NHÀ TƯƠNG GẠCH

NHÀ TOL

BÌNH, MÀU NHÀ

MÀU THIÊN MÀU CHÉ

**HẠ TẦNG**

THÁP CỎ

TƯỢNG DÀI BIA KỶ NIỆM

LĂNG TÀI MÀU MỎ

MỎ XÂY, MỎ ĐẤT

NHÁ TRẠNG

BÊN VƯỜN

KÊNH, HƯƠNG, ĐỒNG, RẠCH

ĐIỂM GỒI CAO ĐỘ

CÔNG TÁN QUẢN

LO CỐT

CHỖ CAO, THÁP CAO

TRƯỜNG HỌC

CỐT CỎ

NHÁ THỜ

THÁP CHUÔNG

ĐỀN CHÁ

BƯU ĐIỆN

TRỤ CỨU HỎA

ĐÁU PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH

CỘT ĂN TÊN PHÁT SÓNG

TRẠM BIẾN THÉ

TRẠM BIẾN THÉ TRÉO

TRẠM XĂNG

CÔNG HO GA NÁP BÁT

TRỤ CÔNG

TƯỜNG XÂY

RÀO CÂY

RÀO KẼM GAL RÀO TÁN

ÔNG CÁP NƯỚC D150

ÔNG CÁP NƯỚC D300

ÔNG CÁP NƯỚC D600

ÔNG CÁP NƯỚC D1100

ÔNG CÁP NƯỚC D200

CÁP ĐIỆN LỰC

CÁP VƯỜN THƯỜNG

GIẾNG XÂY

ĐƯỜNG NHÀ HIỆN TRẠNG

ĐƯỜNG BÊ TÔNG

CÔNG CHỖ

CAU CÔNG NGANG ĐƯỜNG

BIÊN CAO ĐẠO THÔNG

ĐIỂM TÍN HIỆU GIAO THÔNG

CỘT ĐÈN

CỘT ĐÈN CAO AP

CỘT ĐÈN CAO THÉ

CỘT ĐÈN TRUNG THÉ

CỘT ĐÈN HẠ THÉ

DÂY THÔNG TIN

TRẠM XE BỤT

CỘT ĂN TÊN

MỐC LỘ ĐẠCH, MỐC GIẾNG

HỒ CÁP QUANG

TÂN ĐƯỜNG QUY HOẠCH

ĐƯỜNG ĐỒNG MỐC CÁP

ĐƯỜNG ĐỒNG MỐC CÁP

CÂY AN QUẢ, LƯA, CÂY TÁN HỒNG

HỒN MÀU CỎ, ĐỎA NƯỚC, LAO SÁY

THÂN CỎ, THÂN MÈN CÂY TÁP

CAO ĐỘ HIỆN TRẠNG

BÀNH KINH SẮT ĐẠO HỒN

BẢN VÊ ĐƯỢC THÀNH LẬP THEO HỆ TỌA ĐỘ QUỐC GIA VN 2000 CAO ĐỘ QUỐC GIA (HỒN ĐÁU) ĐƯỢC DẪN TỪ ĐIỂM BVC-CT10A CÓ GIÁ TRỊ LÀ H=+1.4550m.

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:

KÊM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: \_\_\_\_\_ NGÀY: \_\_\_\_ THÁNG \_\_\_\_ NĂM 2025

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:

KÊM THEO CÔNG VĂN SỐ: \_\_\_\_\_ NGÀY: \_\_\_\_ THÁNG \_\_\_\_ NĂM 2025

CƠ QUAN TRÌNH DUYỆT:

KÊM THEO TỜ TRÌNH SỐ: \_\_\_\_\_ NGÀY: \_\_\_\_ THÁNG \_\_\_\_ NĂM 2025

CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH:

KÊM THEO TỜ TRÌNH SỐ: \_\_\_\_\_ NGÀY: \_\_\_\_ THÁNG \_\_\_\_ NĂM 2025

**CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:**

ĐIỀU CHỈNH TỔNG THỂ QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 ĐẠI HỌC CẦN THƠ, PHƯỜNG NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ (KHU II)

PHƯỜNG NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

**TÊN BẢN VÊ:**

BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT, KIẾN TRÚC CẢNH QUAN VÀ ĐÁNH GIÁ ĐẤT XÂY DỰNG

|                   |                            |              |                      |
|-------------------|----------------------------|--------------|----------------------|
| BẢN VÊ: QH-02     | GHÉP: 01 TỶ 1/500          | TITLE: SCALE | NGÀY: ____/____/2025 |
| THIẾT KẾ:         | THS. KTS. HANG LAC NGUYEN  |              |                      |
| CHỦ TRƯ:          | THS. KTS. HANG LAC NGUYEN  |              |                      |
| QUẢN LÝ KỸ THUẬT: | THS. KTS. NGUYEN DUC THINH |              |                      |
| TRƯỞNG PHÒNG:     | THS. KTS. NGUYEN DUC THINH |              |                      |
| CHỦ NHIỆM:        | KTS. HUYNH THUY LYEN NHA   |              |                      |

VIỆN TRƯỞNG:

NGUYEN THANH TAI

SỞ XÂY DỰNG THÀNH PHỐ CẦN THƠ

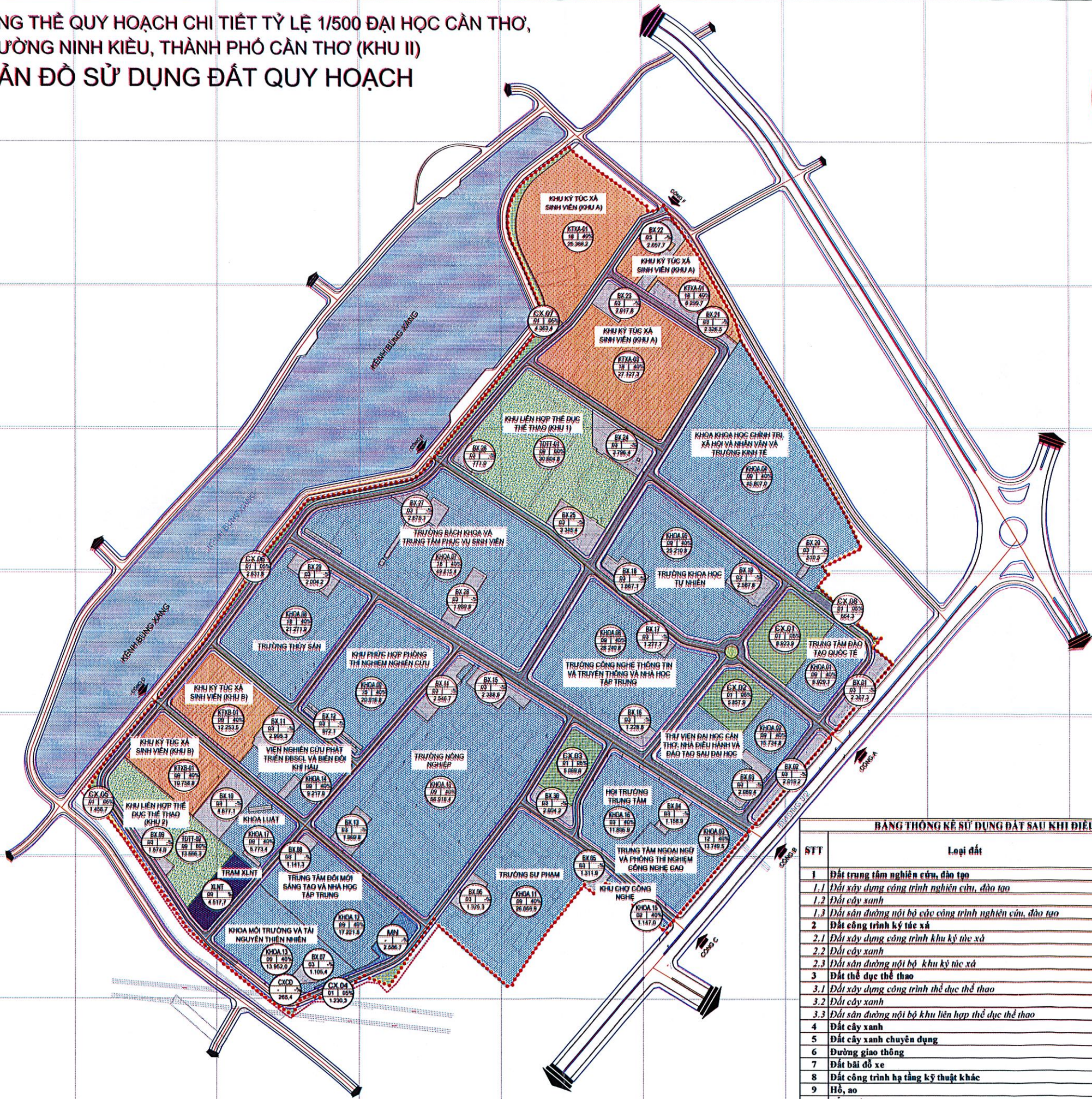
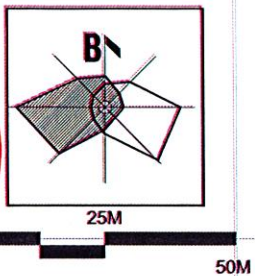
VIỆN QUY HOẠCH XÂY DỰNG

50 PHẠM ĐÌNH PHƯƠNG, PHƯỜNG NINH KIỀU, TP. CẦN THƠ

ĐIỆN THOẠI: 02923 829433 - 02923 829444 - FAX: 02923 811383



ĐIỀU CHỈNH TỔNG THỂ QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 ĐẠI HỌC CẦN THƠ,  
PHƯỜNG NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ (KHU II)  
BẢN ĐỒ SỬ DỤNG ĐẤT QUY HOẠCH



- Ranh giới quy hoạch (S = 716.864,7 m<sup>2</sup>)  
--- Ranh giới trạng thái hiện tại
- Đất trung tâm nghiên cứu, đào tạo  
Đất công trình kỹ thuật xây dựng  
Đất thể dục thể thao  
Đất cây xanh  
Đất cây xanh chuyên dụng  
Đất bãi đỗ xe  
Đất công trình hạ tầng kỹ thuật khác  
Hồ, ao, đầm
- Tăng cao tối đa (%)  
Kí hiệu lô đất  
Mật độ xây dựng tối đa (%)  
Diện tích (m<sup>2</sup>)

| BẢNG THỐNG KÊ SỬ DỤNG ĐẤT SAU KHI ĐIỀU CHỈNH |                                                         |                             |           |
|----------------------------------------------|---------------------------------------------------------|-----------------------------|-----------|
| STT                                          | Loại đất                                                | Diện tích (m <sup>2</sup> ) | Tỷ lệ (%) |
| 1                                            | Đất trung tâm nghiên cứu, đào tạo                       | 369.772,5                   | 51,57     |
| 1.1                                          | Đất xây dựng công trình nghiên cứu, đào tạo             | 147.909,0                   | 20,63     |
| 1.2                                          | Đất xây dựng công trình kỹ thuật xây dựng               | 147.909,0                   | 20,63     |
| 1.3                                          | Đất sân đường nội bộ các công trình nghiên cứu, đào tạo | 73.954,5                    | 10,31     |
| 2                                            | Đất công trình kỹ thuật xây dựng                        | 84.827,5                    | 11,83     |
| 2.1                                          | Đất xây dựng công trình khu kỹ thuật xây dựng           | 33.931,0                    | 4,73      |
| 2.2                                          | Đất cây xanh                                            | 33.931,0                    | 4,73      |
| 2.3                                          | Đất sân đường nội bộ khu kỹ thuật xây dựng              | 16.965,5                    | 2,37      |
| 3                                            | Đất thể dục thể thao                                    | 44.271,1                    | 6,17      |
| 3.1                                          | Đất xây dựng công trình thể dục thể thao                | 26.562,7                    | 3,70      |
| 3.2                                          | Đất cây xanh                                            | 4.427,1                     | 0,62      |
| 3.3                                          | Đất sân đường nội bộ khu liên hợp thể dục thể thao      | 13.281,3                    | 1,85      |
| 4                                            | Đất cây xanh                                            | 30.226,3                    | 4,22      |
| 5                                            | Đất cây xanh chuyên dụng                                | 265,4                       | 0,04      |
| 6                                            | Đường giao thông                                        | 120.364,6                   | 16,79     |
| 7                                            | Đất bãi đỗ xe                                           | 60.152,8                    | 8,39      |
| 8                                            | Đất công trình hạ tầng kỹ thuật khác                    | 4.517,7                     | 0,63      |
| 9                                            | Hồ, ao                                                  | 2.586,7                     | 0,36      |
| Tổng cộng                                    |                                                         | 716.984,7                   | 100,00    |

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:

KÊNH THOÁT NƯỚC ĐƠN ĐO: \_\_\_\_\_ NGÀY: \_\_\_\_ THÁNG \_\_\_\_ NĂM 2025

CƠ QUAN THAM Duyệt:

KÊNH THOÁT NƯỚC ĐƠN ĐO: \_\_\_\_\_ NGÀY: \_\_\_\_ THÁNG \_\_\_\_ NĂM 2025

CƠ QUAN TRÌNH Duyệt:

KÊNH THOÁT NƯỚC ĐƠN ĐO: \_\_\_\_\_ NGÀY: \_\_\_\_ THÁNG \_\_\_\_ NĂM 2025

CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH:

KÊNH THOÁT NƯỚC ĐƠN ĐO: \_\_\_\_\_ NGÀY: \_\_\_\_ THÁNG \_\_\_\_ NĂM 2025

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:

ĐIỀU CHỈNH TỔNG THỂ QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 ĐẠI HỌC CẦN THƠ,  
PHƯỜNG NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ (KHU II)  
Phụ thuộc vào địa điểm, trạng thái hiện tại

TÊN BẢN VẼ:

BẢN ĐỒ SỬ DỤNG ĐẤT QUY HOẠCH

BẢN VẼ: QH-03 GHIẾP: 01 TỚI 03 TÍTULO SCALE NGÀY: \_\_\_\_/\_\_\_\_/2025

THIẾT KẾ: THS. KTS. HANG LAC NGUYEN

CHỮ TRƯ: THS. KTS. HANG LAC NGUYEN

TRƯỞNG PHÒNG: THS. KTS. NGUYEN DUC THINH

QUẢN LÝ KỸ THUẬT: THS. KTS. NGUYEN DUC THINH

CHỦ NHIỆM: KTS. HUYNH THI LYEN NHU

VIỆN TRƯỞNG:

NGUYEN THANH TAI

ĐỒ XÂY DỰNG THÀNH PHỐ CẦN THƠ  
VIỆN QUY HOẠCH XÂY DỰNG

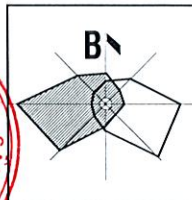
SỐ PHÂN DẪN: 02/2013 - 02/2013 - 02/2013 - FAX: 02923.811383



ĐIỀU CHỈNH TỔNG THỂ QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 ĐẠI HỌC CẦN THƠ,  
PHƯỜNG NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ (KHU II).  
SƠ ĐỒ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN, KIẾN TRÚC, CẢNH QUAN

GHI CHÚ CÔNG TRÌNH:

- 01 TRUNG TÂM ĐÀO TẠO QUỐC TẾ
- 02 THƯ VIỆN ĐẠI HỌC CẦN THƠ; NHÀ ĐIỀU HÀNH VÀ ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC
- 03 TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ VÀ PHÒNG THÍ NGHIỆM CÔNG NGHỆ CAO
- 04 HỘI TRƯỞNG TRUNG TÂM
- 05 PHÒNG THÍ NGHIỆM VÀ THỰC HÀNH KHOA HỌC GIÁO DỤC
- 06 NHÀ ĐIỀU HÀNH VÀ GIẢNG TRƯỞNG TRƯỞNG SƯ PHẠM
- 07 CÔNG TRÌNH KHỐI NHÀ HỌC VÀ LÀM VIỆC KHOA KHOA HỌC CHÍNH TRỊ, XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN
- 08 CÔNG TRÌNH KHỐI NHÀ HỌC TRƯỜNG KINH TẾ
- 09 KHỐI CHÍNH TRỊ, XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN
- 10 PHÒNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN SÂU TRƯỜNG KHOA HỌC TỰ NHIÊN
- 11 CÔNG TRÌNH NHÀ ĐIỀU HÀNH VÀ THÍ NGHIỆM TRƯỜNG KHOA HỌC TỰ NHIÊN
- 12 KHỐI NHÀ HỌC TRƯỜNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
- 13 KHỐI NHÀ HỌC TẬP TRUNG
- 14 TRƯỜNG NÔNG NGHIỆP
- 15 TRUNG TÂM ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ KHỞI NGHIỆP CÔNG NGHỆ TIẾN PHONG
- 16 KHOA MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN
- 17 KÝ TÚC XÁ SINH VIÊN (KHU A)
- 18 KHU LIÊN HỢP THỂ DỤC THỂ THAO (KHU 1)
- 19 TRUNG TÂM PHỤC VỤ SINH VIÊN
- 20 KHỐI TRƯỜNG BÁCH KHOA
- 21 KHỐI NHÀ HỌC VÀ THÍ NGHIỆM TRƯỜNG BÁCH KHOA
- 22 KHU PHỨC HỢP PHÒNG THÍ NGHIỆM NGHIÊN CỨU
- 23 CÔNG TRÌNH NHÀ ĐIỀU HÀNH, HỘI TRƯỞNG VÀ THÍ NGHIỆM TRƯỜNG THỦY SẢN
- 24 VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG VÀ BIỂN ĐỔI KHÍ HẬU
- 25 CÁN TÍN
- 26 KÝ TÚC XÁ SINH VIÊN (KHU B)
- 27 KHU LIÊN HỢP THỂ DỤC THỂ THAO (KHU 2)
- 28 NHÀ ĐIỀU HÀNH VÀ GIẢNG ĐƯỜNG KHOA LUẬT
- 29 KHU XỬ LÝ NƯỚC THẢI
- 30 BÃI ĐỖ XE



25M  
50M

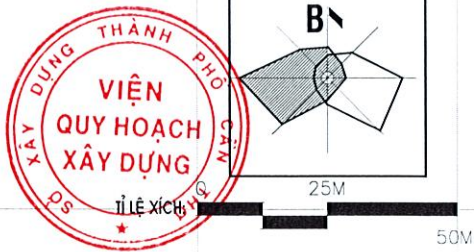
- RANH LẬP QUY HOẠCH (S = 716.584,7 m<sup>2</sup>)  
--- RANH HIỆN TRẠNG TƯỜNG RÀO
- ĐẤT TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU ĐÀO TẠO  
ĐẤT CÔNG TRÌNH KÝ TÚC XÁ  
ĐẤT THỂ DỤC THỂ THAO  
ĐẤT CÂY XANH  
ĐẤT CÂY XANH CHUYÊN DỤNG  
ĐẤT BÃI ĐỖ XE  
ĐẤT CÔNG TRÌNH HÀ TẮNG KỸ THUẬT KHÁC  
HỒ, AO, BỂ
- TẦNG CAO TỔ ĐẠ (M)  
KHO: 02  
CỠ: 40%  
MẬT ĐỘ XÂY DỰNG TỔ ĐẠ (M)  
DIỆN TÍCH (M<sup>2</sup>)

|                                                                                                                  |                          |               |             |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|---------------|-------------|
| CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:                                                                                               |                          |               |             |
| KẾM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ                                                                                           | NGÀY                     | THÁNG         | NĂM 2025    |
| CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:                                                                                               |                          |               |             |
| KẾM THEO CÔNG VĂN SỐ                                                                                             | NGÀY                     | THÁNG         | NĂM 2025    |
| CƠ QUAN TRÌNH DUYỆT:                                                                                             |                          |               |             |
| KẾM THEO TỜ TRÌNH SỐ                                                                                             | NGÀY                     | THÁNG         | NĂM 2025    |
| CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH:                                                                                   |                          |               |             |
| KẾM THEO TỜ TRÌNH SỐ                                                                                             | NGÀY                     | THÁNG         | NĂM 2025    |
| CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM                                                                                            |                          |               |             |
| ĐIỀU CHỈNH TỔNG THỂ QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 ĐẠI HỌC CẦN THƠ, PHƯỜNG NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ (KHU II) |                          |               |             |
| TÊN BẢN VẼ                                                                                                       |                          |               |             |
| SƠ ĐỒ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN KIẾN TRÚC, CẢNH QUAN                                                                    |                          |               |             |
| BẢN VẼ                                                                                                           | Q-04                     | GHEP 01 TỶ A3 | TỈ LỆ SCALE |
| THIẾT KẾ                                                                                                         | THS KTS HANG LAC NGUYEN  |               | NGÀY        |
| CHỦ TRÌ                                                                                                          | THS KTS HANG LAC NGUYEN  |               |             |
| TRƯỞNG PHÒNG                                                                                                     | THS KTS NGUYEN DUC THINH |               |             |
| QUẢN LÝ KỸ THUẬT                                                                                                 | THS KTS NGUYEN DUC THINH |               |             |
| CHỦ NHIỆM                                                                                                        | KTS HUYNH THI UYEN NHẢ   |               |             |
| VIỆN TRƯỞNG                                                                                                      |                          |               |             |
| NGUYỄN THẠNH TÀI                                                                                                 |                          |               |             |
| SỞ XÂY DỰNG THÀNH PHỐ CẦN THƠ                                                                                    |                          |               |             |
| VIỆN QUY HOẠCH XÂY DỰNG                                                                                          |                          |               |             |
| SỐ PHÂN CÔNG: P. NINH KIỀU, P. CẦN THƠ                                                                           |                          |               |             |
| ĐIỆN THOẠI: 02923 829453 - 02923 829454 - FAX: 02923 8111383                                                     |                          |               |             |

| BẢNG THÔNG KÊ CHI TIẾT CÁC KHU CHỨC NĂNG |                                                                                 |                             |           |                                                    |
|------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-----------|----------------------------------------------------|
| STT                                      | Loại công trình                                                                 | Diện tích (m <sup>2</sup> ) | Tỷ lệ (%) | MIXXD: Diện tích xây dựng tối đa (m <sup>2</sup> ) |
| 1                                        | Đất trung tâm nghiên cứu, đào tạo                                               | 369.772,5                   | 51,57     | 147.908,9                                          |
| 1.1                                      | Trung tâm đào tạo quốc tế                                                       | 6.929,1                     | 40        | 2.771,6                                            |
| 1.2                                      | Thư viện Đại học Cần Thơ Nhà điều hành và đào tạo sau đại học                   | 11.734,5                    | 40        | 6.293,9                                            |
| 1.3                                      | Trung tâm ngoại ngữ và phòng thí nghiệm công nghệ cao                           | 11.749,3                    | 40        | 3.499,5                                            |
| 1.4                                      | Khoa Khoa học chính trị và hội và nhân văn và Trường Kinh tế                    | 43.897,0                    | 40        | 18.322,5                                           |
| 1.5                                      | Công trình khối nhà học và làm việc khoa Khoa học chính trị, xã hội và nhân văn |                             |           |                                                    |
| 1.5.1                                    | Khối chính trị, xã hội và nhân văn                                              |                             |           |                                                    |
| 1.5.2                                    | Trường Khoa học tự nhiên                                                        | 21.210,5                    | 40        | 10.684,3                                           |
| 1.5.3                                    | Phòng thí nghiệm chuyên sâu trường Khoa học tự nhiên                            |                             |           |                                                    |
| 1.5.4                                    | Công trình Nhà điều hành và thí nghiệm trường Khoa học tự nhiên                 | 25.240,5                    | 40        | 11.266,3                                           |
| 1.6                                      | Trường Công nghệ thông tin và truyền thông và Nhà học tập trung                 |                             |           |                                                    |
| 1.6.1                                    | Khối nhà học trường công nghệ thông tin và truyền thông                         |                             |           |                                                    |
| 1.6.2                                    | Khối nhà học tập trung                                                          |                             |           |                                                    |
| 1.7                                      | Trường Bách Khoa và Trung tâm phục vụ sinh viên                                 | 49.815,4                    | 40        | 19.926,2                                           |
| 1.7.1                                    | Khối nhà học và thí nghiệm trường Bách Khoa                                     |                             |           |                                                    |
| 1.7.2                                    | Trung tâm phục vụ sinh viên                                                     |                             |           |                                                    |
| 1.8                                      | Trường Thủy sản                                                                 | 21.271,5                    | 40        | 5.365,5                                            |
| 1.9                                      | Công trình nhà điều hành, thí nghiệm và thí nghiệm trường Thủy sản              | 20.916,8                    | 40        | 5.366,7                                            |
| 1.10                                     | Khu phức hợp phòng thí nghiệm nghiên cứu                                        | 16.815,4                    | 40        | 22.767,3                                           |
| 1.11                                     | Trường Nông nghiệp                                                              | 26.059,9                    | 40        | 10.424,0                                           |
| 1.12                                     | Trường Sư phạm                                                                  |                             |           |                                                    |
| 1.12.1                                   | Phòng thí nghiệm và thư viện Khoa học giáo dục                                  |                             |           |                                                    |
| 1.12.2                                   | Nhà điều hành và giảng dạy trường Sư phạm                                       |                             |           |                                                    |
| 1.13                                     | Trung tâm đổi mới sáng tạo và nhà học tập trung                                 | 17.221,5                    | 40        | 6.555,7                                            |
| 1.14                                     | Trung tâm đổi mới sáng tạo và khu vực công nghệ tiên phong                      |                             |           |                                                    |
| 1.14.1                                   | Khoa Sản xuất và tài nguyên biển biển                                           | 11.952,0                    | 40        | 3.586,5                                            |
| 1.14.2                                   | Viện nghiên cứu phát triển đồng bằng sông Cửu Long và biến đổi khí hậu          | 9.227,0                     | 40        | 3.656,5                                            |
| 1.15                                     | Khu chợ công nghệ                                                               | 1.147,0                     | 40        | 455,5                                              |
| 1.16                                     | Hội trường trung tâm                                                            | 11.506,9                    | 40        | 4.722,5                                            |
| 1.17                                     | Khoa Luật                                                                       | 17.734,4                    | 40        | 3.369,3                                            |
| 2                                        | Đất công trình ký túc xá                                                        | 84.817,5                    | 11,83     | 33.931,9                                           |
| 2.1                                      | Khu ký túc xá và sinh viên (Khu A)                                              | 61.815,2                    | 40        | 24.726,1                                           |
| 2.2                                      | Khu ký túc xá và sinh viên (Khu B)                                              | 23.002,3                    | 40        | 9.204,9                                            |
| 3                                        | Đất thể dục thể thao                                                            | 44.271,1                    | 6,17      | 16.462,7                                           |
| 3.1                                      | Đất thể dục thể thao (Khu 1)                                                    | 10.054,5                    | 60        | 13.362,9                                           |
| 3.2                                      | Đất thể dục thể thao (Khu 2)                                                    | 12.666,7                    | 60        | 13.362,9                                           |
|                                          | Tổng cộng                                                                       | 498.811,1                   |           | 208.402,6                                          |



ĐIỀU CHỈNH TỔNG THỂ QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 ĐẠI HỌC CẦN THƠ,  
PHƯỜNG NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ (KHU II)  
BẢN ĐỒ CHUẨN BỊ KỸ THUẬT ĐẤT XÂY DỰNG



GH CHÚ

Ồ LƯỚI 20x20

TÊN Ồ LƯỚI

DIỆN TÍCH (m<sup>2</sup>)

KHỐI LƯỢNG (m<sup>3</sup>)

H4-C46

237.27

94.91

±0.21 2.40

CHÈNH CAO

CAO ĐỘ THIẾT KẾ

CAO ĐỘ TỰ NHIÊN

2.61

\* CAO ĐỘ SAN LẤP +2.40 (CAO ĐỘ HỒN ĐẦU)

| BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG CÁC LÔ |        |                |           |                 |           |
|---------------------------------|--------|----------------|-----------|-----------------|-----------|
| STT                             | TÊN LÔ | DIỆN TÍCH (M2) |           | KHỐI LƯỢNG (M3) |           |
|                                 |        | DT ĐÁO         | DT ĐẤP    | KL ĐÁO          | KL ĐẤP    |
| 1                               | D=CT   | 65223.03       | 651359.84 | -8377.14        | 314066.76 |
| TỔNG                            |        | 65223.03       | 651359.84 | -8377.14        | 314066.76 |

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:

KÊM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ \_\_\_\_\_ NGÀY \_\_\_\_ THÁNG \_\_\_\_ NĂM 2025

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:

KÊM THEO CÔNG VĂN SỐ \_\_\_\_\_ NGÀY \_\_\_\_ THÁNG \_\_\_\_ NĂM 2025

CƠ QUAN TRÌNH DUYỆT:

KÊM THEO TỜ TRÌNH SỐ \_\_\_\_\_ NGÀY \_\_\_\_ THÁNG \_\_\_\_ NĂM 2025

CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH:

KÊM THEO TỜ TRÌNH SỐ \_\_\_\_\_ NGÀY \_\_\_\_ THÁNG \_\_\_\_ NĂM 2025

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:

ĐIỀU CHỈNH TỔNG THỂ QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 ĐẠI HỌC CẦN THƠ,  
PHƯỜNG NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ (KHU II)  
PHƯỜNG NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

TÊN BẢN VẼ:

BẢN ĐỒ CHUẨN BỊ KỸ THUẬT ĐẤT XÂY DỰNG

BẢN VẼ: QH-05

GHÉP: FIX 1 TỜ A0

TỶ LỆ: 1/500

NGÀY: .../.../2025

THIẾT KẾ:

KS. HUYNH QUỐC KIẾT

CHỦ TRÌ:

KS. HUYNH QUỐC KIẾT

TRƯỞNG PHÒNG:

THS. KTS. NGUYỄN ĐỨC THỊNH

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:

THS. KTS. NGUYỄN ĐỨC THỊNH

CHỦ NHIỆM:

KTS. HUYNH THUYỀN NHẢ

VIỆN TRƯỞNG:

NGUYỄN THANH TÀI

SỞ XÂY DỰNG THÀNH PHỐ CẦN THƠ  
VIỆN QUY HOẠCH XÂY DỰNG  
50 PHẠM ĐÌNH PHÙNG, P. NINH KIỀU, TP. CẦN THƠ  
ĐIỆN THOẠI: 02923.829453 - 02923.826544 - FAX: 02923.811383

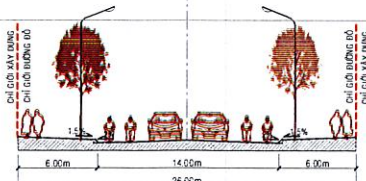
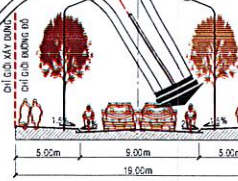
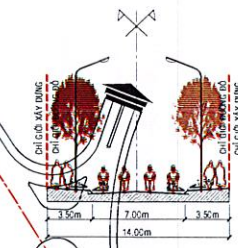
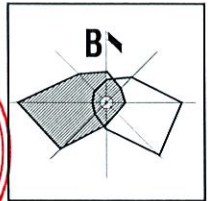
TÊN CÔNG TRÌNH: ĐIỀU CHỈNH TỔNG THỂ QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 ĐẠI HỌC CẦN THƠ,  
PHƯỜNG NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ (KHU II)

TÊN BẢN VẼ: BẢN ĐỒ CHUẨN BỊ KỸ THUẬT ĐẤT XÂY DỰNG

KÝ HIỆU: QH-05



ĐIỀU CHỈNH TỔNG THỂ QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 ĐẠI HỌC CẦN THƠ,  
PHƯỜNG NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ (KHU II)  
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG  
CHỈ GIỚI ĐƯỜNG ĐỎ, CHỈ GIỚI XÂY DỰNG



**KÍ HIỆU:**

- : KÍ HIỆU MẶT CẮT NGANG
- : CHỈ GIỚI ĐƯỜNG ĐỎ
- : CHỈ GIỚI XÂY DỰNG
- : RANH QUY HOẠCH
- : KÍ HIỆU NÚT GIAO THÔNG
- : ĐƯỜNG GIAO THÔNG

| BẢNG THỐNG KÊ GIAO THÔNG |             |              |           |                                          |     |     |
|--------------------------|-------------|--------------|-----------|------------------------------------------|-----|-----|
| STT                      | TÊN ĐƯỜNG   | ĐIỂM ĐỊNH VỊ |           | LỘ GIỚI VẠ HẸ TRÁI LÔNG ĐƯỜNG VẠ HẸ PHẢI |     |     |
|                          |             | ĐIỂM ĐẦU     | ĐIỂM CUỐI | (m)                                      | (m) | (m) |
| I GIAO THÔNG ĐỐI NGOÀI   |             |              |           |                                          |     |     |
| I                        | ĐƯỜNG SỐ 1  | 1A           | 1B        | 14                                       | 3,5 | 7   |
| 2                        | ĐƯỜNG SỐ 7  | 7A           | 7B        | 14                                       | 3,5 | 7   |
| 3                        | ĐƯỜNG SỐ 9  | 9A           | 9B        | 19                                       | 5   | 9   |
| 4                        | ĐƯỜNG SỐ 10 | 10A          | 10B       | 26                                       | 6   | 14  |
| 5                        | ĐƯỜNG SỐ 11 | 11A          | 11B       | 19                                       | 5   | 9   |
| 6                        | ĐƯỜNG SỐ 14 | 14B          | 14B       | 14                                       | 3,5 | 7   |
| II GIAO THÔNG NỘI BỘ     |             |              |           |                                          |     |     |
| 1                        | ĐƯỜNG SỐ 2  | 2A           | 2B        | 14                                       | 3,5 | 7   |
| 2                        | ĐƯỜNG SỐ 3  | 3A           | 3B        | 14                                       | 3,5 | 7   |
| 3                        | ĐƯỜNG SỐ 4  | 4A           | 4B        | 14                                       | 3,5 | 7   |
| 4                        | ĐƯỜNG SỐ 5  | 5A           | 5B        | 19                                       | 5   | 9   |
| 5                        | ĐƯỜNG SỐ 6  | 6A           | 6B        | 19                                       | 5   | 9   |
| 6                        | ĐƯỜNG SỐ 8  | 8A           | 8B        | 14                                       | 3,5 | 7   |
| 7                        | ĐƯỜNG SỐ 12 | 12A          | 12B       | 19                                       | 5   | 9   |
| 8                        | ĐƯỜNG SỐ 13 | 13A          | 13B       | 14                                       | 3,5 | 7   |
| 9                        | ĐƯỜNG SỐ 15 | 15A          | 15B       | 14                                       | 3,5 | 7   |
| 10                       | ĐƯỜNG SỐ 16 | 16B          | 16B       | 14                                       | 3,5 | 7   |

**CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:**

KÊM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ \_\_\_\_\_ NGÀY \_\_\_\_ THÁNG \_\_\_\_ NĂM 2025

**CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:**

KÊM THEO CÔNG VĂN SỐ \_\_\_\_\_ NGÀY \_\_\_\_ THÁNG \_\_\_\_ NĂM 2025

**CƠ QUAN TRÌNH DUYỆT:**

KÊM THEO TỜ TRÌNH SỐ \_\_\_\_\_ NGÀY \_\_\_\_ THÁNG \_\_\_\_ NĂM 2025

**CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH:**

KÊM THEO TỜ TRÌNH SỐ \_\_\_\_\_ NGÀY \_\_\_\_ THÁNG \_\_\_\_ NĂM 2025

**CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:**

ĐIỀU CHỈNH TỔNG THỂ QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 ĐẠI HỌC CẦN THƠ,  
PHƯỜNG NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ (KHU II)

**TÊN BẢN VẼ:**

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG,  
CHỈ GIỚI ĐƯỜNG ĐỎ, CHỈ GIỚI XÂY DỰNG

**BẢN VẼ:** QH-06 **GHÉP:** FIX 1 TỜ A0 **TỶ LỆ:** 1/500 **NGÀY:** .../.../2025

**THIẾT KẾ:** KS. HUYNH QUỐC KIẾT

**CHỖ TRÍ:** KS. HUYNH QUỐC KIẾT

**TRƯỞNG PHÒNG:** THS. KTS. NGUYỄN ĐỨC THỊNH

**QUẢN LÝ KỸ THUẬT:** THS. KTS. NGUYỄN ĐỨC THỊNH

**CHỖ NHẬN:** KTS. HUYNH THỊ LYÊN NHA

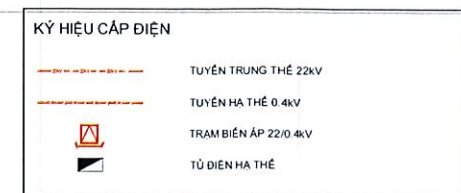
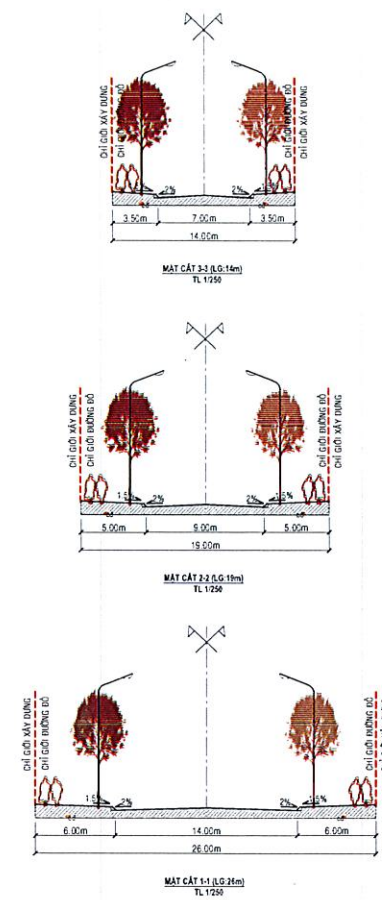
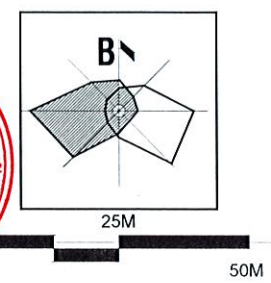
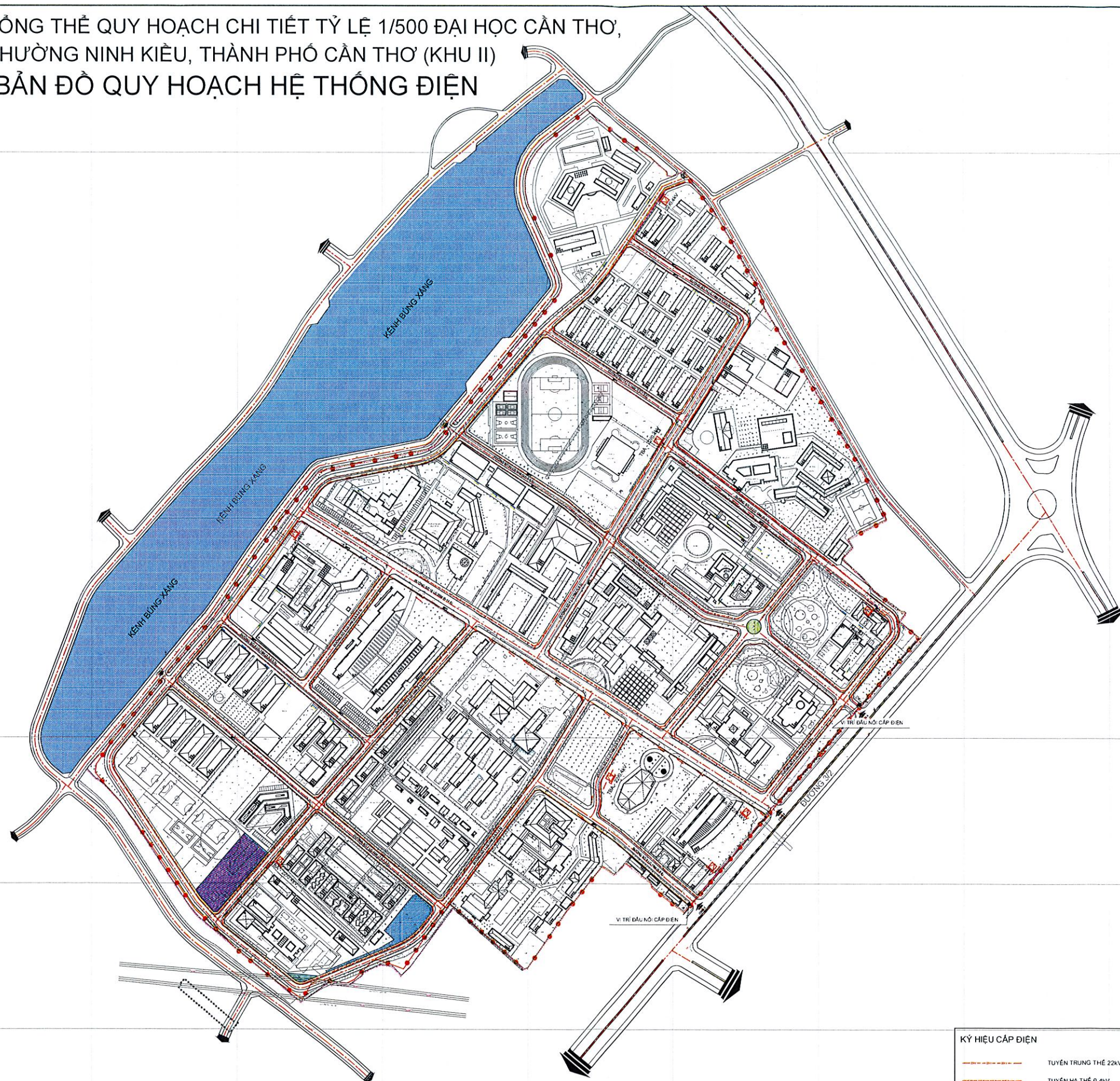
**VIÊN TRƯỞNG:**

NGUYỄN THANH TÀI

SỞ XÂY DỰNG THÀNH PHỐ CẦN THƠ  
VIỆN QUY HOẠCH XÂY DỰNG  
SỐ PHẠM ĐÌNH PHƯƠNG, P. NINH KIỀU, TP. CẦN THƠ  
ĐIỆN THOẠI: 0923 826433 - 0923 826444 - FAX: 0923 811383



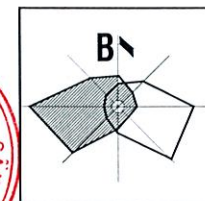
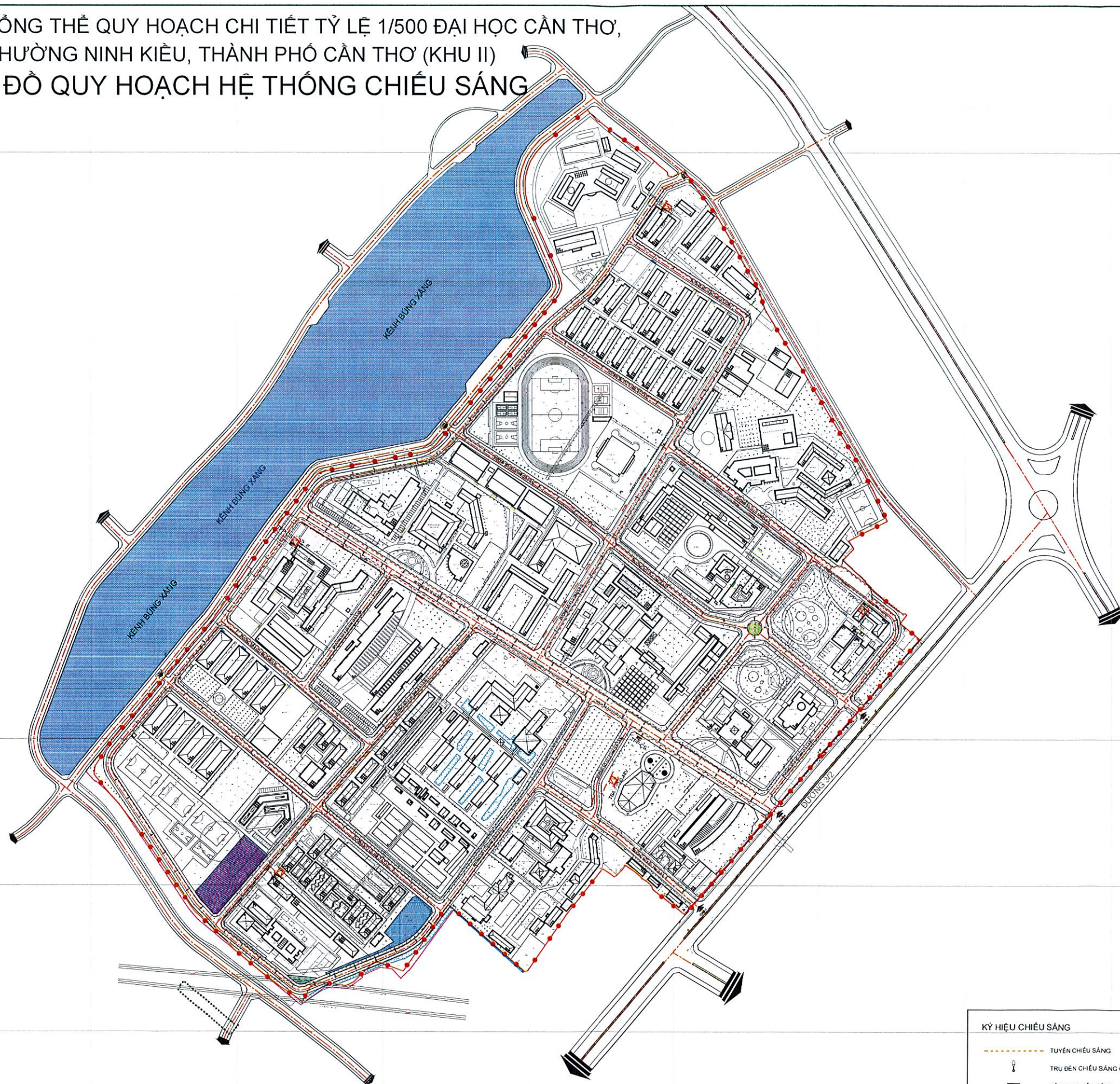
ĐIỀU CHỈNH TỔNG THỂ QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 ĐẠI HỌC CẦN THƠ,  
PHƯỜNG NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ (KHU II)  
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐIỆN



|                                                                                                                                                            |                            |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|
| CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:                                                                                                                                         |                            |
| KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ                                                                                                                                     | NGÀY THÁNG NĂM 2025        |
| CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:                                                                                                                                         |                            |
| KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ                                                                                                                                       | NGÀY THÁNG NĂM 2025        |
| CƠ QUAN TRÌNH DUYỆT:                                                                                                                                       |                            |
| KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ                                                                                                                                       | NGÀY THÁNG NĂM 2025        |
| CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH:                                                                                                                             |                            |
| KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ                                                                                                                                       | NGÀY THÁNG NĂM 2025        |
| CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:                                                                                                                                     |                            |
| ĐIỀU CHỈNH TỔNG THỂ QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 ĐẠI HỌC CẦN THƠ,<br>PHƯỜNG NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ (KHU II)<br>PHƯỜNG NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ |                            |
| TÊN BẢN VẼ:                                                                                                                                                |                            |
| BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐIỆN                                                                                                                             |                            |
| BẢN VẼ: QH-07                                                                                                                                              | GHIẾP: FIX TỶ A0           |
| THẾT KẾ:                                                                                                                                                   | KS. TRẦN HỮU VINH          |
| CHỖ TRỊ:                                                                                                                                                   | KS. DƯƠNG VĂN TÀI          |
| TRƯỞNG PHÒNG:                                                                                                                                              | THS. KTS. NGUYỄN ĐỨC THỊNH |
| QUẢN LÝ KỸ THUẬT:                                                                                                                                          | THS. KTS. NGUYỄN ĐỨC THỊNH |
| CHỦ NHIỆM:                                                                                                                                                 | KTS. HUỠNH THIÊN NHI       |
| VIỆN TRƯỞNG:                                                                                                                                               |                            |
| NGUYỄN THANH TÀI                                                                                                                                           |                            |
| SỞ XÂY DỰNG THÀNH PHỐ CẦN THƠ<br>VIỆN QUY HOẠCH XÂY DỰNG                                                                                                   |                            |
| 50 PHẠM ĐÌNH PHƯƠNG, P. NINH KIỀU, TP. CẦN THƠ<br>ĐIỆN THOẠI: 02923 829453 - 02923 826544 - FAX: 02923 811383                                              |                            |

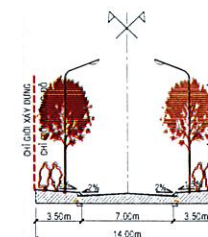


ĐIỀU CHỈNH TỔNG THỂ QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 ĐẠI HỌC CẦN THƠ,  
PHƯỜNG NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ (KHU II)  
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG CHIẾU SÁNG

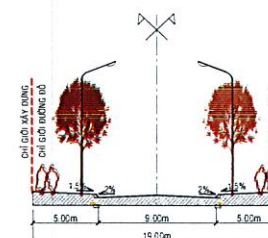


25M

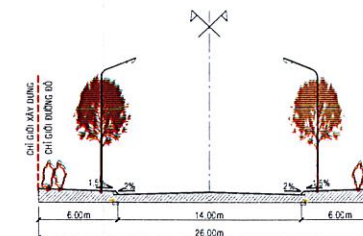
50M



MẶT CẮT 3-3 (3.0-14m)  
TL 1/250



MẶT CẮT 2-2 (3.0-15m)  
TL 1/250



MẶT CẮT 1-1 (3.0-26m)  
TL 1/250

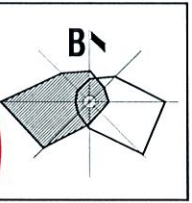
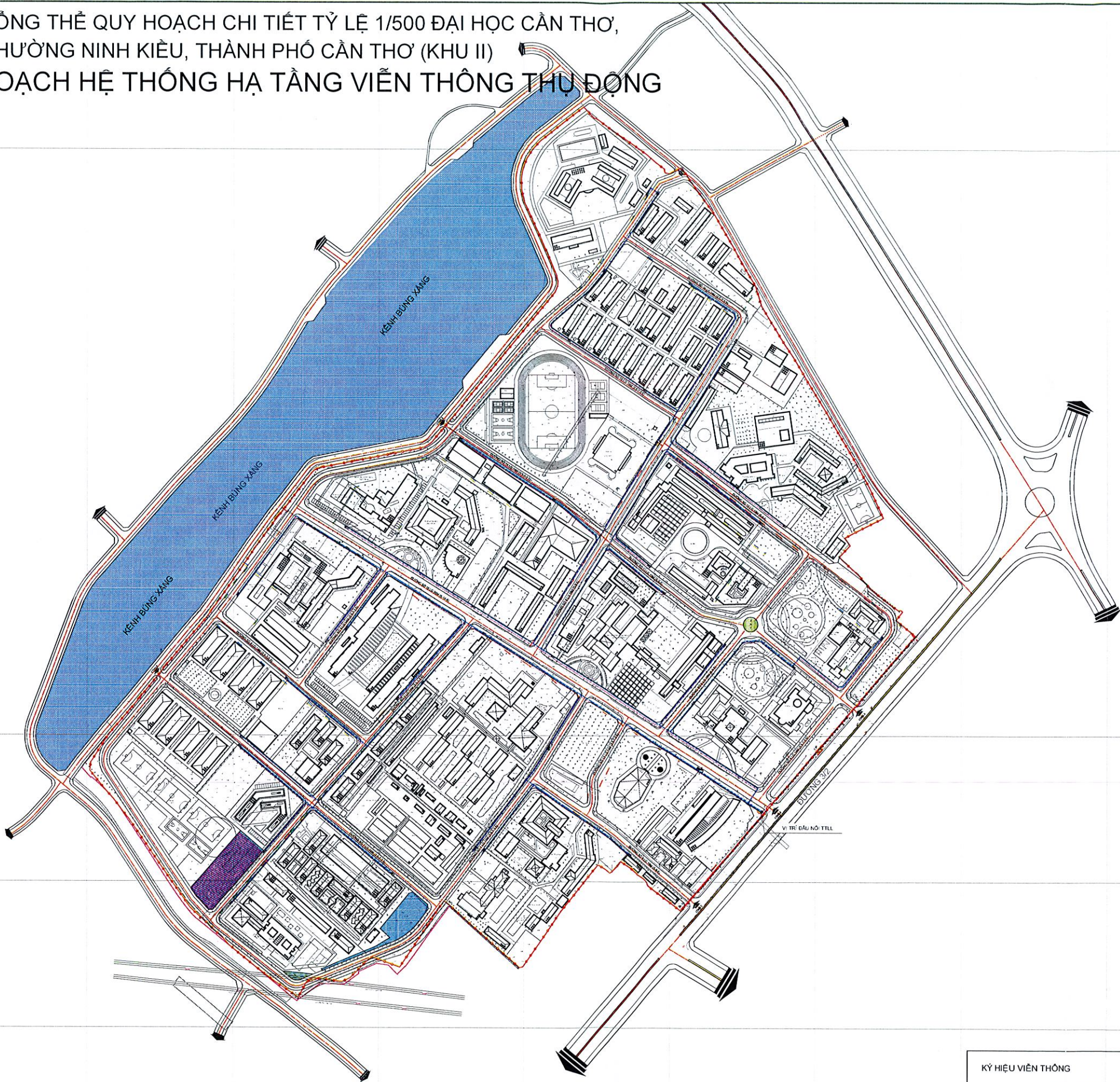
KÝ HIỆU CHIẾU SÁNG

- TUYẾN CHIẾU SÁNG
- TRỤ ĐÈN CHIẾU SÁNG CÁN ĐƠN
- TỦ ĐIỆN CHIẾU SÁNG
- TRẠM BIẾN ÁP 22/0.4KV

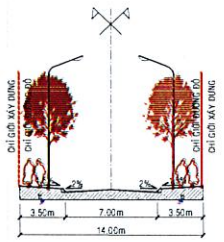
|                                                                                                                                                            |                            |              |                    |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|--------------|--------------------|
| CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:                                                                                                                                         |                            |              |                    |
| KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ                                                                                                                                     | NGÀY                       | THÁNG        | NĂM 2025           |
| CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:                                                                                                                                         |                            |              |                    |
| KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ                                                                                                                                       | NGÀY                       | THÁNG        | NĂM 2025           |
| CƠ QUAN TRÌNH DUYỆT:                                                                                                                                       |                            |              |                    |
| KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ                                                                                                                                       | NGÀY                       | THÁNG        | NĂM 2025           |
| CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH:                                                                                                                             |                            |              |                    |
| KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ                                                                                                                                       | NGÀY                       | THÁNG        | NĂM 2025           |
| CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:                                                                                                                                     |                            |              |                    |
| ĐIỀU CHỈNH TỔNG THỂ QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 ĐẠI HỌC CẦN THƠ,<br>PHƯỜNG NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ (KHU II)<br>PHƯỜNG NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ |                            |              |                    |
| TÊN BẢN VẼ:                                                                                                                                                |                            |              |                    |
| BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG CHIẾU SÁNG                                                                                                                       |                            |              |                    |
| BẢN VẼ: QH-08                                                                                                                                              | GHIẾP: FIX TỜ A3           | TỈ LỆ: 1/500 | NGÀY: .../.../2025 |
| THIẾT KẾ:                                                                                                                                                  | KS. TRẦN HỮU VINH          |              |                    |
| CHỖ TRỊ:                                                                                                                                                   | KS. DƯƠNG VĂN TÀI          |              |                    |
| TRƯỞNG PHÒNG:                                                                                                                                              | THS. KTS. NGUYỄN ĐỨC THỊNH |              |                    |
| QUẢN LÝ KỸ THUẬT:                                                                                                                                          | THS. KTS. NGUYỄN ĐỨC THỊNH |              |                    |
| CHỦ NHIỆM:                                                                                                                                                 | KTS. HUYNH THỊ UYÊN        |              |                    |
| VIỆN TRƯỞNG:                                                                                                                                               |                            |              |                    |
| NGUYỄN THANH TÀI                                                                                                                                           |                            |              |                    |
| SỞ XÂY DỰNG THÀNH PHỐ CẦN THƠ                                                                                                                              |                            |              |                    |
| VIỆN QUY HOẠCH XÂY DỰNG                                                                                                                                    |                            |              |                    |
| 50 PHẠM ĐÌNH PHÙNG, P. NINH KIỀU, TP. CẦN THƠ                                                                                                              |                            |              |                    |
| ĐIỆN THOẠI: 02923.829453 - 02923.826544 - FAX: 02923.811383                                                                                                |                            |              |                    |
| TÊN CÔNG TRÌNH ĐIỀU CHỈNH TỔNG THỂ QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 ĐẠI HỌC CẦN THƠ,<br>PHƯỜNG NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ (KHU II)                         |                            |              |                    |
| TÊN BẢN VẼ: BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG CHIẾU SÁNG KÝ HIỆU: QH-08                                                                                            |                            |              |                    |



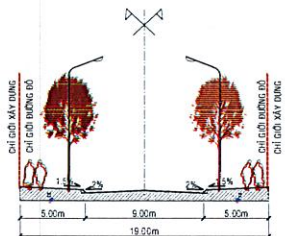
ĐIỀU CHỈNH TỔNG THỂ QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 ĐẠI HỌC CẦN THƠ,  
PHƯỜNG NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ (KHU II)  
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG HẠ TẦNG VIỄN THÔNG THỤ ĐỘNG



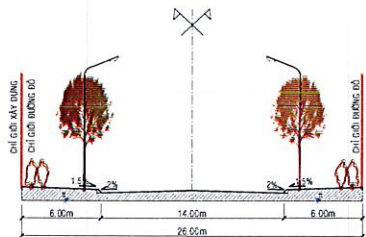
25M  
50M



MẶT CÁT 3:1 (G.14m)  
TL 1:250



MẶT CÁT 3:1 (G.14m)  
TL 1:250



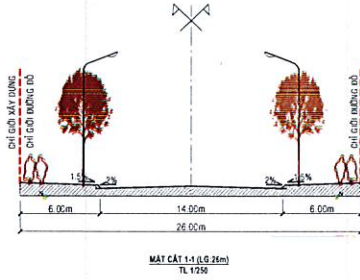
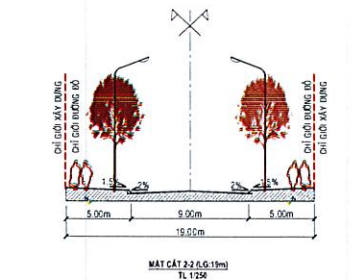
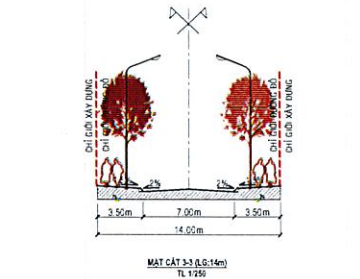
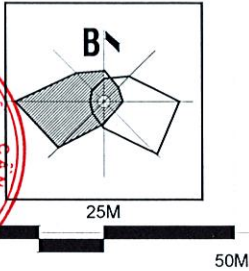
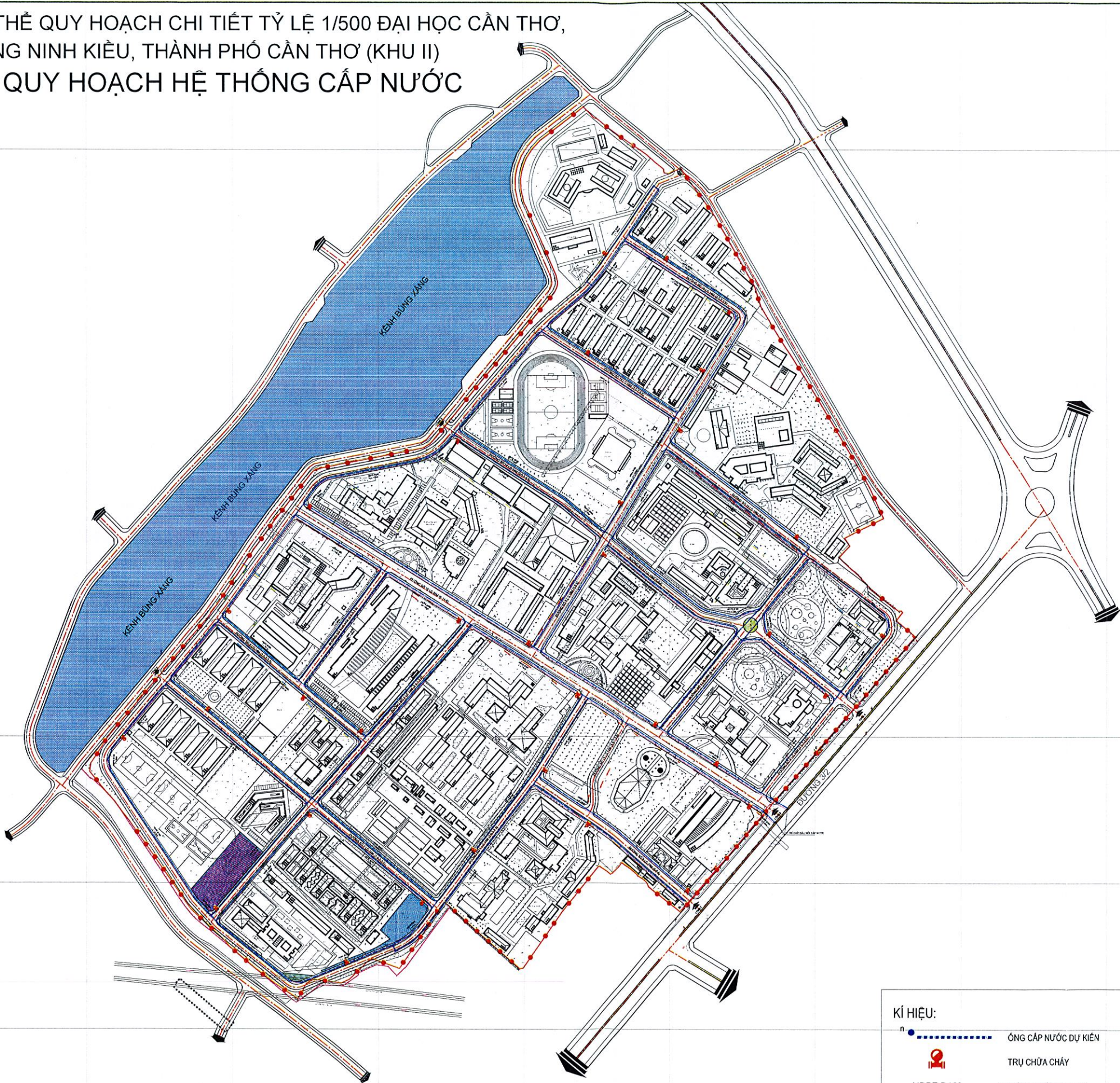
MẶT CÁT 3:1 (G.26m)  
TL 1:250

KÝ HIỆU VIỄN THÔNG  
--- TUYẾN THÔNG TIN LIÊN LẠC  
--- TỦ THÔNG TIN LIÊN LẠC DỰ KIẾN (MDF, ODF)

|                                                                                                                     |                            |                  |              |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------|--------------|
| CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:                                                                                                  |                            |                  |              |
| KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ                                                                                              | NGÀY                       | THÁNG            | NĂM 2025     |
| CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:                                                                                                  |                            |                  |              |
| KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ                                                                                                | NGÀY                       | THÁNG            | NĂM 2025     |
| CƠ QUAN TRÌNH DUYỆT:                                                                                                |                            |                  |              |
| KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ                                                                                                | NGÀY                       | THÁNG            | NĂM 2025     |
| CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH:                                                                                      |                            |                  |              |
| KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ                                                                                                | NGÀY                       | THÁNG            | NĂM 2025     |
| CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:                                                                                              |                            |                  |              |
| ĐIỀU CHỈNH TỔNG THỂ QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 ĐẠI HỌC CẦN THƠ,<br>PHƯỜNG NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ (KHU II) |                            |                  |              |
| TÊN BẢN VẼ:                                                                                                         |                            |                  |              |
| BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG HẠ TẦNG VIỄN THÔNG THỤ ĐỘNG                                                               |                            |                  |              |
| BẢN VẼ                                                                                                              | QH-09                      | GHÉP: FIX TỌA ĐỘ | TỈ LỆ: 1:500 |
| THIẾT KẾ                                                                                                            | KS. TRẦN HỮU VINH          |                  |              |
| CHỜ TRỊ                                                                                                             | KS. DƯƠNG VĂN TÀI          |                  |              |
| TRƯỞNG PHÒNG                                                                                                        | THS. KTS. NGUYỄN ĐỨC THỊNH |                  |              |
| QUẢN LÝ KỸ THUẬT                                                                                                    | THS. KTS. NGUYỄN ĐỨC THỊNH |                  |              |
| CHỖ NHẸM                                                                                                            | THS. KTS. NGUYỄN ĐỨC THỊNH |                  |              |
| VIỆN TRƯỞNG:                                                                                                        |                            |                  |              |
| NGUYỄN THANH TÀI                                                                                                    |                            |                  |              |
| SỞ XÂY DỰNG THÀNH PHỐ CẦN THƠ                                                                                       |                            |                  |              |
| VIỆN QUY HOẠCH XÂY DỰNG                                                                                             |                            |                  |              |
| SỐ PHÂN ĐOÀN PHƯỜNG, P. NINH KIỀU, TP. CẦN THƠ                                                                      |                            |                  |              |
| Đ. EN. THOẠI: 02923 826453 - 02923 826454 - FAX: 02923 811383                                                       |                            |                  |              |



ĐIỀU CHỈNH TỔNG THỂ QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 ĐẠI HỌC CẦN THƠ,  
PHƯỜNG NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ (KHU II)  
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG CẤP NƯỚC



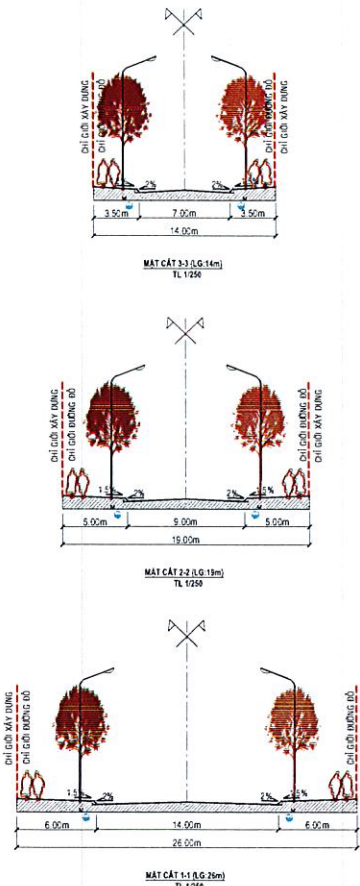
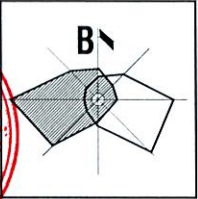
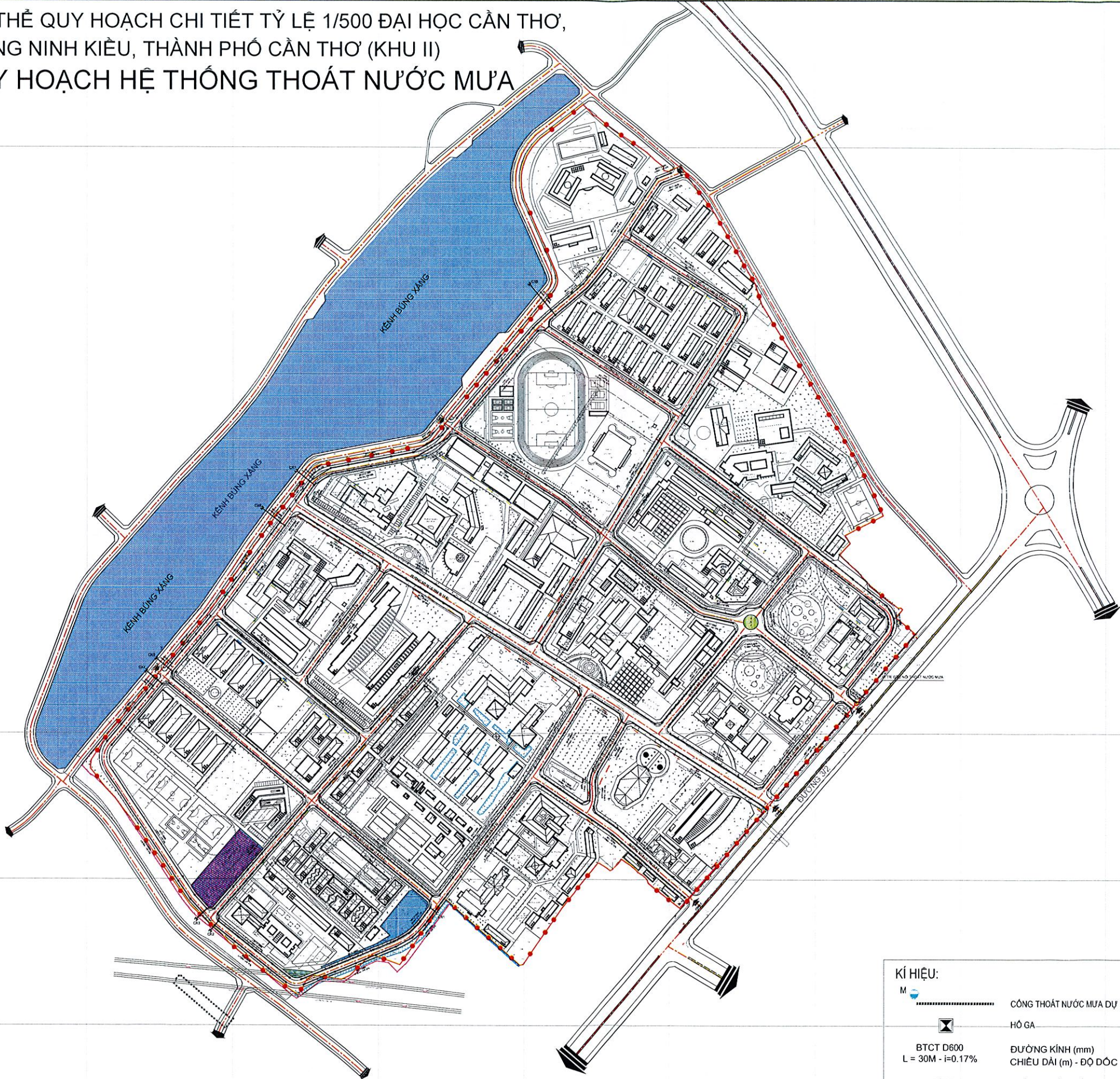
KÍ HIỆU:

- HDPE D160 L = 200M
- ỐNG CẤP NƯỚC DỰ KIẾN
- TRỤ CHỮA CHÁY
- ĐƯỜNG KÍNH (mm)
- CHIỀU DÀI (m)

|                                                                                                                                                            |                            |              |                    |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|--------------|--------------------|
| CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:                                                                                                                                         |                            |              |                    |
| KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ                                                                                                                                     | NGÀY                       | THÁNG        | NĂM 2025           |
| CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:                                                                                                                                         |                            |              |                    |
| KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ                                                                                                                                       | NGÀY                       | THÁNG        | NĂM 2025           |
| CƠ QUAN TRÌNH DUYỆT:                                                                                                                                       |                            |              |                    |
| KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ                                                                                                                                       | NGÀY                       | THÁNG        | NĂM 2025           |
| CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH:                                                                                                                             |                            |              |                    |
| KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ                                                                                                                                       | NGÀY                       | THÁNG        | NĂM 2025           |
| CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:                                                                                                                                     |                            |              |                    |
| ĐIỀU CHỈNH TỔNG THỂ QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 ĐẠI HỌC CẦN THƠ,<br>PHƯỜNG NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ (KHU II)<br>PHƯỜNG NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ |                            |              |                    |
| TÊN BẢN VẼ:                                                                                                                                                |                            |              |                    |
| BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG CẤP NƯỚC                                                                                                                         |                            |              |                    |
| BẢN VẼ: QH-10                                                                                                                                              | GHÉP: FK TỶ A0             | TỈ LỆ: 1/500 | NGÀY: .../.../2025 |
| THIẾT KẾ:                                                                                                                                                  | KS. TRƯƠNG VŨ QUỐC HUY     |              |                    |
| CHẾ TẠO:                                                                                                                                                   | KS. HUYNH PHÚC TOÀN        |              |                    |
| CHỦ TRÌ:                                                                                                                                                   | KS. HUYNH QUỐC KIẾT        |              |                    |
| TRƯỞNG PHÒNG:                                                                                                                                              | THS. KTS. NGUYỄN ĐỨC THỊNH |              |                    |
| QUẢN LÝ KỸ THUẬT:                                                                                                                                          | THS. KTS. NGUYỄN ĐỨC THỊNH |              |                    |
| CHỦ NHIỆM:                                                                                                                                                 | KTS. HUYNH THUYỀN NHÀ      |              |                    |
| VIỆN TRƯỞNG:                                                                                                                                               |                            |              |                    |
| NGUYỄN THANH TÀI                                                                                                                                           |                            |              |                    |
| SỞ XÂY DỰNG THÀNH PHỐ CẦN THƠ                                                                                                                              |                            |              |                    |
| VIỆN QUY HOẠCH XÂY DỰNG                                                                                                                                    |                            |              |                    |
| SỐ PHÂN ĐÌNH PHÚC, P. NINH KIỀU, TP. CẦN THƠ                                                                                                               |                            |              |                    |
| ĐIỆN THOẠI: 02923 829453 - 02923 826544 - FAX: 02923 811383                                                                                                |                            |              |                    |
| TÊN CÔNG TRÌNH ĐIỀU CHỈNH TỔNG THỂ QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 ĐẠI HỌC CẦN THƠ,<br>PHƯỜNG NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ (KHU II)                         |                            |              |                    |
| TÊN BẢN VẼ: BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG CẤP NƯỚC                                                                                                             |                            |              |                    |
| KÍ HIỆU: QH-10                                                                                                                                             |                            |              |                    |



ĐIỀU CHỈNH TỔNG THỂ QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 ĐẠI HỌC CẦN THƠ,  
PHƯỜNG NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ (KHU II)  
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA



**KÍ HIỆU:**

M **CÔNG THOÁT NƯỚC MƯA DỰ KIẾN**

**HỒ GA**

**ĐƯỜNG KÍNH (mm)  
CHIỀU DÀI (m) - ĐỘ DỐC**

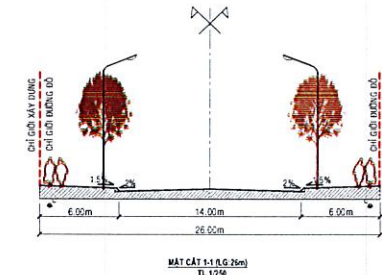
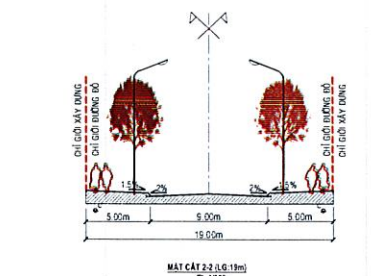
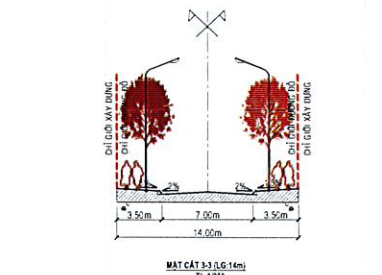
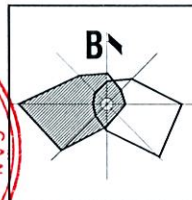
**HƯỚNG THOÁT NƯỚC**

**CỬA XÃ**

|                                                                                                                                     |                            |              |                |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|--------------|----------------|
| CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:                                                                                                                  |                            |              |                |
| KÊM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ                                                                                                              | NGÀY                       | THÁNG        | NĂM 2025       |
| CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:                                                                                                                  |                            |              |                |
| KÊM THEO CÔNG VĂN SỐ                                                                                                                | NGÀY                       | THÁNG        | NĂM 2025       |
| CƠ QUAN TRÌNH DUYỆT:                                                                                                                |                            |              |                |
| KÊM THEO TỜ TRÌNH SỐ                                                                                                                | NGÀY                       | THÁNG        | NĂM 2025       |
| CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH:                                                                                                      |                            |              |                |
| KÊM THEO TỜ TRÌNH SỐ                                                                                                                | NGÀY                       | THÁNG        | NĂM 2025       |
| CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:                                                                                                              |                            |              |                |
| ĐIỀU CHỈNH TỔNG THỂ QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 ĐẠI HỌC CẦN THƠ,<br>PHƯỜNG NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ (KHU II)                 |                            |              |                |
| PHƯỜNG NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ                                                                                                 |                            |              |                |
| TÊN BẢN VẼ:                                                                                                                         |                            |              |                |
| BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA                                                                                            |                            |              |                |
| BẢN VẼ: QH-11                                                                                                                       | GHÉP: FK TỜ A0             | TỈ LỆ: 1/500 | NGÀY: / / 2025 |
| THIẾT KẾ:                                                                                                                           | KS. TRƯƠNG VŨ QUỐC HUY     |              |                |
| THIẾT KẾ:                                                                                                                           | KS. HUYNH PHÚC TOÀN        |              |                |
| CHẤU TRỊ:                                                                                                                           | KT. LUYỄN QUỐC KIẾT        |              |                |
| TRƯỞNG PHÒNG:                                                                                                                       | THS. KTS. NGUYỄN ĐỨC THỊNH |              |                |
| QUẢN LÝ KỸ THUẬT:                                                                                                                   | THS. KTS. NGUYỄN ĐỨC THỊNH |              |                |
| CHỦ NHIỆM:                                                                                                                          | KTS. HUYNH THỊ UYÊN NHA    |              |                |
| VIỆN TRƯỞNG:                                                                                                                        |                            |              |                |
| NGUYỄN THANH TÀI                                                                                                                    |                            |              |                |
| SỞ XÂY DỰNG THÀNH PHỐ CẦN THƠ                                                                                                       |                            |              |                |
| VIỆN QUY HOẠCH XÂY DỰNG                                                                                                             |                            |              |                |
| SỐ PHÂN ĐỊNH PHÒNG: P. NINH KIỀU, TP. CẦN THƠ                                                                                       |                            |              |                |
| Đ. EN THOẠI: 02923.829453 - 02923.826544 - FAX: 02923.811383                                                                        |                            |              |                |
| TÊN CÔNG TRÌNH: ĐIỀU CHỈNH TỔNG THỂ QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 ĐẠI HỌC CẦN THƠ,<br>PHƯỜNG NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ (KHU II) |                            |              |                |
| TÊN BẢN VẼ: BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA                                                                                |                            |              |                |
| KÍ HIỆU: QH-11                                                                                                                      |                            |              |                |



ĐIỀU CHỈNH TỔNG THỂ QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 ĐẠI HỌC CẦN THƠ,  
PHƯỜNG NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ (KHU II)  
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI VÀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN



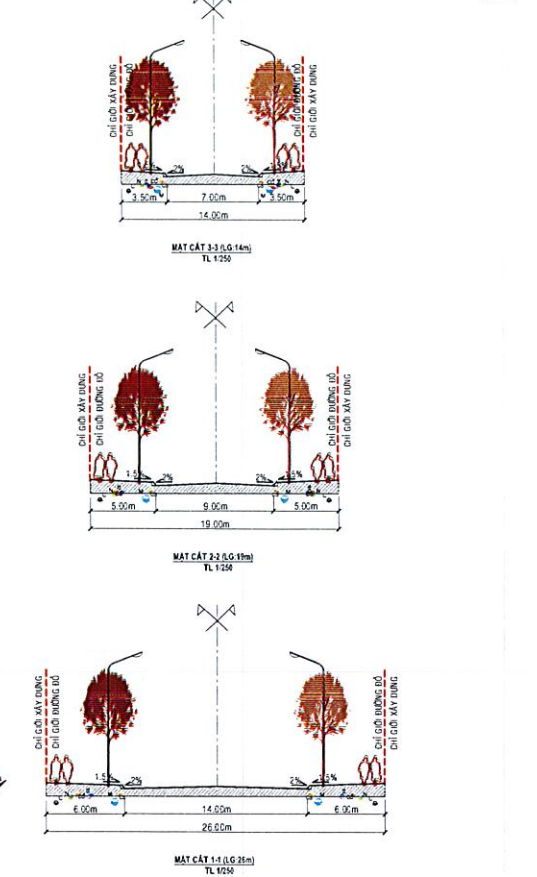
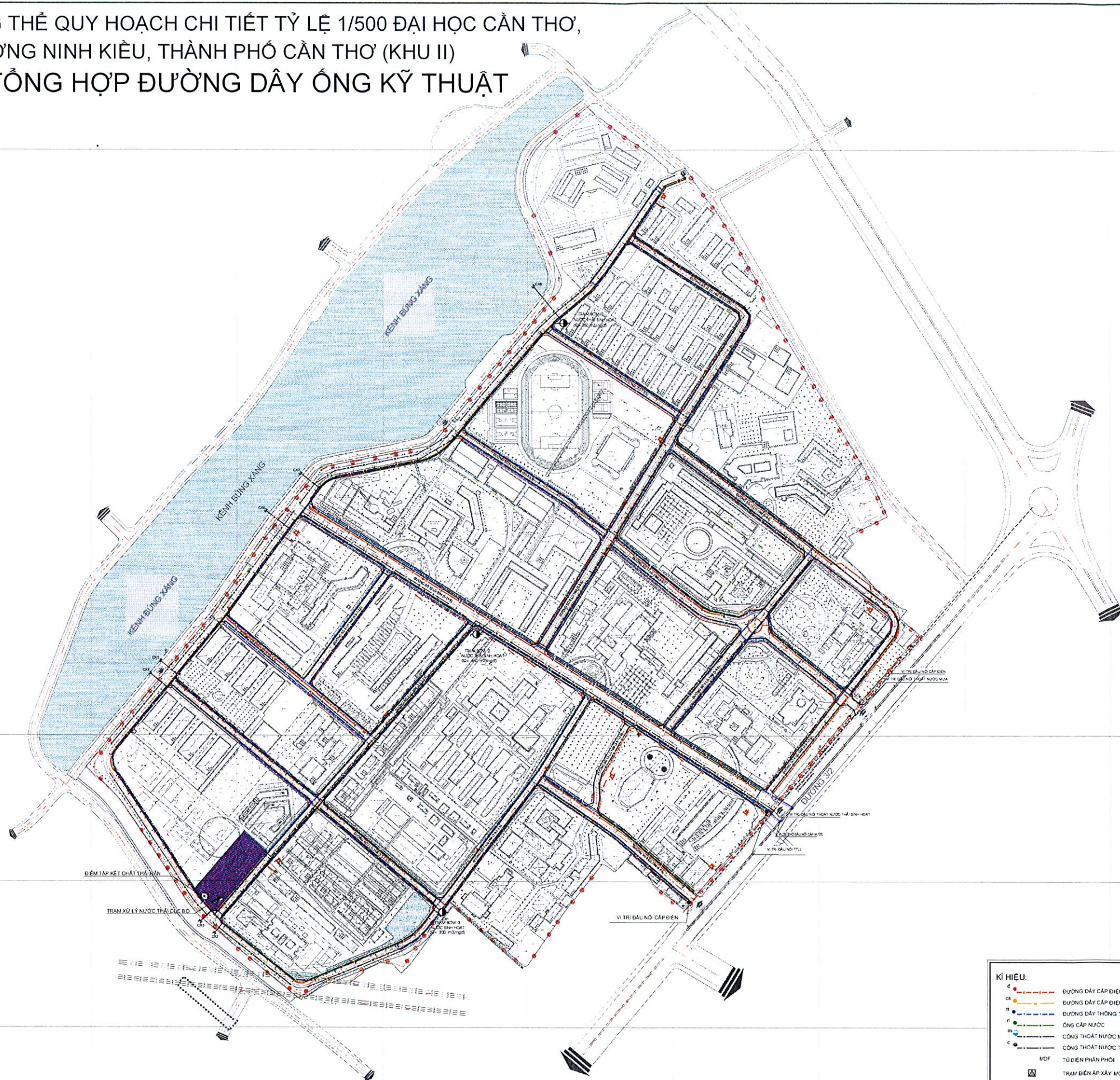
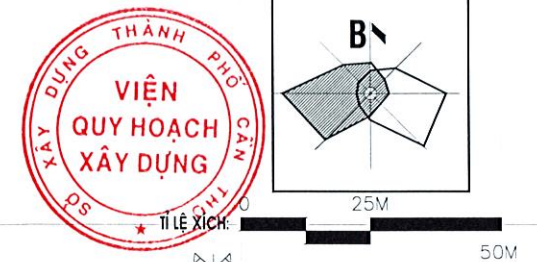
ĐIỂM TẬP KẾT CHẤT THẢI RẮN  
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CẤP BƠ

KÍ HIỆU:  
CÔNG THOÁT NƯỚC THẢI DỰ KIẾN  
HỒ GA  
ĐƯỜNG KÍNH (mm) - CHIỀU DÀI (m) - ĐỘ DỐC (%)  
HƯỚNG THOÁT NƯỚC  
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI  
ĐIỂM TẬP TRUNG CHẤT THẢI RẮN

|                                                                                                                     |                            |              |               |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|--------------|---------------|
| CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:                                                                                                  |                            |              |               |
| KÊM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ                                                                                              | NGÀY                       | THÁNG        | NĂM 2025      |
| CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:                                                                                                  |                            |              |               |
| KÊM THEO CÔNG VĂN SỐ                                                                                                | NGÀY                       | THÁNG        | NĂM 2025      |
| CƠ QUAN TRÌNH DUYỆT:                                                                                                |                            |              |               |
| KÊM THEO TỜ TRÌNH SỐ                                                                                                | NGÀY                       | THÁNG        | NĂM 2025      |
| CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH:                                                                                      |                            |              |               |
| KÊM THEO TỜ TRÌNH SỐ                                                                                                | NGÀY                       | THÁNG        | NĂM 2025      |
| CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:                                                                                              |                            |              |               |
| ĐIỀU CHỈNH TỔNG THỂ QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 ĐẠI HỌC CẦN THƠ,<br>PHƯỜNG NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ (KHU II) |                            |              |               |
| TÊN BẢN VẼ:                                                                                                         |                            |              |               |
| BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI VÀ<br>QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN                                               |                            |              |               |
| BẢN VẼ: QH-12                                                                                                       | GHEP: FIX 1 TỜ A0          | TỈ LỆ: 1/500 | NGÀY: 12/2025 |
| THIẾT KẾ:                                                                                                           | KS. TRƯƠNG VŨ QUỐC HUY     |              |               |
| THIẾT KẾ:                                                                                                           | KS. HUYNH PHÚC TOÀN        |              |               |
| CHỖ TRỊ:                                                                                                            | KS. HUYNH QUỐC KIẾT        |              |               |
| TRƯỞNG PHÒNG:                                                                                                       | THS. KTS. NGUYỄN ĐỨC THỊNH |              |               |
| QUẢN LÝ KỸ THUẬT:                                                                                                   | THS. KTS. NGUYỄN ĐỨC THỊNH |              |               |
| CHỦ NHIỆM:                                                                                                          | KTS. HUYNH THỊ UYÊN NHA    |              |               |
| VIỆN TRƯỞNG:                                                                                                        |                            |              |               |
| NGUYỄN THANH TÀI                                                                                                    |                            |              |               |
| SỞ XÂY DỰNG THÀNH PHỐ CẦN THƠ                                                                                       |                            |              |               |
| VIỆN QUY HOẠCH XÂY DỰNG                                                                                             |                            |              |               |
| SỐ PHÂN ĐÌNH PHƯỜNG, P. NINH KIỀU, TP. CẦN THƠ                                                                      |                            |              |               |
| ĐIỆN THOẠI: 02923.829453 - 02923.826544 - FAX: 02923.811383                                                         |                            |              |               |



ĐIỀU CHỈNH TỔNG THỂ QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 ĐẠI HỌC CẦN THƠ,  
PHƯỜNG NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ (KHU II)  
BẢN ĐỒ TỔNG HỢP ĐƯỜNG DÂY ỐNG KỸ THUẬT



|                                                                                                                                                               |                                                                                                                                |                               |                    |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|--------------------|
| CƠ QUAN PHÉ DUYỆT:                                                                                                                                            |                                                                                                                                |                               |                    |
| KÊM THEO QUÊN ĐỊNH SỔ                                                                                                                                         |                                                                                                                                | NGÀY      THÁNG      NĂM 2005 |                    |
| CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:                                                                                                                                            |                                                                                                                                |                               |                    |
| KÊM THEO CÔNG SỔ                                                                                                                                              |                                                                                                                                | NGÀY      THÁNG      NĂM 2005 |                    |
| CƠ QUAN TRÌNH DUYỆT:                                                                                                                                          |                                                                                                                                |                               |                    |
| KÊM THEO TỜ TRÌNH SỔ                                                                                                                                          |                                                                                                                                | NGÀY      THÁNG      NĂM 2005 |                    |
| CƠ QUAN TỐ CHỨC LẬP QUÝ HẠCH:                                                                                                                                 |                                                                                                                                |                               |                    |
| KÊM THEO TỜ TRÌNH SỔ                                                                                                                                          |                                                                                                                                | NGÀY      THÁNG      NĂM 2005 |                    |
| CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:                                                                                                                                        |                                                                                                                                |                               |                    |
| <b>ĐIỀU CHỈNH TỔNG THẺ QUY HẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1:500 DẠY HỌC CÁN THO, PHƯƠNG NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ (KHU II)</b><br>PHƯỜNG NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ |                                                                                                                                |                               |                    |
| TÊN BẢN VẼ:                                                                                                                                                   |                                                                                                                                |                               |                    |
| BẢN DỒ TỔNG HỢP DƯỜNG DẪY ÔNG KỸ THUẬT                                                                                                                        |                                                                                                                                |                               |                    |
| BẢN VẼ: QH-13                                                                                                                                                 | GIẾP: FIX TẠO A                                                                                                                | TỈ LỆ: 1:500                  | NGÀY: .../.../2005 |
| THIẾT KẾ:                                                                                                                                                     | KS. HUỖNH PHÚC TOÀN                                                                                                            |                               |                    |
| CHỖ TRỊ:                                                                                                                                                      | KS. HUỖNH QUỐC KIẾT                                                                                                            |                               |                    |
| TRƯỞNG PHÒNG:                                                                                                                                                 | THS. KTS. NGUYỄN ĐỨC THỊNH                                                                                                     |                               |                    |
| QUẢN LÝ KỸ THUẬT:                                                                                                                                             | THS. KTS. NGUYỄN ĐỨC THỊNH                                                                                                     |                               |                    |
| CHỖ NHẬN:                                                                                                                                                     | KTS. HUỖNH THUYỀN NHẢ                                                                                                          |                               |                    |
| VIÊN TRƯỞNG:                                                                                                                                                  |                                                                                                                                |                               |                    |
| NGUYỄN THANH TÀI                                                                                                                                              |                                                                                                                                |                               |                    |
| SỞ XÂY DỰNG THÀNH PHỐ CẦN THƠ                                                                                                                                 |                                                                                                                                |                               |                    |
| VIỆN QUY HẠCH XÂY DỰNG                                                                                                                                        |                                                                                                                                |                               |                    |
| 30 PHẠM ĐÌNH PHƯƠNG, P. NINH KIỀU, TP. CẦN THƠ                                                                                                                |                                                                                                                                |                               |                    |
| Đ. ĐIỆN THOẠI: 02923 826453 - 02923 826544 - FAX: 02923 811383                                                                                                |                                                                                                                                |                               |                    |
|                                                                          | ĐẾN CÔNG TRÌNH ĐIỀU CHỈNH TỔNG THẺ QUY HẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1:500 DẠY HỌC CÁN THO, PHƯỜNG NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ (KHU II) |                               |                    |
|                                                                                                                                                               | BẢN VẼ: BẢN DỒ TỔNG HỢP DƯỜNG DẪY ÔNG KỸ THUẬT                                                                                 |                               |                    |
|                                                                                                                                                               |                                                                                                                                |                               | KỶ CHU: QH-13      |

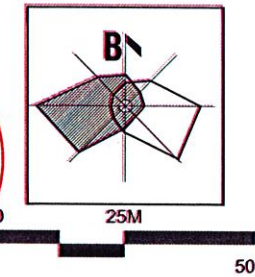
TÊN CÔNG TRÌNH: ĐIỀU CHỈNH TỔNG THỂ QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 ĐẠI HỌC CẦN THƠ,  
PHƯỜNG NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ (KHU B)

TÊN BẢN VẼ: BẢN ĐỒ TỔNG HỢP ĐƯỜNG DÂY ỒNG KỸ THUẬT KÍ HIỆU: QH-13

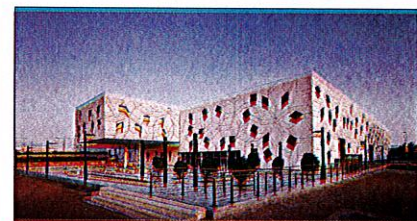
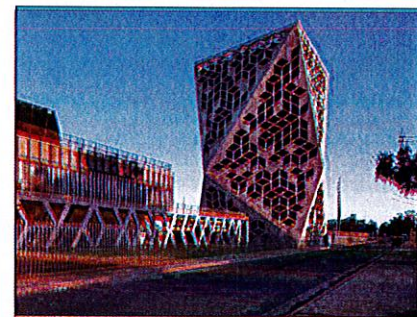
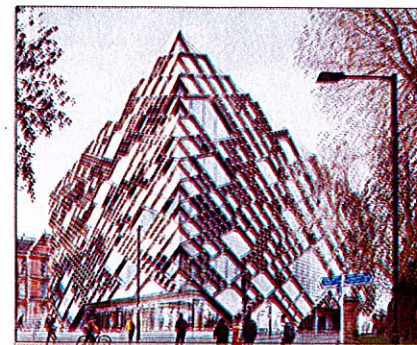


ĐIỀU CHỈNH TỔNG THỂ QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 ĐẠI HỌC CẦN THƠ,  
PHƯỜNG NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ (KHU II).

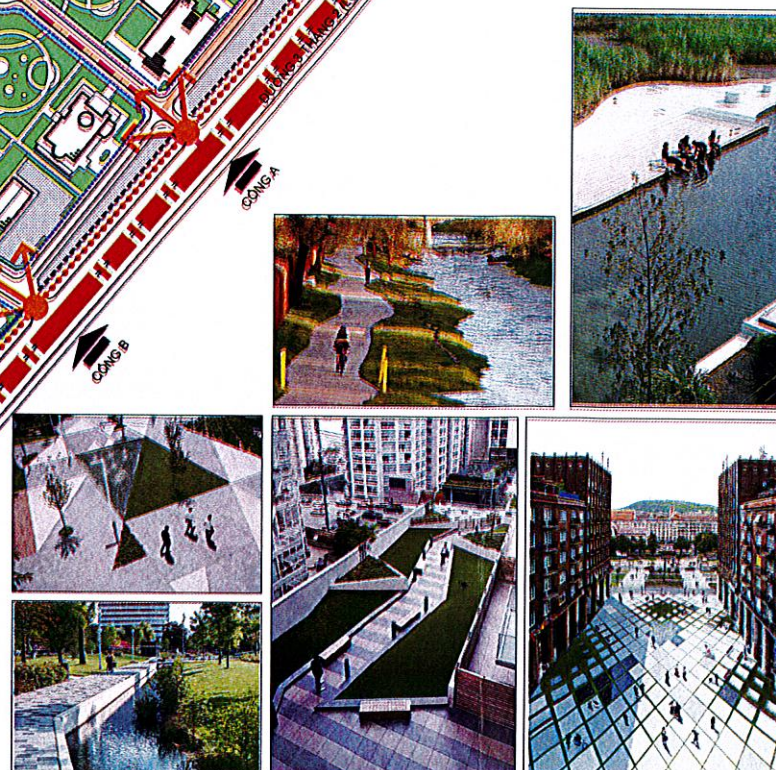
# THIẾT KẾ ĐÔ THỊ KHUNG THIẾT KẾ ĐÔ THỊ TỔNG THỂ - HƯỚNG NHÌN CÔNG TRÌNH - KHÔNG GIAN XANH VÀ HÌNH THỨC KIẾN TRÚC CHỦ ĐẠO - CÔNG TRÌNH ĐIỂM NHẤN



- GHI CHÚ:**
- TRỤC GIAO THÔNG ĐÔ THỊ ĐƯỜNG 3 THÁNG 2 VÀ ĐƯỜNG MẠU THẦN
  - GIAO THÔNG NỘI BỘ
  - ĐƯỜNG CỬU HÓA
  - KHOẢNG LỐI CÔNG TRÌNH
  - CHỈ GIỚI XÂY DỰNG
  - CÔNG TRÌNH ĐIỂM NHẤN
  - HƯỚNG NHÌN - ĐIỂM NHÌN CHÍNH
  - CÔNG RA VÀO ĐẠI HỌC CẦN THƠ
  - GÔNG A
  - KHÔNG GIAN CÂY XANH
  - KHÔNG GIAN MẶT NƯỚC



HÌNH THỨC KIẾN TRÚC CHỦ ĐẠO -  
THUẬT TOÁN PENROSE



KHÔNG GIAN GỢI Ý MẶT NƯỚC - CÂY XANH

|                                                             |                            |               |               |
|-------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------|---------------|
| CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:                                          |                            |               |               |
| KÝ THỨC QUẢN LÝ ĐÔ THỊ                                      | NGÀY                       | THÁNG         | NĂM 2023      |
| CƠ QUAN THẨM DUYỆT:                                         |                            |               |               |
| KÝ THỨC CÔNG CHỨC                                           | NGÀY                       | THÁNG         | NĂM 2023      |
| CƠ QUAN TRÌNH DUYỆT:                                        |                            |               |               |
| KÝ THỨC TRÌNH DUYỆT                                         | NGÀY                       | THÁNG         | NĂM 2023      |
| CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH:                              |                            |               |               |
| KÝ THỨC TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH                               | NGÀY                       | THÁNG         | NĂM 2023      |
| TÊN BẢN VẼ:                                                 |                            |               |               |
| THIẾT KẾ ĐÔ THỊ                                             |                            |               |               |
| BẢN VẼ: QH-14.1                                             | GHEP: 01 TỶ 1/500          | TỈ LỆ: 1/2000 | NGÀY: J. 2023 |
| THIẾT KẾ:                                                   | THS. KTS. HANG LAC NGUYEN  |               |               |
| CHỦ TRÌ:                                                    | THS. KTS. HANG LAC NGUYEN  |               |               |
| TRƯỞNG PHÒNG:                                               | THS. KTS. NGUYEN DUC THINH |               |               |
| QUẢN LÝ KỸ THUẬT:                                           | THS. KTS. NGUYEN DUC THINH |               |               |
| CHỦ NHÌM:                                                   | KTS. HUYNH THI UYEN NHA    |               |               |
| VIỆN TRƯỞNG:                                                |                            |               |               |
| NGUYEN THANH TAI                                            |                            |               |               |
| SỞ XÂY DỰNG THÀNH PHỐ CẦN THƠ                               |                            |               |               |
| VIỆN QUY HOẠCH XÂY DỰNG                                     |                            |               |               |
| 50 PHẠM ĐÌNH PHƯƠNG, P. NINH KIỀU, TP. CẦN THƠ              |                            |               |               |
| DIỆN THOẠI: 02923.629453 - 02923.629454 - FAX: 02923.611363 |                            |               |               |



ĐIỀU CHỈNH TỔNG THỂ QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 ĐẠI HỌC CẦN THƠ,  
PHƯỜNG NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ (KHU II).

THIẾT KẾ ĐÔ THỊ  
CÁC GÓC PHỐI CẢNH MINH HỌA - TẦNG CAO CÔNG TRÌNH



TRƯỜNG BÁC NINH VÀ TRUNG TÂM PHỤC VỤ SINH VIÊN  
TẦNG CAO TỐI ĐA: 18 TẦNG

TRƯỜNG THUY SÂN  
TẦNG CAO TỐI ĐA: 18 TẦNG

KHU PHỤC HỢP PHÒNG THE NGUYÊN THIÊN NHƯN  
TẦNG CAO TỐI ĐA: 15 TẦNG

KHU KỸ THUẬT VÀ KHU BẾ  
TẦNG CAO TỐI ĐA: 18 TẦNG

VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN BÔNG BÔNG CỎ LÔNG VÀ  
BÊN BỜ KINH MẠI  
TẦNG CAO TỐI ĐA: 18 TẦNG

KHOA LUẬT  
TẦNG CAO TỐI ĐA: 18 TẦNG

TRƯỜNG CÔNG NGHIỆP  
TẦNG CAO TỐI ĐA: 18 TẦNG

KHOA MỸ THUẬT VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHƯN  
TẦNG CAO TỐI ĐA: 18 TẦNG

TRUNG TÂM DỮ MỠ SÁNG TẠO VÀ NGHIÊN CỨU TẬP TRUNG  
TẦNG CAO TỐI ĐA: 18 TẦNG

TRƯỜNG ĐẠI PHẠM  
TẦNG CAO TỐI ĐA: 18 TẦNG

KHU CÔNG NGHIỆP  
TẦNG CAO TỐI ĐA: 18 TẦNG



TRƯỜNG TÂM ĐẠO TẠO QUỐC TẾ  
TẦNG CAO TỐI ĐA: 18 TẦNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ - KHU ĐIỀU HÀNH VÀ ĐÀO TẠO SÂU SÀU HỌC  
TẦNG CAO TỐI ĐA: 18 TẦNG

TRƯỜNG TÂM NGUYÊN NGUYỄN VÀ KHU MÔI TRƯỜNG CÔNG NGHIỆP CAO  
TẦNG CAO TỐI ĐA: 18 TẦNG

KHU TRƯỜNG TRUNG TÂM  
TẦNG CAO TỐI ĐA: 18 TẦNG



HƯỚNG NHÌN TỪ TRỰC ĐƯỜNG 3 THÁNG 2

|                                                                                                                     |                            |                                |                      |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|--------------------------------|----------------------|
| CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:                                                                                                  |                            |                                |                      |
| SẴN THIẾT DUYỆT ĐỀ NGHỊ SỐ: _____                                                                                   |                            | NGÀY: ____ THÁNG ____ NĂM 2025 |                      |
| CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:                                                                                                  |                            |                                |                      |
| SẴN THIẾT CÔNG VÀN SỐ: _____                                                                                        |                            | NGÀY: ____ THÁNG ____ NĂM 2025 |                      |
| CƠ QUAN TRÌNH DUYỆT:                                                                                                |                            |                                |                      |
| SẴN THIẾT TỜ TRÌNH SỐ: _____                                                                                        |                            | NGÀY: ____ THÁNG ____ NĂM 2025 |                      |
| CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH:                                                                                      |                            |                                |                      |
| SẴN THIẾT TỜ TRÌNH SỐ: _____                                                                                        |                            | NGÀY: ____ THÁNG ____ NĂM 2025 |                      |
| ĐỒNG TRÌNH - ĐÁM ĐIỂM:                                                                                              |                            |                                |                      |
| ĐIỀU CHỈNH TỔNG THỂ QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 ĐẠI HỌC CẦN THƠ,<br>PHƯỜNG NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ (KHU II) |                            |                                |                      |
| PHÓ GIÁM ĐỐC: _____                                                                                                 |                            |                                |                      |
| TÊN BẢN VẼ:                                                                                                         |                            |                                |                      |
| THIẾT KẾ ĐÔ THỊ                                                                                                     |                            |                                |                      |
| BẢN VẼ: GH-14.2                                                                                                     | GHEP: D1 TỶ A0             | TỈ LỆ: 1/2000                  | NGÀY: ____/____/2025 |
| THIẾT KẾ:                                                                                                           | THS. KTS. HANG LAC NGUYEN  |                                |                      |
| CHỦ THÌ:                                                                                                            | THS. KTS. HANG LAC NGUYEN  |                                |                      |
| TRƯỞNG PHÒNG:                                                                                                       | THS. KTS. NGUYEN DUC THINH |                                |                      |
| QUẢN LÝ KỸ THUẬT:                                                                                                   | THS. KTS. NGUYEN DUC THINH |                                |                      |
| CHỦ NHIỆM:                                                                                                          | KTS. HUYNH THI UYEN NHA    |                                |                      |
| VIỆN TRƯỞNG:                                                                                                        |                            |                                |                      |
| NGUYEN THANH TAI                                                                                                    |                            |                                |                      |
| SỞ XÂY DỰNG THÀNH PHỐ CẦN THƠ                                                                                       |                            |                                |                      |
| VIỆN QUY HOẠCH XÂY DỰNG                                                                                             |                            |                                |                      |
| SỐ PHÂN ĐO: PHƯỜNG, P. NINH KIỀU, TP. CẦN THƠ                                                                       |                            |                                |                      |
| DIỆN THOẠI: 0903.824533 - 0903.824544 - FAX: 0903.811363                                                            |                            |                                |                      |



ĐIỀU CHỈNH TỔNG THỂ QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 ĐẠI HỌC CẦN THƠ,  
PHƯỜNG NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ (KHU II).

## THIẾT KẾ ĐÔ THỊ

CÁC GÓC PHỐI CẢNH MINH HỌA - HƯỚNG NHÌN CÔNG TRÌNH



HƯỚNG NHÌN CÔNG B ĐẠI HỌC CẦN THƠ



|                                                                                                                     |                            |               |                    |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------|--------------------|
| ĐIỀU CHỈNH TỔNG THỂ QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 ĐẠI HỌC CẦN THƠ,<br>PHƯỜNG NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ (KHU II) |                            |               |                    |
| TÊN BẢN VẼ:<br>THIẾT KẾ ĐÔ THỊ                                                                                      |                            |               |                    |
| BẢN VẼ: QH-14.3                                                                                                     | GHIẾP: 01 TỶ A0            | TỈ LỆ: 1/2000 | NGÀY: .../.../2025 |
| THIẾT KẾ:                                                                                                           | THS. KTS. HANG LAC NGUYEN  |               |                    |
| CHỦ TRÌ:                                                                                                            | THS. KTS. HANG LAC NGUYEN  |               |                    |
| TRƯỞNG PHÒNG:                                                                                                       | THS. KTS. NGUYEN DUC THINH |               |                    |
| QUẢN LÝ KỸ THUẬT:                                                                                                   | THS. KTS. NGUYEN DUC THINH |               |                    |
| CHỦ NHIỆM:                                                                                                          | KTS. HUYNH THI UYEN NHA    |               |                    |
| VIỆN TRƯỞNG:                                                                                                        |                            |               |                    |
| NGUYEN THANH TAI                                                                                                    |                            |               |                    |
| SỞ XÂY DỰNG THÀNH PHỐ CẦN THƠ<br>VIỆN QUY HOẠCH XÂY DỰNG                                                            |                            |               |                    |
| SỐ PHÂN CÔNG PHÒNG: P. NINH KIỀU, TP. CẦN THƠ<br>ĐIỆN THOẠI: 02923.829433 - 02923.829444 - FAX: 02923.811363        |                            |               |                    |